

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

TÁN-DƯƠNG QUYỀN SÁCH (1)

Sự tiến-bộ của cả cái thế-giới hình-nhi-thượng ngày nay là tựa vào quyền sách, và cái cuộc đời êm-ái siêu-thoát ra ngoài cõi vật-chất mà ta gọi là cuộc đời văn-minh đó, nếu không có quyền sách thời cũng không thể thành được.

Chỉ thời-hồ một đôi khi ta mới nhận-chân mà biết cái sức mạnh của quyền sách nó mở rộng nhỡn-giới cho tâm-hồn ta và sắp-đặt cho cuộc đời riêng của ta ; mà những khi khám-phá như vậy thường cũng chỉ trong khoảnh-khắc mà thôi. Quyền sách đối với ta đã bao lâu nay thành một vật thường quá, khiến cho ta không còn biết cảm cái công của nó thiêng-liêng màu-nhiệm là dường nào. Tức cũng như trong khi hô-hấp, ta không biết rằng mỗi cái thở là có hút dưỡng-khí vào trong thân-thể, hòa với máu một cách màu-nhiệm mà làm cho máu được tươi-tốt thêm lên, nay ta đọc sách ta cũng không nhận biết rằng con mắt ta đọc đó là nuốt lấy một thứ đồ ăn tinh-thần để bổ-dưỡng cho tâm-hồn ta.

Nguồn gốc của sự trí-dục là xa thăm tự mấy mươi đời, thành ra việc đọc sách ta đã hầu coi như một cái chức-vụ liền với bản-thân ta, một sự tác-dụng phản-động (*réflexe*) tự-nhiên vậy. Kể từ lớp sơ-học đồng-ấu, quyền sách vẫn ở liền trên tay, nên đã lâu nay vẫn coi như một cái yếu-phẩm cố-hữu của người ta, một cái đồ-vật mà

tự lẽ thiên-nhiên an-bài ra đẩy cho ta dùng vậy. Thường-thường ta cầm lấy quyền sách cũng điềm-nhiên như cầm cái áo mặc, đôi bao tay, điều thuốc lá hay đồ-vật gì thường dùng vậy. Phàm vật dùng mà được có sẵn dễ-dàng thời không biết qui-trọng nữa, chỉ những lúc nào suy-nghĩ xã-xôi mới biết cái giá-trị đặc-biệt của nó. Những lúc ta trầm-tư mặc-tưởng, tự ngẫm-nghĩ một mình mới cảm biết cái sức mạnh thần-thông, cái thế-lực thâm-trầm của quyền sách nó thấm-thía cả cuộc đời ta, đến nỗi ta sinh-trưởng ở giữa thế-kỷ thứ 20 này mà ví không có quyền sách nó cảm-hóa một cách màu-nhiệm thì hình như cái cuộc nội-tâm-sinh-hoạt của ta không còn nữa vậy.

Những lúc trầm-tư mặc-tưởng ấy thật là ít lắm, nhưng chính vì ít có cho nên thường in sâu vào trong trí nhớ ta. Có khi đến bao nhiêu năm không quên. Bởi thế nên hiện nay tôi còn nhớ đích rõ cái ngày, cái giờ, cái nơi mà tôi khoát-nhiên giác-ngộ, khám-phá được cái giây liên-lạc thâm-trần hoạt-bát nó nổi cái thế-giới nội-tâm của ta với cái thế-giới hữu-hình mà vô-hình của quyền sách.

Tôi xin phép thuật lại cái khoảnh-khắc tinh-thần giác-ngộ đó, vì tuy là một sự nghiệm riêng của mình, nhưng cũng có ý-nghĩa siêu-việt ra ngoài bản-thân một người vậy.

(1) Dịch một bài luận-thuyết của văn-sĩ STEFAN ZWEIG.

Bấy giờ tôi ước 26 tuổi. Tôi đã xuất bản mấy quyển sách, cho nên cũng đã tự-nghiệm mà biết một cái tư-tưởng phẳng-phất mơ-màng phải biến-hóa một cách màu-nhiệm thế nào, qua bao nhiêu trình-độ chắt-lọc chung-đúc rồi cứu-cánh mới thành một khối giấy đóng bìa tử-tế, mệnh-danh là quyển sách, tức là một vật có thể mua được, có đề giá hẩn-hoi, một vật coi như không có tâm-y gì cả, bày ra ngoài hàng, sau cái cửa kính, như các thứ hàng-hóa khác vậy. Tuy-nhiên vật đó quả có linh-hồn, có sinh-hoạt, đem ra bán rao mà vẫn có tinh-cách độc-lập, bán vào tay ai, là của người ấy. Người ấy muốn tò-mò mà giở qua hay sốt-sắng mà đọc kỹ cũng được; nhưng có biết hưởng-thụ, biết khoái-trá thì mới thật là làm chủ-nhân quyển sách một cách quả-quyết hoàn-toàn vậy.

Vậy thời hồi bấy giờ tôi đã có quan-niệm về cái công-dụng lạ-lùng kia. có thể gọi là cái công-dụng « hóa-thể » (*transsubstantiation*) như trong đạo Gia-tô, nó khiến cho các phần-tử trong bản-thể, trong vận-mệnh, trong tình-cảm, trong thần-trí của ta như truyền-biến sang huyết-mạch, vận-mệnh, tình cảm cùng thần-trí của kẻ khác. Tuy-nhiên bấy giờ tôi cũng chưa nghiệm được hết cái sức mạnh lớn-lao mầu nhiệm của một tờ giấy in nó cảm-hóa đến tâm-hồn người ta thế nào, tôi chỉ mới phẳng-phất tư-tưởng đến mà thôi, chưa từng suy-nghĩ sâu-xa vậy. Kịp đến cái ngày cái giờ tôi sẽ thuật sau đây, thời tôi mới hốt-nhiên giác-ngộ vậy.

* * *

Khi ấy tôi dương-lữ-hành trong Địa-trung-hải, trên một chiếc thuyền khách của Ý-đại-lợi, đi từ *Gênes* đến *Naples*, từ *Naples* đến *Tunis*, rồi từ đó ra *Atger*. Trong tàu hầu như không có khách nào cả. Tôi bèn gọi nói chuyện với

một tên thiếu-niên Ý-đại-lợi làm phụ cho tên bồi-phòng. Công-việc của hắn là phải quét dọn những nơi đường đi lối lại ở giữa các phòng, phải đánh chùi trên boong cho bóng loáng, cùng làm những việc lật-vật như vậy, tức là những việc mà trong cái trật-tự các công-việc của loài người gọi tên cho là những việc sai-phái ti-tiện. Tên thiếu-niên đó người thật khô-ngô, sức vóc vạm-vỡ, sắc mặt ngăm-ngăm, con mắt đen nháy, hàm răng trắng toát, mỗi khi há miệng cười lại càng trông rõ, đúng mà nhìn một trang thiếu-niên như vậy, thật cũng sướng mắt. Mà hắn ưa cười luôn, lại cũng hay nói luôn, giọng nói như tiếng hát mà nói mau, thường vừa nói lại vừa cử-động, có vẻ linh-hoạt lắm. Hắn có cái bộ thần-tinh, bắt-chước được cả cách-điệu của mọi người mà xoay ra lối khôi-hài để bỡn-cợt cả: khi thời bắt chước cái lối nói của ông chủ tàu miệng đã rụng mất nhiều răng; khi thời bắt-chước cái bộ đi của ông lão Anh-cát-lợi nọ thường đi dạo trên boong, thân hình cứng-cỏi, mà cái vai bên tả cứ xô đi trước; lại khi thời bắt-chước cái dáng anh đầu-bếp sau khi khách ăn cơm tối xong hay ra điều trước mặt khách, hình như ngấm cái bụng của họ mình mới cho ăn được no-nê, lấy làm khoái lắm. Nói chuyện đông-dài với tên thiếu-niên quê mùa cũng thú, cái đầu tóc nó bóng loáng, cánh tay nó đầy những nét vẽ văn-thân. Chính nó nói rằng quê nó ở quần-đảo *Lipari*, trong bao nhiêu năm nó chỉ chần cừu ở đó, coi nó thật-thà hiền-lành như một con thú nhỏ ở cõi sơn-lâm vậy. Nó hiểu ngay rằng tôi có lòng yêu mến nó và ưa nói chuyện với nó hơn là với mọi người khác ở trên tàu. Nó có chuyện gì nó nói cả với tôi, nó thật-thà không giấu-diếm gì. Cách hai ngày đi bẽ thời hai người thành như một đôi bạn thân vậy.

Chợt một đêm thấy hốt-nhiên như có một bức tường phân-biệt hai người với nhau. Bấy giờ tàu vừa đỗ ở Naples, ghé vào lấy than, lấy khách, lấy rau, lấy thợ, là những món đồ ăn thường của tàu, lấy xong rồi lại đi. Núi *Pausilipe* cao vọi-vọi coi đã thấp bé như cái đồi con, còn những mây quấn-quit ở chung quanh núi lửa *Vésuve*, thò trông xa như những sợi khói ở một điệu thuốc lá bay lên. Bỗng chốc thấy GIOVANNI (đó là tên của tên thiếu-niên Ý-đại-lợi) sực đến cạnh mình tôi, miệng tươi-cười hớn-hở. Tay cầm một cái thơ đã nát, đưa cho tôi một cách đặc-chí lắm, mà nhờ tôi đọc hộ cho.

Trước tôi còn chưa hiểu. Tôi tưởng là thơ bằng chữ ngoại-quốc, chữ Pháp hay chữ Đức, chắc là thơ của ả nào gửi cho hắn; vì hắn đẹp trai như vậy, tôi đoán tất là có nhiều gái ưa. Có lẽ hắn muốn nhờ tôi dịch cái thơ ấy ra tiếng Ý-đại-lợi chăng. Nhưng mà không, chính cái thơ, viết bằng chữ Ý-đại-lợi. Vậy thời hắn muốn nhờ chi tôi? Có phải muốn cho tôi đọc để nghe cho khoái tri chăng? Không. Hắn nói ra ý nóng-nảy, muốn cho tôi đọc mau lên để cho hắn nghe kia. Bấy giờ tôi mới thốt-nhiên mà hiểu rõ: tên thiếu-niên coi mặt khôi-ngô tuấn-tú đó, té ra không biết chữ, chính là thuộc vào hạng 6 phần hay 7 phần trăm người Ý, theo như số thống-kế đã kê ra, là hạng người không biết đọc vậy. Tên thiếu-niên này chính là một kẻ bất-thức-tự (*analphabète*). Bấy giờ tôi nghĩ đi nghĩ lại, từ xưa đến giờ chưa từng nói chuyện với một người nào là vào hạng bất-thức-tự như vậy. Giống này ở Âu-châu mỗi ngày một hết dần đi. GIOVANNI thật là người Âu-châu thứ nhất tôi được gặp mà không biết chữ vậy. Bấy giờ tôi nhìn hắn, con mắt tôi chắc là lấy làm lạ-lùng lắm, không

phải như nhìn một người bè-bạn nào, thật như nhìn một cái vật kỳ vậy.

Cố-nhiên là tôi cầm lấy cái thơ đọc cho hắn nghe. Thơ là thơ của một ả Đào ả Lý nào nói những chuyện thường của con gái nói cho con trai nghe, dù nước nào tiếng nào cũng vậy. Trong khi tôi đọc thời hắn nhìn miệng tôi, lấp-bấp như theo từng tiếng một, tôi thấy như hắn gắng sức để nhớ lấy từng chữ. Hắn để ý chăm-chỉ cho khỏi quên một tý gì, lấy làm khó-nhọc lắm, cái da ở trên lông mày như trùng cả lại.

Tôi đọc rồi, tôi lại đọc lại một lượt nữa, thông-thả, rõ-ràng, hắn nghe như nuốt lấy từng chữ, càng nghe càng hớn-hở, con mắt long-lánh, cái môi lập-bập, như một cánh hồng nhưng đương mùa hạ vậy. Giữa lúc ấy thời có một viên quan phần-việc vừa đi đến, GIOVANNI liền chạy biến mất.

Chỉ có thể thôi. Nhưng sau khi hắn đi rồi, tôi mới thấy trong lòng cảm-kích. Tôi nằm vào một cái ghế dài mà ngắm cái cảnh đêm đương dịu-dàng êm-ái. Cái sự lạ-lùng tôi vừa mới phát-minh ra đó, nó làm cho tôi bút-rứt trong lòng. Té ra lần này là lần đầu tôi mới được biết một người Âu-châu không biết chữ, một người mà tôi biết là có trí thông-minh, tôi vẫn dãi như bè-bạn. Nay tôi lấy làm băn-khoăn bức-tức muốn biết một cái nào bẽ-tắt không biết chữ như vậy thời hình-dung làm sao được cái thế-giới bên ngoài. Tôi cố tưởng-tượng một cái nào không biết chữ thời nó thế nào, tôi cố dịch-dịch thử làm tên thiếu-niên đó xem ra thế nào. Một con người như vậy thời cầm tờ nhật-trình mà không hiểu trong có những gì. Cầm một quyển sách là một vật nhẹ hơn gỗ, nhẹ hơn sắt, chỉ biết là một đồng giấy chữ ngòng-ngoè mà vô-dụng, cầm lên rồi lại đặt xuống, vì không

dùng được việc gì. Người đó đứng trước một hàng sách, thấy những đồ-vật xinh-xinh đẹp-đẹp, hình nó thì chữ nhật, sắc nó thì cái vàng, cái xanh, cái đỏ, cái trắng, gáy lại thếp vàng, coi cũng hay hay, nhưng khác nào như trái quả sơn, hay như bình nước hoa bịt kín, ngửi ở ngoài cái pha-lê thời sao cho biết được thơm-tho thể nào. Đứng trước kẻ đó mà đọc những tên thần-văn, thánh-thơ, như DANTE, như GÖTHE, như SHELLEY, hẳn cũng chẳng hiểu là chi-chi, dường như là những văn chết, những tiếng suông vậy. Đáng thương thay là con người đó, nó không biết cái thú đọc lên một câu văn thời trong lòng khoan-khoái biết dường nào, như vàng trắng bạc ở trong đám mây mờ nổi lên, lại cũng không biết cái cảm-động thâm-trầm khi nghe câu chuyện bi-hoan một cuộc đời thời trong lòng nó xôn-xao biết bao nhiêu. Kẻ bất-thức-tự thật là giam mình vào trong mình, vì không biết sách-vở là cái gì; nó sống một cái đời buồn-bã vô-vị như cái đời kẻ ăn lông ở lỗ ngày xưa, cách-biệt với cả thế-giới, không biết làm sao mà sống nổi, không đến nỗi bị ngạt bị tắc, hay là cần-cọc héo-hắt đi vậy. Chỉ có con mắt cái tai ngẫu-nhiên mà cảm được sự vật bên ngoài, vậy mà cứ nhẫn-nhục chịu được hay sao? Không được hô-hấp cái không-khi thanh-cao của cái thế-giới vô-hình, là thế-giới của sách-vở kia, mà sống được hay sao?

Tôi cố gắng hết sức để tưởng-tượng cái tình-cảnh một kẻ không biết chữ, hình như bị trục-xuất ra ngoài cái thế-giới tinh-thần, tôi cố tưởng-tượng xem cái cách ăn-ở của họ thế nào, như nhà bác-học dò-xét những di-tích các hình-tượng khắc vào đá mà tưởng-tượng cái cách ăn-ở của một người rợ PATAGON hay một người về đời dùng đá thế nào. Nhưng thực tôi không thể hiểu được cái óc cái não một người Âu-

châu mà nhất-sinh không đọc một quyển sách bao giờ, tức cũng như không hiểu được một người điếc làm sao mà lý-hội được âm-nhạc vậy.

**

Nhưng ý-thức tôi đã không thể lý-hội được một kẻ vô-thức-tự nó thế nào, tôi bèn thử tưởng-tượng xem chính đời tôi giá không có sách-vở thời nó ra thế nào. Tôi muốn trong khoanh-khắc, thử đem hết cả những điều đã học được trong sách-vở từ đời xưa truyền lại mà gác bỏ ra ngoài, thời cái đời tôi nó ra thế nào. Nhưng mà tôi không thể được, vì lẽ tôi gác bỏ ra ngoài những điều quan-niệm, kinh nghiệm, cảm-giác sở-đắc ở sách-vở cùng học-vấn bấy lâu nay, khiến cho ngoài sự kinh-lịch riêng của tôi lại biết rộng đến thế-giới bên ngoài và khiến cho ngay sự nhận-chân về bản-thân tôi cũng nhờ đó mà được rõ-rệt thêm lên, hề tôi muốn trừ bỏ những cái đó ra ngoài thì hình như cái «bản-ngã» của tôi cũng tiêu-tán ngay đi vậy.

Dù tôi tư-tưởng về sự gì vật gì mặc lòng, cũng thấy lắm cái mối kỷ-niệm cảm-giác nó liên-lạc vào đó mà chính là sở-đắc ở sách-vở mà ra, và mỗi chữ nghe đọc lên thời hình như nó liên-hiệp với bao nhiêu những chữ đã đọc đã học từ trước đến giờ. Thí dụ như nói đến đi *Alger* hay đi *Tunis* thời trăm nghìn những câu sách cũ tự-nhiên mà sự nhớ lại, kết-tinh vào cái tên *Alger*, tên *Tunis* đó: nào là thành *Carthage*, nào là đạo thần BAAL, nào là chuyện nàng SALAMMBô, nào là các cổ-tích trong sử *Tite-Live* thuật về chuyện chiến-tranh, người *Carthaginois* với người *Romains*, tướng SCIPION cùng tướng HANNIBAL giao-chiến ở *Zama*; lại nhớ cùng một cái kịch đó trong bản tuồng của GRINNPARTZER, nhớ đến bức họa rực-rỡ của DELACROIX, nhớ đến thiên tả-cảnh của FLAUBERT, tích CER-

VANTÈS bị thương tại trận vây thành *Alger*, cùng biết bao chuyện khác nữa mà trong khi đọc đến hai tên *Alger* và *Tunis* tự-nhiên nó biểu-hiện ra trong tri-não, thật là gồm hai nghìn năm lịch sử chiến-tranh, gồm vô-số những hình ảnh nó trình-bày ra trong trí nhớ, hình như bao nhiêu những điều đã học được đọc được từ thửa nhỏ đến giờ ở đâu dồn lại mà hợp-tập cả ở quanh một cái tên cái chữ đó vậy.

Bấy giờ tôi mới hiểu rằng cái tư-cách đặc-biệt, cái năng-lực tuyệt-luân biết tư-tưởng một cách to-tát, biết quan-niệm về nhiều các sự-vật, biết ngấm cái thế-giới ra nhiều tầng nhiều lớp, là cái đặc-quyền của những kẻ ngoài sự kinh-lịch riêng của mình, lại biết dung-hòa cả sự kinh-lịch ghi-truyền trong sử-sách, là sự kinh-lịch của các người hay đã từng sinh-trưởng về khắp các thời-đại và ở nhiều các xứ-sở khác vậy.

Tôi tưởng-tượng đến cái người không biết đọc sách thời cái quan-niệm của họ về thế-giới nó hẹp-hòi là dường nào, nghĩ đến mà rùng mình thay.

Chính như tôi sở-dĩ biết suy-nghĩ đến những điều đó, biết vui-vẻ phấn-phát mà cảm-giác được những điều đó, biết nghĩ đến cái số-phận thăng-lai của kẻ khác mà rùng mình cảm-động, tôi sở-dĩ được như thế mà tên GIOVANNI khốn-nạn kia không được như thế, há chẳng phải là nhờ ở cái sự-nghiệp văn-học của tôi dư? Vì rằng khi ta đọc sách, thời ta làm gì, há chẳng phải là khám-phá được tâm-tình của kẻ khác, dường như trông bằng mắt họ và nghĩ bằng não họ dư? Cái khoảnh-khắc khoái-lạc đó khiến cho tôi nghĩ lại mà cảm-ơn vô-cùng những cái thú tuyệt-luân nhờ của sách-vở đã ban cho; tôi nhớ đến điều này lại liền nhớ đến điều khác, lần lần lướt lướt, rồi mà những sự-kỷ-niệm tốt đó xuất-hiện ra nhan-nhãn

như sao trên bầu trời. Tôi tưởng đến những điều nọ truyện kia đã làm cho tôi thoát khỏi cái cảnh tối-tăm dốt-nát, đã giúp cho tôi hết phân-biệt các giá-trị ở đời, đã khiến cho tôi từ khi còn là đứa trẻ đi học đã tiếp-thụ được những sự cảm-động rất mạnh nó lay-chuyển cả cái thân thiếu-niên của tôi. Tôi nghĩ trong bụng rằng chính bởi đó mà trong khi tuổi nhỏ tôi đọc sách PLUTARQUE hay những truyện phiêu-lưu nọ, thời cái hồn con trẻ của tôi, nó bồn-chồn mà nức-nỏm, tựa-hồ như tôi đương ngồi trong nhà yên-ôn mà có những kẻ trượng-phu kỳ-quặc đến lôi tôi kéo tôi ra ngoài, đem tôi vào một cõi thế-giới hoang-mang bát-ngát vậy.

Thế mới biết phần nhiều những cái thú thanh-tao ở đời, cái lòng hoài-vọng xa-xôi của người ta tức là cái phần tốt-đẹp nhất trong tâm-tính của ta, sự khao-khát cao-thượng đó là nhờ ở sách-vở mà nên cả, nó có cái khi-vị, mặn-mà khiến cho ta phải tìm cho tới cái sướng trong mát kia là sự kinh-lịch của loài người để mà uống cho đỡ khát vậy. Tôi nhớ đến những khi tôi đọc sách xưa kia mà quả-quyết được những điều quan-trọng là dường nào, những khi tôi gặp-gỡ với các văn-sĩ đời xưa đã thác đi từ bao giờ mà đối với tôi lại còn quan-hệ hơn là gặp-gỡ người bạn thân hay người đàn-bà đẹp vậy. Tôi lại nhớ đến những đêm nọ năm cùng quyển sách cũng thú-vị, cũng vui-sướng như những đêm tình-ái nồng-nàn vậy, khiến cho triền-miên mà quên cả giấc ngủ. Tôi càng nghĩ-ngợi đến những điều đó thời tôi càng lý-hội mà hiểu rằng cái thế-giới tinh-thần của ta là gồm hàng triệu những phần-tử nhỏ, tức là những sự cảm-giác rời-rạc của ta, tụ-trung chỉ có một phần là do ở sự kinh-lịch của ta do mắt ta thấy, tai ta nghe mà thôi, còn hết thầy chung-đúc lại thành chất, là ta sở-đắc ở sách-vở, ở những sự ta đã đọc được, ta đã

tiếp được của đời trước, ta đã học được của người ngoài.

Ngồi mà ngẫm-nghĩ lan-man như vậy, nó thú không biết chừng nào. Bao nhiêu những cái khoái-lạc trong khi đọc sách từ trước đến giờ mà lâu nay quên đi cả, nay lại sực nhớ đến, nhớ cái nọ, liền khơi-gợi đến cái kia. Cũng như ngắm cảnh đêm sao, càng nhìn càng thấy nhiều những ngôi sao mới mà mình chưa nhận ra, làm cho rối trí không đếm kịp nữa; nay tôi khám-phá trong cõi thâm-tâm cũng thấy một cái cảnh trời sao như vậy, lấp-lánh không biết bao-nhiều là ngôi sao, tưởng như cái thú tinh-thần tạo ra trong tâm-hồn cả một cái vũ-trụ thứ nhì cũng sáng-sủa như thế-giới bên ngoài mà cùng ta luân-chuyển luôn, theo một điệu nhạc thần-tiên như khúc nhạc quân-thiên vậy. Lúc bấy giờ tôi không có quyền sách nào trên tay, chỉ tư-tưởng đến sách-vỏ mà thôi, mà tưởng như sách-vỏ đầy quanh mình, không bao giờ chung-tình với quyền sách bằng bấy giờ, mà trong lòng thời khoan-khoái, cảm ơn quyền sách vô-cùng. Chỉ trông cái gương vô-vị của một con người không biết chữ, tức là một giống người khốn-nạn bất cụ-thể về thần-trí (*pauvre cunuque de l'esprit*), tuy mặt mũi cũng như ta mà chỉ vì một sự khuyết-điểm đó không thể phấn-phát mãnh-liệt lên, sẵn bước vào cõi thế-giới cao-thượng được, chỉ trông cái gương đó mà tôi cảm biết được cái sức-mạnh thần-diệu của quyền sách hằng ngày bày tỏ cho kẻ biết đọc sách những điều u-ẩn của vũ-trụ.

*
*
*

Người nào đã từng một lần cảm biết cái giá-trị của sách-vỏ, của văn-học như vậy, dù là nhận đọc một quyển sách hay đọc nhiều sách mà cảm biết như vậy, thời nghĩ đến cái trí cạn-hẹp của nhiều người đời nay, có người

biết điều phải chằng mà cũng cạn-suy nông xét, nghĩ mà tức cười buồn thay. Thường nghe có kẻ nói rằng đời nay không ai đọc sách nữa, bây giờ đã đến cái thời-kỳ máy-móc rồi, nào là máy truyền-thanh, nào là máy chớp-bóng, nào là vô-tuyến-diệu, toàn là những lợi-khi để truyền-bá lời nói cùng tư-tưởng tiện-lợi hơn quyền sách biết dường nào, đã bắt đầu chiếm mất địa-vị của quyền sách rồi, chằng bao lâu mà cái công-dụng khai-hóa của quyền sách sẽ là một câu chuyện đời xưa vậy.

Sao mà thiên-hạ suy-nghĩ hẹp-hòi như vậy, thật là mang cái tật cận-thị về tư-tưởng (*myopie d'esprit*) vậy! Thứ hỏi máy-móc nào có thể có công-dụng sâu-xa hơn hay được ngang bằng cái công-dụng mấy nghìn năm của quyền sách chưa? Hóa-học chưa từng phát-minh được cái chất nổ nào mà phạm-vi rộng bằng, sức mạnh lớn hơn quyền sách được; chưa hề chế ra được một cái lưỡi-thép nào sắc nhọn hơn hay một cái khối si-măng nào cũng bền hơn cái tập giấy in nhỏ-mọn kia mà ta gọi là quyền sách đó vậy. Chưa có cái điện-khí nào sáng bằng cái ánh-sáng vô-hình ở mấy quyển sách mỏng kia phác ra vậy, không có cái luồng-diện nào mạnh bằng cái luồng-diện của sách-vỏ kia, hề tiếp-xúc đến thì nó làm cho lay chuyển cả tâm-hồn. Quyền sách là một vật thiên-cổ bất-dịch, qua đời nọ sang đời kia vẫn nguyên mà không đổi, hình-thức thời nhỏ-hẹp mà sức mạnh thời vô-cùng, quyền sách có sợ chi máy-móc! Không nhờ có sách-vỏ, thời máy-móc phỏng có tiến-bộ được chằng? Không những trong cuộc đời riêng của mỗi người, mà đâu đâu cũng vậy, sách là gồm cả sự tri-thức, là đầu cả mọi khoa-học. Người ta càng thân-cận với sách-vỏ, thời càng cảm sâu được cái toàn-thể của cuộc đời, vì nhờ có cái trợ-lực

vĩ-dại của sách-vở mà kẻ yêu-mến cuộc đời có thể như tự mình nhận mình ra trăm nghìn lần, không những dùng con mắt riêng của mình mà lại mượn được con mắt tinh-thần của

minh biết bao nhiêu người khác nữa để mà dò-thăm, khám-phá cái vũ-trụ bao-la ở quanh mình vậy.

HỒNG-NBÀN dịch

NGŨ-GIÁ NAM-TUẦN HÀNH-TRÌNH KÝ (1)

11

Ngày 26 (20 Février)

6 giờ 25, khải Giá ngự vô Phan-rang. Ruộng dọc đàng tốt, gần chín, có chỗ đã gặt.

7 giờ 30, đến địa-dầu đạo Ninh-thuận, tại làng Hòa-diêm, có thiết phương-môn bái-hạ, quan Sứ LETREMBLE và quan Đạo Lê Thanh-Đàm đứng chờ cung nghinh. Ngự giá dừng lại.

8 giờ 10, đi ngang Hội-giao Hộ-diêm, thuộc về làng Công-thành, có thiết phương-môn bái-hạ, các cố đạo đem tín-đồ đứng cung-nghinh hai bên đàng. Ngự giá có ngừng một lát.

Gần đến đạo Ninh-thuận, có bọn giáo-sĩ Châm cỡi ngựa chực hầu.

8 giờ rưỡi, Giá đến Ninh-thuận, Ngự vào Hành-cung, trần-thiết chỉnh-nhã. Có một cách đặc-sắc, là cột kết rồng leo toàn Lãng ốc biển với đậu xanh.

9 giờ thiết triều, bái-khánh. Quan Đạo tuyên-biểu, rồi quan Sứ đọc chúc-từ, đại-ý nói : Đạo Ninh-thuận tuy nhỏ, nhưng cũng nên ghi vào lịch-sử, vì là những cái tháp thỉnh-thoảng thấy hai bên đàng, đều là dấu-vết của một dân-tộc van-minh xưa còn lại, mà nay dân-tộc ấy lần đã hao-mòn, uổng-dối còn lại đã hóa theo An-Nam. Dân-tộc ấy là dân-tộc Chiêm-thành, xưa cũng đã chăm về nghề nông, lo đàng dẫn-thủy. Bây giờ đàng mương nước còn để dấu chỗ này chỗ kia. Nhưng mà những đám

ruộng chín như tấm nệm vàng, xanh như nền ngọc-túy, thấy ở hai bên đàng quan đó, không phải nhờ mương nước cũ dân, đó đều là công-nghiệp của người Pháp lập hội ở « Tourcham » mà lập thế đem nước về cho ruộng của người An-Nam, và nhờ có mấy cố đạo hết lòng giùm-giúp vậy. Đọc xong, Hoàng-thượng đáp từ ban khen, rồi ban huy-chương.

Khi ấy, có một người Hoa-kiều tên là Lâm Hà-Tân, người huyện Văn-xương, tỉnh Quảng-dông, quì trước sân rồng, hai tay bưng một bức thẻ-trục dâng lên Hoàng-thượng, ra ý chuân-thành khẩn-thiết lắm. Ngài thấy quì giữa nắng, sắc cho từng-thần thấu lấy, và truyền cho đứng dậy, về mặt mừng-rỡ lắm, liền lui ra ngoài cửa tiền kêu biểu người nhà đốt pháo. Ngài thấy tấm lòng nhiệt-thành của một người Hoa-kiều như vậy, Ngài ban khen và ban cho một đồng kim-tiền hạng ba. Bức thẻu của người ấy dâng, chung quanh thẻu mẫu đơn trĩ, song-phước, phía trên thẻu mấy hàng chữ « *Cung chúc Thánh-hoàng vạn tuế* », phía dưới thẻu một câu đối : « *Thánh-đức bảo thăng-bình, trạch cập bỉ đô nhân-sĩ ; Hoàng-nhân đại phu-bổ, ân thi suất thổ kiều-thương*. Giữa thẻu : *Quảng-dông Văn-xương kiều-dân Lâm Hà-Tân cầu thượng* ».

(1) Xem Nam-Phong từ số 182.

Khi thiết triều ban thưởng xong, Hoàng-thượng thấy thân-hào đứng chầu hai bên sân Hành-cung đông lẫm, và có mười thầy tu đạo Phật người mình, đắp y-hậu, đội kỳ-lư, đứng chầu ở nơi cửa Tiền. Ngai ngự bộ với quan Khâm ra ban lời phủ-úy.

9 giờ 35, Ngự đến nhà thương.

9 giờ 40, Ngự đến Đạo, có thiết Ngự-tọa, dâng trà.

10 giờ, Ngự thăm trường học. Một trò gái đọc một bài chúc và học-trò trai diễn thể-thao. Xin lục bài chúc sau này :

« Muôn tâu, ngàn thu một hội, thánh-chúa tuần-hành. Khai-hóa văn-minh, ân-cần học-hiệu; Tây Nam đồng-diệu. Pháp Việt chương-trình. Đội ơn tác-thành, ra công luyện-tập. Cối cây vun đắp, bông lá tốt xanh, kết-quả văn-minh, Thái-bình hưởng-phúc; sĩ lâm bái chúc: Thánh chúa ngàn năm, vạn tuế ».

10 giờ 10, Ngự về tòa Sứ. Trước tòa có kết một cái Tháp Hời làm phương-môn. Có mọi hai mán Elam và Tà-dương đánh nhạc múa rước. Còn người Hời, thời có mấy giáo-sĩ chia ra hai phái đứng chầu. Một bên thời thầy « chang », thuộc về phái Bà-ni (*Mahomet hala*), tức phái Hồi-giáo, truyền từ Arabie mà qua. Giáo-sĩ tóc cắt, ngoài mặc áo rộng trắng, trong mặc xiêm, mũ trên bao vải trắng bằng ngang như cách mũ quan tầu thủy, choàng hầu bằng vân-kiên đỏ. Người theo đạo này, hễ khi chết thời để xây dấu về phía tây, nghĩa là xây về xứ *La Mecque*, là chỗ phát-nguyên Hồi-giáo.

Còn thầy « Châm », thuộc về phái Bà-xế (*Kafir Brahma*). Phái này không đi cúng như là phái Bà-ni, chỉ là tu thôi, mà thờ phụng các vị thần cũng gần như phái Bà-ni, giáo-sĩ tóc bồi không cúp, cũng mặc áo trắng rộng, duy mũ có khác. Mũ phía trước cắt năm miếng như mũ ngũ-hành của thầy

phù-thủy. Choàng hầu thời dùng vải đỏ vắt chéo qua giữa ngực, chớ không trở vân-kiên. Tin-dờ khi chết đem thiêu, còn thuộc về phái Bà-ni, thời chết lại chôn.

11 giờ, Ngự-thiện tại tòa Sứ.

Chiều 1 giờ, khởi Giá ngự đến sở muối Cà-nà. Có viên Quản-lý cung-đạo ngự lẫm các khi-cụ và ruộng muối. Đến địa-dẫn Phan-thiết có quan Sứ AUGER và quan Tuần Ngô Đình-Diệm chực nghinh-giá.

3 giờ, Ngự đến Long-hương (龍鄉社), thuộc huyện Tuy-phong, lạc-thành nhà thương mới làm. Có dân Hời đến chầu. Quan huyện Tuy-phong đem 4 người đàn-bà Hời múa. Cách múa theo nhịp trống đứng nhún tới nhún lui, bàn tay nắm vô ngả ra mà thôi. Phục-sức thời mặc áo dài cổ xẻ hay là cổ khoét như cổ uôm. Cổ đeo kiềng và tay đeo vòng chạm bằng vàng. Chân cũng có đeo kiềng chân. Tục Hời, đàn-bà cưới chồng, chớ không phải đầu-ông cưới vợ, của-cải để dành cho con gái, chớ con trai chỉ cho ít nhiều chi thôi. Tức là tục mẫu-thống (*matriarcal*). Trừ những người nghèo khổ mới lấy chồng người An-Nam, vì lấy chồng người khác giống, trong làng xóm cười.

5 giờ 30, đến 1 ban-thiết. Khi đi dọc đường đến địa-phận Bình-thuận, thấy cờ Long-tinh cắm luôn cả hai bên đường cái. Đến tỉnh thân hào sĩ-nữ đứng chực cung-nghinh tỏ ý nhiệt-thành lẫm. Khi đó ngài truyền hạ mui xe ngự xuống, để cho thiên-bạ cung-chiêm. Đến cửa Hành-cung, có phường nhạc người Nam-kỳ đánh bài Đàng-dàn và bài Quốc-ca chào. Ngai ngự và quan Khâm-sứ đứng trên xe đợi cho hết bản rồi mới vào Hành-cung.

6 giờ, thiết triều, bài-khánh. Thân-hào cũng được vào bài-khánh tại sân ngoài phẩm-sơn. Khi đó trời đã gầu tối, đèn điện sáng choang. Trên nóc Hành-cung và mấy quyết, đều đặt đèn

điện, long-lanh rục rờ như Ngọc-vũ, Diêu-phùng, như Kim-dải, Tử-quán, ở cung tiên vậy. Quan Tuần tuyên hạ-biểu xong, quan Sứ đọc chúc-từ. Đại-ý nói :

« Tỉnh Bình-thuận kể về tài-chính, có phần khuếch-trương đặc-biệt, vì là nghề sinh-nhai của dân chuyên về ngư-nghề ; lại thêm nhân-dân thời có một phần dân Chăm còn giữ phong-tục xưa, địa-thể thời cách xa để-đó, và gần miền Nam-kỳ, ấy cho nên tình-thể khác hẳn với các tỉnh khác. Dân ở đây không có đoàn-thể cố-kết như miền Bắc, miền Trung, cũng ít có tinh-thần cựu-học nữa. Nhưng mà dân hiền-lành, biết vàng lòi, biết nhân thời kiến-thiết. Từ khi họ nghe Hoàng-đế du-học về, họ vui mừng trong nước có vua. Trong lễ Vạn-thọ trước đây, họ bày cuộc chúc mừng, tỏ lòng chuân-thành, ái-đái lắm. Ngày nay, được cung-chiếm Thánh-giá ngự đến tỉnh này, họ lại vui mừng hơn nữa, vì từ triều Gia-long đến giờ, không hề có khi Ngự-giá đến đây. Họ mừng là mừng Hoàng-thượng lo cho cả thần-dân. Cho đến dân Mọi, dân Chăm, cũng tỏ lòng cảm-phục cái chánh-sách khoan hòa của Hoàng-đế rộng dung cho họ cứ giữ lấy tục xưa. Lại còn Hoa-kiều ở đây cũng nhiều, họ nghe tin Ngự giá Nam-tuần, họ cũng nô-nức lòng thành, xin dự vào cuộc nghinh-giá. Còn những Pháp-thương và Pháp-quan yêu-mến tỉnh này, mà tôi thay mặt cho họ đây, cũng đều tung-hô cung-chúc Hoàng-đế trường-trị cửu-an. »

Ngài đáp từ xong, thấy thân-hào đứng châu đông lắm. Ngài ngự bộ ra sân, sắc cho cụ Quận Hộ-giá hiểu-dụ phủ-úy.

8 giờ, Ngự-thiện tại tòa Sứ. Xong rồi ngự ra xem dạo đèn. Học-trò An-Nam và học-trò Tàu cầm các thứ đèn dạo theo tiếng nhạc. Đèn lắm thức khéo. Trước hết một con rồng bằng vải, trong

bụng có thắp đèn, dài chừng 20 thước tây, thủ-nghĩa là « long hiện vu điền », rồi đến hai con phụng nhảy múa, tức là « phụng-hoàng lai nghi », lại có « sur-tử hí-cầu » ngựa lên cũi xuống, nhảy qua nhảy lại, mà dõn trái cầu xem ra hoạt-bát lắm. Lại có hai con lân, con lớn con nhỏ, múa nhảy, thủ nghĩa là « Kỳ-lân giáo tử ». Mỗi cái đèn có thủ nghĩa cả, không kể xiết. Xong rồi Ngự dạo xem các chiếc dò kết bằng thắp đèn nhiều chiếc đẹp lắm. Ngài dùng xe ngự bộ dạo xem. Có một chiếc kết một rồng leo trong bụng thắp đèn lượn quanh một cái trụ, ngó cũng khéo. Rồi Ngài ngự về tỉnh trú-tất.

Ngày 27 (21 Février)

Buổi mai 8 giờ 50, khải Giá tự Hành-cung. Hai dãy phố phường, nhà nào cũng có bày bái-hạ. Lắm cái bái-hạ có kết phượng-môn, hoành-ngạch cũng là một cách đặc-biệt, toàn là ốc biển gắn lại thành ra hình bông, bình chim, hình thú, thiệt lắm công-phu. Khi xe ngự đi qua, ở các lư-hương, trên bái-hạ, khói lên nghi-ngút, trầm thơm ngạt-ngào.

9 giờ, Ngự đến lạc-thành bia kỷ-niệm của hội Du-học. Giữa khi trời nắng đang nồng, mà thiên-hạ chen nhau đứng đợi cung-chiếm đông lắm. Khi ngài ngự thặng tọa thiết nơi nhà bia, có một hội-viên bước tới thềm khấu đầu tuyên đọc lời chúc, xin lục ra sau này :

« Muôn tâu Hoàng-đế bệ-hạ,
« Kinh bảm quan Khâm-sứ đại-thần.
« Kinh bảm ông Phước-môn Quận-công.

« Dân-tỉnh Bình-thuận chúng tôi ở về phía nam, gần miền lục-tĩnh, cây non cuộc biển, ngay thật giữ lòng ; kể từ khi đức Hiền-tôn Hoàng-đế vũ-trị Chiêm-thành, mở đất đến Phan-rang, đến khi đức Thế-lỗ Cao-hoàng-đế, dẹp loạn Tây-son, đặt ra trấn Bình-thuận, dân chúng tôi người già kể trẻ, chung đội

một trời, tác đất ngọn rau, cùng nhờ hạt móc, đã hơn một trăm năm nay, công đức bình thành ai ai cũng đời.

« Nay nhân gặp hội văn-minh, mở-mang trí-thức, Nhà-nước lập ra hội du-học, trên có Hoàng-thượng làm chủ, lại giao cho ông Cơ-mật viện-trưởng Phước-môn Quận-công chủ-tiương việc ấy, để vun trồng lái mới, cho được đông người thành tài, ngày sau vẽ lại cho dân. Quan địa-phương chúng tôi lấy lẽ phải khuyên dân giúp sức làm việc phải, chúng tôi tơ hào gọi chút, tỏ nghĩa làm dân, quan lĩnh quan tòa chúng tôi đã đem việc ấy trình thỉnh thương-ty tâu lên Hoàng-thượng, muốn nhờ Hoàng-thượng ơn đức dãi-dào, đã ban thưởng cho chúng tôi phẩm trật, mưa móc thấm nhuần, cỏ cây hơn-hở.

« Nước ta Đế vương du-học mới từ Hoàng-thượng vượt trùng-dương, mười năm ở quý-quốc, muốn tỏ sự du-học là có ích cho nhân quần xã-hội, nhân đó mà khuyến bảo con dân trong nước, khiến cho hội du-học càng ngày càng lớn, người du-học càng ngày càng đông, nên Hoàng-thượng chuẩn cho lập bia làm ký.

« Nay Hoàng - thượng Nam - tuần, Ngự-giá đến Hành-cung tỉnh này, nhân dịp Hoàng-thượng ngự đến chỗ dựng bia này trước hết, mặt trời soi đến, rạng vẻ hào-quang, lại có quan Khâm-sứ đại-thần, ông Cơ-mật Viện-trưởng Phước-môn quận-công quang lâm, cùng các quan Bảo-hộ và Nam-triều, thật là rực-rỡ muôn phần, xưa nay lĩnh này chưa có. Dân chúng tôi như cỏ may gặp gió nũa xuân, xin bắt chước người đời xưa Phong-nhân chúc vua Nghiêu, đem câu tam-chúc mà dâng chúc Hoàng-thượng.

« Chúng tôi tên là Phan Quang-Hương, xin thay mặt cho các hội viên du-học tỉnh này và những người được dự thưởng đồng chúc.

« Đại-Nam Hoàng-đế vạn tuế,

« Nước Đại-Pháp,

« Nước Đại-Nam thái - bình thịnh-vượng muôn năm. »

Đọc xong, quan Hộ-giá đại-thần, Phước-môn Quận-công phụng sắc đáp từ hiệu dụ và khen ngợi lòng nhiệt-thành hiếu-nghĩa của các hội-viên.

Trước bia có xây hai cái trụ biều, có đề câu đối, xin lục sau này :

« Bia ấy tôi con ghi dạ nhớ,
Hội này đất nước mở mày coi. »

Xong rồi Hoàng-thượng ngự đến hội « Đồng-nghiep nước mắt ». Hội này lập ra từ năm 1926, họp cả các nhà làm nước mắt, cả người Pháp và người Nam. Khi Giá đến, viên Hội-trưởng cung-nghinh và đọc tờ chúc, đại-ý bày tỏ tình-hình của hội, rồi cung-đạo Ngài ngự-lãm cách làm nước mắt, cho đến cách vò hũ gửi đi bán các nơi.

9 giờ rưỡi, Ngự-giá trường học. Hoàng-thượng muốn lãm học-trò học, nên có sắc cho cứ ở trong lớp. Có một trò ra tâu đọc một tờ chúc lục như sau này :

« Muôn tâu Hoàng-đế,

« Hôm nay mong ân Thánh-giá giảng-lâm, thiệt là một điều hạnh-phúc rất lớn cho trường Phan-thiết và cho con dân thiếu-niên chúng tôi. Trong lịch-sử cái trường nhỏ-nhen này, sẽ có thêm được một trường rực-rỡ từ xưa đến nay chưa từng có.

« Vậy chúng tôi xin đại-diện cả thiếu-niên lĩnh Bình-thuận đề kính chúc Hoàng - thượng « thọ tỷ Nam - sơn, phước như Đông-hải », và xin nguyện rằng đương lúc thanh-xuân này, cố công rèn tập để ngày sau trưởng-thành trở nên người dân trung-thành với Thánh-chúa.

« Muôn chúc Bảo-đại Hoàng-đế vạn-tuế !

« Nước Đại-Pháp và Đại-Nam thịnh trị muôn năm ».

9 giờ 40, Ngự đến Nghĩ-từ của tư-bang, các bang-trưởng mặc áo lễ-phục dài ra cung-nghinh. Ngài ngự thăng-tọa, một bọn nam nữ học-sinh Tàu hát bài chúc-tụng, có nhạc đánh theo. Bài hát xin lục ra đây :

« Đại tai, lưu tai, Nam-triều đương kim Bảo-đại, hoàng.

« Ân trạch phổ cập ư Nam-bang.

« Đức bị Nghiêu, Thuấn, Võ Thương Văn Võ chi Thánh đạo,

« Chánh-giáo trọng luân-lý cương-thường.

« Bảo-đại hoàng, Bảo-đại hoàng

« Cụ chấn - hưng vi - đại chi lâm-trường.

« Trị dân dĩ nhân-nghĩa, phóng hào-quang.

« Cung chúc Thánh-thọ chi vô-cương! »

Và có dâng một tráp hạ-biểu nữa.

Rồi các bang-trưởng là đại-biểu Hoa-kiều ở Nam-kỳ ra, lần lượt kéo nhau ra sắp hàng một khi 4 người, đứng trước Ngự-tọa, làm lễ tam-khấu, mỗi khấu có người Tàu xướng : « dất, di, xám ». Khấu xong, lại xướng hai tiếng « thối hậu », lớp này đi ra, để cho lớp khác vô khấu, cũng xướng như trước. Rồi Ngài ngự qua xem trường học. Có bày ra giữa bàn, nào là đồ thêu, nào là đồ dệt, nào đồ vẽ, nào đồ chơi, đều là đồ thủ-công của nam, nữ học-sinh Tàu làm.

9 giờ 15, Ngài ngự đến nhà thương, vào xem các bệnh-viện, có bác-sĩ TERRISSE nghinh Giá cung-đạo ngự-lãm.

11 giờ, Ngự thiện tại dinh Tuần-vũ.

Chiều 1 giờ 40, khải-giá ngự lên Đồng-nai-thượng.

Lúa hai bên đàng đã chín nhiều, gần gặt được.

4 giờ 20, Giá đến Djiring. Có quan Quán-đạo Hồ Đắc-Ứng nghinh giá.

Ngài Ngự ngừng lại vào tòa Đại-lý ngự giải khát một lát.

7 giờ 25, Giá đến *Dalat*, các qui-quan nghinh Giá. Ngài trú-tất tại lầu nghỉ mát của quan Khâm, còn quan Khâm-sứ lại nghỉ tại lầu nghỉ mát của phủ Toàn-quyền. Còn tưng-thần thời đã có sắp đặt các nhà khác sẵn.

8 giờ rưỡi, Ngự thiện tại tòa Đốc-lý.

Ngày 28 (22 Février)

8 giờ mai, thiết triều hải-khánh tại đạo Đồng-nai-thượng, vì chưa có Hoàng-cung. Quan Đạo tuyên hạ-biểu bằng quốc-ngữ, xin lục nguyên-văn sau đây :

« Kính tâu Hoàng-đế,

« Chúng tôi là thần dân tỉnh Đồng-nai-thượng, nay được cung-nghinh Thánh-giá ngự đến tỉnh chúng tôi, ngàn năm mới có một lần ; tỉnh chúng tôi là miền thượng-du, mà nay được thấy xe rồng ngự đến, vì như bóng dương-xuân dội nơi hàn - cốc, thần-dân chúng tôi rất lấy làm hân-hạnh, được đội ơn Hoàng-đế muôn phần.

« Từ khi Hoàng-đế xuất-dương du-học, thần-dân chúng tôi trông mong Hoàng-đế thành-tái đạt-đức để đem chánh-sách văn minh mà khai-hóa cho quốc-dân.

« Từ ngày đức Hoàng-đế hồi-loan thần-dân chúng tôi ao-ước cung-chiêm Thái-bình Thiên-tử. Nay Hoàng-đế giá hạnh đến tỉnh chúng tôi, thời thần-dân chúng tôi đều được thỏa lòng trông đợi.

« Tỉnh chúng tôi thiết-lập gần 40 năm nay, cả tỉnh được 13 làng An-Nam và 551 làng Mọi, dân An-Nam ước một vạn, dân Mọi ước 4 vạn. Dân An-Nam thời đủ cả dân Trung-kỳ, Nam-kỳ và Bắc-kỳ đến trú-ngụ, dân An-Nam quanh năm lo khăn dất hoặc làm thuê các sở đồn-diễn và các sở công-tác. Còn dân Mọi thời cũng đều lo cày cuốc trồng

trà chăm-chỉ làm ăn. Hai hạng dân này tuy phong-tục khác nhau, nhưng ăn ở đều hòa-thuận với nhau cả.

« Đất nước cũ, non sông cũ, mà tỉnh thời mới, dân cũng mới, gặp dịp đức Hoàng-đế mới hồi-loan thân-chánh là một vận-hội mới, rất rực-rỡ trong lịch-sử nước nhà. Nay tỉnh chúng tôi lại được đức Hoàng-đế Giá-hạnh mới lần này là lần trước nhất, thần dân chúng tôi rất đổi cảm-kích hoan-hô, cúi xin kính chúc đức Hoàng-đế vạn-thọ vô-cương, cứu-an trường-trị, tạo hạnh-phúc cho quốc-dân, ngô-hầu thần-dân chúng tôi được nhờ.

« Nay kính tâu,

« Hồ Đắc-Ung vạn bái. »

Rồi quan Đốc-ly DARLES đọc tờ chúc, Hoàng-thượng đáp từ, rồi ban huy-chương.

8 giờ 15, Ngự đến trại lính khố-xanh.

9 giờ 15, Ngự đến nhà thương. Nhà thương ở đây tuy nhỏ, mà cách sắp đặt tử-tế.

9 giờ 40, Ngự đến trường *Petit Lycée*. Trường này dạy mấy lớp dưới chương-trình trung-học, chỉ cho con người quý-quốc học mà thôi, còn con người Nam mình không cho. Trong trường chỗ ăn chỗ ngủ đều hãn-hoi cả.

10 giờ, Ngự đến Trường *Grand Lycée*. Trường này dạy mấy lớp trên chương-trình trung-học, cũng chỉ để cho con người Đại-Pháp thôi.

12 giờ, Ngự-thiện tại tòa Đốc-ly.

Chiều 3 giờ, Ngự quanh miền núi, rồi 3 giờ 45, đến sở khản của hội *Société Indochinoise des Cultures tropicales*, tại Cầu-Đất. Sở này trồng chè nhiều lắm, đứng trên núi ngó xuống, thấy chè trồng thẳng hàng với nhau, như là gạch thước, cây lên xanh um. Viên quản-ly DE LA MOUSSAYE nghinh Giá, cung-đạo Ngự lăm trong nhà máy chè, rồi ra vườn chè, lên chỗ bể chứa nước tưới

làm trên chót một hòn núi, kê phần cao cách mặt biển đến hơn 1.650 thước tây. Lên trên đó ngó xuống, thấy núi nào cũng thấp nhỏ cả. Lãm xong, viên quản-ly có rước Ngự Giá đến nhà, dâng bánh và trà Ngự giải-khát,

Sở này diện-tích 946 mẫu tây, trồng chè đã được 416 mẫu tây : Trong năm 1927, trồng được 50 mẫu tây, đến ngày tháng 10 năm 1931, đã hái chè lần đầu được 4 tấn (*tonnes*) ; năm 1928, trồng được 150 mẫu tây, đến năm 1932, đã hái lần thứ hai được 10 tấn ; năm 1929, trồng được 140 mẫu tây, và năm 1930 trồng được 76 mẫu tây, dự trữ số chè hái trong năm 1933, là 30 tấn.

Trong sở có nhà máy làm chè khô dựng từ ngày tháng 3 năm 1931 đến tháng 10 năm ấy xong máy chạy. Máy chè cách-thức cũng in như máy các sở chè đã nói trên này.

Nhân-công thường dùng 500 người, cả đàn-ông đàn bà.

Dalat cao hơn mặt biển đến 1.500 thước tây, khí-hậu mát-mẻ, gần như khí-hậu bên Tây, trời nắng mà đi đầu trần không biết nóng, vì trong da đầu cứ mát. Đêm khuya lạnh, hay có mù. Đêm có cuộc khiêu-vũ ở *Palace*, trời mù dày lắm, cho đến nỗi cách 5 thước tây không thấy rõ người, cách 10 thước tây, không thấy rõ đèn điện. Họ nói rằng cái mù ấy hơi độc, ra đàng nhiễm lấy hay ho. Vì khí-hậu mát, nên đến mùa hè, người Pháp ưa lên hóng mát và dưỡng-bệnh. Phong-cảnh đẹp, núi toàn cây thông, không có cây gì khác. Núi thời từng đồi, từng gò, cho nên đàng đi cứ lên dốc xuống dốc luôn, không có đàng bằng. Trên mỗi gò cao, làm một sở nhà, của các công-sở, hay của tư-chủ, qui-chế khác nhau, xem cũng đẹp ; giữa chỗ khe, lại xây đập ngăn nước lại làm thành một cái hồ để làm chỗ tắm, có núi có nước, thành ra một bức vẽ thiên-nhiên. Cái đặc-sắc



Dân M'oi ở Phú-yên
(Đương thổi kèn và múa để đón Hoàng-đế ngự qua)



Nhà thờ lớn ở Nha-trang

(Đương xây chưa xong. Khi Hoàng-đế Nam-tuần có ngự đến xem)

của Lâm-viên (*Langbian*) là bông nhiều thứ đẹp, rau nhiều giống tốt. Bông thường to gần bằng cái đĩa bàn, bông cầm-nhung to như cái đĩa tách nhỏ, sắc đẹp mùi thơm. Nhà nào cũng trồng bông xung quanh, thường leo lên vách, bông nở từng chùm, ở dưới thang bước lên, như vào tiên-dộng. Rau thời bắp cải to gần bằng cái nón.

Phong-cảnh đẹp, nhà cửa khéo, nhưng ngó quanh ngó quẩn chỉ thấy lâu-dài xây dựng toàn bằng kiêu tây, như tuồng đến một xứ nào lạ. Ước chi ở cảnh núi thông này, mà có một cái chùa như chùa cổ của mình, dưới mấy cây thông, trên hồ nước biếc, thời ra cũng « Sơn-thủy tùng-đình » đẹp biết chừng nào !

Xứ Lâm-viên này nguyên Bác-sĩ YERSIN tìm ra trước, sau nhà-nước mới mở-mang lần ra.

8 giờ tối, Ngự-thiện tại tòa Đốc-ly.

9 giờ rưỡi, Ngự đến *Palace*, dạ yến. Có các quý-quan và quý-phu-nhân nhẩy đăm. *Palace* về cách kiến-trúc mới to lớn rộng-rãi. Trong phòng nhẩy đăm, hai lớp đèn điện, một lớp trên trần, một lớp dưới trần, trên thời dạn kính ngũ-sắc, lấm khi đang nhẩy, vặn tắt lớp đèn dưới, chỉ để đèn trên, sáng sáng mờ mờ, lập lòe năm sắc, thấy cảnh-tượng khi ấy, như tuồng bán-ân bán-hiện, như gần như xa, đẹp lắm.

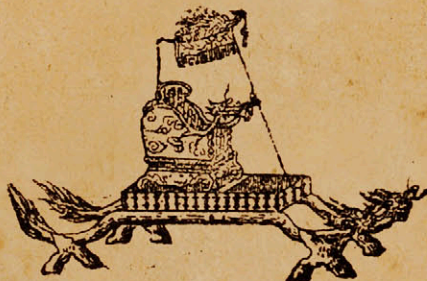
Đêm ấy Hoàng-đế sắc rằng :

« Trẫm mới về thân-chánh, thiết việc tỉnh-phương, nên ngày tháng 10 năm ngoái, ngự ra Thanh-hóa, nhưn tiện đi quan-phong mấy tỉnh miền bắc Trung-kỳ. Ngày tháng chạp lại tuần-hành mấy tỉnh Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định, Phú-yên. Nay ngự vào những tỉnh đạo Khánh-hòa, Ninh-thuận, Bình-thuận và các tỉnh đạo thượng-du, đã định chương-trình lục ra cho biết rồi. Ngày hôm qua ngự đến tỉnh Đồng-nai-thượng, ngày nay đã cử-hành các lễ, vậy là chương-trình xong rồi. Nay nhân khi-hậu ở *Dalat* này tạnh ráo, Trẫm muốn trú-tất ít bữa để tĩnh-dưỡng. Vậy sắc cho Phước-môn Quận-công sung Hộ-giá đại-thần và tòng-thần đến sáng mai cho về trước để làm việc quan, chỉ để Hoàng-Tùng-đệ và Võ-hộ-giá với thị-vệ ở lại châu hầu thôi. Còn Xuân-hòa-nam sung Lưu-kinh đại-thần, hễ ngày nào Đô-thống Nguyễn Hữu-Tiền về đến nơi, thời đem kỳ-bài giao lại liền để tôn-trí như cũ, và cho vọng-bái phục-mạng. Ngày nào hồi-loan, sẽ sắc điện về cho biết. Khâm thử.»

Ngày 29 23 *Février*)

7 giờ rưỡi sáng, quan Khâm-sứ với các quan tòng-thần. Cụ quận Phước-môn và các quan tòng-giá, đều từ-giã trở về Huế.

SONG-CỬ



HỌC-THUYẾT THẦY MẠNH (1)

Thưa các ngài,

Hội Tri-tri ta từ khi sửa-sang lại nhà hội-quán, cuộc nói chuyện ít lâu đã thừa. Nay hội-quán đã xong, các ngài lại tổ-chức cuộc nói chuyện cho vui, mới rồi ông Tiểu nói về việc «Vũ-trụ kỳ-quan», bà Lê nói về «Nhân-cách phụ-nữ», đều là chuyện có hứng-thú vui tai cả. Tôi từ khi tiếp được thư quý-hội bảo tôi nói một vấn-đề gì để góp chuyện cho vui, tôi nghĩ vẫn-vơ chưa biết nói về vấn-đề gì. Nghĩ mình là một nhà nho cũ - rích, kỳ-quan đã không biết mà về mặt phụ-nữ cũng không hay, thì biết nói vấn-đề gì cho vui tai chư-tôn thỉnh-giả được.

Chắc các ngài cũng đoán trước rằng nhà Nho thì chỉ quen giở những học-thuyết ra nói chuyện chứ gì, mà học-thuyết lại là những thuyết nhân-nghĩa, thuyết đạo-đức của thầy Mạnh, cũ-rích đã từ mấy đời triều, ai nghe cũng chán phê còn thú gì nữa mà nói.

Nhưng chúng tôi cũng thử đánh bạo mà nói cái câu chuyện trần-hủ này xem sao. Lâu nay chúng ta đã ngấy mùi bơ mùi sữa, hôm nay thử lại điếm bữa cơm rau muống nhà quê xem sao.

Đương cái buổi đời công-lợi đua chen nòng-nàn này, mà lại giở những cái thuyết nhân-nghĩa ra, thì ai chả bảo là anh đồ gàn. Đương cái buổi đời sắc-dục say-đắm mê-man này, mà lại nói những cái thuyết quả-dục thanh-tâm ra, thì ai chẳng cho là anh đồ hủ. Nhưng công-lợi đua chen nào bằng đời Chiến-quốc là đời thầy Mạnh, nào là đi du-thuyết tung-hoành đề cầu phú-qui như gã Tô 蘇 Trương 張, nở lòng giết vợ để cầu lấy ngôi khanh-tướng (sát thê cầu tướng), như anh Ngô Khởi

吳起, công-lợi nòng-nàn biết chừng nào! Thế mà thầy Mạnh đáp Lương Huệ-vương nói rằng «*Hà tất viết lợi, diệc hữu nhân-nghĩa nhi dĩ hĩ* 何必曰利。亦有仁義而已矣», nghĩa là không cần phải nói đến việc tư-lợi, chỉ có nhân-nghĩa mà thôi. Ý thầy cho nhân-nghĩa tức là lợi đó. Ở đời duy những kẻ bất-nhân nó mới quên cha quên mẹ, kẻ bất-nghĩa nó mới trẽ nải việc nước việc vua, bất-nhân bất-nghĩa như thế thì mới là hại. Nếu người trong một nước mà hay giữ được lòng nhân-nghĩa, thì ai cũng có lương-tâm, biết nghĩa-vụ, đều là người hiếu-tử trung-thần cả, thì đều có lòng trung-quán ái-quốc, nước nào mà chẳng thịnh, ấy cái kết-quả của nhân-nghĩa như thế, lợi biết chừng nào! Nếu bỏ nhân-nghĩa đi, nhà vua chỉ mong làm thế nào cho lợi nhà vua, quan cũng chỉ mong lợi cho nhà quan, dân cũng chỉ mong lợi cho thân mình, kẻ trên người dưới đều tranh-giành nhau về mỗi tư-lợi ích-kỷ, cái lòng tham-lợi nòng-nàn quá như thế, không cướp được của nhau, không biết thế nào là đủ, tất sinh ra cái va tranh-đoạt lẫn nhau. Cầu lợi chưa thấy đâu mà đã thấy hại đến nơi. Bởi vậy thầy Mạnh muốn ra tay cứu thời-tệ mà đầu tiên gạt bỏ chữ «*lợi 利*» đi.

Sắc-dục say-đắm nào bằng đời Chiến-quốc, nào là lấy vò đập sừng, gái như vợ thầy Trang, mây mưa đỉnh Giáp, trai như trai nước Sở, sắc-dục mê-man biết chừng nào! Thế mà thầy Mạnh xướng lên cái thuyết «*Dưỡng tâm mạc thiện ư quả dục 養心莫善於寡慾*». Quả nghĩa là ít, là hạn-chế cho bớt đi, dục là thị-dục, sắc-dục, vật-dục, tức là cái lòng tham muốn cái này cái

(1) Bài này sẽ diễn-thuyết ở Hội Tri-tri Hà-nội, ngày 4 Mai 1933.

nọ. *Quả-dục* không phải là đoạn-dục như nhà Phật, mà cũng không phải tuyệt-dục hẳn như các nhà tu - tiên. *Quả-dục* là hạn-chế cái vật-dục cho bớt đi, để dưỡng lấy cái tâm cho thanh, nếu đa-dục quá, nào là sắc đẹp mùi ngon, tham thanh chuộng lạ, cái gì cũng muốn một cách nồng-nàn, thì nó làm cho cái tâm rối beng không tĩnh-dưỡng được lúc nào, chẳng khổ lắm ru! Bởi vậy thầy Mạnh mới bảo rằng người ta phải tĩnh-dưỡng lấy cái tâm, muốn dưỡng tâm thì phải hạn-chế cái lòng ham muốn cho bớt đi mới được.

Chúng ta ở về cái đời vật-chất này, so với cái đời Chiến-quốc thầy Mạnh, nào là công-lợi nồng-nàn, sắc-dục say-dắm, có phần kém hay hơn, cái đó không cần phải kể ra chi nữa. Duy đương lúc người đời lẩn-lộn ở trên trường công-lợi, chán-chê mê-mỏi, mà lại nhắc đến câu chuyện nhân-nghĩa cao-thượng, tưởng cũng hay yên-ủi được tâm-hồn cho thanh-thời một đôi chút. Người đời đương lúc say-dắm ở trong vòng vật-dục, hôn-mê trần-trọc, mà lại chột nghe đến câu chuyện quả-dục thanh-tâm, tưởng cũng hay khiến cho trí-não người ta tỉnh-tao được một đôi phần. Bởi vậy chúng tôi mới lấy « học-thuyết thầy Mạnh » làm câu chuyện mà nói, tưởng cũng không phải là câu chuyện canh-cần. Chứ không phải chúng tôi đã xuất-bản được hai quyển sách « *Mạnh-tử quốc-văn giải-thích* 孟子國文解釋 », (quyển thượng và quyển hạ) mà mượn câu chuyện này nói ra để phô-phang giới-thiệu làm mỗi hàng đầu.

Trước khi nói về học-thuyết thầy Mạnh, chúng tôi hãy xin lược nói qua về lịch-sử thầy Mạnh.

Thầy Mạnh là một vị Á-thánh ở trong Nho-tôn. Thầy tên húy là Kha 軻, tên tự là Tử-dur 子輿 người nước Châu 鄒, dòng-dõi quý-tộc nước Lỗ, họ Mạnh-Tôn 孟孫, sinh về đời Chiến-quốc

trước kỷ-nguyên 372 năm. Sau đức Khổng-tử một trăm linh bảy năm; thụ-nghiệp thầy Tử-tư 子思 là đích-tôn đức Khổng-tử, nhất-thuyết bảo rằng học ở học trò thầy Tử-tư. Nay xét nước Châu gần với nước Lỗ (tỉnh Sơn-đông nước Tàu) là quê đức Khổng-tử, nên thầy Mạnh học theo đạo Khổng bằng một cách tư-thực gián-tiếp, thầy có nói rằng: « *Sở nguyên tắc học Khổng-tử* 所願則學孔子 ». Nghĩa là thầy chỉ muốn học theo đức Khổng-tử. Thầy thực là truyền được chính-tông đạo Khổng.

Khi thầy học đạo đã tinh-thông, có lòng nhiệt-thành muốn ra tay cứu-thế, mới đi du-lịch nước Tề, yết-kiến vua Tuyên-vương làm một vị tân-khách kiêm ngôi sư-phó ở nước Tề. Lúc mới vua Tuyên-vương cũng có chí hoan-nghênh, về sau không biết đại-dụng. Rồi thầy lại đi du-lịch nước Lương vào yết-kiến vua Huệ-vương. Huệ-vương cũng không tin những lời giảng đạo-đức, thuyết nhân-nghĩa của thầy là phải, cho là vu-khoát mà không thiết với sự tình. Thầy mới sang nước Đổng bảo vua Văn-công làm phép Tĩnh-địa, vua đương nghe theo thi-hành, thì vua mất, nên thầy không được thi-thố hết cái tài học ra đời.

Đời Chiến-quốc bấy giờ, nước Tần 秦 thì dùng một nhà chính-trị nghiêm-khắc là Thương-Uởng 商鞅, nước Sở 楚 thì dùng một nhà quân-sự tàn-nhẫn là Ngô Khởi 吳起, nước Tề thì dùng một nhà mưu-lược quyền-quyết là Tôn Tân 孫臏, mà Tô Tần 蘇秦 Trương Nghi 張儀 là những nhà chỉ đi du-thuyết các nước chư-hầu, để hi-vọng về đường ấm no, cũng phú-quí một thời. Thiên-hạ khi ấy đương ham chuộng những thuật tung-hoàn, chỉ cốt tranh cướp quyền-lợi lẫn nhau, mà những sự kinh-lý về đường sản-nghiệp, giáo-dục về đường luân-lý cho dân, thì

không nước nào nghĩ đến cả. Thầy Mạnh khi đi diễn-thuyết với các vua chư-hầu, thì lại cứ thuật những đạo nhà Đường, nhà Ngu, tỏ công-quyền công-đức với thiên-hạ ; nói những chuyện vua Vũ, vua Thang, vua Văn, vua Võ, bày công - đạo công - lý với muôn dân, cho nên đi đến đâu cũng không hợp. Thầy mới trở về nhà cùng với bọn học trò là Vạn-Chương 萬章 Công-Tôn Sửu 公孫丑 thuật lại những đạo học-vấn của thánh hiền để duy-trì lấy đạo-thống, mới làm ra sách *Mạnh-tử* bảy thiên: 1) Thiên *Lương-Huệ-vương* 梁惠王 thuật về những lời vấn-đáp bàn về chính-trị với vua Tuyên-vương nước Tề, Huệ-vương nước Lương, và vua Đẳng Văn-công; 2) *Công-Tôn Sửu* 公孫丑 bàn về cái cách dưỡng-khi hiệu-nhiên và cái tình trắc ẩn; 3) *Đẳng Văn-công* 滕文公 thuật về những chế-độ của thánh-nhân và đạo-đức của Khổng-tử, mà bài-xích họ Dương họ Mặc; 4) *Ly-Lâu* 離婁 luận về đạo nhân-nghĩa, suy cho đến cùng-cực; 5) *Vạn-Chương* 萬章 thuật về những việc của thánh-hiền như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Khổng-tử và cách giao-tế với đời; 6) *Cáo-tử* 告子 bàn về tính thiện và chính-trị đạo-đức; 7) *Tận-tâm* 盡心 rộng chép cả những lời nghị-luận của thầy Mạnh.

Hoặc bảo rằng sách *Mạnh-tử* là tự tay thầy Mạnh làm ra. Song tự mình biên chép lấy lời mình mà lại đề ba chữ: «*Mạnh-tử viết* 孟子曰» thì không có lẽ. Hoặc là tuy thầy Mạnh làm ra, mà cũng có phần bởi người đời sau sửa đổi phụ thêm vào.

Nay chúng ta đem sách *Mạnh-tử* ra đọc về phần Hán-văn, thì thấy văn-chương trong bảy thiên rõ thật như đúc, lời nói như chém đanh chặt sắt, lại càng biết cái học-vấn của thầy kiêm-thông cả sáu kinh, mà lý-luận rất rần-giỏi. Nay đọc đi đọc lại câu văn lời nói của thầy lại càng tưởng

thấy cái khí-tượng thầy có cái vẻ anh-nhuệ nghiêm-trang như thu-sương liệt-nhật, khí-cốt lừng-lừng, trông ra như ngọn núi Thái-sơn vách đá chơm-chớm cao ngất nghìn trượng; khác với khí-tượng đức Khổng-tử ôn-hòa nhuần-nhã như chiều gió ấm, như hạt mưa xuân.

Người học-giả đọc sách thánh-hiền cũng nên nhận biết cái khí-tượng của thánh-hiền thì mới biết đường học-vấn được.

Nay xin nói về thuyết triết-học của thầy Mạnh: Thầy Mạnh nói triết-học chỉ cốt về đường đạo-đức thực-tiên, chứ không bàn xét về triết-học viển-vông. Thuyết triết-học của thầy tương nhất là luận về tính thiện 性善, thầy nói rằng: «*Tính người ta vốn là bản-thiện, cũng như nước chảy xuống chỗ trũng, không người nào là tính chẳng thiện, cũng như không nước nào là chẳng chảy xô xuống chỗ thấp*». Cao-tử cho tính người ta cũng như nước chảy quanh, khơi sang đông thì chảy qua về đàng đông, khơi sang tây thì chảy qua về đàng tây; tính người muốn thiện cũng được, mà ác cũng được, cũng như nước muốn đông thì đông, muốn tây thì tây, không phân-biệt gì cả. Thầy Mạnh bác lại rằng: «*Nước chảy đã đành là không phân đông tây, nhưng nó không phân-biệt chỗ cao chỗ thấp là gì, bao giờ nước nó cũng chảy chỗ thấp, tức như tính người bao giờ cũng bản-thiện vậy*».

Thầy Mạnh luận về tính thiện viện-dẫn ra có hai lẽ: Một là chứng lời kinh *Dịch* rằng: «*Trong vũ-trụ một khi âm một khi dương hợp lại là đạo; tiếp-thụ lấy cái đạo ấy là thiện, thành ra quen là tính — 陰 — 陽 — 之 — 謂 — 道 — 繼 — 之 — 者 — 善 — 也 — 成 — 之 — 者 — 性 — 也*» Sách *Luận-ngữ* rằng: «*Tính người ta gần giống nhau vốn là thiện cả; duy bởi tập-nhiệm mới sinh ra xa khác nhau 性相近也。習相遠也*» *Trung-dụng* rằng:

« Mệnh trời phú cho người ta cái lẽ nhân nghĩa lẽ trí ấy là tính, cứ noi theo cái tính tự-nhiên ấy mà làm là đạo 天命之謂性。率性之謂道。 » Tuy rằng những lời chứng-dẫn trên ấy chưa nói rõ là tính thiện, nhưng cũng đã ám-nhận là tính thiện rồi. Hai là thầy Mạnh lại chứng về sự-thực, cho rằng : « Người ta ai cũng có lòng bất-nhân, như là khi trông thấy đứa trẻ con sắp ngã xuống giếng, ai cũng phải chột dạ thương xót đứa trẻ, không phải là muốn làm thân với cha mẹ nó mà thương, không phải là muốn cầu tiếng khen với làng xóm mà thương, mà cũng không phải là vì ghét cái tiếng bất-nhân mà phải giả-cách thương đâu, nguyên trong tâm người ta ai cũng có sẵn cái lòng tự-nhiên thương người, cái lòng thương đó tức là đầu mối điều nhân. Suy ra mà xét thì ai cũng sẵn có lòng hồ-thẹn điều xằng, tức là đầu mối điều nghĩa; cái lòng nhún-nhường lễ-phép, tức là đầu mối điều lễ; ai cũng sẵn có cái lòng biết phân-biệt điều phải điều trái, tức là đầu mối trí khôn; xem thế thì trong tâm người ta ai cũng sẵn có bốn cái đức-tính: nhân, nghĩa, lễ, trí, ấy tức là tứ-đoan 四端, thì biết tính người ta ai cũng bản-thiện ».

Thầy Mạnh nói bản-tính người ta có đủ bốn đức, kiêm cả đức tin nữa là năm, mà trọng nhất là đức nhân nghĩa; vì người ta có lòng thương xót bất-nhân ấy tức là lòng nhân; là thuộc về mối cảm-tình; cái lòng biết xấu hổ chẳng thềm làm điều xằng, tức là lòng nghĩa, là thuộc về mối lý-tính. Người ta hay khuếch-sung cái lòng nhân-nghĩa ấy ra cho rộng, thì không đến nổi tàn-nhân làm càn. Thầy Mạnh mà nói tính thiện là cốt bảo người ta phải khuếch-sung cái thiện-tâm ấy ra, mới thành nhân-cách được. Khác với Tuân-tử lại bảo người tính ác, thì cốt ở khắc-trị cái tính ác ấy đi.

Thầy Mạnh lại nói rằng : « Người ta sinh ra, cái sự gì chẳng đợi học-tập mà tự mình làm được, tức là cái lương-năng 良能; cái lẽ gì chẳng đợi nghĩ-ngợi mà tự mình biết được, tức là cái lương-tri 良知. Cái lương-năng lương-tri đó tức là điều thiện bản-nhiên tự trời phú cho, mà tự mình hay, tự mình biết. Xem như đứa trẻ con kia không đứa nào chẳng biết yêu cha mẹ nó; khi nó lớn lên, không đứa nào chẳng biết kính anh nó. Cái lòng biết yêu biết kính đó, tức là cái lương-tri lương-năng của loài người, lòng yêu cha đó tức là lòng nhân, lòng kính trưởng đó tức là điều nghĩa. Nhân nghĩa vốn là cái bản-tính trí-năng của người ta ai cũng có, thế thì tính ai là chẳng thiện ».

Người ta đã có cái lương-tri là trí biết sẵn, cái lương-năng là tài giỏi sẵn, thì còn cần gì phải học nữa. Nhưng hòn ngọc tốt kia còn phải rửa mãi mới thành được, cái kính trong kia còn phải lau luôn mới sáng được. Thế thì người ta tuy có cái lương-tri lương-năng cũng còn cần phải suy cho cùng cái biết cái hay của mình, thì còn cần phải học cho tri-tri, tức là « tri lương-tri 致良知 », trọng tại nghĩa chữ « tri 致 » là làm cho cái lương-tri nó thường sáng tỏ luôn, mà dụng-công cách-tri suy cho biết đến cùng. Hội Tri-tri ta tức là lấy về cái nghĩa ấy.

Thầy Mạnh đã dựng lên cái thuyết tính thiện như trên, thì tính người ta ai cũng thiện, trong cõi đời lẽ ra không có người ác nữa thì phải. Sao trong thế-gian vẫn thấy vô-số là người ác, nhất là đời Chiến-quốc, biết bao nhiêu là kẻ loạn-thần tặc-tử xuất-hiện, đạo-đức đời-bại, phong-hóa tồi-tàn, nào là tranh cướp quyền-lợi mà giết nhau, say đắm sắc-dục mà tự giết mình, thì tính thiện ở đâu.

Thầy Mạnh phải gỡ cái có ấy mới nói đỡ cho rằng người ta mà sinh ra

ác là tại bị phải cái vật-dục nó làm hôn-mê mất tính thiện đi, cũng ví như búa rìu nó làm trụ mất mầm cây đi vậy.

Thầy Mạnh có nói rằng: «Cây ở trái núi Ngưu-sơn kia, nó vốn xanh tốt; vì nó gần ở nơi thành-thị, nên bị nhiều người đem búa rìu ra chặt đốn luôn, thì cây mọc tốt sao được. Song còn cỏ rễ nó mọc lên, ngày đêm sinh-trưởng, mưa móc tưới nhuần, nó cũng vẫn còn chồi nhánh đâm ra. Nhưng lại bị phải trâu dê nó đến phá, nên cây núi mới trụ sạch như thế kia. Người ta thấy trái núi nó trụ sạch như vậy, cho rằng trái núi kia nó vốn không có cây gỗ nào, có phải là cái bản-tính của núi ấy như thế đâu.

«Cũng ví như người ta lúc mới sinh ra vốn có cái lương-tâm nhân-nghĩa, chỉ vì vật-dục nó làm phóng mất cái lương-tâm đi, cũng như rìu búa nó làm trụ mất cây đi, ngày nào cũng dẫn phá đi mãi, thì thế nào cho mọc lên được. Nhưng còn chút mầm thiện-tâm nó chưa mất hẳn, cũng ví như cái cây vẫn còn mầm, lúc tỉnh-mịch nó lại hồi-tâm tươi-tỉnh lên, như những lúc bình-minh buổi sớm, khi còn tối h, tâm còn thanh, cái mầm nhân-nghĩa lương-tâm nó cũng hồi-tỉnh được đôi chút, nhưng đến ban ngày lại bị biết bao nhiêu là vật-dục nó cùn trói cái lương-tâm ấy nó đem đi mãi, đem dắt đi mãi thì cái thần-khi trong-sạch lúc ban đêm lại mờ-tối đi, cái tâm lại sinh xăng, không khác gì loài cầm-thú. Người ta thấy con người kia nhân-diện mà thú-tâm, mới nghĩ rằng con người kia chưa từng có lương-tâm bản-thiện bao giờ, nào có phải cái bản-tính người ấy nó vẫn như thế đâu.

«Phải biết rằng cái tâm-tính người ta nó vốn bản-thiện, phải nên giữ-gìn lấy cái tâm mới được, cũng ví như cây núi kia, biết giữ-gìn nuôi nó thì nó

mới sinh-trưởng được, nếu chẳng biết giữ-gìn nuôi nó thì nó tất phải tiêu mòn đi».

Ông Khổng có nói rằng:

*Tâm ta xuất nhập vô-thường,
Khi đi khi ở quê hương chốn nào?
Dưỡng tâm cho khéo khéo nao,
Bỏ đi thì mất, giữ vào cho yên.*

Đó là nói cái tâm người ta, biết giữ-gìn thì còn, bỏ đi thì mất, nó ra vào chẳng biết lúc nào, chẳng ai biết quê-hương nó nơi nao cả. Đề khuyên người ta lúc nào cũng phải tỉnh-dưỡng lấy cái lương-tâm, khiến cho khi định thần-thanh, đừng để cho cái thặng vật-dục nó lên vào, nó dẫn-dụ cái lương-tâm đi mất, thì là người xăng, người ác, mới không còn có tính thiện nữa,

Vậy nên thầy Mạnh bảo rằng: «Muốn nuôi cái tâm nghĩa-lý, không gì hơn là hạn-chế bớt lòng thị-dục, thì mới hay giữ được cái tâm; nếu nhiều thị-dục quá, thì ít khi giữ được cái tâm vậy.»

Đó là nói người ta mà nhiều lòng ham-muốn quá, thì con dê thị-dục, cái búa tham-lam, nó làm cho trụ mất cái mầm tính-thiện đi, cái tâm chỉ trĩ-trục về vật-dục, còn khi nào được nghỉ-ngơi để tỉnh-duỡng lấy cái tâm cho thanh được nữa. Bởi vậy người ta phải có học-vấn để mà tu-trì.

Thầy Mạnh luận về cách học-vấn tu-vi, thì cốt tu làm sao cho đem lại được bản-tính. Nay xét thầy Mạnh kể ra cái công-phu học-hành phải cốt có sáu điều: 1) *Cầu-phóng-tâm* 求放心, là phải tìm cái phóng-tâm mà đem nó về, thì mới học được. Người ta khi khởi-niệm nghĩ xăng, muốn xăng, thì cái bản-tâm thiêng-liêng nó phóng đi mất, thầy Mạnh cho lúc đó là phóng-tâm, là cái tâm nó lỏng chạy đi mất. Thầy Mạnh có nói: «Điều nhân, tức là cái tâm ta, để làm chúa-tể muôn việc. Điều nghĩa tức là cái đường chính của

ta. Thế mà người ta thường hay bỏ đường chính mà chẳng noi theo; phóng cái tâm mình đi mà chẳng biết tìm, thương thay! Nếu có con gà con chó là vật rất khinh, phóng đi, xồng đi mất thì biết tìm về, có cái tâm là rất trọng, phóng đi, xồng đi mất mà chẳng biết tìm về; thì còn học-hành sao được. Cái điều cần nhất trong sự học-vấn là trước phải tìm cái phóng-tâm về. »

Ấy thầy Mạnh bảo học-trò nên đem cái phóng-tâm về, thì tự-nhiên chí-khí thanh-minh, nghĩa-lý rõ rệt, tự-khắc là học tiến lên đường cao-minh.

2) *Quả-dục* 寡慾 là hạn-chế bụng thị-dục cho bớt đi như trên đã nói.

3) *Tồn-dạ-khí* 存夜氣 là phải giữ lấy cái khí lúc bình-minh buổi sáng, lương-tâm phát-hiện, chưa mờ ám về vật-dục, tinh-thần nó còn thuần-khiết, thì mới giữ được cái lương-tâm. Chớ đừng để cho vật-dục nó làm hâm-hại mất lương-tâm, như búa rìu trâu dê nó làm trụi mất cả mầm cây di, như trên đã nói.

4) *Tri-ngôn* 知言 là xét biết bốn cái bệnh của lời nói mà bỏ đi. Bốn cái bệnh của lời nói: 1) *Bi từ* 詖辭 là lời thiên lệch; 2) *Dâm từ* 淫辭 là lời dâm-dăng; 3) *Tà từ* 邪辭 là lời mếch lệch cong queo; 4) *Độn từ* 遁辭 là lời luẩn-quẩn lúng-túng. *Bi, dâm, tà, độn* là bốn cái bệnh của lời nói. Lời nói người ta là xuất tự trong tâm. Nếu lời nói mà thiên-lệch thì biết ngay trong tâm nó mờ tối, lời nói mà dâm-dăng thì biết ngay trong tâm nó chìm đắm; lời nói mà mếch-lệch cong-queo, thì biết ngay trong tâm nó lia trái, lời nói mà luẩn-quẩn lúng-túng thì biết ngay trong tâm nó cùng-quân; đó là xét lời nói mà biết được bốn cái lỗi ở trong tâm. Nhưng tâm mình phải thấu hết mọi lẽ ngôn-luận, mà không nghi-hoặc gì, thì mới hay hiểu biết được mọi lẽ vạn-vật

trong thiên-hạ. Học đến như thế mới là tri-ngôn.

5) *Dưỡng-khí* 養氣 là nuôi cái khí hiệu-nhiên. Thế nào là khí hiệu-nhiên? Theo như sách *Xuân-thu luận-lý tư-tướng-sử* của Cương-Đảo-thị 綱島氏 người Nhật « cho cái khí hiệu-nhiên là cái chân-chính dũng-khí của mình, vốn hợp với đạo-nghĩa; khác với cái dũng huyết-khí, cái dũng trí-mưu của thế-tục. » Lại theo như sách *Trung-quốc triết-học-sử giảng-thoại* thì Vũ-dã 宇野 bác-sĩ (người Nhật) bảo rằng: « Khí là gì, tuy cái khí hiệu-nhiên ấy không phải là nhục-thể, nhưng vẫn có cái ý hình như là nhục-thể; có tu-dưỡng cái nhục-thể, rồi mới hay tu-dưỡng được tinh-thần, tức là dưỡng-khí đó ».

Nói tóm lại khí hiệu-nhiên, tức là cái ý-nghĩa công-minh chính-đại, xét mình không lỗi, cúi ngửa ở trong khoảng trời đất không có hổ thẹn điều gì. Thầy Mạnh cho cái khí hiệu-nhiên ấy nó vốn chi-đại không có hạn lượng, chi-cương không chịu tỏa-khuất, người ta hay thuận nuôi nó cho hợp với đạo-nghĩa, mà không nản lòng, thì tự-nhiên nó sung-mãn hăng-hái, hay phẫn-phát hữu-vi, không còn điều gì nghi-cụ cả.

Thầy Mạnh sở-dĩ hay chẳng động-tâm cũng là vì hay tri ngôn và hay dưỡng được cái khí hiệu-nhiên vậy.

6) *Khuếch-sung* 擴充 là suy cho rộng, cho sung-mãn cái bản-tính lương-tri ra. Bản-tính người ta như thế nào, phải xét qua cái tình thì mới biết được cái tính. Người ta ai cũng có cái tình thương xót, tình hồ-giết, tình từ-chối, nhún-nhuòng, tình biết phải biết trái, bốn cái tình ấy tức là bốn cái đầu mối hiện ra ngoài (tức là tứ-đoan 四端), thì biết trong tâm ai cũng có bốn cái đức-tính: nhân, nghĩa, lễ, trí, là cái bản-tính cố-hữu. Bản-tính vốn có bốn cái đức tốt, nếu hay nhân cái tính bản-nhiên chi-thiện ấy mà khuếch-sung ra, như

là ta đã có cái đức nhân ấy, thì ta tu sao cho thành nhân-cách, ta sẵn có cái đức nghĩa thì ta ở sao cho hợp đạo-nghĩa, ta đã sẵn có cái đức trí, thì ta học sao cho cách-trí đến cùng; ta đã sẵn có cái đức lễ, thì ta xử sao cho lễ-nhượng ôn-hòa, như thế mới là khuếch-sung, mà làm nên đến bậc thánh hiền hào-khiết; bằng không biết khuếch-sung những đức-tính tốt ấy ra, mà để cho nó mất đi, thì là hạng người tự-khí.

Vì người ta có cái đức-tính tốt ấy nên thầy Mạnh bảo rằng: « Người ta ai cũng có cái sang cái quý ở mình, cái quý của mình tức là những điều nhân, điều nghĩa, điều trung, điều tin đó, tức là thiên-tước 天爵 đó, là những cái phẩm-tước của trời phú cho, mới thật là đáng quý. Chứ còn như những chức quan Công, quan Khanh, quan Đại-phu, thì gọi là nhân-tước 人爵 là cái phẩm tước của người ban cho mà thôi.

Thầy Mạnh bảo rằng: « Người ta hay đem những cái vinh-quí kia ban cho mình, có phải là cái quý sẵn của mình đâu. Xưa kia có nhà họ Triệu-Mạnh 趙孟 là một nhà quý-tộc có quyền-thế ở nước Tấn 晉, họ có quyền hay đem cái vinh-quí ban cho người, thì họ lại hay giắt lấy cái vinh-quí ấy mà làm cho mình hèn đi. Duy người nào chẳng ham cái sang của người, mà biết tự-trọng lấy mình, biết giữ lấy cái quý sẵn của mình, mà tu lấy những điều nhân-nghĩa đạo-đức cho nó no đủ ở trong tâm mình thì còn thêm-thường chi cái miếng cao-lương của người nữa. Người nào đã tu được nhân-cách hoàn-toàn, tiếng hay danh tốt đã vẻ-vang ở thân mình, thì còn thêm thường chi cái đồ áo gấm hoa hòe, để cùi tốt mã kia nữa ».

Cái lòng ham cầu sang quý ai là chẳng muốn. Nhưng cớ-nhân ngày xưa chỉ tu lấy cái thiên-tước là phẩm-tước

của trời phú cho, cốt làm sao cho tư-cách hoàn-toàn, phẩm-giá cao-thượng; rồi tự khắc cái nhân-tước là cái phẩm-tước của người ban cho nó cũng tự-nhiên theo đến. Người đời nay thời trái hẳn, có tu thiên-tước chẳng nữa, chỉ là đạo-đức giả, nhân-nghĩa vờ, chủ-ý cốt là mong cầu lấy cái nhân-tước mà thôi, mong sao cho được cái tiếng: Ông họ bà kia, có chút ơn vua giấy vàng, ơn làng giấy trắng, như thế thì vẻ-vang sang quý còn gì bằng! Nếu đã được cái nhân-tước rồi, mà vẫn hay tu được cái thiên-tước cho xứng-dáng, thì thực là quý. Nhưng tiếc cho có kẻ khi đã được cái nhân-tước rồi, thôi chẳng nghĩ chi đến cái thiên-tước nữa; sinh ra kiêu-xa, phóng-túng, chẳng kể chi nhân nghĩa trung tín gì cả, rồi đến nỗi cái nhân-tước kia nó cũng mất hết cả danh-giá còn quý gì nữa. Bởi vậy người ta phải tự-bảo tự-trọng lấy cái quý ở mình, cái quý ở mình là những điều đức-tính tốt, học-vấn giỏi, phẩm-cách thanh-cao, phải học làm sao cho tu-tâm dưỡng-tính, cho đáng giá là một nhân-phẩm có tư-cách.

Nên thầy Mạnh có luận về cái học tu-tâm, dưỡng-tính bảo rằng: « Tính là gì? Tính là cái bản-thể của tâm. Trời là gì? Trời là nguồn gốc của tính, vì là trời phú tính cho người ta. Duy bậc thánh sinh-tri an-hành mới hay hoàn-toàn được bản-tâm mà thấu biết được bản-tính, đã thấu biết được bản-tính, thì hay thấu biết được hết lẽ trời. Đó là nhân-phẩm bậc thánh cùng hợp với trời cũng như một vậy.

Thứ đến bậc hiền là bậc học-tri lợi-hành thì còn phải giữ gìn lấy cái tâm, mà nuôi lấy cái tính, kính-cần vâng theo trời mà không dám trái. Đó là nhân-phẩm bậc hiền.

Dưới nữa là bậc sơ-học còn phải khổn-tri miến-hành, cố gắng chuyên tâm làm theo điều thiện, chớ lấy cái cơ cùng, thông, thọ, yếu, mà sinh ra

nghi-hoặc nản lòng, chỉ cốt sửa mình mà yên đời số-mệnh, tức là tu-tĩnh làm sao cho hoàn-toàn lấy tâm-tĩnh của mình, cho khỏi phụ mệnh trời phú cho vậy. (Đoạn này là theo nghĩa Vương Dương-Minh mà diễn lời thầy Mạnh ở đầu thiên *Tân-lâm*).

Chúng ta đây còn là bậc học-giả, học theo đạo thánh hiền, thì còn phải tôn-tâm dưỡng-tinh, tu sao cho thành một nhân-phẩm có tư-cách, có đạo-đức, thì mới gọi là học, chứ không phải chỉ học lấy mấy câu văn-chương hảo-huỳnh mà thôi đâu.

Tuy rằng triết-học của thầy Mạnh luận về tâm-tĩnh, trọng về đạo-đức, nhưng thầy vẫn chú-trọng về đường kinh-tế, vẫn cho rằng việc kinh-tế rất có quan-hệ với đạo-đức, chứ không phải chỉ ngồi uống nước lã suông mà tu được đạo-đức đâu. Thầy bảo rằng : « Người sống ở đời, phải có hăng-sản mới hay giữ được hăng-tâm. Duy có hạng sĩ là hạng người học-thức, giá mà không có sản-nghiệp cũng còn cố giữ được đôi chút hăng-tâm. Đến như hạng bình-dân giá mà không có sản-nghiệp thường-thường cho no đủ, thì nó không còn có hăng-tâm gì cả. Nếu đã mất hăng-tâm đi rồi, thôi thì dồng-dại càn-dỡ, điều gì mà nó chẳng dám làm ». Xem như thầy Mạnh nói thế thì không phải thầy coi khinh-thường việc kinh-tế đâu ; muốn cho mọi người ai ai cũng có hăng-tâm, tức là có cái lòng đạo-đức cao-thượng, tinh-hạnh đoan-chính, thì phải làm sao cho có ít nhiều hăng-sản trước đã, tức là phải có đường mưu-sinh cho no đủ, phải có cơm ăn áo mặc, cho khỏi đến nỗi túng thiếu, thì mới ngồi mà bàn nhân-nghĩa đạo-đức được. Nếu gặp phải cảnh thấy đồ kiết, con gào đói, vợ kêu rét, tức như cái cảnh câu thơ ông Tú rằng : « Gạo cũ lệ thường một bữa một, vợ quen dạ cũ đói năm đói. » Gạo lo từng bữa một đã không đủ, mà vợ con thì neo-nhọc

một đàn, tình-cảnh ấy thì thầy đồ cũng cụt cả hứng ngâm thơ ; còn nói gì đến đạo-đức nữa. Thế cho nên Hứa Hành 許衡 là một nhà Nho cũng bảo rằng : « Học-giả dĩ trị sinh vi tiên vụ 學者以治生爲先務 ». Nghĩa là làm thầy đồ mà muốn lên mặt đạo-đức, trước phải cho no bụng đã. « Có thực mới vực được đạo », câu ấy thực là câu úy-ngôn.

Thầy Mạnh tuy rằng lấy việc kinh-tế làm trọng, vẫn bảo người ta phải có hăng-sản đã mới hay giữ được hăng-tâm. Nhưng đối với hạng người trong mắt chỉ biết có chữ « lợi » ham cầu phú-quí quá chỉ cốt vor-vét lấy của cho nhiều, thì thầy lại coi khinh kẻ vụ-lợi ấy không khác gì chú Chích 鷄, là anh bợm trộm. Thầy bảo rằng : « Muốn biết cái nhân-phẩm của người ta hay dở thế nào, thì chỉ xét : cái tâm người ấy hay ham về điều thiện mà làm, thì biết cái phẩm người ấy về bậc ông Thuấn là hạng người hiền ; cái tâm kẻ kia chỉ ham về điều lợi mà làm, thì biết cái phẩm kẻ kia về hạng chú Chích là anh bợm trộm ». Thế thì kẻ trọng tài-lợi quá có phải là đáng quý trọng đâu. Thậm-chí có kẻ chỉ chuộng cái miếng khẩu-phúc là cái nhỏ, mà quên mất cái thể lớn là cái tâm mà không biết nuôi cho trong-sạch thì ai là chẳng khinh. Xe n thế thì biết thầy Mạnh tuy lấy đường tài-hóa sinh-nhai làm trọng, đề mà duy-trì lấy đạo-đức, nhưng trong lợi vẫn phải có nghĩa mới được.

Nay xin xét đến cái tư-tướng chính-trị của thầy Mạnh. Thầy bảo rằng làm chính-trị chỉ cốt suy cái tâm bất-nhân ra đề mà làm cái chính bất-nhân, gọi là nhân-chính 仁政, hay gọi là vương đạo. Cái phương pháp hành-chính bất-ngoại bốn chữ : « Nông tang giáo dưỡng 農桑教養 ». Tức là bảo dân chăm việc nông tang cho no đủ, rồi dạy dân lấy đạo hiếu để trung tín. Trước nhất theo phép tỉnh-điền 井田

vạch đường thiên-mạch ra làm từng khu ruộng, khoi ngòi câu-cừ để chứa nước làm ruộng, bảo dân trồng lấy dăm mẩu dâu, cấy lấy trăm mẩu lúa, để cho dân có lúa mà ăn, có lụa mà mặc, đương mùa làm ruộng đừng bắt dân đi phu phen tạp-dịch để đến nỗi ngăn-trở việc làm ruộng của dân. Tức như cái chính-sách khuyến-khóa nông-tang đời bây giờ; lại bảo dân nuôi lấy giống kê, đồn, cầu, trệ, như là giống gà mái, lợn nái, để cho nó sinh-sản ra, tức là cái cách các đồn-diền mục-súc đời bây giờ; lưới mau cấm không cho được vào đánh cá ở các ao chuôm, mùa cá có trứng không được bắt, tức là cái chính-sách bảo-hộ ngư-nghiệp đời nay, giữ cho loài cá sinh nở được nhiều; búa rìu phải có mùa mới được vào rừng đốn củi, tức là cái chính-sách bảo-hộ sâm-lâm đời nay, không cho đốn cây không đúng thước, để cho được nhiều sừng gỗ mà dùng; dân chỉ cần những việc ăn uống của nhà để nuôi người sống, việc tế-tự đồ quan-quách để chôn người chết, mà thầy Mạnh hay bày ra cái chính-sách làm lợi cho dân, giúp cho dân những việc dưỡng sinh tống-tử không còn ân-hận điều gì, đó là cái nhân-chính nuôi dân cho được no đủ. Dân đã no đủ giàu có rồi, nếu không dạy bảo cho dân thì không khác gì loài cầm thú. Thầy có nói rằng: «逸居而無教。則近於禽獸 *Dật cư nhi vô giáo, tắc cận ư cầm thú*». Nên lại phải cần đến việc giáo-dục là phải lập ra nhà Trường nhà Tự để dạy cho dân biết lễ nghĩa, đó tức là cái chính-sách văn-minh đời nay, nhà-nước mở ra các nhà trường tiểu-học, trung-học để khai-hóa dạy cách phổ-thông cho dân. Ở chốn quốc-đô thì lại đặt ra nhà Quốc-học nữa, tức như trường cao-đẳng đại-học ngày nay, việc giáo-dục như thế cũng đã là hoàn-toàn chính-đốn. Còn đến như các việc kiêu-lương đạo-lộ thì thầy Mạnh bảo rằng

trong một năm, về tháng mười-một là lúc dân rảnh việc nông thì phải bắc xong những cái cầu đi bộ, về tháng chạp thì phải bắc xong những cái cầu đi xe qua được, thế có khác gì các việc công-chính đời nay, cần trông nom đến những việc cầu cống đường sá không?

Ấy cái thuyết chính-trị của thầy Mạnh đại-lược kể ra như trên, là chỉ cốt giữ lấy dân để làm gốc cho nước. Còn như cái thuyết dân-quyền bên Âu Mỹ còn là mới về sau này, chứ thầy Mạnh đã nói ba chữ: «*Dân vi quý* 民為貴» đã tự hơn nghìn năm trước kia rồi, không cần phải giải ra chi nữa.

Thầy Mạnh lại sở-trường về cách nói thí-dụ, như vua nước Lương kia cũng chẳng tận-tâm với dân, hơn gì vua nước láng-diềng, mà lại có ý chê vua nước láng-diềng; nên thầy nói ví cũng là một phường bại-trận mà thua chạy cả, thế mà lại lấy cái anh thua chạy năm-mươi bước mà cười cái anh chạy một trăm bước kia là hèn nhất; tổng chỉ chạy gần chạy xa cũng là anh thua chạy cả, có hơn gì nhau. Lại như vua Tề Tuyên-vương hỏi cái cách không chịu làm nó như thế nào? Thầy nói ví ngay như sai thẳng bé con kia bẻ cành hoa, mà nó nói không thể bẻ được, thế là cái cách không chịu làm. Vua hỏi cái cách không làm nổi được nó như thế nào? Thì thầy nói thí-dụ ngay như cấp núi Thái-sơn mà nhầy qua bề thì chịu không thể làm được, đó là cái sức không thể làm nổi được. Ấy những câu nói thí-dụ tài-tinh đại-khái như thế.

Thầy Mạnh lại sở-trường về cách ngụ-ngôn, như chuyện cái anh chàng kia, cứ một ngày ăn cấp một con gà, có người bảo cái việc ấy là phi-nghĩa, nên chừa ngay đi, thì nó nói xin chừa dần, từ nay cứ một tháng ăn cấp một con, để đợi đến sang năm hãy xin chừa hẳn. Đó là ngụ cái ý răn những người đã biết lỗi mà không chịu chừa ngay.

Lại chuyện anh chàng nước Tề kia có hai vợ cùng ở một nhà. Hằng ngày anh chồng ra đi, lúc trở về thì hôm nào anh chồng cũng ra dáng rượu-thịt say no. Vợ mới hỏi thầy nó hôm nay xơi tiệc với những ai ? thì ối chà ! hết thấy là những ngài phú-quí cả ! Chị vợ-cả nghe nói, lấy làm nghi-ngờ, mới bảo riêng với chị vợ lẽ rằng : « Chồng ta hôm nào đi về, cũng thấy ra dáng rượu thịt say no, mà ta hỏi ra thì thuần là chơi-bời tiệc tùng với những ngài nào sang-trọng cả. Thế mà nhà ta chưa từng thấy có quan nào sang-trọng qua chơi, để ta thử đi lên dò xem chồng ta chơi những đâu ». Sáng sớm mai, chị ta lên đi, theo hút xem ông-chồng đi những đâu, thì thấy khắp trong thành-phố không ai cùng đứng nói chuyện với, cuối cùng thấy ông-chồng đi ra mãi ngoài khỏi cửa ô, chỗ người ta đương cúng tạ mã, mới xin lấy những đồ cúng thừa mà ăn, chưa đủ, lại đi xin nơi khác. Bà vợ mới biết ra rằng cái cách say no của anh-chồng là như thế ; vội lên về trước bảo với chị vợ lẽ rằng : « Chồng ta, chúng ta còn trông nhờ vào suốt đời, mà nay như thế kia, còn ngưỡng-vọng nổi gì ! » Hai vợ cùng nói mĩa chồng, rồi cùng khóc thầm với nhau ở sân nhà trong. Anh chồng ta đi vừa về, vẫn chưa biết rằng sự mình đã bại-lộ, hai vợ nó đã biết tổng cái phú-quí ăn mày của anh rồi, mà anh ấy vẫn ra bộ nghênh-ngang tự-đắc, tự cửa ngoài đi vào, lên mặt với hai vợ.

Thầy Mạnh phán-đoán câu chuyện ngụ-ngôn trên ấy bảo rằng : « Những người làm chồng đời ấy mà phải luồn-cúi đi cầu-cạnh lấy phú-quí, nếu mà gặp phải hai vợ nó biết tổng cái cách đê-tiện ấy ra, thì lắm khi vợ nó phải đến xấu hổ mà tủi khóc. »

Song tự ý tôi phán-đoán : về các bà vợ khác, nếu thấy ông-chồng mà cầu được phú-quí, thì có phần lại hơn-hở tươi-cười hơn, chứ chẳng khi nào lại khóc.

Ấy cái học-thuyết thầy Mạnh kể ra như trên, về thuyết triết-học thì uyên-nguyên thâm-thúy như thế nọ mà về tư-tưởng chính-trị thì lại rõ-ràng thực-hành như thế kia, mà thầy lại sở-trường về cách nói thí-dụ, lối văn ngụ-ngôn như thế đó. Trong sách *Trung-quốc luận-lý học-sử* người Nhật là Tam-phổ-đăng-tác cũng khen thầy Mạnh là một bậc cao-tài trắc-kiến, biện-luận hùng-hồn, thầy Mạnh nói rằng : « Thuế đại-nhân tắc điều chi, vật thị kỳ nguy-nguy nhiên 說大人則藐之。勿視其巍巍然。 » Nghĩa là lấy một nhà Nho mà tiếp chuyện với bậc đại-nhân quyền-quí, cũng coi thường như không, đừng thấy cái bộ nguy-nga hiên-bách của họ mà sợ-hãi rụt-rè không dám nói. Vì sao mà nhà Nho lại hay có cái khí-phách hào-hùng, tự tôn, tự trọng được như thế, là bởi cái chí bão-phụ của nhà Nho rộng lớn, không có thêm những cái mối phú-quí bả vinh-hoa, không coi cái thế-lợi sùng-cao vào đâu cả, nên thầy lại bảo rằng : « Kể quyền-quí kia chỉ lấy lâu cao, thêm rộng làm sang, nếu ta mà đặc-chí ra cũng chẳng thêm làm. » Giá mà thầy sinh về đời này thì dẫu nhà lâu mấy dãy, tiệm phố mấy tầng, thầy cũng chẳng màng chi. Thầy lại nói : « Kể kia lấy chiếu rượu bày vuông trượng, gài hầu hàng trăm ả làm thú, nếu ta mà đặc-chí ra cũng chẳng thêm làm. » Giá mà thầy ở về đời này, thì dẫu tiệc-khách cơm tày, ca-nhi vũ-nữ, thầy cũng chẳng thêm đoái. Thầy lại nói : « Kể kia lấy sự say sưa rượu chè, ruồi giông săn bắn, xe hầu hàng nghìn cỗ làm vẻ vang, nếu ta mà đặc-chí ra cũng chẳng thêm làm. » Giá mà thầy tái-thế ra ở đời văn-minh vật-chất này, thì dẫu ô-tô xe rước, sâm-banh rượu mời, thầy cũng chẳng ngốt chi những cái cách phú quí ấy. Đó là thầy tự-tin ở cái cô-học của mình, tự trọng lấy cái phẩm-giá của mình, nên không thiết

chỉ những cách phù-hoa vật-chất, mà phải chịu lụy với đời.

Bởi thế nên thầy chẳng chịu khuất-tất đi yết-kiến các vua chư-hầu, dẫu vua Tề tôn thầy lấy ngôi sư phó, dãi thầy lấy lộc vạn-chung, mà thầy cũng từ chối. Thầy thực là một vị Nho-tôn ở phương Á-đông ta, tuy rằng thầy tổ-thuật đạo Khổng, mà lại hay tập được đại-thành, Khổng-tử chưa nói rõ nghĩa tinh-thiện, mà thầy hay phát-minh ra cho rõ nghĩa tinh-thiện. Khổng-tử mới nói đạo quân thần phụ tử, mà thầy nói đủ cả đạo ngũ-luân; Khổng-tử mới nói đức nhân, mà thầy nói đủ cả bốn đức : nhân, nghĩa, lễ, trí. Thầy Mạnh có nhiều cái tư-tưởng khác với Khổng-tử. Khổng-tử thì căn-cứ về học-thuyết của tiên-vương để mà phát-minh đạo-thống ; thầy Mạnh lại hay suy-diễn cái tư-tưởng của thầy Tử-tư mà phát-minh ra cái nghĩa lương-tri lương-năng; Khổng-tử thì chủ về danh-phận đại-nghĩa, mà thầy Mạnh thì chủ về phương-diện cải-cách; Khổng-tử ít nói đến việc kinh-tế, mà thầy Mạnh cho việc kinh-tế có quan-hệ với đạo-đức, thường bàn đến việc kinh-tế luôn. Thầy tuy là một nhà Nho quân-tử, mà lại có cái tư-cách là một bậc vĩ-nhân hoạt-động, có cái thiên-tài chính-trị, muốn hiển-thân ra để duy-trì lấy thể-đạo nhân-tâm, chứ không phải là một nhà Nho khô-khan nhạt-nheo buồn tẻ như thầy đồ đạo-đức suông.

Nhà nho ta khi xưa tuy vẫn tôn-sùng học-thuyết Khổng, Mạnh, nhưng cứ giữ khư-khư ở trong mấy bộ sách nát của cổ-nhân, nay chúng ta cần phải đem học-thuyết các ngài ra mà nghiên-cứu, mà phát-minh cho hòa-đồng với cái phong-trào tư-tưởng lớn trong thế-giới, phải phiên-dịch ra thể nào làm cho cái tinh-lý thảng được cái tử-văn, chứ đừng để cho cái tử-văn nó tiêu-ma mất cả tinh-lý, là phải đem thầy Mạnh ra mà tiếp chuyện với các nhà

hiền-triết đông tây, chứ đừng để trong khám thờ u-âm tịch-mịch. Thầy Mạnh mà ra dự cuộc hội đàm triết-lý ở cái « hội nghị bàn-tròn » trên thế-giới, có ông Gia-Tô, ông Phạt-tô, đông đủ cả các nhà triết-học Thái-tây, thử xem cái tài hùng-biện của một nhà chân-nho Đông-Á có kém gì ai !

Đương cái buổi phong-trào tây-học thịnh-hành này, các nhà tây-học đã thâm, ai là chẳng biết đến những học-thuyết của các bậc tây-nho, nào là thuyết *Lý-tinh* của Mạnh-đức-tu-cưu (*Montesquieu*); thuyết *Động-vật tiến-hóa* của Đạt-nhĩ-văn (*Darwin*); thuyết *Triết-học* của Tư-tân-tắc (*Edmund Spencer*) ; thì ai cũng biết, lẽ nào học-thuyết thầy Mạnh là một thuyết triết-lý của một vị Nho-tôn ở Đông-phương, lại chẳng đem ra cống-hiến các ngài để cùng thưởng-thức hay sao ? Vậy nay tôi mới lược-thuật ra đây, cũng chưa chắc đã hết được những thuyết tinh-vi của thầy Mạnh, dẫu dám bi với các nhà tây-học đã tường-tận thuyết-minh được hết cả cái học-thuyết của các bậc tây-nho.

Thưa các ngài,

Thói thường người đời, phần nhiều xem các bức vẽ, cứ hay tra mắt những nét sắc-sỡ ; nhưng hôm nay chúng tôi vẽ cái bức tranh học-thuyết bằng thủy-mạc này, chỉ cốt tả lấy cái tinh-thần chất-phác, không dám điểm những nét sắc-sỡ xanh đỏ vào làm chi. Công-chúng phần nhiều đi nghe hát, vẫn hay vỗ tay những câu khôi-hài, nhưng hôm nay chúng tôi hát cái khúc tuồng học-thuyết cổ lỗ quê-mùa này, chỉ cốt lựa lấy những câu nam câu bắc lối tuồng kinh cổ, chứ không muốn pha những giọng bông-lơn nhảm-nhí vào làm chi. Vậy cũng có điều tẻ mắt chán tai chư-tôn thánh-giả, xin các ngài lượng-thứ.

NGUYỄN HỮU-TIẾN

VIỆT-NAM TỒ-QUỐC TÚY-NGÔN

越南祖國粹言

XI

XI — Trí-thức

- 495— Người khôn chóng già,
Người dại lần-quất vào ra tối
ngày (1).
- 496— Người khôn nhọc lo, dũa dại ăn
no lại nằm (2).
- 497— Người trên cây chẳng lo, người
dưới gốc lo (3).
- 498— Người khôn nói mảnh, người dại
đánh chết (4).
- 499— Nói thì đăm năm chém mười,
Đến bữa tối trời không dám ra
sân (5).
- 500— Nước chảy xuôi, bè kéo ngược (6).
- 501— Nói như nước đổ lá khoai (7).
- 502— Nói như nước đổ đầu vịt (8).
- 503— Nước đến chân mới nhảy (9).
- 504— Mù dốt mù, cả hai lẫn vù xuống
ao (10).

1) Đây là lời thương người khôn thì không thọ, chán cho người dại thì cứ lần-quất hết ngày ấy sang ngày khác mà sống mãi. Ý lấy làm bất-mãn với người dại nhiều lắm.

2) Nhọc lo là vì lo mưu suy tính công-việc nhiều mà đến nhọc. — Người khôn tuy nhọc lòng vì lo việc, nhưng sẽ được hưởng cái công thành-lập của sự-nghiệp mình để bù lại. Trái lại dũa chỉ biết ăn no lại nằm, tựa-hồ như thân nhân tâm nhân. Song đã không hay lo xa trách trước, tất tai-vạ sẽ đến sau lưng mà không biết, thì dại là dường nào.

3) Đây là chê kẻ cục-ngoại hay đem những điều khó-khăn nguy-hiêm đề lo ngại cho người đương-cục, thực

là kẻ vô-trí-thức, lấy cái lòng dút-dát của mình mà lo như thế đó thôi. Phải biết người ta đã tự bước vào cuộc, tất không lo sợ gì mới dám làm. Nay kẻ ngoài cứ lấy sự thành-bại mà lo hộ, thì có khác gì dũa đứng dưới gốc cây mà cứ lo sẽ có sự ngã gãy lây với người đang chèo trên cây không.

4) Nói về cách giáo-dục không nên dùng hình-phạt roi vọt nhiều. Nên biết người đã khôn thì ý tất sáng. chỉ dùng lời nói mảnh để chạm vào ý-tư mà khuyên răn thì người ấy tất hiểu ngay. Còn như người dại đại thì ý tất tối, dũa đem đánh đến chết cũng không tự hiểu được. Vậy thì đối với người dại lại càng phải lấy lời-lẽ mà uyên-chuyên khái-phát ra cho, thì sẽ có công-hiệu tốt, chứ đừng đập đánh làm gì.

5) Đây là chê kẻ vô-trí-thức mà lại hay nói khoác. Lúc vô sự nói chuyện đi đánh giặc thì cả quyết đả-n chém nhiều người, thế mà hôm nào tối trời thì sợ ma sợ trộm, không dám thò ra đến sân.

6) — Bè đã là cái vật khó trở trên mặt nước. Dẫu nước chảy xuôi bè trở xuôi cũng còn đi chậm. Thế mà nước xuôi bè lại kéo ngược, thì trái ngược và khó-khăn biết dường nào.

7) Lá khoai sọ, khoai ngứa có phần trơn, nước vào trượt đi ngay không dính lại một tí vết nào. Kẻ vô-trí-thức nghe lời giáo-huấn cũng thoáng qua ngoài tai, không cảm-hóa được một chút gì. Cũng không khác như nước đổ lá khoai vậy.

8) *Lông vịt có chất nhờn, nên không thấm nước. Vì thế vịt lặn hụp ở dưới nước suốt ngày mà không ướt. Ta thường thấy con vịt hụp đầu xuống nước một cái rồi ngóc lên thì đầu lại ráo ngay. Nên lấy việc ấy để ví với kẻ tầm gọi vào giáo-hóa mà ngu vẫn hoàn ngu vậy.*

9) Khi nước lớn kéo đến, cửa nhà cây cối đều bị cuốn bị ngập, tàn-hại vô-cùng. Người vật không chạy kịp cũng đều chết hết. Cho nên thấy nước lớn kéo đến, còn ở dằng xa thì người ta đã đều tìm đường tránh nạn cả rồi. Thế mà có kẻ để cho nước ò vào đến tận chân mới nhảy lên mà chạy, thì sao cho kịp. Thế có ngu không?

10) *Kẻ mù không biết đường đi, phải có kẻ sáng dắt thì mới khỏi nguy-hiểm mà đi tới chỗ ý muốn. Nay kẻ mù lại nhờ kẻ mù dắt, thì tài nào mà không cùng ngã cả xuống ao. Đó là răn những kẻ không đủ trí-thức thông-hiểu về việc gì, thì đừng có cả gan nhận lấy cái trách-nhiệm chỉ bảo, đưa dẫn cho kẻ khác về việc ấy. Nếu không biết mà dám đương lấy sự dựa người thì không những kẻ theo bị nguy mà kẻ dựa cũng cùng bị khốn vậy.*

505— *Làm người ăn tối lo mai,
Việc mình hồ để để ai lo lường (1).*

506— *Làm người mà chẳng biết suy,
Đến khi nghĩ lại còn gì là thân (2).*

507— *Ở đời suy rộng nghĩ xa,
Cho tường gốc ngọn cho ra vấn
dài (3).*

508— *Làm người phải dẫn phải đo,
Phải cân nặng nhẹ phải dò nông
sâu (4).*

509— *Khôn sống mống chết (5).*

510— *Hoài lời nói kẻ vô-tri,
Một trăm gánh chì đúc chẳng nên
chuông (6).*

511— *Hay làm mà chẳng hay lo,
Làm chi cho lắm, làm cho nhọc
minh (7).*

512— *Ếch ngồi đáy giếng, coi trời bằng
vung (8).*

513— *Đi cho biết đó biết đây,
Ở nhà với mẹ biết ngày nào
khôn (9).*

514— *Eàn đầu mà gậy tai trâu,
Đạn đầu bắn sẻ, quom đầu chém
ruồi (10).*

1) Đây là nói làm người phải biết lo toan lấy cái việc sinh-hoạt cho mình. Việc thiết thân là sự du-ông-sinh, trước khi ăn bữa tối thì đã phải lo cho có đủ bữa mai rồi. Nếu tối nay chỉ biết bữa tối nay, còn bữa sáng mai thì mai sẽ lo, như thế tất lo không kịp, sẽ bị bối-rối. Đó là kẻ vô-tri-thức không biết lo xa. Suy ra việc gì cũng vậy, nếu chỉ biết cái việc trước mắt mà không lo đến cái kế sau lưng, thật là kẻ ngu mà không làm nên được sự-nghiệp gì lớn-lao trảng-viễn vậy.

2) Làm người có thân, thân được hay hay là bị hèn, được vinh hay là bị nhục, đều tự mình chủ-trương lấy cả. Vậy làm việc gì cũng phải suy xét cho kỹ sẽ làm. Nếu gặp việc làm liều, không suy nghĩ gì, sau tuy có nghĩ mà hối lại, nhưng thân đã bị dọa-lạc rồi, gỡ lại không kịp nữa. Kẻ đó sao gọi là kẻ có trí-thức được.

3) Lẽ tuy mâu-nhiệm, nhưng có gốc mới có ngọn; việc tuy tương-tự, nhưng mỗi cái có vấn-dài khác nhau. Thế cho nên trong sự học-vấn, trong sự hành-vi; đều phải suy-nghĩ cho rộng xa, thì mới tường được gốc ngọn của cái lẽ đó, hiểu được vấn-dài của việc đó, mà xét lý không lầm, làm việc không sai.

4) Cũng giống nghĩa câu trên.

5) *Mống* là đại, tiếng Trung-kỳ. Đây là nói về cái nghĩa nhân-sinh ở đời. Người ta ở đời, một người như thế, một dân-quần cũng như thế, thịnh hay là suy, hay hay là hèn, sống hay là chết đều quan-hệ vào ở cái trí khôn

của mình mà thôi. Đời là một cuộc sinh-sống, mà sinh-sống được không phải dễ. Phải làm mới có ăn, phải tranh mới có chỗ, người với vật, người với người, đàn với đàn, đều như thế cả. Vậy có khôn thì mới sống được mà mống thì tất bị lấn mà chết. Thế thì thịnh suy, hay hèn, sống chết chỉ ở khôn với mống mà thôi, chẳng có vận - hội số - mệnh gì cả. Thuyết này cũng giống như thuyết : « Canh-tranh cho được sống còn, mà mạnh thì được yếu thì thua » của phái Thiên-diễn học Thái-tây gần đây. Chỉ vì ta không biết suy-diễn phát-minh ra để làm nghĩa-lý cho trong sự học-vấn, mà thủa nay cái câu túy-ngôn thiết thực ấy không biểu-dương lên được.

6) Vô-tri 無知 là không hiểu biết lẽ gì. Đối với kẻ vô-tri thì dù có muốn đem nghĩa-lý gì hay mà cảm-hóa cũng phí công hoài lời mà thôi. Nếu cho rằng một kẻ vô-tri không đủ hiểu thì hợp nhiều kẻ vô-tri lại tất hiểu được. Song nghĩ thế là sai. Đã vô-tri tức là vô-trí-thức thì trăm người cũng như một mà thôi, không có thêm gì ra được. Cũng như cái chuông kia, bằng đồng thì mới kêu, chứ bằng chì thì không có tiếng. Dầu đem đến trăm gánh chì cũng không đúc được nên một quả chuông vậy.

7) Trí-thức là chủ của hành-vi, cho nên phạm việc có biết mưu lo châu-dáo thì khi làm mới có hiệu-quả, mà thu-hoạch mới không thất - thố. Nay chỉ hay làm thôi mà không biết lo mưu cho toàn-vẹn, thì làm lắm cũng chỉ nhọc mình mà thôi, chứ cũng không sở-dắc được gì vậy.

8) Đây là ví với kẻ không có trí-thức rộng xa mà tự-kieu tự-đại, cho thiên-hạ không ai bằng mình vậy. Giếng xây gạch, nhỏ mà sâu. Con ếch ở dưới đáy giếng không bao giờ nhảy lên bờ

miệng giếng được. Thế thì nó trông lên bao giờ cũng chỉ thấy trời vừa bằng cái miệng giếng ấy mà thôi, tức là một cái vung dề đặt cho cái giếng ấy đó. Nên con ếch bèn tưởng bầu trời chỉ có thế tức là bằng một cái vung giếng mà thôi. Câu này cũng là diễn lại câu ngụ-ngôn : « Tỉnh dề oa 井底蛙 » của Tầu ở sách Hán vậy.

9) Đây là nói có đi lịch-duyet rộng xa thì trí-thức mới càng mở-mang.

10) Đây nói khinh-bỉ bọn vô-trí-thức.

515 — Bàn ông năm bảy đàn ông,
Vợ dặn mua hồng đi mua cây con
(1).

516 — Đàn bà năm bảy đàn bà,
Chồng dặn mua gà mua phải cuốc
con (2).

517 — Đánh cờ nước bí không toan,
Dù anh ham đánh trăm bản cũng
thua (3).

518 — Đi một quãng đường học được
một sàng khôn (4).

519 — Được chim bẻ ná, được cá quên
nơm (5).

520 — Đi một buổi chợ học được một
mở khôn (6).

521 — Đường quang chẳng đi, đi đường
rậm (7).

522 — Đám dầu vào hang hổ (8).

523 — Đười-voi giữ ống (9).

324 — Đông the hè đụp (10).

1) Hồng với cây là hai thứ quả tương-tự nhau, cùng có tai, cùng ăn được. Nhưng hồng thì lớn, cây thì nhỏ, cách nhau xa. Đây là lời hoạt-kê chê người đàn ông không có trí-thức.

2) Cúốc là thứ chim ở bờ ao bờ ngòi, đến mùa hè thì kêu « cuốc-cuốc » nên gọi tên là chim « cuốc ». Hình con cuốc giống như thứ gà mái đen nhỏ mà mảnh-khảnh hơn. Nhất là cuốc con thì giống gà con hơn, nhưng bé nhỏ

nhieu. Đây là lời hoạt-kê chê người đàn-bà không có trí-thức.

3) Đánh cờ là việc đấu-tri với kẻ khác. Đã tương-đối thì không nên vội khinh-khi kẻ đấu-tri với mình đó là kém với trí-khôn của mình. Bởi thế người cao cờ là phải tính mà giữ lấy vững thế cờ của bên mình đã. Phải phòng-bị cho khỏi những « nước » bên kia đem « quân » sang chiếu bí mà không còn đường nào gỡ được. Nay nếu ham đánh cờ, tức là ham đấu-tri với người, mà hờ-hênh chỉ chực đánh cho người thua mà không tính nước sẽ bị chiếu bí của mình, thì dù đánh nhiều cũng không bao giờ được.

4) Sàng là cái mẹt thưa để lác cho thóc đã xay rồi, gạo lọt xuống mà chấu thu đọng lại. Nhưng đây nói sàng là lấy cái nghĩa để đựng, tuy không nhiều bằng thúng cũng được một mẻ. Đi ra ngoài mới mẹt quăng đường đã học được một sàng khôn. Vậy đi càng xa thì học được khôn càng nhiều, sự lịch-duyet có ích cho trí-thức là đường nào.

5) Nả cũng là cái nỏ để bắn chim, nôm là cái đồ đan bằng nan để úp cá ở nơi nước chảy. Đây là chê kẻ vội quên cái bản-nghệ của mình. Nhờ nghề đó mà được thành-công bên vội quên ngay cái nghề đó. Sau muốn dùng đến thì đã bị hủy bỏ rồi, không còn lấy đâu mà kế-tiếp được công-nghiệp cho đại-thành nữa.

6) Mớ là một mỗi một món có dây buộc lại, như mớ rau. Chỗ chợ búa bán buôn trao đổi vừa phiên-kịch vừa có nhiều sự không thực ở trong. Nếu ít trí khôn thì tất bị lừa luôn. Cho nên muốn chóng có trí khôn-ngoa thì nên ra giao-thiệp ở nơi thương-mại thị-trường.

7) Đây là chê kẻ không có trí-thức, việc ngay lẽ thẳng thì không làm, mà lại làm việc có can-liên rắc-rối với nhiều cơ không hay khác. Cũng như kẻ

đi đường, đường quang-đãng thì không đi mà đi vào đường có chông gai rậm-rạp. Nghĩa này cũng thường dùng để răn cho việc tình-duyên hôn-phối: Đường quang tức là những chỗ trai tân, gái tân, đường rậm tức là những chỗ trai có vợ gái có chồng.

8) Chê kẻ làm việc mà hay táo-tợn vô-lý, tức là kẻ vô trí-thức. Tránh hồ mà bắt được hồ mới là người đa mưu. Nay tự đâm đầu vào hang hổ, thân chết mà vô-ích cho công-việc, thì sao gọi là khôn.

9) Đười-ươi là một thứ khỉ lớn, dáng hình và cử-động đã hầu gần như người, nên cũng gọi là người rừng. Ở những rừng già nước ta thường có giống đười-ươi ấy. Chúng nó cũng hay bắt người mà làm hại. Tục truyền khi bắt được người nào thì chúng nó nắm chặt lấy cổ tay mà ngửa mặt lên trời cười híp mắt lại. Vì thế những người sơn-tràng vào rừng mỗi tay họ phải xoắn vào một cái ống nứa. Bất-hạnh bị đười-ươi bắt được thì nó nắm chặt lấy ống nứa ở cổ tay. Hễ thấy nó ngửa mặt lên cười thì rút tay ra mà chạy. Con đười-ươi thì cứ nắm mãi cái ống nứa đến khi trông xuống thì chỉ có cái ống nứa không mà thôi. Đây lấy việc đười-ươi giữ ống mà ví với người cố-chấp bất-thông, cứ giữ khư-khư lấy cái lối cũ mà không biết thay đổi. Tức là phải thủ-cự một cách hủ-bại vậy,

10) Đụp là áo may nhiều lần cho dày để mặc cho khỏi rét. The là áo bằng tơ thưa và mỏng, mặc về mùa nóng cho khỏi bức. Đây là chê kẻ không biết biến-đổi cho hợp thời. Không phải là đến mùa hè thì gỡ áo chụp ra mặc, đến mùa đông thì gỡ áo the ra mặc, cố ý làm ra trái ngược đầu. Mà chính là nhân mùa đông mặc áo chụp thì cứ để luôn thế mà mặc về mùa hè. Nhân mùa hè mặc áo the thì cứ để luôn thế mà mặc về mùa đông. Như thế là không biết biến đổi, mới là ngoan-cố

hủ-bại. Đời khoa-học, đời cạnh-tranh đến như ngày nay, mà còn nhiều kẻ giữ lấy hủ-tục, giữ lấy cò-thuyết sai-lầm mà không chịu suy-xét phải trái để đổi thay, thì tức là những hạng « đười-ươi giữ ống » và « đông the hè đụp » đó.

- 525— Đơm đó ngọn tre (1).
 526— Chẳng cái đại nào, giống cái đại nào (2).
 527— Chưa có vàng đã lo túi đựng (3).
 528— Chẳng lo trước ắt lụy sau (4).
 529— Chuột cắn dây buộc mèo (5).
 530— Có con mắt mà không có con người (6).
 531— Biết sự trời, mười đời chẳng khó (7).
 532— Biết đâu mà há miệng chờ họ (8).

1) Đây là diễn câu ngụ-ngôn ở sách Mạnh-tử nói : « Duyên mộc cầu ngư 緣木求魚 Leo cây tìm cá ». Chê cái cách làm việc không có trí-thức. Không cần ở chỗ chính gốc của nó, mà lại đi cầu ở chỗ trái lại, thì chỉ vất-vả mà không có công-cán gì.

2) Việc đời đa-đoan không giống nhau. Mỗi việc có một tính-cách riêng thì đối-phó có một phương-pháp khác, không nhất-dịnh được. Cho nên hợp lẽ thì khôn mà trái lẽ thì đại. Không việc nào giống việc nào, thì cũng không cái khôn nào giống cái khôn nào, và cái đại nào giống cái đại nào. Cho nên việc trước làm thế là đại, nhưng việc sau vị-tất làm thế đã là đại. Vậy kẻ trí-giả phải tự suy-tính ở bụng mình mới được.

3) Chê kẻ vô-tri-thức hay lo xa nghĩ rộng một cách vô-lý. Vàng chưa có thì đã lo túi đựng làm gì. Cho nên xử sự không biết lo xa nghĩ rộng không được, mà lo xa nghĩ rộng ra ngoài cái giới-hạn của công-việc cũng là ngu.

4) Câu này dịch câu : « Bất hữu viễn lộ, tất hữu cận tru 不有遠路, 必有近

憂 » của Tàu. Nghĩa là việc gì cũng có cái nguy-cơ nó phục ở trong. Nếu không biết lo mà tìm cách phòng-bị trước đi, thì sau sao khỏi bị nó làm lụy cho mình.

5 — Chê kẻ bị hại mà lại đi làm việc thoát-nạn cho kẻ làm hại mình. Xem như mèo kia là kẻ làm hại chuột, nay mèo bị buộc tức là kẻ làm hại mình đang khốn-quẫn, chuột không có cách gì giã thù lúc ấy thì chớ, sao lại còn đến cắn cái dây buộc mèo ấy để cứu cho mèo được tự-do mà ra làm hại mình hay sao. Thật là vô-tri-thức.

Lại một nghĩa thì cho mèo bị buộc tức là không được rộng ra đi bắt chuột. Nay chuột đến cắn cái dây buộc mèo ấy là để trêu ghẹo và để cho mèo được tiện mà bắt mình. Cũng là chê kẻ đại.

6) — Con người là chỗ đồng-tử-không. Mắt tuy là cơ-quan để trông, nhưng con người mới chính là chỗ trông thấy hình vật. Cho nên bệnh thanh-mạnh tức là bệnh chỉ bị bẽ-tắt chỗ con người mà thôi, còn ngoài quanh mắt không hề hư hỏng gì cả. — Đây là chê kẻ xét việc không tinh, cũng như kẻ bị bệnh thanu-mạnh kia, con mắt thì còn mà con người thì hỏng rồi, tuy mắt mở trao-tráo mà không trông thấy gì.

7) Biết sự trời như những thuật chiêm-nghiệm xem bói, xem số, xem vận-hội. Việc trời xoay vần bất-thường bất-chỉ, người ta không có thể lấy cách gì mà đoán biết trước được. Nếu có thể đoán biết trước được thì bọn thuật-sĩ kia họ đã lo liệu cho con cháu họ về sau khỏi khốn khó rồi. Nhưng nào có được, đến chính thân họ cũng không khỏi cùng khốn, thì còn tin họ sao được.

8) Khi phôi ngựa thì tự xúc-dộng làm cho khí bật ra miệng mà thành ho. Thế thì ho hay là không là tự ở trong phôi phát ra, chứ miệng có can hệ gì.

Nay há miệng ra trước để chờ cho họ đến khỏi phải há, nhưng nếu khi ở trong phôi không phát-dộng nữa, tức là không ho nữa, thì không những mất công há miệng mà lại có cái dáng-cách khờ dại khờ coi nữa.

XII. — Đức-tính

533— *Coi người bằng nửa con mắt* (1).

534— *Hùng thái-quá chớ bắt-cấp* (2).

535— *Biết toi cây sáng tai họ* (3)

536— *Đi có tông ai giồng nên đi* (4).

537— *Đánh bạc quen tay, ngủ ngày quen mắt, ăn vật quen mồm* (5)

538— *Đi đại đi dột, đi không có hột là đi vô nhân* (6).

539— *Đàn bà yếu chân mềm tay, làm ăn chả được lại hay nổ mồm* (7).

540— *Vội giận mắt khôn* (8).

541— *Hiếu-thuận hoàn sinh hiếu-thuận tử.*

Ngỗ-nghịch hoàn sinh ngỗ-nghịch nhi (9).

542— *Khôn cho người ta giải, dại cho người ta thương, dở-cổ ương-ương, dở cho người ta ghét* (10).

1) — Chê cái tính khinh người là một tính xấu. Biết người là sự khó. Lấy cả hai con mắt mà quan-sát một người cho rất cần-thận còn chưa khỏi xét lầm người. Nay chỉ coi người bằng nửa con mắt, nghĩa là không đáng để ý đến người ấy, không coi người ấy ra gì. Thật là khinh người mà bị lầm to.

2) — Không thái-quá không bắt-cấp tức là cái đức tính trung-dung. Trung-dung nghĩa là đứng mực, phải lẽ, không sai lầm, là một đức tính rất quý. Trung-dung lại là một đạo, một chủ-nghĩa rất công-bằng trung-chính, bao giờ cũng cứ đường thẳng, lẽ phải mà làm, không vì bên nào mà méch về bên nào. Cho nên Nho-học lấy trung-dung làm một đức tốt một đạo chính. Tử-Lu

đã làm ra sách *Trung-dung* để phát-minh nghĩa ấy. Song học-giả đừng nhận lầm nghĩa trung-dung với nghĩa « *chiết-trung* ». *Chiết-trung* là cách luận-lý theo hai nghĩa trái nhau mà nhận lấy một nghĩa quăng giữa. Cách luận-lý ấy thường không đúng. Vì nếu khi những cái trái nhau ấy nó cùng sai cả, mà lấy quăng giữa thì chẳng thành ra cái nghĩa mập-mờ nước-đôi ư. Thế thì còn quý gì. Về nghĩa trung-dung này không hỏi đến hai bên thế nào, cứ theo đường thẳng mà đi, cứ lấy lẽ chính mà xét, thế mới là chân-lý. Thế-tục có kẻ phản-đối thuyết trung-dung là lầm nghĩa trung-dung với nghĩa « *chiết-trung* » vậy.

3) « *Họ* » là tiếng bảo trâu đang cây được đứng lại, hoặc được nghỉ. Nói về tính lười, ví như con trâu, khi giục cây thì giả-cách điếc mà không chịu đi. Khi nói « *họ* » thì dù tiếng người lực-điền nói nhỏ, con trâu cũng nghe thấy mà đứng lại.

4) *Tông* 宗 là dòng-dõi. Nói về nghĩa đức-tính di-truyền. Phạm những đức-tính tốt xấu của ông bà cha mẹ như tham liêm, trung ninh, trinh khiết, dĩ-thỏa đều có di-truyền cả. Vả lại có thể tiến-thoái lấy bỏ dần đi được. Vậy đức tính hay dở có phải chỉ quan-hệ một đời mà thôi.

5) Tập quen thì thành tính. Đánh bạc, ngủ ngày và ăn vật, ba sự xấu ấy vốn không phải tính. Nhưng tập mãi không thôi thì quen đi mà thành tính xấu.

6) Vì nứt hư hay là vì lỗ bước mà thành tính dĩ, song dù sao mặc lòng cũng phải giữ lấy cái bản-tính hay của loài người là sự có nhân. Người có nhân như quả có hột. Quả có hột mới mong còn nảy mầm, người có nhân mới mong còn xứng đạo làm người. Nếu chót dĩ mà đại-dột đến vô-nhân như quả mất hột thì là đũa mất tính người mà là cầm-thú vậy.

7) Đây là chê những đàn-bà lắm điều, đã yếu đuối không làm gì được, lại hay rầy-rà chững con.

8) Sự giận hay làm cho người ta mất tinh công-bằng. Thế mà lại vội giận thì còn gì là phải trái mà là khôn nữa.

9) Hai câu này là hai câu cách-ngôn của Tàu: « *Hiếu thuận hoàn sinh hiếu thuận tử* 孝順還生孝順子, *Ngô nghịch hoàn sinh ngô nghịch nhi* 忤逆還生忤逆兒. Người hiếu-thuận thì lại sinh con hiếu-thuận, kẻ ngô-nghịch thì lại sinh con ngô-nghịch ». Đây cũng là cái nghĩa đức-tính di-truyền vậy. Coi

dó thì đức-tính hay dở há không quan-hệ lắm dư ?

10) *Giải* là kính, *dở-dở ương-ương* là cái tính hay cãi cối, hay pha lửng. Đã vụng lại hay khoe khôn, làm trái lại cãi lý. — Đây là nói về kẻ đệ-tử hoặc kẻ bậc dưới trong gia-dình đối với tôn-trưởng. Nhất thì khôn hẳn thì ai cũng kính nể, bằng không thì nhận lấy sự vụng một cách thực-thà thì ai cũng thương mà giúp đỡ cho. Nếu dở-dở ương-ương tài không bằng ai mà không chịu ai thì ai cũng phải ghét.

(Còn-nữa)

ĐỒ-NAM

LỊCH-SỬ PHẬT-GIÁO NƯỚC TÀU (1)

III

Vua Huyền-tôn lên ngôi, năm Khai-nguyên thứ tư, có ông Thiện-vô-úy tam-tạng ở đất Trung Ấn-độ, noi theo đường bộ đi đến đất Tràng-an, vua cho đón đến ở chùa Tây-minh, kính thờ như thần, đãi đủ hậu-lễ, chữa được bao lâu, ông Thiện-vô-úy thông hiểu chữ Tàu, mới dịch ra hơn mười bộ kinh, để mở rộng nghĩa Mật-giáo, tụ-trung có *Đại-nhật-kinh*, *Tô-tất-địa-kinh* là trọng-yếu hơn cả, về hồi văn-niên ông muốn xin về Tây-phương, vua cố lưu lại không cho về, đến năm Khai-nguyên 23, ông mới tịch, thọ 99 tuổi.

Lúc ấy có Nhất-hạnh A-đồ-lê là học-trò ông Thiện-vô-úy, tinh-thông về lẽ toán-pháp, làm ra sách *Đại-diễn-lịch* mười-hai quyển, sửa chính lại lịch-số, là một nhân-vật ít có ở trên học-thuật sử nước Tàu. Khi ông Thiện-vô-úy mới đến nước Tàu thì ông Nhất-hạnh

theo học, học về nghĩa Mật-giáo, và có được dự vào việc dịch kinh, chăm việc bút nghiên nghe lời dạy bảo, lại được cùng với ông Kim-cương-tri làm việc phiên-dịch, được người bút-thụ nhuận-sắc cho nhiều ; năm Khai-nguyên thứ 15 thì ông mất, thọ 45 tuổi ; vua vì nghĩ châu ba ngày, cho ông hiệu là Đại-tuệ-thiên-sư, vua tự soạn bài minh để khắc vào bia. Ông làm ra sách đã kể như trên, nhưng lại còn quyển *Đại-nhật-kinh-sớ* rất là có tiếng.

Sau khi ông Thiện-vô-úy mới sang Tàu được bốn năm, thì có ông Kim-cương-tri tam-tạng cùng với đệ-tử là Bất-không cũng tự đất Nam Ấn-độ vượt bể sang nước Tàu, vua sai đón rước rất lấy làm khen, cho ở chùa Đại-từ-ân, ông mới hết sức làm cho Mật-giáo mở rộng ra, đi đến đâu cũng lập đàn mở ra quán-dính đạo-tràng ; ông Nhất-hạnh cũng theo học.

(1) Theo bản Trung-quốc Phật-giáo tiền-sử của Trần Bản-Hòa. Xem *Nam-Phong* từ số 178.

Ông Kim-cương-tri cùng với lũ học-trò là Bất-không phiến - dịch kinh-điền cũng nhiều, mà chủ-yếu nhất là quyền *Kim-cương-đỉnh-kinh* cùng với quyền *Đại-nhật-kinh*, *Tô-tất-địa-kinh* gọi là « Chân-ngôn mật-giáo tam-kinh ». Năm Khai-nguyên thứ 29, ông mới tịch, thọ 71 tuổi. Hời tôn ông là Tồ-dệ-nhất về tông Chân-ngôn nước Tàu.

Ông Bất-không tam-tạng vâng theo di-mệnh của thầy là Kim-cương-tri cùng với đệ-tử là lũ Hàm-quang, Tuệ-Biên đi về nước để tìm lấy kinh sách, rồi lại sang Đông-phương chuyên ý về việc dịch kinh để mở rộng giáo-nghĩa, những kinh và luận dịch ra tổng-cộng được một trăm mười bộ, một trăm bốn-mươi ba quyển ; tông Mật-giáo ở nước Tàu mà thịnh lên được cũng là nhờ sức của sư Bất-không.

Vua Đại-tôn y-qui sư Bất-không, năm Vĩnh-thái nguyên-niên (sau khi Phật tịch 1308), (lich tây 765), vua đặc-tiến cho nhà sư chức Hồng-lô-khanh, cho hiệu là « Đại-quảng-tri Bất-không tam-tạng », sau phong là Túc-quốc-công, được thực-ấp ba nghìn hộ. Năm Thái-lich thứ chín, (sau khi Phật tịch 1317 lịch tây 774) ông mới tịch, thọ 70 tuổi, vua vì bãi châu ba ngày, di-pháp của ông thì có học-trò là Tuệ-quả truyền được. Ông Thiện-vô-úy, ông Kim-cương-tri và ông Bất-không đời gọi là ba bậc đại-sĩ năm Khai-nguyên.

Trước kia năm Khai-nguyên thứ bảy có ông Huệ-Nhật tam-tạng tự bên Tây-trúc trở về ; ông tam-tạng ấy sinh ở đất Đông-lai, sau khi xuất-gia, mộ cái phong ông Nghĩa-lĩnh, quyết đi tây-du ; đời vua Trung-tôn năm Tự-khánh thứ 19 (sau khi Phật tịch 1245 lịch tây 702) ông theo đường bề đi sang Ấn-độ, quanh khắp và mười nước, đi đến mười-tám năm ; mới lại theo đường bộ về đất Tràng-an, dâng pho tượng Phật và Phạm-kinh. Vua cả

mừng, triệu vào nội-điện rồi cho hiệu là : « Từ-mẫn-tam-tạng ». Khi Tam-tạng về nước đi đường qua nước Kiện-đà-la, có thụ-giáo về tông Tịnh-thò, đến đây mới truyền-bá cho rộng thêm ra, đời sau gọi giáo ấy là về dòng Từ-mẫn. Ông có làm ra sách *Vãng-sinh-tinh-thò-tập*, nay không thấy truyền lại.

Triều vua Huyền-tôn có nhiều bậc cao-tăng đạo-đức đều họp lại để mở rộng Mật-giáo ; vua không những là hậu-đãi các nhà sư, mà lại còn hết sức làm cho Phật-giáo chấn-hưng lên. Năm Khai-nguyên thứ 26 vua có xuống chiếu cho các quận trong thiên-hạ dựng ra chùa Long-hưng và chùa Khai-nguyên, lại sắc cho chùa Khai-nguyên tạo ra tượng Hoàng-đế đấng-thân phật-tượng, có độ cho chur-tăng được nhiều người, cái sự-nghiệp chấn-hưng Phật-giáo không sao kể xiết.

Đời vua Đại-tôn có nhà sư Trạm-nhiên ra đời, lại chấn-hưng tông Thiên-thai. Nhà sư sinh ở một nhà Nho đất Kinh-kê, rất là thông-đạt kinh-chỉ ; đến khi xuất-gia đi tu, theo học sư Huyền-lãng về tông Thiên-thai ; khi ấy tông Thiên-thai bị phải các tông-giáo khác thắng át đi mất, sự Trạm-nhiên sợ rằng cái thế tông Thiên-thai không chấn-hưng lên được, mới làm ra nhiều sách để truyền-bá ra cho rộng, tông Thiên-thai vì thế lại hưng-thịnh ; đời sau tôn-xưng ông là : « Diệu-lạc-đại-sư » cũng gọi là : « Kinh-kê đại-sư ».

Đời vua Đức-tôn năm Kiến-trung thứ ba (sau khi Phật tịch 1325, lịch tây 782), sư Trạm-nhiên 82 tuổi mới tịch. Những sách chủ-yếu còn lại là những bài tiêm-thích sớ-ký ở trong ba bộ chú-thích lớn. Học-trò là Đạo-Thúy và Hạnh-Mãn truyền được phép thầy, Nhật-bản thì có người Tối-Trừng cũng lại học.

Khi ấy lại có Thanh-lương-đại-sư mới ra, chấn-hưng tông Hoa-nghiêm. Sư Thanh-lương tên là Trừng-quan,

người đất Cối-kê, khi 11 tuổi xuất-gia đi tu, theo học các bậc tiền-bối về Luật-tông và Thiền-tông, Tam-luân-tông và tông Thiên-thai, rất là thấu-hiểu áo-nghĩa, sau lại học tông Hoa-nghiêm ở thầy Pháp-thuyết chùa Thiên-trúc đất Tiên-đường, chuyên ý giảng-giải cho chấn-hưng lại được bản-tông, đời gọi là vị tổ đệ-tứ tông Hoa-nghiêm.

Trước kia năm Trinh-nguyên thứ 11, (sau khi Phật tịch 1338 lịch tây 795) có ông Bát-nhã tam tạng phụng sắc dịch kinh *Tứ-thập-hoa-nghiêm*, ông Trưng-quan cũng được tham-dự vào việc tịch ấy. Đời vua Văn-tôn năm Khai-thành thứ ba, (sau khi Phật-tịch 1381, lịch tây 838) thì ông tịch, thọ 102 tuổi, ông trái chín đời vua, bảy lần làm đế-sư; đời gọi là Thanh-lương quốc-sư. Khi ông mất vua vì bãi triều ba ngày, sai quân-thần theo lễ công mà táng.

Học-trò sư Thanh-Lương thì có Tôn-mật-thiền-sư trước đã học theo Thiền-tông, sau lại theo sư Thanh-Lương học về tông Hoa-nghiêm, chủ cái thuyết Thiền-giáo là một, đời gọi ông là tổ thứ năm tông Hoa-nghiêm. Năm Khai-thành thứ tư, ông tịch, thọ 62 tuổi; vua Tuyên-tôn cho hiệu là Định-tuệ-thiền-sư. Sách ông để lại có cái bài *Trung-nguyên-nhân-luận* rất là có tiếng, nay còn thịnh-hành.

Đời bấy giờ các vị đế-vương sùng-phụng Phật-giáo cũng nhiều, nên Phật-giáo mới thịnh-hành; đến đời vua Võ-tôn lên ngôi, gặp phải cái nạn năm Hội-xương khởi lên, Phật-giáo bị phải kích-thích cũng hại.

Vua Võ-tôn từ khi nhỏ đã không ưa đạo Phật, đến khi lên ngôi theo học người đạo-sĩ là Triệu Qui-Chân, tôn tín Đạo-giáo; Qui-Chân dắc-thể mới xui vua trừ hết các tôn-giáo ở ngoài Đạo-giáo; khi ấy có người đạo-sĩ ở La-phù-son là Đặng Nguyên-Siêu và người đạo-sĩ ở Hành-sơn là Lưu Nguyên-Tĩnh cũng tâu xin vua bỏ Phật-giáo

quan Tề-trưởng khi ấy cũng tán-thành; vua mới xuống tờ sắc phá-hủy bốn vạn bốn nghìn sáu trăm cái chùa, bắt hơn hai mươi sáu vạn năm nghìn lạng-ni phải hoàn-tục, bao nhiêu chuông đồng, tượng đồng, đồng-bàn đều hủy đi để đúc tiền, tượng sắt thì đúc làm đồ nông-khi, những tượng vàng bạc của các nhà tư đều hạn trong một tháng phải nộp vào quan, khi ấy là năm Hội-xương thứ năm, (sau khi Phật tịch 1388 lịch tây 845) đời gọi là « Hội-xương pháp-nạn », cũng gọi là « Võ-ách thứ ba ». Khi ấy lại có Cảnh-giáo, Yêu-giáo, Ma-ni giáo, Hồi-giáo cũng đều tiếm-phục khởi lên.

Về sau hai năm, vua Tuyên-tôn lên ngôi, lại xuống tờ sắc sửa lại những chùa-chiền bị phá và lại cho các vị cao-tăng nguyên như cũ, hết sức chấn-hưng Phật-giáo lên; khi ấy thế nước nhà Đường đã suy dần, tuy rằng có chấn-hưng Phật-giáo, nhưng không được thịnh như trước.

Khi ấy duy có Thiền-tông cũng hơi thịnh, có nhiều vị cao-tăng ra đời; kể từ đời Tiên-đế cho đến đời Hậu-Châu phá-hủy Phật-giáo trong khoảng hơn trăm năm, lại có các vị cao-tăng là: Nghĩa-Huyền, Linh-Hựu, Lương-Giá, Văn-Yên, Văn-Ích, kế-tiếp ra đời, mới khai ra năm tông là tông Lâm-tế, Vĩ-nguỡng, Tào-dông, Vân-môn, Pháp-lãng, đời gọi là năm nhà Thiền-tông.

Sau đời vua Tuyên-tôn qua đời Ý-tôn, Hi-tôn, đến đời vua Chiêu-tôn, các quan Tiết-độ sứ chuyên-quyền càng tệ, kể hoạn-quan cũng hoạnh-ngược lắm, triều-chính rối loạn rất là hủ-bại, vua muốn bắt giết quan Tiết-độ-sứ ở Biện-châu là Chu Toàn-Trung, Toàn-Trung mới thừa-thể giết vua cướp lấy ngôi, gọi là vua Thái-tổ nhà Lương.

1) *Tĩnh-thồ-tông* 淨土宗.

Tông-danh. — Tông này là theo về vắng-sinh Tịnh-thồ-phát-môn, nên gọi là Tịnh-thồ-tông.

Truyền-thống. — Tông này truyền nối theo về dòng Lục-Sơn, dòng Thiện-Đạo, dòng Từ-Mẫn ; Tựu-trung dòng Thiện-Đạo có ông Mã-Minh, Long-Thụ, Thế-Thân. Thiện-dề-lưu-chi, Đàm-Loan, Đạo-Sước, Thiện-Đạo, Hoài-Cảm, Pháp-Chiếu, Thiệu-Khang, đều là bậc thông-hiểu giáo-nghĩa.

Giáo-nghĩa. — Tông này y theo kinh luận là ba kinh với một luận chỉ cốt chuyên-nhiệm Vô-lượng-thọ-phật để cầu siêu-sinh tĩnh-thờ.

2) Pháp-tướng-tông 法相宗,

Tông-danh. — Tông này phán-đoán về chư-pháp tính-tướng, nên gọi là Pháp-tướng-tông, cũng gọi là Duy-thức-tông. Ứng-lý-viên-thực-tông. Phổ-hoa thừa-giáo-tông.

Truyền-thống. — Tông này do ông Di-Lặc, Vô-Trước, Thế-Thân, Hộ-Pháp, Giới-Hiền, Huyền-Trang, Khuy-Cơ, Huệ-Duyên, Trí-Châu cùng truyền-thống với nhau.

Phán-giáo. — Tông này lấy tam-thời-giáo đề mà phán-thích về nhất-đại Phật-giáo ; tam-thời-giáo là : Hữu-giáo, Không-giáo, Trung-đạo-giáo.

Giáo-nghĩa. — Tông này kê ra có trăm pháp mà ước lại có năm vị : 1) Tâm-vượng tám ; 2) Tâm-sở-hữu pháp năm-mươi một ; 3) Sắc-pháp mười-một ; 4) Tâm-bất-tương-ưng hành-pháp hai-mươi-bốn ; 5) Vô-vi-pháp sáu ; đó là năm vị trăm pháp. Những chư-pháp ấy đều là duy-thức, mà đều thuộc về một pháp cả.

Cái phương-pháp đề mà thể-nhận có năm điều gọi là « Ngũ-trọng-duy-thức », chính là cái tinh-t túy về giáo-nghĩa tông này. Ngũ-trọng-duy-thức : Một là khiến-hư tồn-thực-thức ; hai là sả-lạm-lưu-thuần-thức ; ba là niếp-mạt-qui-bản-thức ; bốn là ân-liệt hiễn-thắng thức ; năm là khiến-tướng chứng-tính-thức.

3) Câu-xá-tông 俱舍宗.

Tông-danh. — Tông này lấy bài *Câu-xá-luận* làm tôn chỉ, nên gọi là Câu-xá-tông.

Truyền-thống. — Tông này thủy-tổ là ông Thế-Thân, đến đời Đường lại có ông Huyền-Trang dịch ra *Tam-lạng-bản-luận*, học trò là Phổ-Quang, Pháp-Bảo, Thần-Thái đều làm bài sớ đề thích-nghĩa thêm ra, bởi thế mới thịnh-hành.

Giáo-nghĩa. — Tông này kê ra có bảy-mươi-nhăm pháp : sắc-pháp mười-một, tâm-vượng một ; tâm-sở-hữu pháp bốn-mươi-sáu ; bất-tương-ưng hành-pháp mười-bốn ; vô-vi-pháp ba. Bản-thể của chư-pháp thì gọi là Tam-thể thực-hữu, Pháp-thể thì thường vĩnh-viễn không đầy. Nhưng theo về thanh-văn-quan có tứ-đế, duyên-giác-quan có thập-nhi-nhân-duyên, bồ-tát-tu có sáu độ, tu mãi cho đến cõi Nát-bàn thì mới là cực-trí.

4) Luật-tông 律宗.

Tông-danh. — Tông này theo tôn-chỉ *tứ-phân-luật*, nên cũng gọi là tứ-phân Luật-tông.

Truyền-thống. — Tông này sơ-tổ là ông Đàm-Vô-Đức, sau lại có những ông : Đàm-ma-già-la, Pháp-Thông, Đạo-Phúc, Quang-Thống, Đạo-Vân, Đạo-Hồng, Trí-Thủ, Đạo-Tuyên cùng thừa-kế mãi. Đời ông Đạo-Tuyên cũng có sinh ra nghĩa khác. Ông Pháp-Lệ với ông Hoài-Tổ đều phát-minh tông này ; nên gọi là Lệ, Tuyên, Tổ ba tông. Nhưng vẫn lấy dòng Đạo-Tuyên làm chính-thống ; về sau có những ông : Châu-Tú, Đạo-Hằng, Tĩnh-Cung, Huệ-Chính, Huyền-Sương, Nguyên-Biêu, Thủ-Ngôn, Nguyên-Giải, Pháp-Vinh, Sử-Hằng, Trạch-Ngô, Doãn-Kham, Trạch-Kỳ, Nguyên-Chiếu, cùng thừa-kế mãi.

Phán-giáo. — Tông này lấy hai giáo là : Hóa-giáo, Chế-giáo đề niếp-phán

cả một đời. Hóa-giáo là cái pháp-môn bởi kinh-luận-thuyết ra. Chế-giáo là cái pháp-môn do luật-tạng phát-minh ra.

Giáo-nghĩa. — Giáo-nghĩa tông này cốt là ở minh-giới, phân ra có chỉ-tri-giới, tác-tri-giới. Chỉ-tri-giới là răn người đừng làm một điều ác ; Tác-tri-giới là bảo người phụng-hành mọi điều thiện.

5) *Hoa-nghiêm-tông* 華嚴宗.

Tông-danh. — Tông này y-cứ về kinh *Hoa-nghiêm*, nên gọi là *Hoa-nghiêm-tông*.

Truyền-thống. — Tông này do từ ông Mã-Minh, Long-Thụ, Đổ-Thuận, Tri-nghiêm, Hiền-Thủ, Lương-Tĩnh, Tông-Mật cùng truyền nối mãi.

Phán-giáo. — Tông này lấy năm giáo mười tông để nhiếp-phán cả pháp-môn một đời. Năm giáo là : Tiểu- thừa-giáo, Đại- thừa-thủy-giáo, đại-thừa-chung-giáo, đốn-giáo, viên-giáo. Mười tông : một là ngã-pháp-câu-hữu-tông ; hai là pháp-hữu-ngã-vô-tông ; ba là pháp-vô-khư-lai-tông, bốn là hiện-thông-giả-thực-tông ; năm là lục-vọng-chân-thực-tông ; sáu là chư-pháp dẫn-danh-tông ; bảy là nhất-thiết-giải-không-tông ; tám là chân-đức-bất-không-tông ; chín là tướng-tướng-câu-tuyệt-tông ; mười là viên-minh-cụ-đức-tông.

Giáo-nghĩa. — Tông này thuyết-minh về nghĩa thập-huyền, lục-tướng, tỏ ra cái ý mọi sự đều vô-ngại mà cùng dung-hòa cả. Sự gì cũng vô-ngại mà cùng dung-hòa, thì vạn-pháp đều là chân-như tùy-duyên cả, mà vạn-pháp cũng là chân-như. Dung-hòa thì mọi sự mọi vật không còn trở-ngại gì, dễ chứng rõ ra cái chân-diện-mục của chư-pháp là lẽ cực-trí của tông này.

6) *Chân-ngôn-tông* 眞言宗.

Tông-danh. — Tông này y-cứ về bí-mật chân-ngôn của *Đại-nhật-kinh*, *Tổ*

tất-địa-kinh, *Kim-cương-dính-kinh*, nên gọi là chân-ngôn tông.

Truyền-thống. — Tông này do ông Long-Thụ, Long-Trí, Kim-Cương-Trí, Bất-Không, Tuệ-Quả cùng thừa kế mãi.

Phán-giáo. — Tông này lấy thập-trụ-tâm để mà nhiếp-phán nhất-thiết-giáo. Thập-chụ-tâm một là dị-sinh-đề-dương-tâm ; hai là ngu-dồng tri-traí tâm ; ba là anh-dồng vô-úy-tâm, bốn là duy-uần-thùy-ngã tâm ; năm là bất-nghiệp nhân-chúng tâm ; sáu là tha-duyên đại-thừa tâm ; bảy là giác-tâm bất-sinh tâm ; tám là nhất-đạo vô-vi-tâm ; chín là cực-lạc tự-tính tâm ; mười là bí-mật trang-nghiêm tâm.

Giáo-nghĩa. — Tông này cốt về tam-mật-tương-ứng, thì thân tức thành Phật. Tam-mật là : Thân-mật, ngữ-mật, ý-mật. Tay kết ấn-khế, miệng tụng *đà-la-ni*, ý trụ tam-ma-địa, gọi là tam-mật tương-ứng.

IV — Thời-dại Phật-giáo bảo-thủ

Ngũ-dại — Tông — Nguyên — Minh

TIẾT THỨ I

Phật-giáo đời Ngũ-dại (907-960)

Sau khi Chu Toàn-Trung cướp ngôi nhà Đường trong khoảng hơn năm-mười năm, thay đổi mấy Triều, như là nhà Hậu-Lương, Hậu-Đường, Hậu-Tấn, Hậu-Hán, Hậu-Châu, gọi là đời Ngũ-dại. Khi ấy trong nước Tàu chiến-tranh luôn mãi, Phật-giáo vì thế cũng không phát-triển ra được, lại ít kẻ cao-tăng ra đời, kinh sách bỏ mất, suy-dồi dần đi ; nhưng còn nhờ được các triều vua vẫn ra sức bảo-hộ Phật-giáo, nên mới duy-tri được mệnh-mạch. Trong lúc đời loạn ấy mà hay hết sức dễ-xương Phật-giáo thời có Ngô-việt-vương, hay bảo-hộ cho tông Thiên-thai.

Đời Hậu-Châu, vua Thế-tôn tính không chuộng Phật, sau khi lên ngôi, năm Hiền-đức thứ hai (sau khi Phật tịch 1498, lịch tây 955) vua có xuống

chiếu sắc cho thiên-hạ bỏ hết những chùa chiền nào không có sắc-mệnh cho phép, tổng-số ba vạn ba trăm ba mươi sáu chùa mà bỏ đi chỉ còn có hai nghìn bảy trăm chùa, lại hủy bỏ các tượng đồng dể đúc tiền; đời gọi khi ấy là « cái ách nhất-tôn ». Bởi thế những sách-vở của các vị cao-tăng trong các tông, đều tan mất cả, Phật-giáo có khi đến gần tuyệt-tích.

Qua đời Ngũ-đại rồi sang đời Triệu-Tổng khởi lên; vân-hội Phật-pháp lại thịnh, bao nhiêu những chùa-chiền trước phế đi lại khởi lên cả.

TIẾT THỨ II

Phật-giáo về đời Tống (960-1379)

Vua Thái-tổ nhà Tống thay nhà Hậu-Châu lên ngôi, dần dần bình-định hết các nơi cát-cứ, cái tề các quan Tiết-độ-sứ chuyên-hoạch khi xưa đều trừ đi hết, mà qui về thống-nhất.

Năm Kiến-long nguyên-niên (sau khi Phật tịch 1503, lịch tây 960) vua Thái-tổ có sắc cho những chùa-chiền và tượng Phật nào bị phá-hủy khi trước đều được làm lại như cũ, lại độ cho chư tăng được tám nghìn người.

Ngô-việt-vương tên là Thiên-Thục rất là sùng-tin Phật-giáo, thường mộ cái sự tích A-dục-vương, dựng ra tám vạn bốn nghìn bảo-tháp ở trong nước, mười năm mới thành công. Lại muốn tìm những kinh-diễn về tông Thiên-thai từ đời Ngũ-đại biến-loạn mà bỏ thiếu-thốn đi mất, sai sứ sang nước Cao-ly, vua nước ấy sai ông Đế-quan đưa đi, Đế-quan mới đưa đến ông Nghĩa-Tịch về dòng Thiên-thai, bởi thế mới lại tìm được kinh-diễn một tông đưa về nước Tàu. Khi ấy muốn hỗn-đồng cái nghĩa quan-tâm của tông Thiên-thai cùng hợp với cái nghĩa quan-đạo của tông Hoa-nghiêm, nên mới phân ra phái Sơn-ngoại, mà ông Nghĩa-Tịch biệt ra một phái gọi là phái Sơn-gia; tông Thiên-thai đến đây lại hưng thịnh.

Khi ấy có một người là Pháp-nhân-tông học-giả tên là Duyên-Thọ đến y-qui với Thiên-Thục, trụ-tri ở chùa Vĩnh-minh châu Hàng, nên gọi là Duyên-Thọ ở chùa Vĩnh-minh, học-hạnh cao-xa, vua Cao-ly cũng kính mến, sai ba-mươi-sáu kẻ tăng-đồ đến học phép; năm Khai-bảo thứ tám, (sau khi Phật tịch 1518, lịch tây 975) Duyên-Thọ mới tịch, thọ 75 tuổi. Sách của ông làm ra rất có tiếng là một trăm quyển *Tông-kinh-lục*.

Đời vua Thái-tổ năm Khai-bảo thứ tư, vua xuống chiếu viết kinh bằng chữ vàng chữ bạc; năm thứ 5 lại sai khắc kinh *Đại-tạng*; đó là khi mới khắc kinh *Đại-tạng* lần đầu. Còn các đời vua khác đối với những việc chấn-hưng Phật-giáo, như là tụng kinh, viết kinh, làm chùa, thì cũng nhiều không kể xiết được, các nhà sư bên Ấn-độ như là Mạn-Thù-thất-lợi, Khả-tri, Pháp-Kiến, Chân-Lý, Di-La nghe thấy Phật-giáo bên Tàu đã thịnh, đều kéo nhau sang Tàu, để cầu Phật-pháp ở đời nhà Tống, kể đến hàng trăm người.

Vua Thái-tôn lên ngôi cũng y-qui Phật-giáo sắc độ cho mười-bảy vạn tăng-nhân, lại ở đất Lạc-dương dựng ra viện dịch-kinh, sai những ông Thiên-tức-tại, Thi-hộ-pháp-thiên là người ở bên Ấn-độ lại cùng phiên dịch kinh-diễn, vua thân làm bài tựa đề đầu sách. Vua lại nghe theo Thiên-tức-tại tuyên lấy mười đừa đồng-sinh cho học chữ phạm, để cho việc dịch kinh không bao giờ tuyệt hẳn đi được,

Triều vua Chân-tôn có một nhà sư là Tĩnh-thường ở chùa Chiêu-khánh châu Hàng, mộ cái phong Lu-sơn khi trước, lập ra Bạch-liên-xã ở trên Tây-hồ, sau đổi tên là Tĩnh-hạnh-xã, chuyên tâm niệm Phật; khi bấy giờ nhiều người nghe tiếng mà theo đến, trên từ quan Tề-tướng, dưới đến các hạng lãng-tục có hàng hơn trăm nghìn người.

Vua Chân-tôn lại theo cái nếp cũ vua Thái-tôn sai người dịch kinh, dịch ra được 413 quyển, đều biên cho vào Đại-tạng.

Vua lại hậu-đãi các tăng-đồ, những kẻ nào phạm tội cho được chuộc tội, kẻ nào vô-cổ mà hủy-báng tăng-ni, làm quan thì phải bãi chức, thứ-dân thì phải đi đầy. Năm Thiên-ky thứ ba (sau khi Phật tịch 1562, lịch tây 1019) vua có sắc độ cho chư-tăng đến hơn 23 vạn người, chư-ni đến hơn một vạn năm nghìn người, đạo-sĩ đến hơn bảy-mươi người, nữ-quan đến hơn tám-mươi người. Ngoài việc sùng Phật ra vua cũng có bảo-hộ cho Đạo-giáo nữa.

Khi ấy có sư Tri-Lễ về phái Sơn-gia tông Thiên-thai và sư Tri-Viên, Khánh-Chiêu về phái Sơn-ngoại, hai đảng cùng tranh biện về tông-nghĩa. Tri-Lễ sinh ở Minh-châu về đời vua Thái-tổ năm Kiến-long nguyên-niên (sau khi Phật tịch 1503 lịch tây 960) Tri-lễ mới mười-lăm tuổi đã xuất-gia đi tu, hai mươi tuổi theo học sư Bảo-Vân, truyền được Pháp-giáo tông Thiên-thai; vua Chân-tôn rất là kính mến, cho hiệu là «Pháp-tri Đại-sư». Ông tịch về năm Thiên-thánh thứ sáu đời vua Nhân-tôn (sau khi Phật tịch 1571, lịch tây 106) thọ 69 tuổi. Ông có làm ra sách tên là *Thập-bất-nhi-môn-chỉ-yếu-sao*. Ông hết sức tranh biện phá bỏ cái dị-nghĩa về phái Cô-sơn; đời cho đời ấy là tông Thiên-thai lại trung-hưng.

Ông Tri-Viên ở Cô-sơn, nguyên sinh ở Tiên-đường về năm Thái-bình hưng-quốc nguyên-niên đời vua Thái-tôn (sau khi Phật tịch 1519 lịch tây 976). Ông lên tám tuổi đã xuất-gia đi tu, hai mươi-mốt tuổi theo học ông Nguyên-Thanh, truyền được giáo-nghĩa tông Thiên-thai. Sau ông trụ-tri ở núi Cô-sơn trên Tây-hồ, kẻ học-giả theo đông như chợ; ông tịch về đời vua Chân-tôn năm Kiến-hưng nguyên-niên (sau khi Phật

tịch 1565, lịch tây 1022), thọ 47 tuổi. Ông Tri-Viên bình-sinh chỉ lấy việc trừ-thuật ngâm-vịnh làm thú, làm ra được đến một trăm và mười quyển sách.

Đời vua Nhân-tôn có ông Từ-minh về dòng Lâm-tế dạy được học trò là : Dương-kỳ, Phương-hội, Hoàng-long, Tuệ-nam, sau Dương-kỳ với Hoàng-long hai phái thêm vào với phái năm nhà trước gọi là bảy tông về dòng Thiên-tông. Sau này tông Lâm-tế rất thịnh.

Khi ấy nhà vua cũng chú-ý đến dòng Thiên-tông. Từ đời Hậu-châu vua Thế-tôn phá bỏ đạo Phật trở về sau, dòng Thiên-tông tuy rằng vẫn truyền ở Hồ-bắc, nhưng chưa truyền đến Kinh-kỳ, khi ấy có kẻ nội-thị là Lý Doãn-Ninh tâu xin lấy nhà ở Biện-kinh để làm chùa, vua cho đề biền-ngạch gọi là «Thập-phương tinh-nhân tự». Vua lại nghe tiếng vị cao-tăng là Viên-thông-cư-nột về tông Vân-môn, sai sứ vời đến, nhưng ông cáo bệnh chối từ, cử ông Đại-giác Hoài-Liễn đi thay, khi ấy là năm Hoàng-Hựu thứ hai (sau khi Phật tịch 1592, lịch tây 1049) tông Vân-môn từ đó lại thịnh.

Khi ấy tông Hoa-nghiêm có ông Tử-Tuấn ra thuyết-pháp ở đất Trường-thủy, học trò đến hàng nghìn người, có ông Tấn-Thủy, ông Tĩnh-Nguyên ở Toàn-châu là chủ-yếu hơn cả. Sau đến đời vua Thần-tôn, ông Tấn-Thủy ở chùa Huệ-nhân đất Tiên-đường lại chấn-hưng tông Hoa nghiêm. Khi ấy có người Nghĩa Thiên ở Cao-ly lại học, và có đem cả chương sớ về kinh Hoa-nghiêm lại, xin ông Tấn-Thủy giảng cho; bởi thế những sớ sách về tông Hoa-nghiêm đã tán mất đi nay lại truyền đến nước Tàu. Về sau Nghĩa-Thiên về Cao-ly có đem kinh *Hoa-nghiêm tam-dịch* chữ vàng sang tặng cho ông Tấn-thủy; ông Tĩnh-Nguyên,

ông Tĩnh-Nguyên mới dựng lên một cái gác ở cạnh chùa Huệ-nhân để chứa kinh, tục gọi là chùa Cao-ly ; ông Tĩnh-Nguyên tịch về đời vua Triết-tôn năm Nguyên-hựu thứ ba (sau khi Phật tịch 1631, lịch tây 1088) thọ 78 tuổi; đời cho đời ấy là tông Hoa-nghiêm lại trung-hưng.

Khoảng đời vua Triết-tôn, Huy-tôn có ông Nguyên-Chiếu luật-sư mới ra, lại chấn-hưng Luật-tông. Ông Nguyên-Chiếu sinh ở đất Du-hàng, khi nhỏ đi tu, nghiên cứu về Luật-tông và tông Thiên-thai, lại giảng về giáo-nghĩa tông Tĩnh-thổ nhưng vẫn lấy Luật-tông làm gốc ; trong khoảng ba-mươi năm về sau, ông trụ-trì ở chùa Linh-chi châu Hàng, có làm ra sách *Tư-trì-ký*.

Trước kia về đời vua Nhân-tôn có ông Doãn-Kham luật-sư đã làm ra sách *Hội-chính-ký* để phát-minh nghĩa Luật-tông, đời gọi là « Hội chính tông ». Ông Nguyên-Chiếu thì lấy giáo-nghĩa tông Thiên-thai mà thuyết-minh Luật-tông, đời gọi là « Tư-trì-tông » có phần đặc-sắc hơn trước.

Nguyên-Chiếu tịch về đời vua Huy-tôn năm Chính-hòa thứ sáu, (sau khi Phật tịch 1659, lịch tây 1116), thọ 69 tuổi, hiệu là Đại-trì luật-sư. Ông có làm ra sách *Sự-sao tư-trì ký*, *giới-sớ Hành-tông ký*, *Nghiệp-sớ tế-duyên ký*, *A-di-đà-kinh sớ*, đều là sách có danh tiếng cả.

Vua Huy-tôn lại chuộng Đạo-giáo muốn bài-bác Phật-giáo, năm Tuyên-hòa nguyên-niên, (sau khi Phật tịch 1662 lịch tây 1119), vua có sắc cho thiên-hạ tôn hiệu Phật là Đại-giác Kim-tiên ; Bồ-tát là Tiên-nhân đại-sĩ, tăng là Đức-sĩ, ni là Nữ-đức-sĩ ; lại dời các chùa chiền làm nơi cung-quần, bắt các tăng-lữ mặc áo đạo-y, đội mũ đạo-quan, cầm hốt. Phật-giáo khi ấy đã hóa ra cái trạng-thái Đạo-giáo ; bấy giờ có ông Vĩnh-Đạo dâng thư can vua, vua cả giận bếm Vĩnh-Đạo ra ở

Vĩnh-Châu. Đến năm sau vua mới hỏi lại cái lỗi trước, bỏ cái tờ sắc cũ đi. Năm Tuyên-hòa thứ bảy, lại triệu Vĩnh-Đạo về Kinh, cho mặc áo nhà sư, tước danh là Pháp-đạo, để tỏ cái ý là bảo-hộ cho Phật-pháp.

Người nước Kim biết cái thế nước Tống bấy giờ đã suy, mới đem binh vào đánh nhà Tống ; vua Huy-tôn mới nhường ngôi cho con là Khâm-tôn. Được vài năm, binh nước Kim lại kéo vào vây hãm Biện-kinh, bắt vua Huy-tôn vua Khâm-tôn đem về bắc phương, từ đó đất Hà-bắc thuộc về nước Kim. Em vua Khâm-tôn là Cao-tôn lên nối ngôi, lại bị quân nước Kim sang xâm lấn, mới thiên-đô đến đất Lâm-an, gọi là nhà Nam-Tống.

Khi ấy thiên-hạ rối loạn, Phật-giáo cũng không thể chấn-hưng lên được, mà trong nước Tàu thì chia làm hai, phía Bắc là nước Kim, phía Nam là nhà Tống ; các đời vua nước Kim cũng sùng-phụng Phật-giáo, cũng có độ-lăng, dựng chùa ; đồng-thời ấy Phật-giáo bên Nam-Tống cũng thịnh, không kém gì nước Kim, cũng độ-lăng, viết kinh, lại sai người đi cầu Phật-pháp. Phật-giáo nam bắc khi bấy giờ thịnh nhất là Thiên-tông.

Về sau họ Mông-cổ khởi lên, nước Kim mất, ông Hốt-Tất-Liệt ra đời, lại diệt cả nhà Nam-Tống, thống-nhất cả thiên-hạ, hiệu là nhà Nguyên.

TIẾT THỨ III

Phật-giáo đời Nguyên (1279-1367)

Nhà Nguyên mở cõi nước rất rộng, phía Đông đến nước Triều-tiên, phía tây đến giáp bộ đông-nam châu Âu, phía bắc đến đất Nội Mông-cổ, phía nam đến nước Diển-diện Qua-oa. Các đời đế-vương đều sùng-phụng Phật-giáo, làm cho diện-mục Phật-giáo lại nhất-tán. Đời ấy thì thịnh-hành nhất là Thiên-tông, mà tông Lâm-tế thì

chấn-hưng lên hơn cả, có ông Hải-Vân được các vị vương hầu sĩ thứ theo về y-qui. Vua Thái-tồ và hai bà hậu tặng cho ông hiệu là « Quang-thiên-chấn-quốc-đại-sĩ ». Vua Định-tôn, Hiến-tôn lại sai ông tổng-giám cả việc chư tăng trong thiên-hạ, vua Thế-tồ muốn xin thụ Phật-giáo, sau cũng thụ-giới ở sư Hải-Vân ; khi sư Hải-Vân mất, thụy là : Phật-nhật viên-minh đại-sư.

Học trò ông Hải-Vân là Khả-Am-Lãng, học trò Khả-Am-Lãng là Lưu Bình-Trung đặc-dụng với vua Thế-tồ, giúp vua thành được đế-nghiệp ; nên vua cũng trọng đãi, đến khi tịch, tứ hiệu là Văn-trinh ; tông Lâm-tế bởi thế càng thịnh.

Trước kia vua Thế-tồ phụng-mệnh vua Hiến-tôn đi đánh nước Tây-tàng bắt được thầy tăng Lạt-ma tên là Phát-ti-ba đem về ; từ đấy giáo Lạt-ma lại truyền đến Mông-cổ, Mãn-châu. Khi vua lên ngôi bèn nhận giáo Lạt-ma làm quốc-giáo, cho Phát-ti-ba làm đế-sư, tổng-giám cả Phật-giáo trong thiên-hạ, Phát-ti-ba lại phụng-mệnh sáng-chế ra chữ Mông-cổ, để phiên-dịch ra kinh điển rất nhiều, thanh-danh truyền khắp xa gần, trong triều ngoài dã, ai cũng qui-ngưỡng, thậm-chi đến tôn hiệu là : « Hoàng-thiên chi hạ, nhất nhân chi thượng, tuyên văn, phụ trị, đại thánh chi đức, phổ giác, chân tri, hựu quốc như ý, đại bảo pháp vương, tây thiên Phật tử, Đại-Nguyên đế sư ». Sau Phát-ti-ba về nước, bốn mươi hai tuổi thì mất, khi ấy là đời vua Thế-tồ năm Chi-nguyên thứ 17 (sau khi Phật tịch 1823, lịch tây 1280) vua nghe tin Phát-ti-ba mất, nhớ mến người cựu-đức, mới sai dựng một cái tháp lớn ở kinh-đô để tàng linh xá-ly.

Từ đó về sau các đời triều Nguyên vẫn đặt chức đế-sư, đều là người Tây-

tàng. Cuối cùng một vị đế-sư tên là Già-lân-chân ở về đời vua Thuận-đế. Người này thì chỉ khuyên vua vui chơi hoang-dâm. Phật-giáo đến đây đã hư hỏng nhiều, lại thêm giáo Lạt-ma nữa thì lại càng tệ-hại lắm ; cái thế-lực nó lan ra, nhà nước cũng vì thế mà suy kém.

Giáo Lạt-ma cùng với dòng Thiên-tông ở đời nhà Nguyên thực là rất thịnh. Vì là Phật-giáo cũng có trợ-lực nhiều cho nhà Nguyên, thống - nhất được thiên-hạ ; đến khi nhà Nguyên mà phải duyệt-vong, một nguyên-nhân cũng là bởi Phật-giáo.

1) Giáo Lạt-ma ở Tây-tàng

Phật-giáo truyền đến Tây-tàng là từ đời vua Song-tán-tur-cam phồ-vương, khoảng tây-lịch 600 năm. Vua Tây-tàng đồng-thời với vua Thái-tôn nhà Đường. Vua có hai nàng phi : một gọi là Văn-thành công-chúa là con gái vua Thái-tôn ; hai tên là Bồ-ni-khố-cát, con gái vua Ni-ba-la ; hai nàng phi đều là tin-đồ trong Phật-giáo, đem lại tượng Phật kinh Phật rất nhiều, khuyên vua học theo đạo Phật. Bởi thế nhà vua cũng sùng-phụng Phật giáo, sau lại sai hơn mười người lưu-học-sinh sang nước Ấn-độ theo học Phật-giáo ; khi về nước theo lối chữ Phạm mà đặt ra lối chữ Tây-tàng, dịch ra kinh điển rất nhiều.

Truyền được vài đời, đến đời vua Khất-lật-song-đề-tán, lại chấn-hưng Phật-giáo. Năm kỷ-nguyên 747 (sau khi Phật tịch 1290) có đón một vị Liên-hoa-sinh-thượng-sư ở Ấn-độ sang, ông này tức là vị khai-tồ ra giáo Lạt-ma. Giáo ấy chỉ cốt về cái cách bí-mật trú-lực thì thân tức thành Phật.

Về sau những các sư ở Ấn-độ sang dịch kinh rất nhiều, phiên-dịch ra kinh-luận giải-nghĩa, làm cho Phật-giáo ở

Tây-tàng cũng thịnh lên nhiều. Đến đời vua Lãng-đạt-nhĩ-mã lên ngôi lại muốn phế diệt Phật-giáo, phá bỏ chùa chiền, đốt bỏ Phật-tượng và kinh sách, bắt các tăng-lữ phải hoàn-tục. Chưa được mấy năm thì vua Ba-lặc-khoa-nhĩ-tán lên nối ngôi, lại sùng đạo Phật, cho khôi-phục lại như cũ ; từ đấy phiên-dịch ra kinh điển rất nhiều. Đến thế-kỷ thứ 13, cơ-sở giáo Lạt-ma mới hơi vững-bền. Từ khi Hốt-tất-liệt lấn sang, giáo ấy mới lưu-hành ra ngoài Tây-tàng.

Thế-kỷ thứ 15, có thầy tăng Tôn-lạc-ba là một nhà tri-luật có tiếng, muốn cứu-chính lại cái thói chư-tăng đọa-lạc lúc bấy giờ, mới biệt khai ra một phái gọi là phái Hoàng-giáo, còn giáo cũ trước kia gọi là phái Hồng-giáo ; đó là theo cái sắc áo cà-sa mà mệnh danh tên giáo vậy.

Tôn-lạc-ba dựng ra chùa Cam-dan để ở, từ đấy cái thế Hoàng-giáo thắng được cái thế Hồng-giáo. Sau thành ra hai chúa Lạt-ma là : Đạt-lại với Ban-thiền. Đạt-lại ở về đất Lạp-tát thuộc về Tiên-Tàng, Ban-thiền ở về đất Trát-thập-luân-bổ thuộc về Hậu-Tàng, đều thống-trị cả chính giáo trong nước Tây-tàng.

TIẾT THỨ IV

Phật-giáo đời Minh (1368-1663)

Triều nhà Nguyên vì việc chiến-tranh luôn mãi, và bọn Tăng Lạt-ma tham-lam ; tài-chính khốn quẫn ; sau lại bị phải kể quyền - thần chuyên hoạnh, triều-chính tối-tàn. Đời vua Thuận-đế, kẻ quần-hùng nổi lên ; tự-trung có ông Chu Nguyên-Chương hay dụng được người hiền, đặc nhân-tâm, thứ-đệ đi chinh-phục cả các nơi, bèn thống-nhất cả thiên-hạ, là vua Minh Thái-tổ.

Khi Thái-tổ còn nhỏ, thường làm một vị sư ở chùa Hoàng-giác, sau khi

đã thống-nhất cả thiên-hạ, hết sức bảo-hộ cho Phật-giáo ; lại bảo-hộ cho cả Đạo-giáo Nho-giáo nữa, nhưng đối với Phật-giáo dựng chùa độ tăng rất nhiều, mà đối với bọn tăng-lữ thì lại xem xét những cách động-tác rất nghiêm. Lại bảo-hộ cho các thầy tăng về Thích-giáo và Đạo-giáo, có đặt ra Tăng-lục-ti, Đạo-lục-ti để làm tổng-giám, đặt ra tăng-cương-ti ở các phủ, tăng-chính-ti ở các châu, tăng-hội-ti ở các huyện, để làm chuồng-ly coi các thầy tăng, bảo-hộ cho bọn tăng-lữ đã qui-định ở trong pháp-luật như thế, lại hết sức hộ-trì Phật-giáo, xưa nay chưa có thế bao giờ.

Nhà vua lại bảo-hộ cho giáo Lạt-ma ở Tây-tàng, phong cho vị quốc-sư từ đời Nguyên tên là Nam-già-ba-tàng-bốc hiệu là « Sĩ-thịnh-phật-bảo-quốc-sư » ; sau lại phong cho làm Pháp-vương, để thống-hạt tất cả các tăng-dồ về Phật-giáo trong bản-bộ mình

Đời vua Thành-tổ nhà Minh, năm Vĩnh-lạc thứ tư (sau khi Phật tịch 1949, lịch-tây 1406) có triệu ông Ngâm-lập-ma cho hiệu là : « Vạn-hạnh-cụ-túc-thập-phần-lối-thắng viên-giác-diệu-tri-tuệ-thiện-phổ-ứng-hựu-quốc-diễn-giáo nhu-lai-dại-bảo pháp-vương tây-thiên-đại-thiện tự-tại phật » để tổng-giám cả các giáo-dồ về đạo Phật ; ở trong nước lại phong cho những đồ-đệ làm đại-quốc-sư, lại phong cho Ngâm-lập-ma làm Pháp-vương, rất là hậu-lễ trọng-đãi ; bởi thế các thầy tăng về giáo Lạt-ma theo nhau sang triều-cống luôn mãi.

Khi ấy Thiền-tông rất thịnh vì là vua Thái-Tổ trước xuất-thân là một nhà sư, lại nhờ về cái sức của thầy thiền-tăng Đạo--Diễn mới lên được ngôi vua ; bởi thế phái Thiền-tông mới thịnh lên ở đời nhà Minh.

Triều nhà Minh, giáo Lạt-ma với phái Thiền-tông hai giáo đều thịnh cả, đến về sau giáo Tịnh-thô cũng thịnh. Đời vua Thần-tôn có ông Văn-thê-đại-

sư ra đời muốn dung-hợp cả hai tông-giáo là Thiên-tông với phái không-niệm Phật làm một, hết sức chấn-hưng, bởi thế trong triều ngoài dã mới thịnh-hành cả hai giáo Vân-Thê tên là Thù-Hoảng, hiệu là Liên-tri, ba-mươi tuổi mới xuất-gia đi tu, hành-cước đi các nơi đề câu pháp cũng trải nhiều năm, sau tu ở chùa Vân-thê châu Hàng, cho nên người đời gọi là ông Vân-thê; đến đời vua Thần-tôn năm Vạn-lich thứ 43 (sau khi Phật tịch 2158, lịch tây 1615) ông Vân-thê mới tịch, thọ 81 tuổi, những sách ông làm ra có tiếng là quyển *Trúc-song tùy-bút*, *Thiền-quan-sách-tiến*.

Về sau lại có ông Ngẫu-Ích đại-sư tên là Trí-Úc về phái Thiên-thai mới ra đời, lại xướng-minh về giáo Tĩnh-thở; ông không có nệ theo một tông-phái nào, chỉ chuyên làm cho dung-hợp cả Phật-giáo đời bấy giờ, đời vua Vĩnh-minh năm Vĩnh-lich thứ chín (sau khi Phật tịch 2198, lịch tây 1655) ông mới tịch, thọ 51 tuổi. Sách ông làm ra như quyển *Duyệt-tạng-tri-tân* rất là có tiếng.

Ông Vân-thê với ông Ngẫu-Ích xướng lên cái thuyết dung-hòa chư tông Phật-giáo, để làm kết-thúc cho Phật-giáo, lịch-sử Phật-giáo nước Tàu hồi đó thực là một hồi vĩ-quan sau cùng vậy.

V - Thời-đại Phật-giáo suy kém

Thanh

TIẾT THỨ I

Phật-giáo đời Thanh (1663-1911)

Triều nhà Minh gặp khi nội-ưu ngoại-hoan, đến đời vua Thần-tôn nước Mãn-Thanh mới quật-khởi ở phương bắc, lần dần vào chiếm lấy đất nhà Minh, đổi quốc-hiệu gọi là nhà Thanh, diệt hẳn nhà Minh đi mà thống-nhất cả nước Tàu.

Đời nhà Thanh có Thánh-tổ Cao-tôn hai vua chú-ý chấn-hưng Nho-giáo,

đối với Phật-giáo cũng có bảo-hộ nhưng không hết sức như trước. Giáo Lạt-ma thì vẫn cứ theo như chính-sách đời nhà Nguyên mà duy-tri. Đến đời vua Thánh-tổ Thế-tôn bình-định nước Tây-tàng, mới đều bảo-hộ cho cả giáo Lạt-ma, có đặt ra chức quan Trụ-Tàng đại-thần ở đất Lạp-tát và phái binh sang đóng ở đó để bảo-hộ cho chúa Lạp-ma.

Về sau giáo Lạt-ma mấy đời vẫn chịu triều Thanh bảo-hộ cho, nên mới lưu-hành khắp ra các nơi. Về phái Hoàng-y thì triều-đình tôn-sùng, phái Thanh-y thì dân-chúng vẫn tín-ngưỡng; phái Thanh-y tức là Phật-giáo đã có từ trước, tuy có phân ra Hoa-tông, Thiên-tông, Mật-tông, Thiền-tông, Pháp-tướng-tông, Tĩnh-thở-lông, mà kỳ-thực thì các tăng-tục đều không hiểu ý-nghĩa ra sao cả; đó là Phật-giáo đã đến lúc suy kém vậy.

Cuối đời nhà Thanh các nước vào sâm-lấn, thế nước nguy ngập không lúc nào yên; trong triều ngoài dã đều khiếp về cái học-thuật Thái-Tây nó mãnh-tiến, muốn đem cái học vật-chất hình-nhi-hạ để cứu-vãn lấy đời-phong, mà phá-trừ hết cả những sự mê-tín đi. Những chùa chiền trong nước đều đổi ra làm trường học để dùng về sự công-ích, không biết bao nhiêu mà kể, không ai dám nói đến chuyện bảo-hộ cho Phật-pháp nữa.

Song những nhà văn-sĩ đời bấy giờ lại ra công nghiên-cứu Phật-học mà y-qui về Phật-giáo cũng nhiều, lưu-phong tràn ra, tư-tưởng người trong nước vì thế lại nhất-biến; những người trứ danh là: Dương Nhân-Sơn, Âu-Dương-Cánh-Vô, Phạm-Cồ-Nông, Lý-Thúc-Đồng, xem lại đại-thể trong hoàn-vũ, Phật-giáo sau này lại thịnh lên chăng?

(Hết)

ĐÔNG-CHAU biên thuật

QUẢNG-NGÃI TỈNH CHÍ (1)

廣 義 省 誌

III

III. — Sơn-phòng

Trên là nói về lịch-sử duyên-cách miền Trung-châu, còn lịch-sử duyên-cách miền Thượng-du cũng quan-hệ lắm, vì Liệt-triều đều phải tổn binh hao lực mới sắp đặt yên-ôn như ngày nay.

Miền Thượng-du Quảng-ngãi và các tỉnh Trung-kỳ có mọi ở, kể đã mấy mươi thế-kỷ nay. Chúng nó gốc người Mã-lai (*Indonésien*) ở phía nam Đông-Pháp. Người Mọi này đã lại nhiều đời, nên tính-chất hơi thay đổi một ít, nhưng thể nào mặc dầu cái tính cướp bóc và hãn-mạn hãy còn giữ làm cái bước đầu của dân ta trong xứ mới này phải nhiều lần khó-khăn.

Trước khi vua Thánh-tôn (1470) thu-phục thì là người Chăm ở, bản-tịch về Chiêm-thành, thành thử không rõ được.

Từ giữa thế-kỷ thứ 16 về sau mới thấy sách vở nói đến sự đánh Mọi và dụ Mọi.

Lịch-sử của các ông có công dẹp Mọi bắt đầu từ ông Bùi Tá-Hán.

Ông là người Bắc-kỳ làm quan đời Lê đến Bắc-quân Đê-đốc, sau lãnh chức Thiếu-bảo Trấn-quận-công, vào trấn Quảng-nam, ông khai-thác cho nước nhà. Đến năm 1558 đức Gia-dụ-hoàng-đế vào trấn Thuận-hóa, ông đem quân tiếp ứng.

Lúc bấy giờ Mọi còn hung-dữ, hay đánh phá cướp-bóc các miền Trung-châu, bắt trâu bò, đâm giết người, chẳng khác gì người Chăm khi trước. Chúng nó lại năng phá hơn người Chăm nữa, thường năm xuống cướp rồi chạy lên núi lên rừng ăn núp, dân ta lấy làm sợ-hãi.

Ông Bùi Tá-Hán đem quân đánh dẹp yên rồi, ông lại lo ngự về ngày sau, nên ông mới bắt quân lính và dân-gian đắp ở Quảng-nam một cái thành dài, đầu này đến đầu kia để ngăn Mọi, rồi tiếp đắp Quảng-ngãi, đặt tên là đoạn Trường-lũy, vì đắp từng bảo riêng không phải liên-tiếp nhau, nay lên miền Mọi còn thấy di-tích lại, Mọi kêu là « Bảo ông Trấn », đôi nơi còn chuối mít cam quýt xanh tốt. Bấy giờ trên Mọi có cúng tế thời tục cứ vái rằng « Thần-nông Hậu-tắc, Trấn-Bắc xứ-xang », Trấn-bắc là ông, nghiệm đó biết khi ông dẹp Mọi, chúng nó cảm cái ơn-đức oai-nghi của ông là đường nào. Đã gần bốn thế-kỷ mà dân dã-man ấy hãy còn truyền-tụng khẩn vái như một vị thần đề xin phù-hộ, về-yang thay ! Khi ông mất rồi, phong-tặng chức Thái-bảo, tiền-triều khen ông rằng : « Sinh tiền trung-nghĩa, tử hậu ảnh-linh », nay có lập chùa thờ tại làng Thu-phồ phủ Thuận-nghĩa, mộ ông cũng ở đó.

Đến năm Minh-mệnh thứ 13 gia-phong cho chức « Không-quốc thanh-biên thọ đức thượng-dăng thần ».

Con ông là Bùi Tá-Thế, làm quan đến chức Tứ-ương quận-công, cũng kế-thế cha mà dẹp Mọi, ông lập xã-hiệu làng Thu-phồ nay ở làng ấy còn con cháu đều xưng ông là thủy-tổ. Sau ông có đi vào Phú-yên, một ông Hòa-thượng gặp ông rồi mến ông mới khắc tượng gỗ chân-dung để lại chùa. Sau đến đời Lê Cảnh-hưng (1740-1786) người làng Hòa-vang (Quảng-ngãi) tên là Nguyễn Diên-Đô vào làm

(1) Xem Nam-Phong tự số 181.

quan ở Phú-yên thấy tượng ông mới tư sức làng Thu-phổ đem về thờ-phượng. Thế là trong một nhà hai cha con đều có công lớn đối với nước nhà.

Kể đến ông Nguyễn Bá-Huỳnh đến trấn Quảng-nam, Quảng-ngãi cũng dẹp Mọi được yên.

Đến năm canh-ngọ (1750) đức Thế-tôn Hiến-vũ hoàng-đế đặt sáu đạo đồn binh Quảng-ngãi đề phòng Mọi. Mọi Đá-vách xuống phá, ông Nguyễn Cư-Trinh khi ấy làm Tuấn-vũ Quảng-ngãi viết thơ dụ nó nhưng nó không chịu đầu, sau ông mới đem binh lên đánh, thời nó trốn hết. Ông nghĩ nếu đem binh về e nó phá lại, nên ông mới cứ làm trại sách chỗ sào-huyệt của nó, lập đồn-diên thiết Xích-hậu ở lâu, quân Mọi sợ ra đầu cả, ông kéo binh về, từ ấy về sau mười năm Mọi không dám loạn nữa. Ông Nguyễn Cư-Trinh người tỉnh Nghệ-an, sau ông làm Thượng-thư bộ Lại, hiện nay ở Thái-miếu có bài-vị thờ ông.

Năm tân-tị (1761) chúng nó khởi lại, bị ông Đặng Đại-Lược đánh đuổi. Qua năm canh-dần (1770) niên-hiệu Duệ-tôn Hiếu-dịnh hoàng-đế, Mọi tràn xuống đến tận thành « Đoạn-trường-lũy », ông Trần Phước đánh dẹp yên. Kể đến giặc Tây-son (1773-1802), trong 30 năm chỉ lo đánh nam đánh bắc, nên sáu đồn đạo Mọi lập năm 1750, đều bỏ phế cả, dân các làng diên-son phải tự lựa các người giỏi trong bọn thờ-hào thờ-mục bảo-tri lên làm, đề tự giữ lấy nhau.

Qua năm giáp-tí (1804) là khi đức Thế-tô đã thống-nhất rồi, quân Mọi khởi làm giặc, kéo xuống cướp phá dân ta, vua khiến Quận-công Lê Văn-Duyệt người làng Bồ-đề Quảng-ngãi đến trấn đề đánh dẹp. Ông sai ông Nguyễn Công-Toản dẹp yên rồi tâu xin đặt sáu cơ chia ra làm từng trấn đề ngừa giữ, có quân lính đội quân.

Đến năm mậu-dần 1818, tên Đội Tri vì thù các đội quân, lên Mọi khuyến

chúng nó làm giặc xuống đánh phá các đồn. Khi ấy ông Lê Văn-Duyệt ở Sài-gòn, đức Gia-long vời ông về đề dẹp. Ông về đến trấn, tên Đội Tri nghe tin ông, xuống thú, ông tha tội, rồi bảo trở lên dụ Mọi xuống, các đồn đánh cướp. Mọi xuống ông phục binh đánh bắt vô-số, rồi sai ông Nguyễn Công-Toản kéo quân lên đánh luôn trong hai năm, phá hết sách Mọi. Mọi ra đầu-thú, ông tha. Từ trận ấy, Mọi sợ ông như thần, gọi bằng « ông Bộ », không dám gọi tên.

Qua năm kỷ-mão thứ 10 (1819), ông tâu xin đắp theo cái « đoạn-trường-lũy » của ông Bùi Tá-Hán một cái thành đất dài, nam giáp phủ Bồng-son, tỉnh Bình-định, bắc giáp phủ Tam-kỳ, tỉnh Quảng-nam. Dọc theo lũy có đào hồ trồng tre, phía trước lũy là cội Mọi, phía sau lũy có đặt 115 sở bảo, rồi lựa dân thượng-hạng các huyện đặt làm 27 lân, có chánh phó lân đề hiệp với sáu cơ canh giữ và vỡ ruộng công trại cày cấy lấy lúa cho quân lính ăn. Thành ấy gọi là « Tỉnh-man trường-lũy » nghĩa là cái lũy đề yên Mọi, nay ở miền Thượng-du hãy còn di-tích, tục thường gọi là « Thành mọi ».

Bây xin nói qua lịch-sử ông Lê Văn-Duyệt. Ông quán làng Bồ-đề, phủ Mộ-đức, tỉnh Quảng-ngãi, phò đức Thế-tô đánh nam dẹp bắc trong 20 năm, thật có đại-công với bốn-triều. Ông làm quan đến chức Quận-công, sau vua sai đi trấn Gia-định, vì có người nhà lỗi phép, nên bị triều-đình nghị phạt.

Năm nhâm-thìn Minh-mệnh thứ ba (1832) đổi chánh phó tổng lân làm chánh-cửu-phẩm bá-hộ gọi sáu cơ là « tỉnh-man lục cơ ». Qua năm sau chuẩn quan Lãn-binh ở tỉnh chuyên về việc giữ Mọi, (ông Lãn-Hộ trước hết), và đặt sở Lãn-binh ở làng Bồ-đề phủ Mộ-đức.

Năm bính-thân (1836) rút cơ-sáu đổi làm vệ nhất tỉnh Quảng-ngãi, còn năm cơ thì chia từng trấn mà giữ, từ ấy về sau ruộng

cung-cấp cho lính bỏ hết, hoặc cho các làng sở-tại lãnh-trung, hoặc sung-công.

Năm 1837 chuẩn mộ dân 33 trại để làm hương-binh thuộc về cơ nhất.

Năm 1844 các quan quân-thứ Tôn - thất Bật và Ngụy Khắc-Tuần, tâu xin bãi hương-binh và phá tre trước lũy. Trước kia có 116 bảo, xin bớt hết 71 bảo, chỉ còn 45 bảo ở địa-dầu các chỗ xung-yếu.

Đến năm 1855, Mọi khởi làm giặc, mệnh ông Trần Tri đánh dẹp, lựa lân-dân đình-tráng 800 người thúc làm đội Nghĩa-dông, phát theo lương lính, giặc yên thì bãi. Cũng trong năm ấy sức đắp lũy lại và đặt 80 bảo. Năm sau lựa thêm dân để đánh giặc Mọi.

Từ năm 1857 chuẩn-giao quan Bõ-chính ở tỉnh thương-đồng với quan lãnh-binh mà là việc.

Năm 1858 đến năm 1861 nhân nước ta ngoài thì giặc bắc, trong Nam thì khai-chiến với Bảo-hộ, quân Mọi làm loạn bắt người, giết lính, cướp trâu bò, phá đồn-bảo, tràn gần đến Cù-lũy, dân Quảng-ngãi rung động. Khi ấy ông Nguyễn Tấn người làng Thạch-trụ phủ Mộ-đức làm Án-sát tỉnh Thái-nguyên (Bắc-kỳ) nghe tin, dâng sớ điều-trần phượng-lược, xin về dẹp Mọi.

Tháng chạp năm quý-hợi (1863) ông đến nơi, lãnh chức Tân-tương, sau đức Dực-tôn liền cử cho làm Tiểu-phủ-sứ (Sơn-phòng đặt Tiểu-phủ từ ấy) Ông đi hỏi thăm các ông lão về cách dẹp giặc đời xưa thế nào, rồi ông đi xem hình-thế núi sông; trong năm giáp-tí ất-sửu (1864-1865) ông lựa lính tập trận xong rồi ông mới kéo quân lên đánh, núi nào cũng lên, sách (làng mọi) nào cũng phá, quân Mọi kinh-khiếp, qua năm binh-dẫn đình-mão (1866-1867) quân Mọi ra đầu-thứ. Ông lần phủ-úy nó, rồi cho nó đồ ăn đồ mặc, không bao lâu thì mấy tên cừ-mục các sách ra nộp thuế, chỉ còn Mọi « nước-đỏ

nước-xanh » ở trên núi cao không đến được mà thôi. Từ ấy dân-tinh đều yên. Ông còn nghĩ đến ngày sau, sửa lập các cơ-đội, khai đồn-diễn để lấy lương nuôi lính, đặt đội dịch-man để thông tiếng Mọi. mở trường buôn-bán để Mọi đem sản-vật của nó xuống đổi với hàng-hóa của mình, còn tên « Tĩnh-man trường-lũy lại đổi làm « Tĩnh-man quân-thứ » từ năm 1865.

Ông lại nhân đó mà đi lịch-duyệt miền Thượng-du suy xét tình-tình Mọi, sau ông đem sự lịch-lãm của ông mà ghi chép trong sách « Phủ nam tạp lục ». Nay ta cũng nhờ sách ấy mà khảo-cứu lịch-sử duyên-cách miền Mọi khi ông trấn đó, Mọi gọi ông là « ông Trời ». Khi ông mất rồi, tướng-sĩ có lập miếu dựng bia để ghi công-đức ông; còn Mọi thì lớn nhỏ già trẻ rủ nhau xuống khóc đưa đám tang ông.

Từ xưa đến nay dẹp Mọi chỉ có ông là công-đức nhiều lắm.

Kể đến ông Đỗ Đăng-Đệ nổi làm. Sau ông về Tham-tri bộ Lễ, cử ông Huỳnh Quang người làng Lộ-bôi, huyện Đức-phò Quảng-ngãi thay.

Đời ông Huỳnh Quang thì chỉ làm Tân-tương. Sau ông Huỳnh Quang thì tới quan Tiểu-phủ Nguyễn Thân.

Ông Nguyễn Thân con ông Nguyễn Tấn, đầu làm Bang-tá đồn Lỗ-tục Bình-dịnh, rồi về làm Tiểu-phủ Sơn-phòng, sau ông đi Tổng-đốc Bình-dịnh, thì ông Trịnh Thê thay làm Tiểu-phủ.

Trước đời ông Đỗ Đăng-Đệ thì Sơn-phòng chỉ trị riêng Mọi Quảng-ngãi, từ đời ông về sau mới kiêm cả Mọi Bình-dịnh gọi là Nghĩa-Định quân-thứ (1876), đến năm 1881 mới cải làm Nghĩa-Định Sơn-phòng, có chia ra làm Nghĩa-phòng và Định-phòng, và thiết ba châu, mỗi châu có một Tri-châu một Bang-tá.

Về các quan võ Nghĩa-Định Sơn-phòng thì trên có chức Đề-đốc, dưới có ba

Lân-dân rồi dưới chia ra làm quân-cơ nhà nhỏ suất-đội. Đời quan Nguyễn In làm Tiều-phủ, thì quan Tiều-phủ ở ở phần đất Quảng-ngãi, có hai Lân-dân, còn quan Đê-đốc thì đóng ở Bình-dịnh, có một Lân-binh. Dinh chánh Nghĩa-phòng ở tại cơ nhất, tức là đồn Đức-phổ bây giờ. Dinh chánh Địch-phòng ở tại Lỗ-thực Bình-dịnh.

Chỉ ban đầu quan Tiều-phủ cầm quyền, nhưng có phiến tấu thì phải đứng dưới quan Đê-đốc, vì quan Đê-đốc hàm chánh tam mà quan Tiều-phủ hàm chánh-tam, nên phải chiếu theo hàm mà đứng trên dưới. Về sau ở triều giao quyền lại quan Tiều-phủ đứng đầu.

Các đồn chánh của sáu cơ về Nghĩa-phòng : 1. — Cơ nhất đóng ở đồn Đức-phổ tức là đồn bây giờ ở tại làng Vạn-lý. Chỉ ấy có thành đất thật rộng, trong có dinh-thự ; còn cái nền xây cao bên đồn bây giờ tức là cái kỳ-dài khi trước. Cơ nhất chính là chỗ đồn của quan Tiều-phủ đóng.

— Cơ nhì đóng ở huyện cũ Nghĩa-bành tức là đối-diện bên kia sông với vườn bây giờ.

— Cơ ba đóng ở làng An-tây, huyện Đức-phổ trong phần đất của cơ nhất.

— Cơ tư đóng ở chợ Tam-bảo, tổng Nam-trung, huyện Nghĩa-bành.

— Cơ năm đóng ở xứ đồng-dài, huyện Đức-phổ, giáp-giới với đồn Lỗ-thực Bình-dịnh.

— Cơ sáu đóng ở đồn An-hòa Kim-ma (tức là đồng Ké, phủ Sơn-tĩnh bây giờ).

Như ở phần đất của sáu cơ ấy coi : 1. — Cơ nhất giữ về Mọi Khánh-giang, Trường-bệ là đồn Ba-tơ.

— Cơ nhì giữ về Mọi Minh-long.

— Cơ ba giữ về Mọi Thường-au Vực-hồ.

— Cơ tư giữ về Mọi của đồn trấn Vạn-lý.

5. — Cơ năm giữ về Mọi Đá-vácn Đức-phổ.

6. — Cơ sáu giữ về Mọi Sơn-hà, Trà-bồng.

Binh-bị của sáu cơ : — Đời quan Tiều-phủ Nguyễn Thân là đời toàn-thịnh của Sơn-phòng. Tất cả số lính của Nghĩa-Định Sơn-phòng là 6.000 người, có chia ra thượng hạ ban, thuộc về Bình-dịnh 2.000 về Quảng-ngãi 4.000. Lính ấy tuyển dân các làng duyên-sơn, trước đời ông Nguyễn Thân thì quan Tiều-phủ phải tư về tỉnh để tỉnh sức các lang đem dân lên Sơn-phòng mà tuyển ; đến đời ông Nguyễn Thân thì ông sai thuộc về đến các làng diên-sơn tuyển lấy. Mỗi cơ lính đóng ước trên 500, còn có hạng lính chiến-binh thì thuộc riêng về quan Tiều-phủ, khi đầu 500 người, sau thêm 100 nữa là 600. Lính chiến-binh thì dùng nhung-y sắc đỏ, còn lính cơ thời dùng áo xanh kẹp nẹp đỏ.

Trước kia lính ra đánh, dùng giáo mác cờ và súng xua, nên Mọi ít sợ ; đến đời quan Nguyễn Thân có dùng được 20 khẩu súng khai-phúc và 20 khẩu súng hoa-kỳ nên Mọi khiếp sợ.

Ngoài ra lính lại các làng diên-sơn còn lựa lân-dân làm lân-binh. Ví như tuyển được 20 lính thì làng ấy phải có 20 lân-dân cũng có cơ-ngũ như lính, trên có đặt quân-lân và đội-lân như cách sắp đặt đoàn-kết bây giờ. Kề cả sáu cơ Quảng-ngãi được 4.000 lân-dân.

Phần việc lân-dân lại khổ hơn lính. Ngày thường thì Lân-dân phải tuân gặt trong địa-diện mình và chuyên chở về hàng cho các cơ. Khi đi đánh giao chiến lân-dân vận-tải lương-thực và cũng có khi phải xuất trận nữa. Lân-dân thì không có cờ có súng, chỉ có mỗi người một cờ giáo, trên có lưới sắt, Quảng-ngãi bây giờ mấy làng gần núi có nhiều ông già sức còn mạnh mà tuổi cao lắm, là vì khi ấy muốn trực cho cao tuổi, mau ra nhiều khỏi làm lân-dân.

Ở Sơn-phòng rất náo-nhiệt là kỳ thao-diễn. Mỗi năm thao-diễn một lần, nhằm kỳ tháng ba. Khi thao-diễn thì có làm phố-xá, lều-chợ để cho khách đem hàng-hóa đến bán và người Tam-kỳ ở Quảng-nam, người Tàn-quan ở Bình-định ra mua bán. Tiếng nói là thao-diễn mà khác nào một đám hội lớn. Khi thao-diễn thì lính thượng-hạ ban và lân-dân đều đòi tới bản-dinh ở cơ-nhất cả. Thao-diễn có tế cờ, lễ tế cờ rất nghiêm. Quan Tiều-phủ sức hạ lệnh ngày nào tế cờ, thì khi ấy ba bốn ngày các cơ các đội phải đem lính ra tập, chia làm tiền-quân trung-quân và hậu-quân; ba hạng cùng dàn ra đi, có võng lọng và cờ xí dao mác rất là nghi-vệ. Đến ngày tế cờ thì khi ba giờ khuya quan Tiều-phủ ra đi tế, lính áp hầu kéo đi như khi thao-diễn, từ chỗ đồn đến chỗ tế cờ ước ba cây số, mà đi từ ba giờ khuya cho đến mười giờ sáng mới về.

Thao-diễn xong rồi cho lính nghỉ-ngoi ăn uống, khi ấy thì vật trâu bò heo của Mọi đem xuống cung-đốn mà khao lính. Cách đó 50 ngày, rồi quan Tiều-phủ mới định ngày đi «vãn» nghĩa là đi hành-hạt, đi giáp cả Mọi Quảng-ngãi, đi hướng nào tùy quan Tiều-phủ định, phần nhiều là từ Cơ-nhất đi lên Ba-tơ, qua Minh-long lên Sơn-hà rồi về.

Một lần đi «vãn» ước một tháng, quân lính kéo đi dây non dây núi, tới đầu Mọi phải đem bò heo ra khao quân, nghĩa là diệu-võ cho Mọi khiếp-phục không dám làm giặc nữa. Nhân thế bọn Mọi phần thì thấy quân-dũng của Sơn-phòng rất nghiêm, phần thì khổ về sự cung-đốn, nên không dám nổi loạn.

Năm Thành-thái thứ 11 (1899) bãi các đồn, bảo, triệt bỏ Sơn-phòng, lại chia ra làm sáu cơ lập thành ba châu :

1) Châu Sơn-tịnh về cơ Sáu gồm có hai nguồn Thành Cù, Thanh-bồng và chia làm 7 tổng : Sơn-thượng Sơn-trung Sơn-hạ Sơn-thạch Sơn-bồng Sơn-thuận và

Sơn-tho; lý-sở ở địa-phận làng An-hòa Kim-thành.

2) Châu Nghĩ-hành gồm cả cơ Nhất hai tổng (Thuận-hành và Hóa-hành), cơ Nhì hai tổng Lạc-hành và Lợi-hành), và cơ Tư một tổng (thuộc về Lạc-hành), cộng tất cả năm tổng; lý-sở ở tại địa-phận hai làng Vạn-xuân và Bàn-thạch.

3) Châu Đức-phồ gồm cơ Ba, ba tổng (Phồ-au Phồ-thuận và Phồ-thành), cơ Năm một tổng (Phồ-triêm), cộng cả bốn tổng; lý-sở ở tại địa-phận ấp Vạn-lý. Nhưng mỗi châu cũng có một hai tổng An-Nam.

Mỗi châu có đặt một Tri-châu, một Bang-châu, một Lại-mục, hai Thông-lại và một Lệ-mục để coi mười tên lính.

Mỗi tổng có đặt Chánh-tổng và Phó-tổng, nhưng thuộc về tổng Mọi thì chánh-tổng đặt người dịch-man, còn phó-tổng thì đặt người Mọi giàu. Các món thuế đều thầu nộp tại châu.

Đến năm Thành-thái thứ 13 (1901), trích mấy tổng An-Nam nguyên trước thuộc về ba châu ấy nhập về Trung-châu để hiệp với các tổng Thượng-bạn Bình-sơn Tư-nghĩa và Mộ-đức để làm ba huyện như đã nói rõ trong chương lịch-sử trung-châu, còn bao nhiêu tổng Mọi của ba châu ấy dời làm ba đồn.

1° Đồn Đại-lý ở Làng Rí (nguyên trước là châu Sơn-tịnh).

2° Đồn Ba-tơ (nguyên trước là châu Đức-phồ).

3° Đồn Minh long (nguyên trước là châu Nghĩ-hành).

Tại đồn Đại-lý Làng Rí có đặt một quan-ba kiêm chức quan-một đồn ấy và kiêm cả hai đồn nữa, còn hai đồn Minh-long Ba-tơ thì đều đặt một chức quan-một để coi lính.

Trong ba tổng ấy đều có đặt một quản-đốc An-Nam để cai-trị các tổng sách, và đốc-suất các chánh-tổng sách-trưởng khuyến dụ Mọi khai sò đình điền. Quản-đốc lương mỗi tháng 18 \$ 00, chánh-tổng 12 \$ 00. Thuế chia làm hai hạng : Mọi

Minh-long Ba-tơ, vừa thuê đất thuê người thuê bấp chi nộp chung là 1 \$ 00. Còn Mọi bảy tổng thuộc về Làng-Rí phải chịu thuế ruộng thuế người như thuế dưới Trung-châu. Các hạng thuế đều cho Mọi dùng sản-vật như lúa cau trâu, chè mà khấu-nạp; chánh-tổng phải nhận vật-hạng ấy phát-mại lấy tiền đến nộp tại đồn. Mỗi đũa Mọi phải đi 15 ngày công-ích chia ra làm ba: 5 ngày làm đường quan, 5 ngày làm đường làng, 5 ngày làm tại đồn; còn không đi xâu (sưu thì phải nộp 1 \$ 00.

Năm Duy-tân thứ hai (1908) vì dân các hạt Trung-châu nao-dộng xin xâu, ba đồn ấy mới dời về Trung-châu, để tiện chăm-phòng người An-Nam và Mọi.

1) Đồn Làng-Rí giảm Đại-lý, dời xuống địa-phận làng An-hòa Kim-thành huyện Sơn-tĩnh, cải làm đồn Sơn-tĩnh.

2) Đồn Ba-tơ dời về ấp Vạn-lý huyện Đức-phổ cải làm đồn Đức-phổ.

3) Đồn Minh-long dời về địa-phận làng Phú-lâm-tây huyện Nghĩa-hành, cải làm đồn Nghĩa-hành.

Mỗi đồn đều có một quan-một (thiếu-úy) để coi lính và một quản-dốc để coi các sách Mọi y như trước.

Cũng trong năm ấy nhân-dân trung-châu nao-dộng xin xâu, Mọi hạt Ba-tơ khởi loạn đánh phá các làng và kéo đến đồn Đức-phổ, nhưng còn cách hai cây số thì nhờ có một viên đội lính-tập phục đánh giết được 85 đũa, còn phần thì các làng An-nam tiếp cứu giết luôn được 11 đũa nữa: Mọi phải xin đầu và trả tù lại. Chúng nó ra đầu-hàng tại đồn Liệt-sơn, có một con Mọi gái thay mặt mà giao-tiếp, tỏ trong lúc ấy có một cái thông-minh và nghị-lực hiếm có.

Đến năm Duy-tân thứ 10 (1916), miền Mọi thuộc về đồn Sơn-tĩnh được ninh-thiếp, nên giảm chức quan-một, còn đồn thì đổi làm thổ huyện Sơn-hà gồm có hai làng

An-nam Hà-tân Hà-thành nữa, huyện-ly tại làng Lê-lang, tổng Sơn-hạ, tức là lý-sở đồn Kiểm-ly bây-giờ, do một viên tri-huyện coi-trị; tất cả cộng là bảy tổng: Sơn-hạ Sơn-trung Sơn-thượng Sơn-thạch Sơn-bồng Sơn-thuận và Sơn-thọ; còn hai đồn kia để y, qua năm sau Khải-định thứ 2 (1917) mới cải đổi như sau:

1) Đồn Nghĩa-hành, dời trở về Minh-long hạt Mọi, có một quan-một để coi lính và một quản-dốc để coi-trị năm tổng: Thuận-hành Hóa-hành An-hành Lợi-hành và Lạc-hành.

2) Đồn Đức-phổ dời về Ba-tơ hạt Mọi, cũng có một quan-một để coi lính và một quản-dốc để cai-trị ba tổng; Phổ-an Phổ-thuận và Phổ-thành.

Đến năm Khải-định thứ tám (1923), nhân có án của viên quản-dốc Hồ Kỳ-Trần tấu lên Tiên-đế thấy hai chữ « quản-dốc », bèn châu-cước hai chữ « Kiểm-ly » một bên; từ ấy đến nay quản-dốc cải làm Kiểm-ly.

Nhưng từ năm Khải-định thứ sáu (1921), bọn Mọi Đình-Tôm sách Na-ba, tổng Sơn-trung, huyện Sơn-hà khởi làm giặc không chịu thuế, đốt phá làng Hà-thành dân phải chạy trốn hiệu-trấp mà không chịu đầu; qua năm Khải-định thứ mười, ngày tháng tám rút mười tên lính tập ở đồn tỉnh lên nã được bọn Đình-Tôm giải-nạp, nhưng lúc nã bắt Đình-Tôm có bản lăm nhằm ba đũa Mọi chịu thuế làng Na-ba, thành-thử bọn thân-thuộc chúng nó rủ bỏ sạch đi trốn, rồi cứ lên xuống đốt phá hai hạt Tư-nghĩa và Sơn-tĩnh, giết hết 12 người An-nam, quan tỉnh mới xin chia huyện Sơn-hà làm hai đồn: Sơn-hà và Trà-bồng để tiện chăm-phòng, nhưng chưa mong y. Còn bọn Mọi giặc cứ phá mãi, sau cũng lần-lần tiệm bình.

Ngày tháng 5 năm Bảo-đại thứ hai mới có giấy y cho phân bảy tổng huyện chia làm hai đồn:

1. — Đồn Trà-bồng gồm ba tổng: Sơn-bồng Sơn-thuận và Sơn-thọ.

2. — Đồn Sơn-hà gồm bốn tổng : Sơn-hà Sơn-trung Sơn-thượng và Sơn-thạch.

Mỗi đồn đều đặt chức Kiểm-ly coi-tri, việc quan đều thuộc về lĩnh tòa như các phủ huyện khác.

IV — Lịch-sử bảo-hộ

Bây giờ ta hãy thử xem cái phương-diện khác của lịch-sử Quảng-ngãi, nghĩa là từ khi tỉnh này khởi đầu thụ Bảo-hộ của Đại-Pháp đến nay.

Ở đây cũng như ở các nơi khác, cái bước đầu Bảo-hộ có trải qua nhiều kỳ khó-khăn, hoặc vì có cảm-tình dân-tộc hoặc vì phong-trào kích-thích. Năm 1885 đều sau khi vua Hàm-nghi bôn-bá, mấy lĩnh nổi lên, ta thường gọi là giặc « Nghĩa-hội ».

Ở Quảng-ngãi Cử-nhân Lê Trung-Đình và Tú-tài Nguyễn Tân làm đầu đảng, tương thông với Quảng-nam và Bình-định để hiệp sức cùng nhau. Quảng-ngãi khởi đầu ra lệnh.

Đình và Tân mộ hương-binh đánh lấy lĩnh-thành, bắt ông Bô-chánh Lê Đoan giam tại đình chánh-lộ rồi tôn ngài Truy-ly lên làm vua (Khi ấy ngài Truy-ly nhân có việc an-trí tại Quảng-ngãi, nên bọn Đình Tân khởi loạn hiệp ngài). Chiều-cứ được hai ngày, qua hôm sau quan Tiều-phủ-sứ Nguyễn Thân đem quân Sơn-phòng xuống, đến làng Chánh-lộ đóng lại, rồi sai người vào tỉnh thương-thuyết với Cử Đĩnh Tú Tân ; mở cửa thành ra tiếp ; tức-thì quan Sơn-phòng kéo òa vào giết Tú Tân và bắt Cử Đĩnh ; ông Nguyễn Thân thấy Cử Đĩnh có tài muốn dùng, nhưng vì ông Đê-dốc Sơn-phòng Đĩnh Văn-Hội hạ lệnh giết, nên ông phải vâng.

Sau khi giết yên Cử Đĩnh Tú Tân rồi, quan Nguyễn Thân kéo vào Sơn-phòng, còn ở tỉnh thì trả lại cho quan tỉnh. Khi ấy ông Hương-Hiệu làm đầu Nghĩa-hội ở Quảng-nam, sai quân vào đánh Quảng-ngãi, đánh đã nhiều trận, hại được quan Lãnh-binh ở tỉnh là ông Trần Giã. Khi ấy hình như cái thế Nghĩa-hội Quảng-

nam thịnh, Bình-định nghe tin muốn hiệp với Quảng-nam để hai đảng giao đánh ông Nguyễn Thân.

Bùi Điền và Mai Xuân-Thường làm đầu Nghĩa-hội ở Bình-định, Bùi Điền coi từ hạt Phù-mĩ ra Bồng-sơn, còn mấy hạt trong thì giao cho Mai Xuân-Thường, Bùi Điền cùng với Trần Cang kéo quân ra Quảng-ngãi, Ban đầu định ra Sơn-phòng, ra đến Mộ-đức bắt được một tên lính Sơn-phòng đi chợ, đem tra hỏi thì nó khai rằng ông Nguyễn-Thân về ở Thu-xà, không ở Sơn-phòng. Bùi Điền mới chia quân ra làm hai đạo, giao cho Trần Cang đem quân lên vây Sơn-phòng, còn Bùi Điền thì kéo thẳng ra tỉnh. Các quan tỉnh đóng cửa thành, bình như quan Bô-chánh bấy giờ đem bò heo ra khao cho quân Bùi Điền. Có người chạy xuống Thu-xà phi-bào cho ông Nguyễn Thân hay, lúc ấy ông về ở Thu-xà không có binh lính, chỉ có mấy tên lính hầu mà thôi, ông lập tức lên ngựa đi với mấy người tùy-tướng và mấy tên lính hầu, tất cả là 18 con ngựa đi luôn đêm, tuốt lên trên cơ-tur ở về chợ Tam-bảo Nghĩa-hành để lấy quân-cơ đi về Sơn-phòng. Nhưng ở cơ-tur thì quan Lãnh đang sai quân đi tuần trong Mọi chỉ còn có 80 tên lính, ông bắt thúc cả lân-dân cơ-ấy kéo quân về đóng cả ở làng Phường-an, rồi cho người xuống Sơn-phòng dò-thăm, thì tiếp được quân về tin rằng Trần Cang đến Sơn-phòng không có ông Tiều-phủ-sứ ở đó thì anh ta cho lính đi săn-bắn chơi bời, ngày hôm ấy có săn được một con nai về làm rượu, anh ta và lính-tráng hiện dương đánh chén. Ông Nguyễn Thân bèn lập-tức kéo quân xuống phòng, thì quả-nhiên Trần Cang say rượu đang nằm ngủ. Ông áp quân vào đánh, và lính trong phòng cũng đánh ra, nửa đêm Trần Cang hoảng-hốt, vừa tướng vừa quân chạy tán-lạc cả. Quân ông Nguyễn Thân cướp được một cái siêng của Trần Cang, đem theo, trong siêng có một cái ấn Tân-tướng

của Trần Cang, ông Nguyễn Thân lấy ấn ấy bảo viết tờ tư cho Bùi Điền ở tại tỉnh-thành nói rằng : Quân Bình-định đã bắt được ông Nguyễn Thân giam ở Sơn-phòng, mời Bùi Điền lên. Bùi Điền tiếp được thư ấy, thấy có ấn Tán-tương thật, bèn tin, lập-tức kéo quân đi. Khi thơ đến tỉnh đã chiều rồi, Bùi Điền kéo quân suốt đêm lên Sơn-phòng. Đàng kia thì ông Nguyễn Thân đem quân phục ở Tú-sơn là con đường Bùi Điền phải đi; quan-quân nằm dưới cống (tục gọi là cống thợ rèn) và hai bên mé đường, Bùi Điền kéo quân đến, quân phòng phát lệnh và ó lên đánh. Quân Bùi Điền đều kinh-hoảng chạy tản cả, bị chém giết vô-số. Bùi Điền chạy xuống làng Quí-lâm rồi thu quân đi đường bẻ về Bình-định.

Sau trận ông Nguyễn Thân đánh với Nghĩa-hội Bình-định, rồi tiếp tới Nghĩa-hội Quảng-nam kéo vào một lần nữa. Hường-Hiệu thì đóng quân ở Bến-váng, chỉ sai mấy ông hộ-tướng vào đánh. Đem quân vào đến làng Yên-tri (Cầu-cháy), ông Nguyễn Thân được tin báo kéo quân về đóng tại đình làng Chính-lộ, ủy cho quan Án-sát tỉnh kéo quân ông đi, quan Án thì ngồi trên một con voi có che lọng, rất nghiêm-chỉnh, cứ đàng cái quan kéo ra mà cự đánh. Còn ông Nguyễn Thân thì dẫn một đạo quân khác đi vòng ngõ Châu-nhai qua làng Trà-bường để bọc bậu. Quân hai bên nổi đánh, quân Quảng-nam thừa ngọn gió thổi dùng trái mù đánh vào quân Quảng-ngãi (tức là quân của quan Án kéo ra ông Nguyễn Thân còn ở đồng ruộng Trà-bường xem thấy quân Quảng-ngãi đã loạn hết, ông đã sai tên ty-tướng cùng ông chạy về Châu-nhai. Không ngờ ngọn gió đông thổi mù khói quạt lại quân Quảng-nam, quân Quảng-ngãi thừa-thế đánh lại, ông thấy thế quân mình mạnh, bèn đốc-suất giáp chiến; quân Quảng-nam thua chạy về, còn Hường-Hiệu ở Bến-váng nghe tin quân thua kéo về Quảng-nam.

Xét hai trận ấy, vì Quảng-nam và Bình-định đều thù ông Nguyễn Thân mà cố đánh, nếu như người khác thì đã khiếp sợ mà thoái lui, nhưng ông Nguyễn Thân đối-phó hai bên đều được thắng-lợi cả, thế mới biết ông là người có can-đảm và có thao-lược.

Năm 1893 đề khởi lại, nhưng lần này mau dẹp yên.

Kể đến năm sau 1894, là lúc sở thương-chính Cồ-lũy mới lập, dân nổi lên đánh phá trong đêm mồng 7 rạng ngày mồng 8 tháng chạp, quan Thương-chính REGNARD chỉ có một cây gậy kháng-cự không nổi, phải chạy trốn trên cửa gác. Dân phóng-hỏa nên phải vọt xuống, bị dân giết. Sau tìm được tử-thi đem an-táng tại nghĩa-địa Quảng-ngãi ở núi Bút.

Cũng trong lúc ấy thành tỉnh bị hãm đánh, sau nhờ có thắng bồi báo ông chủ giấy thép JEANDRAT và quan Lãnh-binh ra bắn, dân phải giải-tán chạy hết.

Xét ra là cử Vĩnh làm đần, do có tiếp giấy của Phan Đình-Phùng bảo đề-khởi, nã bắt rồi ít ngày xử-tử.

Năm 1896 tên tuần Đức người làng thi-phò Mộ-đức có vào đảng cách-mệnh ở phía bắc Trung-kỳ làm đầu đảng xui dân khởi loạn, may mà biết trước bắt được tên ấy nên khỏi khỏi ra.

Từ ấy về sau dân-gian an-cư lạc-nghiệp được 12 năm.

Năm 1908 các nhà cách-mệnh xuất-dương ở ngoại-quốc gửi thư về khuyến-khích trong ba tỉnh Quảng-nam Quảng-nghĩa Bình-định đều có phong-trào Duy-tân. Ở Quảng-ngãi Ấm-Loan và Bồ-Khiết làm đầu, các văn-thân lập Hội-thương diễn-thuyết cải-lương phong-tục và khuyến nhân-dân hớt tóc, bận áo cụt như các nước văn-minh bên Thái-tây. Văn-sĩ phần nhiều hớt tóc để làm gương cho bọn bình-dân, còn các đình chùa miếu vũ nhiều nơi bị đốt phá. Chẳng bao lâu mà phong-trào ấy xoay qua có chiều cách-mệnh, nhiều người bị bắt. Ở

Quảng-ngãi bắt Lê Đình-Cần đem tra hỏi, không chịu khai, sau mới đẩy lên Làng-Rí ở Thượng-du.

Đến buổi mai ngày 10 tháng 4 năm 1908, nghe tin dân Quảng-nam đã kéo đến tỉnh thành, dân Quảng-ngãi ăn mặc rách rưới rủ nhau kéo đến tỉnh thành xin thuế: khi đầu 400 người, sau đến hơn 1500 người, ngồi chật thành-phố. Các quan và các ông cử tú (không theo đảng ấy, ra hiệu khuyến bảo về lo làm ăn, mà càng hiệu thì lại càng đến. Các phủ huyện đều chạy về tỉnh cả.

Quan sứ DODEY sức đóng cửa thành, khi ấy quan Tuần-vũ và quan Án-sát bị đòi.

Chiều lại quan sứ phái quan Lãnh-binh ra bắn, bị chết và bị thương hết năm ba người, khi ấy dân mới chịu tản ra khỏi cửa thành, tránh đường cho xe ngựa vận-tải vào tỉnh,

Dân-cư ở mãi qua ngày thứ ba, quan Sứ mới sức truyền rằng: nếu không giải-tán thì sẽ sức bắn, dân mới chịu đi. Bồ-Khiết Âm-Loan và nhiều người khác nữa bị bắt, Loan Khiết tống ra Huế.

Nhưng chỉ được yên chỗ tỉnh-thành, còn ở thôn-quê lại càng nào-nhiệt lắm. Một tốp dân hơn 4.000 người đi bắt bà con Lãnh-binh và vợ con lính tập đem nhận nước.

Lần này cả tỉnh đều nổi lên, dân-chúng tự-do nhóm họp ở các đình chùa, đánh mõ, đánh trống luôn ngày luôn đêm, giấy thông-tin với nhau thì viết trát đề « lục phủ huyện dân ». Một toán lính-tập bị dân áp đánh trên con đường Thu-xà, lính bán lại một đôi người bị thương và chết, còn bao nhiêu thì chạy hết. Ba ngày sau dân kéo vây thành lại, một toán lính 100 người ra ví bắn dân bị thương và chết hết 150. Sau có lính khố đỏ Bắc-kỳ và có binh tây kéo đến Quảng-ngãi đóng trú lại tỉnh-thành phòng giữ, còn lính tập thì đưa các phủ huyện về làng

hiều-tráp và phát bài-chỉ thu thuế, các làng có thanh-tịch thì lính đến soát và hạ tre; lao tỉnh đầy cả tù, ước tám chín ngàn người; tòa án Tây Nam kết năm ba cái án tử. Đến ngày 24 tháng 4, đem Âm Loan và Bồ Khiết ra xử tử trước mặt các phạm khác, bêu đầu ba ngày, còn phần nhiều thì đẩy Lao-bảo. Vì thi-hành nghiêm-pháp ấy nên trong 24 ngày yên được. Loạn ấy tục gọi là « Loạn cúp tóc ».

Các mầm phiến-loạn ấy chưa phải dứt tuyệt đâu, chỉ chờ một cơ-hội tốt thì nảy ra. Cơ-hội ấy ở Quảng-ngãi xảy ra năm 1916, trong lúc Âu-chiến đương kịch-liệt

Lần này không may thì nổ ra to lắm, sẽ lan khắp tất cả các tỉnh Trung-kỳ, vì họ lợi-dụng khi Âu-chiến và cô-dộng binh-lính phần nhiều nghe theo, nhưng vì sao mà khởi nổ ra?

Định tối mồng 3 tháng 5 là một đêm không trăng thời khởi lệnh khắp lất cả trong nước. Nhưng ban chiều ngày mồng 3 ấy, nhân vì đổi gác, nên một tên lính tập ở tỉnh phải dời lên đồn Ba-tơ.

Tên lính này có một người anh tên là Võ Huệ linh đồng ở ti « niết », nó mới chạy tin với anh nó rằng tối nay có giặc, đề cho anh nó biết trước mà tìm đường lánh thân. Không ngờ anh nó chạy báo với quan án-sát Phạm Liệu. Khi ấy quan Sứ và quan Tuần-vũ đi hành-hạt chưa về, quan Án ra đón báo tại cửa tây, xe điện gần tới nói về đến tỉnh. Tức-thì quan Sứ DE TASTE điện tòa Khâm biết và xin một toán lính tây. Chiều ấy phòng-vệ mười phần nghiêm-mật, bắt trước được mấy tên đầu đảng và mấy tên lính tập sắp sửa ra khâu-hiệu. Tiếp đến toán lính thuộc-địa thứ chín kéo đến giúp sức đề cầm-phòng. Ở hạt Sơn-tĩnh có một tốp dân đã kéo đến huyện-ly, bị lính ví chạy tản hết, bắt được ít tên có dao, áo. Ngày mồng 10, đem đầu đảng Nguyễn Sứ hai tên lính

tập, do một tên làm loong-toong tòa Sứ và hai tên phạm khác xử-tử tại Quảng-ngãi. Còn tên lính Võ Huệ vài năm sau được bổ chức Lãnh-binh.

Thanh-niên. — Năm Bảo-dại thứ hai 1928 lại xảy ra cuộc thanh-niên. Trương Quang-Trọng và Hồ Độ làm đầu. Trước năm ấy Trương Quang-Trọng cùng Nguyễn Thiệu ra học ở Hà-nội, nghe lời anh em khuyên rủ và khích-thích những phong-trào của ngoại-quốc, bèn rủ nhau vào hội Thanh-niên ở Bắc. Hai người ấy về Quảng-ngãi tìm được một người đồng-chí là Hồ Độ hiệp nhau tổ-chức ra đảng Thanh-niên ở Quảng-ngãi, rủ thêm đồng-chí liên-lạc với các tỉnh phía Bắc và ủy cho Hồ Độ đi sang Tàu để tìm đảng-viên Thanh-niên đã xuất-dương mà lưu-học ở trường Hoàng-phổ Quảng-đông mà dự cuộc đại-hội của đảng. Khi Hồ Độ về rồi, công-việc các tỉnh ngoài bại-lộ ra.

Chánh-phủ tìm được sổ sách tư về tỉnh bắt đảng-viên Thanh-niên của Quảng-ngãi. Hồ Độ và Trương Quang-Trọng và 19 người nữa bị bắt, còn Nguyễn Thiệu trốn đi nơi khác.

Cộng-sản. — Năm 1930, tỉnh Quảng-ngãi lại khởi ra cái họa Cộng-sản. Nguyên tên Nguyễn Nghiêm ở Đức-phổ là một đảng-viên của Thanh-niên, khi trước chưa bị bắt, thấy đảng Thanh-niên bị thất-bại rồi, tên ấy bèn đi dạo chơi các tỉnh Trung-kỳ và ra Hà-nội để tìm mối mà khôi-phục lại đảng cũ. Không ngờ đảng Thanh-niên và Tân-Việt cũng đều bị thất-bại cả, chỉ còn một đảng Cộng-sản là một đảng trước kia vẫn không hợp chủ-nghĩa với hai đảng ấy, nhưng cách hành-động của đảng Cộng-sản chuyên trọng về bọn bình-dân vô-trí-thức, thành ra người nhập đảng được đại-đa-số của xã-hội và lại nhân lúc hai đảng kia đã suy thì đảng Cộng-sản tất thịnh.

Nguyễn Nghiêm thấy thế Cộng-sản

đương bành-trướng, mới khuynh-hướng về Cộng. Nguyễn Nghiêm trước tìm mối đảng Cộng-sản ở Nghệ, rồi về Quảng-ngãi lo tổ-chức. Trong tuần tháng hai An-Nam Kỳ-bộ ở Nghệ phái một đảng-viên vào Quảng-ngãi để tiếp hợp với Nguyễn Nghiêm. Kế đến tháng sáu tháng bảy mới chính-thức phái một đảng-viên nữa là Phan Thái-Ất để vào Quảng-ngãi giúp Nguyễn Nghiêm làm việc. Các tay chủ-động ấy hết sức tổ-chức mấy làng ở tổng Phồ-cam, Đức-phổ được mấy chi-bộ, rồi rải-rác tổ-chức thêm tới mấy phủ huyện khác.

Tháng tám ta năm ấy, bắt đầu biểu-tình ở huyện Đức-phổ, mục-dịch cuộc biểu-tình ấy cốt hành-động cho có thận-trạng để tuyên-truyền được mau chóng. Nhưng sau khi biểu-tình, một phần đảng-viên bị bắt, mấy tay chủ-động bèn hết sức cò-động các nơi khác để hưởng-trúng. Vừa tên Trần Tư ở Tư-nghĩa từ Sài-gòn về, mang một cái tư-tưởng Cộng-sản đã tiềm-nhiệm ở miền nam về hợp với Nguyễn Nghiêm mà làm việc. Khi ấy Nguyễn Nghiêm và Phan Thái-Ất chia nhau tấn-hành. Nguyễn Nghiêm coi về lưu-vực sông Vệ trở về nam, Phan Thái-Ất coi về lưu-vực sông Trà-khúc trở về bắc. Phan Thái-Ất vì người ngoại-tỉnh hành-động không tiện, phải nhờ có Trần Tư giúp sức.

Từ tháng chín năm 1930 cho đến tháng hai năm 1931 Mộ-đức, Tư-nghĩa, Nghĩa-hành, Sơn-tĩnh và Bình-sơn các nơi đều khởi biểu-tình, còn sự làm *meeting* đi diễn-thuyết và luyện-tập hồng-quân thì đêm nào cũng có. Cứ như lời Phan Thái-Ất khai thì số người vào đảng ước được 40.000 người, tuy vậy phần nhiều là đảng hiệp-tùng, kỳ thực trong một phủ huyện chẳng qua năm ba người đầu-đảng hành-động kịch-liệt mà thôi, Chánh-phủ thấy sự hành-động chúng nó có rất hại cho cuộc trị-an mới phái lính thuộc-địa và lính Lê-dương đem phòng giữ. Về Nam-triều

thì có phái một đội 50 lính tuần sát ở Huế để giúp quan tỉnh mà làm việc. Từ khi có binh-lực kiểm-chế, thì đảng Cộng-sản không dám tự-do nữa. Nhưng cách hành-động bí-mật của nó lại càng ngày lan khắp ra mãi. Tỉnh tòa nhờ sự trấn áp của binh lực mới lần lần phân ra mỗi đề bắt bọn đầu đảng cho tuyệt nọc. Trước hết bắt các tay giao-thông của đảng, kể đến các tay chấp-hành, rồi sau mới bắt được hai tay đầu đảng là Nguyễn-Nghiêm và Trần-Tu-Từ hai tên ấy bị bắt rồi đảng Cộng-sản ở Nghệ lại phái tên Trần Hương để giúp việc cùng Phan Thái-Ất. Và lại ở Mộ-đức có tên Trần Cư nổi lên là một tay chủ-động rất kịch-liệt. Chúng nó họp sức nhau khởi lên một lần nữa trong tuần tháng tư năm 1931,

Tuy vậy tài-lực của bọn sau này không thể bằng Nguyễn-Nghiêm khi trước được; và lại sự bạo-động của nó đã làm cho nhân-dân thất-vọng, sinh-linh đồ-khò, phần nhiều trong đảng cũng đã ngã lòng, huống chi phương-diện Chính-phủ Bảo-hộ thì đã phải trọng-bình đàn-áp,

phương-diện Nam-triều thì đặt Bang-tá để cầm-phòng trong hương thôn và lập ra đoàn-thể luân-lý và đại-hào-mục-hội để giữ gìn trật-tự, luân-lý trong xã-hội, hiện hai phương-diện ấy khiến cho dân ta vừa yên đầu vừa tỉnh-ngộ, mà cái thế Cộng-sản càng ngày càng lui. May dầu Phan Thái-Ất Trần Hương và Trần Tu cũng lần-lượt đều bị bắt mà không bao lâu trong hương thôn đều được yên lặng.

Sự biến-động tỉnh Quảng-ngãi lần này so với các lần trước có kịch-liệt hơn và kỳ-hạn đẹp yên lâu đến hai năm. Kể số người bị giam hơn 6.000 người, số người bị án hơn 1.000 người và số người bị vì Cộng-sản mà bại mình hơn 100 người, cũng là một sự không may cho tỉnh Quảng-ngãi. Tên Nguyễn-Nghiêm thì bị xử tử, tên Phan Thái-Ất Trần-Hung, Trần-Tu và Trần-Cử đều bị khổ-sai chung-thân. Còn mấy tên bị tội nhẹ cũng đã lần-lượt nhờ ơn của hai Chánh-phủ phần nhiều thì đã được tha về giao cho hương-thôn kiểm-cổ.

(Còn nữa)

SU-TẬP THƠ-VĂN CỔ

X

Vịnh trăng ba-mươi đêm

(Ông Bạch Đổng-Ôn diễn âm)

詠 月 三 十 夜
 (白 冬 温 演 音)

初 一

貞 元 一 氣 轉 洪 蒙
 想 像 冰 輪 到 太 空
 昨 夜 纔 纔 過 人 佇
 不 知 何 處 廣 寒 宮

Mồng một

Nhiêm-màu thay bảy hóa-công,
 Mơ-màng bóng tỏ trên không tuyết vờ.
 Đêm qua người những chờ coi,
 Hỏi ai đâu đó là nơi Quảng-hàn.

初 二

朔 夕 初 過 又 晚 鐘
 廣 寒 人 尚 歛 秋 容
 魄 生 始 得 疎 眉 好
 月 姊 多 情 隱 碧 峯

Mồng hai

Trời hôm lại dậy tiếng đồng,
 Tưởng người cung Quảng thẹn thùng
 Xa trông mới lộ mây ngài, [vời ai.
 Non xanh lẫn bóng như người lảng-lơ.

初 三

月 過 三 夕 始 含 江
 遣 得 騷 人 酒 滿 缸
 爲 愛 深 閨 逢 此 窺
 迴 文 罷 罷 獨 窺 窺

Mồng ba

Vẻ thềm lấp-ló bên giang,
Hỏi men dẽ khiến xênh-xang câu thần.
Ấy ai dết gấm hồi-vấn,
Song the liếc mắt tần-ngàn trông ai.

初 四

光	經	三	夕	尙	迷	離
平	望	欄	杆	影	漸	移
月	姊	曾	偷	京	兆	筆
今	宵	畫	出	好	蛾	眉

Mồng bốn

Gương nga vừa hé thĩ-thi,
Cầu-lơn trông đã ly-ti bóng vàng.
Cột thay nét bút chàng Trương,
Rủ-ri chỉ nguyệt diêm-trang may ngài.

初 五

蒙	地	飛	升	照	翠	微
圓	光	一	采	尙	依	依
莫	愁	五	夜	猶	寥	寂
喜	得	黃	昏	伴	夕	暉

Mồng năm

Đất mù tỏ sáng non kia,
Vẻ tròn một đóa khác gì ngày xưa.
Chớ sầu đêm trước hằng-hờ,
Trời hôm cũng có bạn như như mình.

初 六

過	晚	鐘	猶	照	屋	除
如	鉤	高	掛	又	驚	魚
來	宵	恰	值	烏	橋	會
送	出	奩	粧	有	半	梳

Mồng sáu

Bóng thềm vắng tiếng chuông đưa,
Vòng câu thấp-thoảng cá lơ-dờ kinh.
Đêm sau vừa gặp hội lành,
Hộp gương đưa đó nửa vành lược thưa.

初 七

人	聞	今	夜	盼	黃	姑
鵲	架	銀	橋	渡	得	無
弓	影	剛	兒	山	上	掛
南	飛	三	匝	最	憐	烏

Mồng bảy

Đêm nay ước hỏi Hoàng cô,
Cầu Ngân phông bắc qua đò đực không.
Cuộc lui đầu núi treo cung,
Ác bay đã mệt mấy vòng cây cao.

初 八

上	弦	佳	夕	玉	繩	低
銀	漢	迢	迢	月	色	迷
莫	道	半	規	光	尙	淺
此	番	己	透	廣	寒	梯

Mồng tám

Trên cung chuỗi Đầu thấp-the,
Doành Ngân lai láng bốn bề mênh-mông.
Chớ e rằng mới nửa vòng,
Thang mây đã bắc vào cung Quảng-hàn.

初 九

冰	輪	半	影	煥	天	街
直	上	弦	宵	色	漸	佳
客	有	舉	杯	邀	共	飲
團	圓	雖	緩	颯	先	諧

Mồng chín

Nhờn-nhờ chiếc bóng canh dài,
Nửa vòng cũng đã một trời sáng soi.
Kìa ai mượn chén khuyên mời,
Đoàn-viên dẫu chữa vện mười những mong.

初 十

碧	雲	初	合	晚	鐘	催
玉	鏡	光	輝	色	半	開
桂	點	階	莫	舒	葉	十
	花	翹	望	月	中	裁

Mồng mười

Chuông hôm mấy tiếng lưng trời,
Bóng gương coi đã diễn khơi nửa vành.
Đếm xem mười lá thềm-minh,
Cung tiên mượn-mởn mấy cành quế hoa.

十 一

月	輪	半	闌	又	如	銀
遣	得	秋	樓	望	遠	人
寄	語	閨	中	須	細	認
團	圓	屈	指	又	三	辰

Mười một

Xe trăng nửa mở dần dần,
Lầu thu xui kẻ tần-ngàn trông xa.
Khuyên ai nhận tỏ mới ra,
Tròn gương tinh dốt chừng và đêm sau.

十 二

玉	鏡	今	宵	掛	碧	雲
金	釵	十	二	醉	紅	裙
客	中	莫	解	鄉	闌	思
坐	倚	欄	杆	過	夜	分

Mười hai

Một màu gương ngọc vẻ ngàn,
Thoa vàng đôi sáu hồng quần như say.
Nhớ quê như đại như ngáy,
Khiến người mỗi tựa gần đây ba canh.

十 三

冰 輪 未 滿 一 微 痕
烏 鵲 南 飛 邊 樹 喧
屈 指 團 圓 纔 兩 夜
金 錢 思 婦 卜 黃 昏

Mười ba

Vàng ngân chênh-chếch chưa tròn,
Quanh cây chim thước véo-von canh
Vành tròn tỉnh đã đêm hai, [dài.
Lòng quê thương kẻ hôm mai gieo tiền.

十 四

姮 娥 今 夜 欲 圓 圓
色 相 分 明 最 可 觀
雖 未 十 分 圓 滿 處
佳 人 先 得 倚 欄 杆

Mười bốn

Bóng Nga hai bảy rắp tròn,
Rõ ràng mặt ngọc trông mòn con người.
Mười phần tuy chữa vẹn mười,
Giai-nhân trước đã tựa ngoài cầu-lợn.

十 五

團 圓 冰 鏡 又 如 環
遺 得 騷 人 破 酒 顏
倘 使 姮 娥 能 托 愛
月 中 丹 桂 願 高 攀

Mười lăm

Gương băng vành-vành một làn,
Làng thơ mặt rượu bàn-hoàn xa trông.
Hỏi trăng trắng có nề lòng,
Xin vịn cành quế bạn cùng mới nao.

十 六

溶 溶 玉 色 最 嬋 娟
恰 似 深 閨 二 八 年
疑 是 更 姮 娥 珍 到 意
三 更 斜 影 到 窗 前

Mười sáu

Ngọc-ngà ai đúc cho nên,
Dáng người đôi tám ở miền thâm-khue.
Nét hoa chùng cũng say mê,
Canh thâu ngả bóng song the ngõ là...

十 七

芬 菲 雲 外 桂 香 飄
十 七 梳 粧 覺 尚 嬌
可 愛 他 冰 輪 桐 上 照
慰 他 秀 拜 良 宵

Mười bảy

Bên mây hương quế ngọt ngào,
Gương Nga mười bảy mi-miêu còn xinh.
Sân Ngô dăng-dăng bóng cảnh,
Vì ai năn-nỉ khue tình với ai.

十 八

肯 將 秋 色 等 閒 拋
雲 合 夜 饒 他 暮 鼓 敲
昨 風 姨 十 八 莫 因 愁 倦 睡 嘲

Mười tám

Sắc thu còn lóng-lánh chiều,
Màn mây êm gối trống lầu diêm canh.
Xiêm nghe còn mỗi đêm lạnh,
Ai hay đi gió ra tình mả mai.

十 九

纔 過 二 九 影 蕭 騷
遲 暮 多 因 待 伯 勞
識 得 時 陰 陽 消 長 理
隨 收 歛 更 爲 高

Mười chín

Bóng qua đôi chín hao-hao,
Nghe chim tu-hú đợi chào canh thâu.
Mới hay tiêu-trưởng lẽ mầu,
Tùy cơ hãy ngảnh mặt vào làm thình.

二 十

纔 離 四 夕 夢 非 賒
半 減 嬌 姿 更 奈 何
寄 語 圓 閨 時 中 少 領 會
月 圓 時 少 缺 領 會 多

Hai mươi

Mơ màng đêm nọ không xa,
Bóng Kiều trông đã tà-tà khác sao.
Nhấn lời hỏi khách phòng đào,
Khi tròn khi khuyết khi nào nhiều hơn.

二 十 一

羞 花 二 態 笑 嫦 娥
來 復 三 番 色 漸 斜
空 識 吳 剛 子 何 處 去
教 張 子 泛 仙 槎

Hai mươi một

Ghiều thu còn thẹn nét hoa,
Trông theo bóng sắc độ và phân lui.
Cuối kia đã lần dầu rồi,
Lênh-đênh sông Hán kia người họ Trương.

光郎字剛
分素待吳
一美猶問
剖孤筭的
十兩還及端
二釵夜過將
金半已好

Hai mươi hai

Một vành nửa sang như gương,
Đề chàng Hoan-bá đêm sương bồi-hồi.
Cài trâm rồi biết chờ ai,
Nguồn cơn xin để hỏi người gốc đa.

平情酌鳴
弦限滿鷄
下無猶待
三望中杯燭
二一聞三乘
桑得白勞
扶留太更

Hai mươi ba

Tò-mò một dải Đông-minh,
Lông khúe như dẹt mối tình chi đây.
Bầu tiên chước rượu còn đầy,
Nhọc người cầm đốc canh chày đợi ai.

盈貞量形
虛片測弓
歷一難掛
四信心微殿
十花冰玄桂
二番是道寒
幾仍天廣

Hai mươi bốn

Trái phen hoa nở trên cành,
Khăng khăng giữ một tiết lành giá trong.
Doanh hư chẳng khác lần vòng,
Rầy xem cũng độ treo cung Quảng-hàn.

騰燈淡冰
底漁容片
五海幾秋一
十鉤畔道然
二銀州莫仍
夜楊中夜
深蓼閨五

Hai mươi năm

Bóng càn rốn bề mấy tầng,
Đèn ngư thấp-thoáng trông chừng bãi dương.

Chờ rằng nhạt phấn phai hương,
Năm canh lòng vẫn như gương sò-sờ.

珠愁六鉤
含客廿殘
六尙繫過此
十底聲娥掛
二海聲嫦猶
龍館笑深
驪鷄却夜

Hai-mươi sáu

Rồng còn dáy bề ngậm châu,
Tiếng gà eo-óc gọi sâu khách xa.
Nực cười thay chị Hằng-nga,
Vòng câu còn mắc trượng hoa đêm tàn.

深斟夕心
夜孤三秀
七到伴餘聞
十敲強僅堪
二頻猶月那
子娥天望
棋嫦上恨

Hai-mươi bảy

Cuộc cờ canh đã điềm năm,
Hằng-nga còn giọng khuyên cầm chén say.
Cung thiềm còn khép cánh mây,
Buồng hương nhọc kẻ canh chày ngóng trông.

潭酣起舍
寒半未相
八照酒人兩
十斗闌深水
二星更夜天
芒待樂教
光坐嘗轉

Hai-mươi tám

Lập-lòe tinh dầu bóng dầm,
Ấy ai say tỉnh chờ ngậm canh tàn.
Thuốc mê êm giấc Quảng-hàn,
Đa trời mặt nước một làn xanh xanh.

蟾占筆奩
輪指兆窺
九半屈京笑
十像前投計
二想階誤無
更莢樣剛
五黛眉吳

Hai-mươi chín

Canh khuya to-tướng vòng thiềm,
Lá minh trở đêm trái xem từnq ngày.
Đổ ai phỏng dạng vẽ mây,
Cuối kia khôn nép gốc cây nom dóm.

三十

婦 娥 今 夜 懶 開 函
 魚 不 驚 夜 跨 浪 三
 說 與 驚 鉤 須 少 待
 來 宵 色 相 出 西 岩

Ba-mươi

Cung nga biếng mở cánh rèm
 Cá nào còn sợ gần thềm dáng cầu.

Dặn người chờ đó ít lâu,
 Đem mai lại hé bóng tàu noi tây.

Tông-vịnh

Gương trời vắng-vặc trên không,
 Vàng ngân lấp-lánh vẻ lồng bóng nga.
 Trái bao sương tuyết không già,
 Từng quen mãi với sơn-hà xưa nay.
 Tinh trong một tháng mấy ngày,
 Cờ sao trắng lại khi đầy khi voi.
 Hỏi trắng trắng chẳng nói cười,
 Trông trắng trắng lại trông người lẳng-
 lơ.

Có chẳng chỉ một ông thơ,
 Đãi bàng mấy vận châu-cơ dải cùng.

CÂU CHUYỆN TÌNH TRONG GIẤC MỘNG

« Trăm năm trong cõi người ta,
 « Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm-bao ».

Đó là lời kể về cảnh mộng.

« Tưởng bây giờ là bao giờ,
 « Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm-bao ».

Đó là lời kể về cảnh chân.

Nhưng có biết đâu hễ vô-duyên thì cảnh chân cũng thành ra cảnh mộng, mà có duyên thì cảnh mộng cũng thành ra cảnh chân, tức như câu chuyện tình trong giấc mộng, ngày xưa đã có, nay xin thuật ra như sau :

Rằng năm Chí-thuận triều Nguyên, bốn phương phảng-lặng hai phiên vững-vàng. Khi đó có một chàng là Vương-sinh, vốn con nhà học-trò ở đất Kim-lăng, tinh-thần dung-mạo, đẹp như ngọc chuốt, sáng như nước ngưng, ai nấy đều khen là một chàng kỳ-tuấn của nhà họ Vương. Chàng 20 tuổi chưa lấy vợ. Nguyên chàng có ruộng ở nẻo Tùng-giang cho người ở đấy thuê rẽ, mùa thu thóc chín, chàng đi ra đấy thu thóc. Khi trở về qua nẻo Vị-đường, thấy một ngôi tửu-quán mới mở, vẻ thanh-kỳ hiện ra ở bên phố trên bờ sông, cột đỡ cầu lơ xanh phiêu-diêu như tranh vẽ. Cây liễu cao,

cây hòe cổ, lá vàng đã chen với lá xanh, có hoa sen vài ba mươi đóa, hoa hồng nước lục, trên dưới chiếu với nhau, ở trong có đàn uyên-ương trắng đang vùng-vẫy chơi đùa. Chàng Vương đậu thuyền ở bên bờ sông, lên tửu-quán ấy mua rượu uống. Qua thì xé cua Cự-ngao, gỏi thì thái cá Tùng-giang, quả thì muỗm chín trên cành, rau thì ngó sen dưới ao, chén thì dùng chén lục-ngọc túy-hồng, rượu thì rót rượu chân-châu mỹ-tửu.

Người quán-chủ cũng vốn là nhà giàu, có người con gái tuổi vừa 18, biết đàn biết chữ, dung-quang thái-độ khác với kẻ phàm-thường. Người con gái ấy thấy chàng Vương ngồi uống rượu ở bên ngoài, liền liền đứng ở trong bức màn che cửa dòm ra, có khi lộ ra nửa mặt, cũng có khi hiện cả toàn-thân, đi rồi lại lại, tự trước đến sau dường như có ý không bỏ dứt được.

Chàng Vương cũng vốn là người có học-thức phẩm-hạnh, kỳ-thủ cũng đề mắt qua, song lại cho rằng ở đây không phải là chốn khuê-các, há lại có con gái đại-gia, chẳng qua là thói phong-tinh của những hạng tiểu-gia đấy mà

thời, uống rượu xong thì trở ra về, thân-nhiên về thuyền không để ý gì cả.

Hay đầu duyên nợ ba sinh, đổ ai gỡ mối tơ manh cho xong, chàng Vương tự lúc trở về thuyền, nỗi-niềm người con gái ấy vẫn canh-cánh ở bên lòng. Ngay hôm ấy liền chiêm-bao thấy lại đến nơi túu-quán ấy, vào qua mấy lần gác, thẳng đến nhà trong rồi đến chỗ người con gái ở, thì là một cái hiên đặc-biệt vậy.

Trước hiên có một cái giàn cao, dây bò-đào leo xanh tốt, dưới giàn có một ao vuông nho-nhỏ, xung-quanh xây bằng đá, trong thả cá vàng. Hai bên tả hữu ao có hai cây cỏ-thụ sắc xanh biếc, ngoài mé tường có bức bình-phong kết-tạo bằng dạng cây bách, có vẻ thiên-nhiên. Dưới bức bình-phong xếp ba ngọn giả-sơn có cách cao-siêu thanh-tú. Cỏ thì toàn là thứ cỏ ngọc-sa kim-tuyến, xanh mượt bốn mùa, phẳng-phất như cảnh tiên. Dưới cửa sổ treo một cái lồng chạm hoa, trong lồng nuôi một con lục anh-vũ, dưới hiên đặt hai con hạc uốn bằng cây, trên án bày ba cái lọ cổ bằng đồng, trong cắm những lông đuôi khổng-trước, ven cái lọ thì những đồ bút-nghiên rất là tề-chỉnh. Ở giữa có một cái giá, đặt ngang một cái ống ngọc-tiêu, đó tức là cái sáo của người con gái vẫn thường thổi. Trên vách dán bốn bức giấy kim-hoa-tiên đề bốn bài thơ. Thể thơ thì bắt-chước lối «Tứ-thời-thi» của ông Tô Đông-Pha, thể chữ thì giống như lối chữ ông Triệu Tùng-Tuyết, mà chẳng biết ai làm ra.

Bài thứ nhất kể về cảnh xuân :

*Gió xuân thổi rụng nét hồng-tuyết,
Khóm liễu kêu ran chim bách-thiết;
Bước-bước nhà đông nhà tây bay,
Hoa đào năm ngoái năm nay kết.*

*Cuộc du vira nghỉ bóng xuân tà,
Hương thắm bồ-hôi dải lục-sa ;*

*Hầu gái biết ta dạ khao-khát,
Bình vàng đi nấu nước tân-trà.*

Bài thứ hai kể về cảnh hạ :

*Xanh nhuộm đuôi loan tàu chuối mở,
Vàng chen mỏ phượng hoa huyền nở;
Đầu lương ngọc trắng yếm vài con,
Mắt nước nầy hồng sen quá nửa.*

*Khi trời nóng-nực lại ngày dài,
Chỉ xếp kim cài những vị ai ;
Đứng nương bóng mát bên cây lựu,
Bốn ném chim oanh cầm quả mai.*

Bài thứ ba kể về cảnh thu :

*Tiếng thu ào-ào sức gió mạnh,
Sau giấc uyên-trong bên gối lạnh ;
Lò vàng đốt sạ nghi-ngút hương,
Quạt lượt đập huỳnh man-mác ảnh.*
*Kèn ai một khúc lắng tai ta,
Ngắm vẻ sóng Ngân bóng nguyệt tà ;
Toan nhuộm móng tay cho đỏ đẹp,
Cối vàng đem giã phượng-tiên hoa.*

Bài thứ tư kể về cảnh đông :

*Mai mới nầy hoa trà mới nụ,
Gió động rèm thưa bông tuyết múa ;
Mạo rét thêu nền nét hồ-phù,
Váy xuân giữ lấy màu anh-vũ.*
*Mượn người cầm bút vẽ đôi mày,
Má phấn ngưng-hương chặm đỏ gay ;
Điểm tô dung-mạo lên soi kính,
Thoa phượng cảnh vàng bóng động lay.*

Người con gái thấy chàng Vương đến, rất là hoan-nghênh, tự-tình tương-tri tương-thức, chuyện-trò vui vẻ. Kịp khi nghe tiếng gà gáy, chàng Vương mới chợt tỉnh thức dậy, thấy sông thấy nước, thì ra mình vẫn nằm co ở chỗ cửa trở dưới mũi thuyền, mà bốn bài thơ trong giấc chiêm-bao, nhất-nhất ghi nhớ cả, chẳng sót một chữ nào. Chàng Vương tuy cũng tự lấy làm lạ, nhưng cũng cho là sự mộng-ảo chẳng bằng-cứ vào đâu, chỉ hằng ngày ở trong thuyền rót rượu uống đề tiêu-khiên trong buổi tịch-liêu mà

thời, vẫn không để ý gì cả. Duy bốn bài thơ trong giấc chiêm-bao thì tự lúc ăn cho đến lúc nằm, lúc nào cũng thường-thức đến luôn-luôn, không lúc nào có thể quên được. Kịp đến khi về nhà, không tối nào là chàng chẳng chiêm-bao thấy mình đi đến chỗ người con gái ấy ở.

Một tối chàng chiêm-bao thấy chàng cầm cái ống ngọc-tiên đặt ở trên giá, đưa cho người con gái thổi cho nghe. Người con gái bèn thổi một khúc Lạc-mai-phong, âm-diệu véo-von réo-rất, dường như vang-động cả trên mây.

Lại một tối chiêm-bao thấy người thiếu-nữ đứng ngồi ở trước đèn thêu chiếc giày hồng-la chàng thì vì người con gái cắt cái hoa đèn, và khêu lên cho sáng tỏ, lỡ đánh rơi cái hoa đèn xuống chiếc giày, chiếc giày liền thành ra một vết cái hoa mai in bằng dầu, coi cũng có vẻ thiên-thú.

Lại một tối chiêm-bao thấy người con gái lấy cái nhẫn đeo tay bằng bích-ngọc mà miễn chỉ vàng tặng cho chàng, chàng thì lấy cái quạt dáng hoa quì mà vẽ đôi con cá để tặng lại. Kịp lúc chàng thức dậy thì cái nhẫn bích-ngọc rõ-ràng ở trên tay mà cái quạt song-ngư thì không thấy nữa. Chàng mới cả lấy làm lạ, liền bắt-chước lối thơ Hội-chân của Nguyên Chấn nhà Đường đặt ra ba mươi vần, để ghi lấy sự kỳ-ngộ.

Thơ rằng :

Xinh đẹp người khuê-các,
Tiền đầu hiện xuống đời ;
Phong-lưu đành có giống,
Thông-tuệ lại gồm tài ;
Cốt tiên khôn kém ngọc,
Cách diễm lại thua ai ;
Lung mềm như lá liễu,
Sắc đẹp tựa chòm mai ;
Thiên-kim xây tới óc,
Thất-bảo đắp lên đài ;
Ngắm lại đẹp càng đẹp,

So ra mười gặp mười !
Yêu-diệu xe du-bích,
La-đa chén thái-bôi ;
Đường đi về Lạc-phố,
Lối chẳng cách Thiên-thai ;
Đuôi yến rèm cao cuốn,
Nghênh xuân cửa bán khai ;
Xương-bồ còn rẽ đó,
Đậu-khẩu đã hoa rồi ;
Tiền hoa tay ngọc chuôi,
Bình gấm nét vàng soi ;
Trộm hương như họ Giã,
Chờ nguyệt tựa nàng Thôi ;
Ả Trác đàn thêm ngón,
Cung Tần sáo lọt tai ;
Lời oanh nghe thiếu-diệu,
Bóng trúc ngắm bồi-hồi ;
Ao vàng ngư lẫn bóng,
Lò bạc xạ bay mùi ;
Mây biếc lồng trâm phượng,
Non xanh đơm vẻ ngai ;
Lược ngọc trâm hoa giắt,
Quần là sắc huyết phơi ;
Uyên bay từ mặt đất,
Phượng múa trước nhà trời ;
Xuân-phong đình giải hận,
Hỗ-phách chén mưa vui ;
Chàng Ngưu mừng mặt họp,
Chị Nguyệt hé mây cười ;
Bướm hóa mượn thông-mộng,
Ong về nhờ tác-môi ;
Lợn hoa chiều nổi tựa,
Ném gấm sớm cùng ngời ;
Nhấn liễu đành ghi chốn,
Ôm cầm dám đợi ai ;
Gươm báu chôn nào một,
Chim xuân đậu có đôi ;
Đêm thanh sao nữ vắng,
Lòng ai biết bao vui ;
Trăng tàn phai lại thắm,
Lệ biệt ngấn thêm dài ;
Canh để bao nhiêu khúc,
Chuông khuya đã mấy hồi ;
Non Giáp mưa vừa tạnh,
Thành Hà biếc chửa phai ;
Tài-tử đành muôn kiếp,

*Giai-nhân dễ mấy đời ;
Chàng Lưu đầy quả phúc,
Mới được đến Thiên-thai.*

Chàng Vương làm thơ xong đem phò ra với bè bạn, những kẻ hiểu-sự phần nhiều người đem ra truyền-tụng. Lại có khi chàng chiêm-bao thấy đem 30 vắn thơ ấy gửi đi tặng cho người con gái.

Đến năm sau, chàng Vương lại chiều lệ thường đi ra Tùng-giang thu thóc, lại đi qua Vị-đường nhân tiện lại đến chỗ tửu-quán ngày trước thì người quán-chủ cả mừng, mới đón chàng Vương vào nhà trong. Chàng Vương chữa hiểu ra ý thế nào, rụt-rè từ-chối. Yên vị đầu đấy người quán-chủ mới đem tình thực ra nói rằng :

— Lão-phu này sinh ra chỉ có một tiền-nữ chữa từng đã gả cho ai. Năm ngoài quân-tử đến uống rượu ở đây, đưa tiền-nữ nhà tôi chọt được trông thấy bóng dáng, trộm có đem lòng kính-mến, từ đấy tâm-thần hoảng-hốt mới nhiễm-thành bệnh, thường nằm ngủ liên-miên và nói một mình, như kẻ si-ngốc, như người say-sưa, uống thuốc gì cũng không có công-hiệu. Đêm hôm qua nó chọt nói ra rằng ngày mai thì lang-quán đến đây, nhà ta nên ra đón tiếp. Kỳ-thủy tôi cũng cho là lời nói mê-sảng, cho nên chữa lấy làm tin. Nay quân-tử quả-nhiên lại đến nhà tôi, thế là lòng trời khôn-thiên mà mở cho đường phương-tiện vậy.

Người quán-chủ nhân hỏi chàng Vương đã từng hôn-thú gì chưa, và hỏi họ-hàng dòng-dõi, thì chàng Vương chưa từng lấy vợ và là dòng-dõi thế-gia.

Người quán-chủ cả mừng, tức-khắc cầm lấy tay chàng Vương dẫn vào nhà trong đến chỗ hiên-phòng riêng của người con gái ở, thì nhà cửa cầu-lơn đều là nơi trong giấc chiêm-bao đã từng đi đến. Cây cỏ núi ao cho đến

khi-dụng thập-vật đều là cái cảnh trong giấc chiêm-bao đã từng nom thấy.

Kịp khi người con gái nghe chàng Vương đến, trang-sức chỉnh-dốn đi ra, thì xiêm-áo lượt là, trâm-hoa sán-lạn, đều là cái vẻ trong giấc chiêm-bao đã từng tiếp-kiến. Người con gái nói rằng :

— Tự sau khi quân-tử trở ra về, thiếp tôi tư-tưởng thiết lắm, đêm nào cũng chiêm-bao thấy cùng quân-tử tương-hội, chẳng biết vì có gì.

Chàng Vương nói rằng :

— Tôi cũng hằng đêm chiêm-bao thấy như thế.

Người con gái thông-dong thuật ra những sự thối ống tiêu, thêu chiếc giày trong giấc mộng, thì hai người hợp nhau như một. Chàng Vương nhận lên bốn bức thơ đề trên vách, thì quả-nhiên là lời thơ trong giấc mộng, không sai chữ nào. Chàng lại hỏi đến 30 vắn thơ của mình đưa tặng trong giấc mộng thì người con gái đọc lên được cả, không sai chữ nào. Cuối cùng người con gái lại đem chiếc quạt song-ngư ra phò với chàng. Chàng cũng lấy chiếc nhẫn bích-ngọc ra, hai người cùng so-sánh để chứng-thực. Chàng Vương và người con gái hết thấy đều cả kinh, cho là một sự tinh-thần khế-hợp, xưa nay không có bao giờ, còn tưởng tượng như là cảnh tiên mộng ảo, hay là như trong giấc chiêm-bao. Thật là :

*Tưởng bây giờ là bao giờ,
Rõ-ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao.
Ran tay mở khóa động-đào,
Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên-thai.*

Mới cùng nhau kết làm vợ chồng, thề-nguyên giai-lão. Đời sau kẻ hiểu-sự cũng ghi thuật mà thành ra sách để lưu-truyền ở đời, gọi là sách Vị-đường ký-ngộ.

TỪNG-VÂN biên dịch

HÁT TUÔNG

VĂN-PHÒNG TỬ BẢO (1)

II

HỒI THỨ HAI

Du Linh-sơn gian-dâm hội diện

遊 靈 山 姦 淫 會 面

Tra tử-thi huyện lại minh-hình

查 死 尸 縣 吏 明 刑

Sĩ-Quất nói :

Sóng kênh đã bắt dấu Thương-sơn ;
khói lang lại biệt tằm Bích-hải. Tiền
cấp búa non thông qua lại ; ngư dõ
dòng sông Vị ca xoang. Canh Hữu-
sản hóng hẻo một phương ; mục lộng-
dịch nghêu-ngao mấy khúc. Tôi con
nhà hữu-học ; chính-quáo tại Tân-
khai. Vận bất-tề nên chạy xuống môi-
mai ; mới đặt hiệu mỹ-danh là Sĩ-Quất.
Như tôi ; vẫn chẳng nhiều chẳng ít ; vũ
biết vác biết đấm. Những lắm tìm bạn
tri-âm ; dặng xuống kinh-kỳ ứng-cử.
Hễ đi thi khẩn tôn-công tồ-đức rồi mới đi
thì mới phải là con : Khẩn nội-tổ cùng là
ngoại-lò ; cho thi đỗ ông cống hay là
ông nghè. Về vịnh-qui bốn ngựa năm
xe ; dùng tế lễ ba bò tám ghé. Phải
vào thừa với mẹ ; cho con trẻ xuống
thì.

Lại nói :

A anh : Sấm thác-nang giống dạng
khoa-kỳ ; xem tướng mạo in người cử
tử vậy anh.

Hàn-Tùng nói : Ta đi thi.

Sĩ-Quất nói :

Đường xuống kinh-kỳ là xa, sao không kết
bạn mà đi ?

Hàn-Tùng nói :

Ta cũng muốn nhưng mà chưa có người.

Sĩ-Quất nói :

Kết bạn là khó, vinh tắc đồng lạc, bần tắc
cộng-tru, hoạn-nạn tương cứu, sinh-tử bất ly ;
kết bạn cùng tôi không ?

Hàn-Tùng nói : Ta cũng muốn.

Sĩ-Quất nói :

Vậy thôi thì : Đó đây lực quyết đôi
so ; cao thấp phân làm huynh-đệ.
Nhưng mà khoan đã, nghe tôi giao đả thi đả
nhé. Chớ khá đả đau, người ta thù oán chi
nhau đánh quá đối ắt thành nhân-mệnh, chớ
chẳng chơi mô. (đánh nhau)

Sĩ-Quất nói :

Lạc phách lạc phách ; vong thân vong
thân. Bị một ngọn nghịch-lân ; đã hết
tài điều-thủy. Tôi thôi : Đó có tài kinh
đó làm thầy ; đây bất-lực đây xin làm
tớ. Quyển cặp giao đây vác đỡ ; nhọc
nhằn chẳng ngại đường xa. Tớ thầy tới.

Hàn-Tùng nam xưng :

Dặm nghìn mấy khúc trải qua,
Tớ thầy gắng chí cùng ra kinh-kỳ.

Sĩ-Quất nam xưng :

Thầy dù hội gặp hữu-vi,
Trên có người vì dưới có tôi thân.

Hàn-Tùng nam xưng :

Mấy thu đèn sách ân-cần,
Phen này quyết trả nợ-nần bút nghiên.
(Hạ)

Sáu Súc nói :

Như tôi : Tựa Cầu-kinh cũng bọm có
tiền ; tên Sáu Súc người đều biết đủ.
Sức cũng biết so cây xoay chỗ ; nghề
cũng hay đấm mũi lãn dây. Bạc dất
lương theo đám hằng ngày ; người có

(1) Xem Nam-Phong từ số 182.

trúng thời tôi lại buộc. Nói thì nói mấy chú cờ bạc đăm thực : Vào điểm cái cứ tôi hô tôi rút ; dẫu người thua thì mượn thì thuê. Có đòi thì nó lại chỉ thề ; bằng mắng nhiếc họ toan nói ngược. Bởi vậy tôi trao cho họ bạc mười đồng, trúng thứ nhất tôi rút đi năm đồng, trúng thứ hai rút ba đồng, trúng thứ ba rút đủ lời đủ vốn, đao cờ bạc có người đại người khôn : Kể thua thì như đũa mất hồn ; người ăn lại kém điều đánh phách .

Lý Xu, lý Bá nói :

Coi hội chơi chú : Chỗn phạt-tự thú vui nhiều cách ; nơi Linh-sơn lập hội rất vui. Trẻ già lớn bé đều coi, me lú bạc cờ chẳng thiếu.

Sáu Súc nói :

Vốn tao đã tiên-liệu ; lộ bay phải hậu-ngôn. Hội Linh-sơn người có tiếng đồn ; nhiều cờ bạc nên tao phải tới. Vậy thì khừ khừ họ.

(Hạ)

Cả Ngọ nói :

Như tôi : Quán Mĩ-hội sở sinh ; Mụ Cả-Ngọ là chủ. Mua phẩn bán sơn hằng giữ ; chơi hoa gheo nguyệt ấy nghề. Đao buôn ta chẳng phải thú quê ; nghề đầu khác cũng là bợm lịch. Như tôi : Muốn làm cho trong sạch ; nên chịu đựng mây mưa. Nhưng dù bướm nọ thờ ơ ; vì bởi hoa kia rục-rở. Nói thì nói, tôi sấm-sửa trẻ tôi cũng xuê mà : Phần mỗi đứa áo đôi ba mớ ; vòng mỗi con ước bốn năm đôi. Sắc dù xuê ai chẳng muốn coi ; tiền dù tổn nào ai có tiếc. Ngày hàn-thực kẻ Hồ người Việt ; ngày nguyên-tiêu sớm rước tối đưa. Hồng-mao Ma-ly chẳng trừ : tiền súc bạc đồng chẳng thiếu. Nào con Bảy Liễu ; lại với Tám-Tiền. Mẹ nói, thiên-hạ dẫu nghề-nghiệp thì xấu, chớ như mẹ : Gồm đưa tạo-hóa một thuyền ; đủ chở anh-hùng mấy mặt. Các con : Nghe Linh-sơn đã chắc ; rằng lập hội rất vui. Có đi với mẹ dẫu : Cứ theo Phúc-kiến Quảng-đông ; chớ động ma-tà linh tập .

Nó giận nó không trả tiền, mẹ đánh chết đi chẳng chơi.

Lý-Xu nói :

Ờ con Tiền con Liễu, đây đây mà !

Thị Tiền nói :

Chị em tao đi coi hội.

Lý-Xu nói :

Đề tao ve con Tiền cho : Ờ Tám-Tiền ơi : Bậu chơi với chú kia có tiền, cũng khác thề như bậu : bán một miếng ruộng cho trồng cây. Chú bậu chơi với anh em qua cũng ví như : Liều một thếp dầu cho chó liếm mà.

Thị-Tiền nói :

A Xu ! Mày dù phi hơi điểm, tao chẳng phải người quê : Như ơi : Đã có chứng máu dê, lại đủ tài ve vắt.

Lý-Bá nói :

Xu ơi ! Mày ve xác dê nên con Tiền không chịu, đề tao ve con Liễu. A con Liễu ơi : Chớ khoe khoang nhạo-sắc ; mà phụ đấng tài-lương. Dù bậu ở nhà thương ; có qua nơi chợ quán .

Thị Liễu nói :

A Bá ơi : Mày đừng nói dõn ; tao chẳng có nghe. Khá theo đám lú sông me ; mà kiếm kẻ nhiều người ít.

Lý Xu nói :

Đoàn kia sặc-lạch ; nói chẳng kiêng vì. Như mày : Đủ bảy ngày thì mắc lục-xi ; chớ như anh em qua nhờ âm-hồn ; trong một chớp điện khăn tứ-cú, đây mày à.

Thị-Tiền nói :

Như mày : Theo dọc điểm người đều biết đủ ; khác người ăn ai chẳng hay danh. Bảo đừng chào yển rú oanh ; và chớ chơi hoa gheo nguyệt.

Lý Xu nói :

Như chị em bay là : Thiếu nợ đòi miền đã chắc ; mất tiền năm của chẳng sai. Chạy đã xược dò nai ; theo đã mòn chân chó.

Sáu-Súc nói :

A mụ Ngọ ơi ! Sao chẳng can lũ nhỏ ;

đề cho nó ngây ngô. Có nói thì ông
mụ xua đưa ; bằng đề vậy gái trai lố-
mổ.

Mạ Ngộ nói :

Chú hãy dạy thẳng Xu thẳng Bá ;
mụ mới can con Liễu con Tiền. Thôi
thôi ; Không nói thì nếp cũng như xôi ;
bằng có nói thì khoai liêu mình củ .

Sáu Súc nói :

vậy thì : Tiền Liễu khá bắt lời cò-
củ ; Bá Xu đừng cả tiếng ngày ngà. Cứ
một lễ giải hòa ; có đem theo coi hội.

Cùng bắc-xương :

Huê thủ đồng hành đáo tự-trung 攜
手同行到寺中。Mãn khan hồng tử
khoái vô cùng 滿看紅紫快無窮。
Viên vọng tự tiền, xa mã tri khu thanh
triệt địa 遠望寺前。車馬馳驅聲
徹地。Cận quan lộ thượng, long xà
phi tâu lạc huyền thiên 近觀路上。
龍蛇飛走樂喧天。

Lý Xa nói :

Vui thiết : Tôi quán thì chè rượu rót
liền ; vào chùa thấy hương đèn đốt đỏ.
Ngã-tư lại bày đồ thất-bảo ; Mi-nam
thêm vầy cuộc bát-tiên. Khắp trong
chùa cười nói liên-miên ; ở ngoài rạp
ăn chơi phu-phỉ.

Sáu Súc nói :

A Xu Bá ơi : Hầu-bao rỗng sao không
biết nghĩ ; thắt lưng không sao chẳng
biết lo. Có phải : Tôi sông me mình
mới có no ; qua đám cỏ thời ta khá
bạn, khừ khừ a.

Cả Ngộ nói :

Như mụ : Cảnh hoa bán lại còn lãn-
lũa ; chọn người mua định lễ thấp cao.
Các con : Lời đón-đưa kẻ nặng hầu-
bao ; chớ trò-chuyện với người lung
rỗng. Con Liễu xuống cầu Kênh cầu
Cúng ; con Tiền đi xóm Chử xóm Thang.
Đặng kiếm lấy ít quan ; mà trở về một
chỗ.

(Hạ)

Hoài-Xuân gặp Minh-Châu nói :

Thấy hiền-lương một gã ; đường đã
toại ba-sinh. Vậy thì : Người xin tỏ tính
danh ; dặng ta tường hương-quán. Đây
thấy đó muốn làm bầu-bạn ; lạ chưa
quen xin tỏ ngọn ngành. Họa may là
kết dặng bạn lành ; kẻ mơ-uớc chưa
từng người ngó.

Minh-Châu nói :

Đó muốn tường tên họ ; ta mĩ-tự
Minh-Châu. Thượng-lại quan cha lĩnh
công-hầu ; Kinh-sư địa tôi ra úng-củ,
đây.

Hoài-Xuân nói :

Như ta : Trúng-tề-quan thân-tử ; ngã
tự hiệu Hoài-Xuân. Nghĩa tất-giao ghi
đạ ái ân ; tình bằng-hữu luyện lòng đĩnh
thiết. Xin rước về lầu hạc ; cho thỏa
thừa bạn mai, a.

Minh-Châu nói :

Thưa anh : Xin anh trước trở hải ;
mai em qua họp mặt.

(Hạ)

Hề nói :

Thưa cậu, cậu làm bạn người ấy xứng thiết ;
trâm-anh cũng trâm-anh, phiệt-duyet cũng
phiệt-duyet. Cậu có lên lầu, cầm kỳ thi
tửu, tuyết-nguyệt phong hoa. Xin cậu
hãy dần dần ; thì người toan được mỗ.
Thầy tớ ta ăn-ởng cho vui rồi sẽ đi thôi mà.

Minh-Châu nói :

Vậy thì : Phóng bộ vật trừ trừ 放步勿
蹠蹠 ; đồng-tâm lai lâu-thượng 同心
來樓上。Con a.

Lại nói :

Thiên-nhiên cảnh vô cùng ngoạn
thưởng 天然景無窮玩賞 ; địa bộ
khoan bất tận ưu-du 地步寬不盡優
游。Bây giờ đã nắng rùng rờ, vậy thì đi
không dặng tiện. Nhiệt-viêm chi khí
thượng phù 熱炎之氣上浮, thử khốc
chi thiên trở lộ 暑酷之天阻路。

Hề nói :

Trời nóng như vậy mà may : Cận kiến
nhất đường môn-hộ ; 近見一堂門戶 ;

viễn khan bán lý lâu đài 遠看半里樓臺. Vây thôi thi : Cậu cháu ta đồng-đạo trang-nhai ; đặng nghĩ gót kéo phiến tâm-lực, cậu a. (Hạ)

Hai Dần ra nói :

Quê ngu miền Thủ-dức ; tôi hiệu tự Hai Dần, Nghề lò heo từ thuở thanh-xuân ; nay đầu bạc cũng dà nhân-bạ. Mụ có một đứa con trai : Truyền nghề nghiệp nó làm cũng khá ; việc bán buôn nhỏ tính cũng thông. Pha xương pha thịt cũng sòng ; dây lạng dây cân cũng sõi. Eây giờ nó bắt heo chữa về.

Hề nói :

Ờ ai ở trong nhà ?

Hai Dần nói . Xuất môn.

Minh-Châu nói :

Thưa lão-bà : Xin vào nghỉ đỡ một hồi ; kéo nặng khôn dờn nghìn dặm.

Hai Dần nói .

Mụ tuy lẫn-cẩn ; già biết phải chằng. Hay thương kẻ nho-văn ; xin rước vào thảo-xá.

Hề nói :

Thưa cậu : Nhà ni tuy lạ ; lâu ấy thật quen. Phải chi lên đặng một phen ; thì đã vui vầy hai họ. Ông trời nặng quá lên không đặng mới tức cho.

Minh-Châu nói :

Thưa lão-bà : Tôi tri-kỷ với Hoài-Xuân thuở nọ ; kết sơ-giao nơi Linh-tự ngày kia. Người thỉnh tôi về lâu mà chơi : Hồng-lâu đó đã trở về, bạch-diện dây liền nối gót. Nhưng vậy mà : Khoa-kỳ nhật xúc, kinh-địa bồn-hành. Phải có ta tin thấu bạn lành ; cam thất ước chịu cùng người ngọc.

Hai Dần ra ngoài nói nhỏ :

Hoài-Xuân là gái, bợm ấy là trai. Sao gọi bạn trúc-mai ; sao gọi rằng oanh yến. A lạ, này bay là : Lả-loi bởi gái kia sinh chuyện ; hư-hồng này trai nọ không hay. Thôi thôi : Xin chàng hãy ngồi đây ; để mụ thông với đó cho. (Hạ)

Hoài-Xuân nói :

Trần - trọc năm canh chẳng ngủ ; thở than sáu khắc khôn dờn. Chào anh nhủ én không lời ; dạ gió lòng mây chẳng có. Ai đi ngày coi hội mắt nhìn tỏ rõ ; nhớ lương-nhân dạ luống ai hoài. Các con, có thỉnh về người chịu tới đài ; mà : nghiêm-thân tỏ ắt là sự khổ, di các con.

A-hoàn nói :

Trên có hầy sánh dây tơ đỏ ; dưới tờ nguyên khấn lạy trời xanh. Dạ lăm bùng-bit miệng bình, lòng dốc ngần-ngừ lưỡi mối.

Lại nói :

Vây thi : Coi ai đã tới, có tiếng dưới lầu, vây mi ?

Hoài-Xuân nói :

Mụ Dần lên có việc chi mụ ?

Mụ Dần nói :

Thưa cô : Có một sĩ phương-phi ; dạy tôi lên tin báo. Người lại xưng đồng-đạo ; người lại gọi tri-âm. Người lại nói rằng : Vả khoa-kỳ nhật thiên phi thâm ; khát tương-kiến trùng-phùng hậu-sự,

Hoài-Xuân nói :

Số là : Khi coi hội, tôi giả hình nam-tử ; nguyện cùng chàng kết nghĩa tri-giao. Ta lại : Thỉnh về lâu tỏ nỗi âm-hao, chàng chịu tới thư-phòng đối diện. Mụ đem người ấy lên đây cho kịp.

Mụ Dần nói :

Nay mụ mà tỉnh kịp ; vì cô muốn việc hôn. Như rước đặng người khôn, thời của kia phải tổn.

Hoài-Xuân nói :

Vàng bạc ta thương cho : Vốn không kể tổn ; miễn gã tới đây thời thôi.

Mụ Dần nói :

Như tôi : Tuy chưa phải mặt thầy ; song đã quen tay thợ. Như tôi : Làm môi đã nhiều người có vợ ; làm mối cũng lắm chỗ có chồng. Có dạy chẳng dám không ; tôi dụng mưu mới có. Vây thi cô đưa một chiếc hài cho tôi.

Hoài-Xuân nói :

Mời người lên đây lấy hài làm chi cụ ?

Hai Dần nói :

Có hài tội tình mới dâng thưa cô : Có giao hài một chiếc ; chàng làm tin cầm tay. Mưu nọ đã hay ; kẻ kia rất tốt. Chuông lâu tiếng một ; trống điểm sang ba. Ròng thang xuống cho va ; coi thật hài rước gã.

Hoài-Xuân nói :

Úy a ! Mưu kia cũng lạ ; kẻ ấy cũng hay. Vậy thì : Giao hài cho gã cầm tay, y kẻ khuyển chàng chó chạy.

(Hạ)

Năm Hợi nói :

Như ta : Trong vòng nghề sở cậy ; Năm Hợi thật tên ta. Bán thịt quen từ trẻ đến già ; mua heo khắp làng trên xóm dưới. Bờ chịu heo đám cưới ; phải đi bắt đường xa. Nói thì nói ; Họ dầu những kêu la ; tôi cũng hay bắt nhặt. Âu là : Kip lui về cửa bắc ; mau trở lại nhà đông. Kéo lâu ngày từ-mẫu đợi trông ; khiêng heo tới môn đình dặng nghĩ.

Nam-xướng :

Môn đình dặng nghĩ,
Nhục nhằn này há dễ lang-thang.

Khấp nghìn trời nắng chang chang,
Bơ-vơ lạc-thỏ dậm đàng còn xa.

Lại nói :

Ơ mẹ ! Đoái trông mẹ già ; mừng thay con trẻ. Đi đâu vậy mẹ.

Hai Dần nói :

Mẹ nhớ con mà mẹ mới đi đây : Cờ-nhân ý môn ý lư nhi vọng. Chớ như mẹ là : Nhớ con trẻ tấm lòng chuyễn-động ; vượt ngàn trùng tắc dạ ngồn-ngang. Gặp con đây thì phải dạ an ; kéo trông trẻ thêm phiền lòng mẹ.

Năm Hợi nói :

Vậy chứ : Giống chi khe-nẹ ; đường có ấp yêu. Lộ liễu ra thì việc nhiều điều ; tang tích đó thật còn trước mặt.

Hai Dần nói :

Không có.

Năm Hợi nói :

Ấy đó : Hài ở đâu một chiếc ; mẹ còn hãy lắm lời. Khá tỏ nỗi khúc nhòai ; cho trẻ tưởng hư thật.

Hai Dần nói :

Thời thời, Con đã hỏi quyết ; mẹ phải bày ngay. Cô Hoài-Xuân người đã trao hài ; cô lại biểu giao cho : Chàng cát-sĩ ngụ nơi nhà mẹ.

Năm Hợi nói :

Sao hử a mẹ ?

Hai Dần nói :

Ấy : Cô đã chỉ vẽ ; mẹ chịu lẽ rồi. Từ trống điểm ba hồi ; nghe chuông lâu vài tiếng. Ròng thang kia xuống viện ; trao hài nọ lên coi. Mắt nhìn thật hài mình ; rước gã lên đàng-đạo.

Năm Hợi nói :

Con giữ điều ngay thảo ; mẹ làm việc trá trên. Mẹ con mình ở trong đất ông Trùng-Tê. Ông hay dặng có phải là : Con trẻ chịu chết treo ; mẹ già thì mang cống chăng ? Trao hài đi cho chóng ; đuổi tên ngụ chó chầy.

Lại nói :

Ở thu-sinh ơi : Khó tiện nổi ở đây ; khá tìm nơi xóm khác. Làng ni họ hay tra hay soát ; bắt những người lạ mặt lạ mày. Họ dù bắt cong bắt ngay ; tôi lại khó ăn khó ở.

Hề nói :

Người đã cậy có nhà có cửa ; ta đi đâu khi tối khi tắm. Trông nhà mình già đến bạc trăm ; mà xua đuổi những người vàng đúc, mới cầm cho.

Minh-Châu nói :

Hề : Chớ buông lời cục-xúc ; mà mang tiếng si-nga. Vậy thì : Thấy trò chỉ dậm đường ba ; tắm tối lần theo dấu thỏ, con ạ.

(Hạ)

Năm Hợi nói :

Khi không mà tôi sừng năng đi. Bây giờ thầy trò nó đã đi xa rồi, mà trống đã điểm ba

rồi, chi nữa, âu là: Tòng thử kể, dạ lai lâu thượng a.

Hoài-Xuân nói :

Thốn tâm nan lượng, nan lượng; vạ lại sầu tình, sầu tình. Có đâu ra sự bất-bình; mà lại lăm mưu gian trá. Ngày coi hội thực là sử-mã; đêm vào phòng giống gã thất-phu. Hay đã lỗi căn-tu; mới lăm loài quý-quốc. A này: Hải nhìn hải đã thật; bạn xem bạn lại sai. Các con, Thăng như tỉnh dạ tái lại; thời cô: minh cứu đặc tường tự sự, thôi.

Năm Hợi nói :

Thôi nàng Hoài-Xuân lịch-sự thật, mấy khi tôi được lên lầu tôi giặt áo xiêm trắng sạch, lại ướp dầu thơm, ai biết là bợn bán heo: Mời hay sen lộn cùng bầu; phỉ bầy gà chung với phượng. Giờ trống đã điểm ba rồi: Tay xách hải chóng chóng; lên lầu ngọc mau mau a.

Hoài-Xuân nói :

Khoan đã: Khá ngồi đây tỏ nỗi khúc nhôi; xin đổi diện luận đàm sách vở đã.

Năm Hợi nói :

Cô chẳng thương thì thôi, cho tôi bước xuống lầu, thư Phạm-công tôi nhớ khúc đầu, thư chàng Nhái tôi thông khúc giữa, còn đời ni học vắn, nói sao thứ chữ a, b, học chẳng được đâu.

Hoài-Xuân nói :

A-hoàn: Truyền thấp đèn tỏ nỗi trước sau; bằng thấy mặt thì tường bản mặt. A này! thằng Hợi đây mà! Rõ loài khuyển mã; nương dấu phượng hoàng. Tưởng là oanh yến chững-chàng; mới biết cầu chur quấy quả. Kíp đầu vu lâu hạ; cho tử tại mục-tiền.

(Hợi chết...)

Lại nói :

A thôi! Rất uổng đấng thuyên-quyên; ngấm như danh thực-nữ. Vàng đã tốt người ngoan chưa dạng thử; hoa thật thơm nhưng đũa đại đã mở hàng. Có sao gặp số đoạn-tràng; nên nỗi lăm nơi bạc-mệnh. Giờ tôi chết mới danh chó.

Than oán :

Tích thử thân hề oán thử thân,
惜此身兮怨此身
Nhi kim hà cố thụ gian truân;
而今何故受艱屯
Hồng nhan tự cổ vi thân lụy,
紅顏自古爲身累
Tam xích tung thăng tuyệt hận oán.
三尺縱繩絕恨噴
(Nói rồi chết)

A-hoàn nói :

Dạ, Trương hạ xin thân; mục-tiền dặng tỏ. Cô trên lầu thắt cổ; chàng dưới đất thi-thân. Chúng tôi đứng lại gần; quả thật thẳng năm Hợi.

(Hạ)

Quan Trùng-lễ nói :

Nghe A-hoàn thưa lại; lòng lão nghĩ rất kinh. Tức tử thi thác lấy một mình; oan-ức mới chết ra hai mạng. A mẹ! con Hoài-Xuân chết rồi, tôi cùng mẹ qua lầu coi nó thử a.

Lại nói :

Ai đi có: Sinh chút gái nhằm chưa vừa mắt; có đưa con mừng chữa kịp no, đi mẹ.

Mẹ nói :

Thưa ông: Tôi cũng đã sớm dặn tối dò; trẻ dâu có lòng trắng dạ gió. Lầu thượng nguyệt lầu kia còn đó; con theo mây con có thấy đâu. Lễ nào trên Bộc trong đầu; mà có lia cảnh nhắc cổ, vậy con.

Trùng-lễ nói :

Ờ Hoài-Xuân ơi! Con chết sao không nói trời? cha thương luống những lời than. Còn thằng Hợi là thằng lò heo, bỏ mẹ nó ai nuôi! Trong đời việc chết là vui, cho nên nó mới gieo mình tới chết. Quân, bút giấy đây. Tỉnh huyện-đường lập tức đến đây; tra án mạng thì tường sự đó.

(Hạ)

Quan huyện nói :

Tay bưng ấn hồ; chân tới nam-long. Chức lệnh nãi sắc phong; mũ-hiệu

xung Dương Trấn. Một phen ra trọng-trấn; trăm dặm khắp oai-linh. Xa gần khen-ngợi phong thanh; lớn bé thắm nhuần đức-hóa. Dưới đã đẹp lòng dân-xã; trên thêm ngợi chữ thanh-liêm. Quan thư tận độc cổ nhân; trắc mục dĩ tường Kinh Vệ 觀書盡讀古人。側目已詳涇渭. Thầy đề: Rày có quan Trùng-tề; thỉnh khám nghiệm án hình. Phải tới xét phân-minh; ngõ ra đi cho chóng, thầy đề a.

Quan huyện nam-xướng :

Ra đi cho chóng,
Tra án này khinh trọng dường bao.

Thầy đề nam xướng :

Chi lăm sánh bậc Tiêu Tào,
Sâu dân một nước dạ nào dám dàu.

Quan huyện nam-xướng :

Bồ tiên thị nhục làm đầu,
Tiếng đàn Tử-Tiện trí mầu còn noi.

Thầy đề nam xướng :

Thong-dong nhạc ngựa chuông voi,
Kìa tòa họ Lý vào coi luật hình.

Quan huyện nói :

Thầy đề: Vật khả tuần tình, chỉ y điều lệ 勿可徇情。只依條例. Thầy đề có biết có chi mà con quan Trùng-tề chết hay không thầy đề hẹ ?

Thầy Đề nói :

Bầm không biết.

Quan huyện nói :

Con ông chết là tại ông có chữ rằng: Nữ cư bất khả giá cao đài 女居不可架高臺. Mà tưởng Hợi ở trong đất ông mà làm chi có phải a: Dưỡng hổ tất-nhiên thành đại họa 養虎必然成大禍 chằng? Điều lệ phó cho một gã; vấn tra vốn có hai hình. Công-bình đòi chữ phân-minh; khai báo một tờ cần-thận.

Thầy Đề nói :

Vàng lời ông dặn; cứ phép tôi tra. Rất đối là thuở cựu triều án con Thoa là khó, quan phủ Tân-bình tra còn ra, hưởng-chỉ án

này: Chi cho nhọc đến thầy; đề sức tra về lờ.

Quan huyện nói :

Phó cho.

(Hạ)

Thầy Đề nói :

Hai mạng đã nằm co; một hình âu phải nghiệm. Lệ, bảo con A-hoàn đỡ sức có nó lên: Miệng phun dấm từ dưới dẫn lên; đắp giấy bạch từ sau tới trước. Vòng trong cổ đo dư ba tấc; lưới lè dài ước đặng bốn phân. Xét cho hết chu-thân; kiểm không còn một chút. Hoài-Xuân án đã tra rồi; Năm-Hợi hình kia chưa xét: Phun dấm đắp giấy cho thẳng Hợi đi. Dấu trước mặt là dấu khua dấu gãi; dấu sau lưng là dấu té dấu nằm. Theo tầy oan cứ phép mà làm; việc án mạng có đâu tới rui. Lệ, đòi A-hoàn mộ Dền đến đây. A-hoàn dẫu có tội; mộ Dền cũng mắc hình. Lệ, Dẫn hai người đem tới huyện đình; trong một lễ án-từ nghị xử.

(Hạ).

Thầy Đề nói :

Mấy lời chiêu tình-tự; cung nạp tại án đường.

Quan huyện nói :

Xem án tự và hàng; thật có tài bút trát. Ta khá khen thầy Đề đó. Thị-nữ: Thị-nữ nên thú thực; mộ Dền phải khai ngay. Nếu tới phép ra tay; ắt có khi rập mặt.

A-hoàn nói :

Da da: Tôi xin cung thật; ông tỏ lời ngay. Khi coi hội những ngày; cô tôi với Minh-Châu kết bạn. Khi ấy có tôi giả hình nam-tử, cô tôi lại thỉnh người về lâu-thượng; chàng chịu miệng tới chơi. Ai ngờ là chàng không đến. Bảo mộ Dền báo đạo tiền-lai; cô tôi mới giao hài một chiếc. Ký ngôn sự thực; giao dữ Minh-Châu. Đến canh ba gõ tiếng dưới lầu; giòng thang xuống trao hài liền rước. Mộ Dền đà lấy được; bèn giao lại cho con. Nó dâm-ô làm tráo

chẳng tròn; cô tôi mới ra tay đánh chết. Như tôi nói rằng: Sống đục lại mang tiếng dữ; thác trong ắt có kẻ đờn. Lời thực bằm tưng; lệnh ông xin tỏ.

Mụ Dần nói:

Dạ dạ: Hoài-Xuân với Minh-Châu thuở nọ; tri-giao nơi Sơn-tự ngày kia. Khi ấy như Hoài-Xuân giả dạng là trai. Cô mời chàng lên chốn lầu trang; chàng tới mụ chưa lên thư-viện. Chàng cậy mụ lên thông sự chuyện; mụ tới đó cô lại trao hài. Dặn dò trống điếm sang hai; tắm tối gõ lầu tiếng một. Ròng thang kia xuống rước; cầm hài nọ lên lầu. Mụ vàng lời đi một hồi lâu; ai ngờ gặp con tôi là thằng Hợi; Trẻ vừa tôi

hỏi thăm tin-tức. Mụ giấu hài dưới đất; trẻ vội lấy cầm tay. Mụ căn-nguyên vậy phải bày ngay; trẻ dâm-thái toan bề gian-ác. Cô tử-tiết hồn nương mây bạc; trẻ ô-danh phách ruồi trời xanh. Dám đầu tính quần tính quanh; nhờ lượng trên phân trên đoán.

Quan huyện nói:

Nghe mụ phân tiếng cạn; vốn đây tỏ tình sâu. Chử chủ-muru Dần-thị làm đầu; chung-thân án phát-lưu đại-hải. Còn A-hoàn: Tuần tri-gian hình kia buộc lại; tam niên ưng phát-phối Côn-lôn. Hình đã tỏ căn-nguyên; ngục không than oan-ức. Nhị hồi đã dứt; xin tới hồi ba.

(Còn nữa)

VĂN-UYÊN

Ba bài chúc mừng Ngự-giá Bắc-tuần khi tới Thanh-hóa

(Ngày 15 tháng 11 năm 1932)

I

Thang-mộc sơn-hà tiêu địa-trục,
湯沐山河標地軸
Thái-bình nghi-vệ bái thiên-nhan;
太平儀衛拜天顏
Trùng thành trượng-lúc sơ đông-hậu,
重城仗肅初冬候
Vạn tuế thanh đăng triệu tinh hoan;
萬歲聲騰兆姓歡

Chân-nhân khi-tượng muôn vàn,
Ba sao rạng đước mở màn năm mây.
Thần dân trông ngó những ngày,
Khấp xa gần vẫn đợi rày tung-hò.

Thần dân đô du, dân ọa hi du,
臣讚都俞民歌嬉遊
Đế đức Đường Ngu, đế trị Đường Ngu.
帝德唐虞帝治唐虞

II

Uất thông giai-khi chừ thiên địa,
鬱葱佳氣儲天地
Kha hộ linh-lhanh hấp quỷ thần;
訶護靈聲翕鬼神
Nhật lệ Tôn-thành chiêm bái hậu,
日麗尊城瞻拜後
Phong hành hiếu trị thính văn tân.
風行孝治聽聞新
Tôn-sơn một đỉnh non thần,
Bồng-lai đất phúc tử-phần quê xưa.
Thái-bình đức gió ơn mưa,
Núi sông cây cỏ muôn mùa trảng-xuân.
Đạo lộ thanh trần, sơn xuyên xuất vân,
道路清塵山川出雲
Đế đức nhật tân, đế trị nhật tân.
帝德日新帝治日新

III

Tam kỳ phong-vật du quan thủy,
三圻風物遊觀始
Lưỡng lục văn-minh lịch lãm dư;
兩陸文明歷覽餘

Tự cổ hùng-đồ tráng dài-lệ,
 自古雄圖長帶礪
 Tức kim gia-hội thống xa thư ;
 卽今嘉會統車書
 Trị-bình gia-pháp từ xưa,
 Văn-minh thánh-học lại thừa mười niên.
 Tuổi lên đức-nghiệp càng lên,
 Xây nền hạnh-phúc khắp miền âu-ca.

Nam-sơn ta-nga, nam-hải vô-ba,
 南山嵯峨南海無波
 Để đức trùng hoa, để trị trùng hoa.
 帝德重華帝治重華

Hùng sáng

Tiếng gà eo-óc gáy bên tai,
 Trăm họ giật mình tỉnh giấc say ;
 Sĩ thấp đèn khuya ôn vở tối,
 Nông lo cơm sớm thả cày mai ;
 Công vầy ít chủ ngoài rừng vắng,
 Thương nhóm mười cô giữa chợ dài ;
 Trời rạch mây ngàn toan lộ mặt,
 Xem người làm việc dưới trần-ai.

Chiều hôm

Khen ai khéo vẽ bức tranh chiều,
 Cho khách nhân-du lăm cảnh yêu !
 Ngư ngó thuyền đầy nện vớt lưới ;
 Tiều trông gánh nặng mới buông riu,
 Canh toan gác ách ngưng cày Thuận ;
 Mực sấp tu còi giã ruộng Nghiêu,
 Xao-xác chim về thêm tiếng nhạc,
 Rõ-ràng là một cảnh tiêu-diêu.

Đêm tối

Thì-thùng tiếng trống đêm sang canh,
 Cảnh vật tư bề những vắng tanh ;
 Ngọc càn da trời hình nhấp-nhánh,
 Vàng gieo mặt nước bóng long-lanh ;
 Phòng loan leo-lét đèn sương-phụ,
 Dặm thỏ bơ-vơ bước lữ-hành ;
 Danh-lợi người đang êm giấc mộng,
 Gà dậu vợi thức buổi bình-minh.

Khuyên học quốc-ngữ

(Mỗi câu có chữ hoặc dấu quốc-ngữ)
 Anh em ! Quốc-ngữ rán dùi mài,

Mưa chớ bỏ-bê lúc tuổi trai ;
 Đạo-đức đừng e xem mỗi mắt,
 Văn-minh chớ sợ gánh ê vai ;
 Pháp-Nam y một giầy huyền sắt,
 Âu-Á thông hai ngả trí tài ;
 Tiếng nước chữ nhà tình đã nặng,
 Làm sao bỏ ịch buổi tương-lai ?

Bút lông

Văn-vật trời Đổng thiết hần-hồi,
 Chép ghi sử-sách để truyền noi ;
 Cảnh tre rừng phật làm nên cán,
 Lông thỏ cung tiền kết lấy ngòi ;
 Trên áng thi-ông thường múa-mảy,
 Trong tay tài-lữ vẫn sấm-soi ;
 Vương-Di, Lý-Bạch duyên vì cây,
 Nét vẽ câu thơ mới đủ đời.

Bút sắt

Tiếng tằm lừng-lẫy một phương Âu,
 Đem chữ văn-minh dãi địa-cầu ;
 Ngòi sắt cong lưng eo-thắt mũi,
 Cán cây tròn vóc thẳng-băng đầu ;
 Nghênh-ngang mặt giấy hàng hàng nét,
 Sêu-sảo dàn bài chăm chăm câu ;
 Sớm tối lân-la cùng sĩ-lữ,
 Đương thời đắc-dụng khắp năm châu.

Gò-công, NGUYỄN HUỲNH-MAI

Ngày xuân gửi thăm bạn sông Hương

Từ ngày Hà-nội chia tay,
 Nỗi riêng canh-cánh ngày ngày nhớ
 mong.

Thần-kinh xa cách bao trùng,
 Hề người sông Nhĩ, núi Nùng gần-ngờ.
 Từ phen họp mặt đến giờ,
 Đông qua xuân lại đã vừa ba trăng.
 Trời xuân hoa cỏ tung-bừng,
 Ngày xuân vắng bạn vui mừng với ai.
 Rượu xuân ai đầy má môi,
 Thơ xuân ngậm-vịnh ai người nghe
 Cảnh xuân trời đêm, trời tỏ, [cho.
 Chim xuân đưa hót liú-lo ngoài tường.

*Khách xuân nô-nức đầy đường,
Trời xuân phong-cảnh như nhường
Vui xuân vui khắp đôi nơi, [trêu ai.
Sầu xuân ta những đứng ngồi không
yên.*

*Tưởng khi dưới xóm Khâm-thiên,
Giọng ca diu-dặt, cung huyền thấp cao.
Tưởng khi thấy mặt mời chào,
Khi thăm chùa Láng, khi vào đồng Đa.
Tưởng khi dưới nguyệt la-đa,
Tâm đầu ý hiệp là ta với mình.
Minh nay non-nước Thần-kinh,
Ta nay hoa cỏ Long-thành kém vui.
Chung quanh cảnh-vật đua cười,
Trời xuân chi để riêng ai thân-thờ.*

Cùng đi chuyến ô-tô gặp người cũ

Muõu

*Bánh xe quay tít bụi hồng,
Khiến người ngồi đó mà lòng đã ra ;
Lạ thay hẹn những bao giờ,
Người quen ngày trước tình cờ hôm nay.*

Hát nói

*Đường xa bờ ngõ,
Duyên chi mà gặp-gỡ khách tri-âm ;
Mới ngày nào chốc đã chín mươi năm,
Nhường dịp phách cung cầm còn vắng
tiếng.
Nhìn mặt dễ thêm tình quyến-luyến,
Cầm tay khôn tỏ nỗi đầy vơi ;
Bấy lâu nay cá nước chim trời,
Mà con Tào vẫn xoay thời cũng lạ !
Ngoài hai chục xuân đương nồng-nã,
Nguyện ghi vàng tạc đá nên chăng ?
Lời xưa hồng-diệp xích-thằng.*

DƯƠNG THIỆU-CƯƠNG

Bội-Hoàn Thi-tập

Bản-chí tiếp được «Bội-hoàn thi tập» này là của một nhà nữ-sĩ ở Châu-giang làm ra, tuy lời lẽ chưa được luyện cho lắm. Nhưng súc-cảnh sinh-sầu, phát ra câu thơ cũng lưu-loát. Vậy Bản-chí cứ nguyên-văn lục ra đây để giới-thiệu áng văn-chương của nữ-lưu cùng chư-tôn độc-giả.

Ngắm cảnh Châu-giang (Phủ-lý)

*Hương-sơn một dải dựa lưng trời,
Mặt sóng Châu-giang lớp lớp vơi ;
Bóng mát cây xanh chen ngói đỏ,
Trên cầu tàu chạy dưới thuyền bơi ;
Nam-nhân thiếu-tuấn coi huỳnh mạo,
Phụ-nữ tân-dung mới hợp thời ;
Phong-cảnh hữu tình người chẳng hữu,
Ngoảnh nhìn cuộc thế vẫn buồn rơi !*

**Trên cầu Thê-húc viếng cô
Hoàng Thị-Cần**

*Cái án hồ Gươm khéo bất-bình !
Vi sao thân trọng hóa thân khinh ;
Trăng soi dáng liễu long-lanh bóng,
Gió thổi hồn hoa khí-phách linh ;
Sóng bạc theo làn liễu chường-tục,
Bụi hồng chi vướng nợ ba-sinh ;
Nhìn theo dòng nước lòng ta cũng,
Cũng muốn cùng ai gội lửa tình !*

**Lạc vào vườn hoa say
hoa mền cảnh**

*Khen ai uốn cảnh khéo ra tay,
Cảnh có người xem cảnh tốt thay ;
Người được cảnh yêu người mền cảnh,
Cảnh tàn người nhớ cảnh nên say ;
Người qua sóng bể người không dọn,
Cảnh vượt mù sương cảnh chờ lay ;
Cảnh đấy người đây người với cảnh,
Còn về còn nhớ cảnh hôm nay.*

Đêm thu sâu

*Đèn xanh mờ-mịt suốt đêm thu,
Thu hồi thù nhau nữ thế ru !
Xào xạc thềm rêu hoa lá rụng,
Ru con nghe vắng giọng hoai-phu ;
Thương đời thao thức thân chìm nổi,
Nhớ nước quyền kêu nẻo mặt-mù ;
Lửa cửa đón xem cơn gió thổi,
Điều ai sườn núi sáo vu vu.*

Tựa gốc đào

*Thắm sâu mà vẫn đứng thung-dung,
Người vẫn thung-dung cảnh vẫn cùng*

Rắp hỏi đào hoa sao héo-hắt ?
Đào rằng phải buổi vắng đông-phong.

Dưới bóng phù-dung

Gió mát trắng thanh cảnh lạnh lùng,
Một mình thơ-thần bóng phù-dung ;
Tang-thương hoa ấy còn thay đổi,
Bạc phận này xem có giống không ?

Hái giầu không

Lá vàng vôi-vội mãi trên cao,
Cao lắm nào ai hộ với nao ;
Xanh nõ tốt tươi duyên sắc thắm,
Thương cho nắng nọ cái hoa đào !

NĂM CANH

Canh một

Bóng trời gác núi bóng trắng sang,
Xay đập nghề nông giữ việc thường ;
Trong trướng so dây lên khúc đạo,
Ngoài thềm con để nó kêu sương !

Canh hai

(Ngồi gốc liễu trông qua
bay qua bóng trắng mờ)

Canh hai phẳng lặng bốn bề yên,
Kìa qua ăn sương đối cảnh phiền ;
Mành liễu thướt-tha sương lá rủ,
Cô-dăng dò-doi xót trường duyên.

Canh ba

Một mình trần-trọc trống canh ba,
Khóc mãi mà sao mắt chứa lòa ;
Tựa cánh rèm đông chờ ai đó,
Trương-phùng còn đợi giấc Nam-kha.

Canh tư

Sang trống canh tư tưởng những là,
Nào ai âu-yếm chuyện cùng ta ;
Cầm tay gạn hỏi đường tơ tóc,
Tĩnh giấc chiêm bao lệ chứa nhòa.

Canh năm

(Nghe trẻ học chữ nho)

Bên-chùa vắng-vắng mấy hồi chuông,
Đời có ta không có tấn tuồng ;

Oe-oe tiếng nho lòng vọng-cổ,
Tay này bao tuổi nữa thì buông.

BỐN MÙA

Mùa đông

Mùa đông sương tuyết lạnh lùng thay,
Thân-thế sao chung cảnh-tượng này ;
Sớm gọi cành mai sương lạnh lẽo,
Chiều mưa đông bắc gió hơi may ;
Rừng thông xào-xạc chim về tổ,
Sau núi chân trời tỏa khói mây ;
Muốn gửi cho người đồ mặc rét,
Còn tìm lối gửi lối nào đây ?

Mùa xuân

Đóng lại xuân qua một nỗi niềm,
Nỗi niềm u-uất biết bao quên ;
Ngày xuân nô-nức người hoan-lạc,
Đêm vắng riêng ta một mối phiền !
Khêu ngọn đèn tàn rơi thánh-lhót,
Nhấp đi hồn điệp luống liền-miến ;
Hỡi ai có nhớ chăng còn nhớ ?
Có nhớ cùng ai một chuyến thuyền ?

Mùa hạ

Mùa hè lửa lựu đã đâm bóng,
Chiếc quạt tay cầm mở lại phong ;
Cây cỏ đeo sầu hiu-hắt gió,
Để giun rền-rỉ gọi vàng đồng ;
Sóng ngân thả lá về đâu nhỉ,
Bề ai đầy vơi dễ lạnh lùng ;
Chua xót thương thân chìm bể hoạn,
Trời cao cao tít mãi trên không.

Mùa thu

Hạ lại sang thu đắp lại sầu,
Trông vơi nào thấy ở đâu đâu ;
Bốn phương bát-ngát hồn thanh-khí,
Một kiếp bàng-khuông khách hiệp-dầu ;
Lặn-lội tình trường say lắm vị,
Thờ-ơ bãi bể hóa nương dâu ;
Ai ơi sẽ nhích xa thì thấy,
Chỉ thấy xanh rì đám cỏ khâu !

Trần-thị Bội-Hoàn

Viếng ông Hữu-mai

(Lối sa-mạc)

Hữu-mai tiên-sinh là tay túc-nho ở Quần-phương, giỏi nghề quốc-văn, tinh nghề y-học, thông-thạo cả cầm, ca, độn, số, lúc thiếu-tráng giang-hồ lãng-mãn, có chí khảng-khái cao-thượng, kíp về văn-cảnh, vui với điền-viên, trên thờ cha, dưới mong con vinh-quang, cái gia-đình lạc-thú, đồng-thời biếm có. Nào ngờ đầu tháng mạnh-thu năm nhâm-thân, (3-8-1932) tiên-sinh vội về lạc-quốc, hưởng niên được 53 tuổi. Tôi với tiên-sinh là người đồng-hương, lại vương chút tình qua-cát, nhân buổi ly-biệt, cảm-diệu và lời!

Hữu-mai ông ơi! cái cửa trời là cái
chỉ-chỉ,

Một lăm hai lỗ mà ta vờ phải cái lối
nam-nhi xuống cõi bụi hồng.

Đem bút-nghiên đèn-sách mà lần-
lữa với non sông.

Phương-châm đặt vững mà xem
ông tạo hóa công xoay-vần.

Hữu-mai ông ơi! buổi phong-trào kia
trình-độ quốc-dân,

Quốc-hồn cầu cho phục-lĩnh, thì
quốc-văn ta phải bảo-tồn.

Chiếc trường-chiến làm-ly khi vịnh
nước khi đề non,

Hồn chim linh-vệ lẫn với tiếng con
đồ-quyên nó gào.

Hữu-mai ông ơi! kiếp phù-sinh là kiếp
thế nào?

Người nội-thương, kẻ ngoại-cảm,
cái giặc chiêm-bao lạ đời.

Giở tay kiêu làm cho sấm động mưa
rơi,

Sấm, nhưng, quế, truật xoay bài
linh-dan.

Hữu-mai ông ơi! vẫn-vơ thay kia lưu-
thủy với cao-san,

Vui bề tình-tình mà chạnh một tiếng
đàn ông Bá-nha.

Tựa ngọn nam-phong tay lựa đến
khúc nhà,

Cây ngô cảnh bích con phượng già
nó đậu trên cao.

Hữu-mai ông ơi! cuộc rủi-may tiền-
định ở cái ông Thiên-tào,

Bày ra thế ấy lại buộc vào thế kia.

Túi kinh-luân giở trước ngọn đèn
khuya,

Nhâm, cầm, độn, số, ngâm-suy cơ-
hội này.

Hữu-mai ông ơi! kể từ thiếu-tráng
những ngày,

Lênh-đãnh góc bể chân mây đôi gót
bọt bèo,

Bốn phương trời khói-bụi mông
trông theo,

Hồng-hồng tuyết-tuyết treo-leo với
mước giang-hồ.

Hữu-mai ông ơi! gót qui-lai tỉnh lại
với cơ-đồ,

Điền-viên vui-thú nhà nho trong cái
tuổi già.

Cảnh phong-lưu đời còn năm sắn
dành ta,

Con bài diêm-nguyệt, cái chén xuân-
trà pha lúc rạng-đông.

Hữu-mai ông ơi! lần trời tây còn một
chút nhà thông,

Bức gương ti-tuyết soi lồng với vẻ
Nam-tinh,

Nếp thư-hương ngào-ngạt chốn môn-
đình.

Dẫu không đỉnh-chung thặng-đầu mà
chén khiết-hình song cũng cam đời.

Hữu-mai ông ơi! áng xuân-viên đan-
quế một vài chồi.

Cảnh cao tán thấp cái vị hương-trời
man-mát nền hoa.

Sóng văn-minh bành-trướng nước
non nhà,

Con thuyền tân-tiến mái chèo ca đầy
lại sau này.

Hữu-mai ông ơi! giang-son còn đó,
phong-cảnh hây còn đây,

Còn trăng còn gió cũng tưởng còn
ngày chén rượu say-sưa.

Ông trời xanh trách ông sao khéo
hằng-hờ,

Sao đời vật đổi nào ngờ đương buổi
sơ-thu!

Hữu-mai ông ơi! cảnh Bồng-lai hay
còn thiếu khách cầm-thư?

Lọc tay lồi-lạc nên mới đưa ông về.
Lớp yên-ba quanh-quẽ bốn bề,
Thần-tiên phảng-phất giắc hờ bên
trái cô-phong.

Hữu-mai ông ơi! cảnh kỳ-viên hay sẵn
dịp kỳ-phùng,
Nổi chèo lễ-độ mà vẫy-vùng trong bể
từ-bi.

Ván cờ đời thói tính nũa mà chi,

Ba nghìn thế-giới bóng xuân-huy
soi càng dài.

Hữu-mai ông ơi! trước chân-dung xin
áy-náy một và lời,

Họa ra chín suối có trời thấu tỏ cho
chăng.

Mấy quyền di-văn lần giờ dưới bóng
cô Hằng,

Gieo châu nhả ngọc cái chi lãng-tăng
trăm vẻ vẫn như in.

Thương ai xa cách dặm nghìn!

NHÀN VĂN-ĐÌNH

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

THẾ-GIỚI MUỐN SỐNG HAY CHẾT?

Nạn kinh-tế khủng-hoảng trong
thế-giới do vấn-đề tiền-tệ mà ra;
nếu vấn-đề này không giải-quyết,
thì nạn kinh-tế không hết được.

Lúc này trong nước nhà thì chính-
phủ thuộc-địa đặt ra ban ủy-viên lúa
gạo (*Commission du riz*); bên Pháp
thì Nội-các DALADIER sửa-soạn mở ra
Quốc-gia kinh-tế hội-nghị (*Conférence
économique nationale*); còn cả thế-giới
thì hiện nay ở Genève người ta đang
bàn-tính và dự-bị mở lại thế-giới kinh-
tế hội-nghị (*Conférence économique
mondial*); ấy là lúc khắp trong hoàn-
cầu, đâu đó đều muốn lo phương định
kế đặng gỡ cho khỏi cái nạn kinh-tế
khủng-hoảng đi, kéo nó dây dưa lâu
ngày rồi, nguy khổ cho người ta lắm.
Thế-giới muốn sống hay muốn chết,
hình như quan-hệ ở lúc này, tính sao
thì tính đi, chớ để chần chờ hoài không
đặng.

Thứ nhất là cuộc Thế-giới kinh-tế

hội-nghị ở Genève người ta đang sửa
soạn bây giờ quan-hệ lắm, nên tôi
muốn viết bài này thuật chuyện nầy
để độc-giả rõ.

* *

Cuộc mua bán của nước nào cũng nguy

Theo như số thống-kê (*statistique*)
của Hội Vạn-quốc, thì ra mấy năm
nay cuộc mua bán trao đổi ở giữa các
nước trong hoàn-cầu sút kém nhiều
lắm: năm 1929 tổng-cộng lại được 35
ngàn 6 triệu đô-la, thế mà đến năm
1931, sụt xuống còn có 20 ngàn 9 triệu
mà thôi. Nghĩa là sụt hết 42%.

Bốn nước có thế-lực kinh-tế phát-
đạt hơn nhất là Mỹ, Anh, Đức, Pháp
hồi năm 1929, số xuất-cảng của họ còn
được 13 ngàn 88 triệu, rồi qua năm
1931, chỉ được 7 ngàn 62 triệu thôi,
thế là cũng sút đi hết 45%. So-sánh
bốn nước với nhau thì Hoa-kỳ sút
kém bậc nhất, thứ đến Pháp đến Đức
rồi mới đến Anh.

Tiền-tệ nước nào cũng giảm giá-trị đi nữa

Cũng theo sổ thống-kê của Hội Vạn-quốc, thì tiền-tệ của các nước đều mất giá-trị (*monnaie dépréciée*) đi nữa. Tôi muốn kể ra ít nhiều nước làm ví-dụ sau này :

Tiền-tệ Hồng-mao giảm giá 32% ; Úc-châu 43% ; Brésil 36% ; Y-pha-nho 58% ; Hi-lạp 53% ; Thổ-nhĩ-kỳ 89% ; Trung-quốc 54% ; Nhật-bản 50% ; Mexique 43% ; Ai-cập 27% ; v. v..

Hoặc ít hoặc nhiều, giá tiền của nước nào cũng bị giảm đi hết, không có một nước nào khỏi.

Công-nghệ nội hoàn-cầu ngày nay, người ta cho quan-hệ hơn nhất là những đồ chế-tạo bằng các loại kim-khoáng như sắt, gang, đồng, kẽm, v. v., gọi chung là đồ « kim-loại xuất-sản » (*production métallurgique*) ; nó làm cơ-sở cho tất cả các môn công-nghệ khác, nước nào cũng coi nó trọng-yếu hơn hết, vì sự thịnh-suy của nó liên-can tới cuộc giàu nghèo một nước lớn. Vậy mà xem tờ báo cơ-quan của phòng Quốc-tế Lao-động (*Bureau international du Travail*) thì mấy năm nay số xuất-sản ấy của các nước đều kém sút hết thảy. Tệ nhất là Hoa-kỳ, trước kia chế-tạo ra mười phần thì bây giờ không còn được sáu.

Thấy sự kém sút này mới càng rõ cái kinh-tế trong thế-giới thật là đại-nguy.

Nạn chung thì phải cùng lo gỡ chung

Cuộc mua bán trao đổi ở giữa Vạn-quốc càng ngày thấy kém sút đi, và tiền-tệ của các nước lộn-sộn, làm cho tình-hình kinh-tế hoàn-cầu đều khó-khăn xiêu đổ chung hết. Đã là cái nạn chung thì cả nước ắt phải chung lòng hiệp sức với nhau mới có thể cứu vớt cho cuộc kinh-tế lại chấn-hưng phát-đạt như trước.

Mà nạn kinh-tế khủng hoảng này chính là do vấn-đề tiền-tệ của nước này nước kia rắc-rối lộn-sộn mà ra. Nếu không lo giải-quyết vấn-đề này cho nhất-trí, cho điều-hòa thì không trông gì cho nạn kinh-tế hết đặng.

Bởi vậy tình-thế càng cần sao hết thảy các nước liên-hiệp lại với nhau mà bàn định lấy một phương giải-quyết, chớ cái nạn chung đều, thì không nước nào gỡ riêng cho mình được. Nếu nước nào cũng vì những mối lợi riêng tư, vì lòng ích-kỷ, rồi tự bày ra kế hoạch này, phương-sách kia, tưởng là để gỡ mình, bênh-vực cho mình, nhưng kỳ-thực là làm cho nạn kinh-tế của thế-giới thêm nguy thêm khó ra đó thôi.

Vì suy xét như vậy và bởi muốn cứu cái nạn chung, nên ngày nay các nước mới tỉnh nhóm. Thế-giới kinh-tế hội-nghị vậy.

Chưa nhóm đã thấy nhiều điều khó khăn

Nói rằng Vạn-quốc tỉnh nhóm hội-nghị kinh-tế, nhưng sự thật hiện nay ở Genève, người ta mới cử ra một ban ủy-viên gọi là « dự-bị » (*Comité préparatoire*) để bàn định sửa-soạn về cuộc nhóm này, chớ không biết rồi có được không, hay là nhóm mà có làm xong việc gì hay không? Là bởi có nhiều nỗi khó-khăn lắm.

Mùa hạ năm rồi, lúc các nước nhóm hội ở Lausanne để thương-thuyết khoản nợ chiến-tranh, người ta tưởng đầu lúc bấy giờ thế-giới đã làm xong được việc lớn-lao là việc cải-tạo tình-hình kinh-tế của Vạn-quốc ngay. Ai cũng nghĩ rằng hội-nghị này xong rồi thì cái nạn kinh-tế phải hết. Nhưng vì có hai vấn-đề rất khó-khăn, làm cho cuộc hội Lausanne đã chẳng xong gì mà tình-hình kinh-tế vẫn chưa có cơ khôi-phục : Một là vấn-đề định giá tiền Livre của Hồng-mao ; hai là vấn-đề công nợ chiến-tranh. (Đức nợ các

nước Đồng-minh thắng trận, các nước này nợ lại Hoa-kỳ).

Hai vấn-đề này mới thấy ngỡ là nó rời nhau, nhưng kỹ-thực có liên - can với nhau lắm. Muốn nói cho kỹ thì đông-dài quá, tôi tưởng nói sơ một chút này cũng đủ. Các nước nợ Hoa-kỳ, thứ nhất là Hồng-mao nợ nhiều, bấy lâu thường yêu-cầu nhắc nhớ Hoa-kỳ xóa nợ đi mà Hoa-kỳ nằng-nặc không chịu. Đồng *livre* là tiền-tệ Hồng-mao, vốn là thứ tiền có thế-lực và thông-dụng trong cuộc mua bán khắp hoàn-cầu; trước đây tiền ấy cũng lấy vàng làm gốc (kim bản-vị) như các nước phú-cường khác, nay nhân tình-hình kinh-tế khủng-hoảng, Hồng-mao bỏ kim-bản-vị đi cho giá đồng *livre* sụt xuống, vừa là để tự cứu lấy họ, mà hình như cũng là cách báo thù Hoa-kỳ về sự không xóa nợ chiến tranh. Hồng-mao làm vậy rồi nhiều nước khác đổi theo, làm cho cuộc mua bán của Hoa-kỳ thiệt hại dữ. Hoa-kỳ năn-nỉ Hồng-mao trở về kim-bản-vị hoài và nhất định giá đồng *livre* lại (*stabilisation*). Nhưng Hồng-mao không chịu.

Điều khó khăn của hội-nghị kinh-tế nay mai là ở chỗ đó.

Ví dụ nay mai hội nghị có nhóm, mà các nước có yêu-cầu Hồng-mao về vấn-đề định giá đồng *livre*, thì các nhà lý-tài chuyên-môn của họ sao cũng lập lại câu trả lời đã quen thốt ra như vậy:

« Chúng tôi vẫn biết rõ rằng đồng tiền định giá, thật là một điều-kiện rất cần dùng để cho cuộc Vạn-quốc giao-dịch lại được khôi-phục như xưa. Chúng tôi đây cũng chẳng có điều hy-vọng nào khác hơn và cũng sẵn lòng giúp vào cuộc khôi-phục đó, song trước hết người ta phải lo tính về thế nào chắc-chắn cho nước chúng tôi mới được: phải làm sao cho số vàng trong thế-giới được lưu-thông dễ-dàng, phải bỏ nợ chiến-tranh đi, v. v. »

Thế là các nước thì bảo cuộc giao-dịch Thế-giới kém sút là tại đồng *livre* không định giá, còn Hồng-mao nói muốn họ định giá đồng *livre* của họ lại, thì Hoa-kỳ phải bỏ nợ chiến-tranh và để cho vàng lưu-thông với, chờ bao nhiêu vàng Hoa-kỳ quơ hết sao đặng. Té ra nước này đổ tại nước kia, cho nên tuy rằng hiện nay ở *Genève* người ta đương rán sức sửa-soạn cho hội-nghị kinh-tế sẽ nhóm được mặc lòng, nhưng chẳng biết nhóm mà có bàn định xong việc gì không?

Mấy nước bỏ kim-bản-vị đều khá

Ta nên xét qua cho biết những nước như Hồng-mao bỏ kim-bản-vị, là có lợi gì?

Hồi năm 1920 và 1922, có cuộc hội-nghị quốc-tế ở *Bruxelles* và ở *Genes*, các nước kinh-tế đàn anh đã giao-ước với nhau đều dùng vàng làm gốc cho tiền-tệ, nghĩa là dùng kim-bản-vị, dầu sao cũng đừng bỏ và đừng làm cái ngón tự sụt giá tiền bạc của mình xuống đặng thủ lợi riêng. Hai nước Hoa-kỳ và Hồng-mao chủ-trương cái chế-độ này sốt-sắng gắt-gao hơn hết.

Thế mà bây giờ Hồng-mao bỏ kim-bản-vị là tại sao?

Tại họ thấy nạn kinh-tế sủ-dĩ dây-dura hoài không dứt, là bởi đồ vật-sản chế-tạo khó bán, người ta ít mua; mà sủ-dĩ như vậy là tiền-tệ theo kim-bản-vị cao giá quá đi, thành ra bán mắc. Bởi vậy cho nên một năm rưỡi nay, họ bỏ kim-bản-vị, tự làm cho giá đồng *livre* của họ sụt xuống, sánh với tiền Lang-sa lối 86 hay 87 quan mà thôi.

Thật hay quá, nhờ đồng *livre* sụt giá, mà giữa hồi thiên-hạ nguy-nan này, nước Hồng-mao mua bán khá và số công-nhu của họ được quân-bình thâu xuất, chứ không thiếu hụt như các xứ còn ôm cứng lấy kim-bản-vị.

Nhật-bản thấy lợi thì làm theo: hồi tháng chạp năm 1931 trở đi, họ cũng bỏ kim-bản-vị.

Trước kia đồng viên (Yen) của Nhật cao giá lắm, 100 đồng bạc Đông-dương mình chỉ đổi được có 70 viên thôi. Bây giờ đổi được tới 177 viên. Vậy là Nhật tự làm cho tiền-tệ của họ hạ giá đi tới 60%.

Sự hạ giá đồng viên đó, khiến cho cuộc công-thương nước Nhật đương kém sút vì nạn kinh-tế mà trở nên thịnh-vượng to. Đến nỗi Hoa-kỳ phải giạt mình, sợ Nhật chiếm cái địa-vị chủ-nhân trên thị-trường Đông-phương, nên chi Hoa-kỳ muốn làm cách mua bán đổi-chác đồng viên, cốt làm cho nó lại cao giá lên, nhưng Nhật-bản cũng khôn-ngoan như Hồng-mao, họ có cách làm cho tiền-tệ của họ cứ ở giá thấp hoài cho được lợi.

Còn nhiều nước theo Hồng-mao Nhật-bản mà bỏ kim-bản-vị, cũng đều chống chọi với nạn kinh-tế được cả. Vì sự lợi lớn như vậy, nên bây giờ khó ai làm sao cho Hồng-mao hay Nhật-bản chịu trở lại kim-bản-vị và định giá tiền-tệ của họ trong lúc này đặng.

*Có giải-quyết được vấn-đề tiền-tệ
mới hết nạn kinh-tế*

Cứ xem những điều bày tỏ ở trên, độc-giả đã thấy rõ vấn-đề tiền-tệ đối với nạn kinh-tế hiện thời, có quan-hệ sâu xa ra thế nào?

Thế mà bây giờ ở giữa các nước có chỗ xung-đột nhau, là nước này giữ kim-bản-vị, nước kia bỏ đi, nước khác tự hạ giá tiền mình xuống, mỗi nước ôm một kiến-giải riêng, làm một chế-độ riêng, không được nhất-luật đồng-tâm, thành ra đối với cuộc trừ nạn kinh-tế, xem ra rất khó.

Người ta còn lo một mai sẽ có một cuộc chia rẽ như vậy nữa: các nước

bỏ kim-bản-vị lập thành một cái liên-doàn «tiền-tệ đảo-diên» (*monnaies déréglées*), đề chống với những nước ôm chặt lấy kim-bản-vị chưa buông: rồi những nước này cũng tìm cách chống lại với các nước kia. Như vậy thì quanh quẩn đời co vắn-đề tiền-tệ làm sao giải-quyết xong, mà giải-quyết nó không xong thì trông gì hết nạn kinh-tế được đâu.

Người ta trông mong cuộc kinh-tế hội-nghị sẽ nhóm nay mai, các nước cùng hiệp nhau chung một mục-đích mà bàn, tìm một cách lợi mà cùng giải-quyết; nếu cách bỏ kim-bản-vị và hạ giá tiền-tệ là có lợi, thì cùng làm đều đi.

T. N.

(Đuốc-nhà-nam)

Thời-cục nước Tàu. — *Tình hình Chính phủ Trung-uơng.* — Ông Tinh-Vệ là chủ-tịch viện hành-chính có tuyên bố rằng :

1) Hiện nay Tàu và Nhật không thể nào thương-thuyết trực-tiếp với nhau được, vì Nhật không chịu nhả Mãn-châu và không chịu bỏ chính-sách xâm-lược của họ ;

2) Bây giờ cần phải chống với Nhật và kéo các nước văn-minh vào phe với Tàu ;

3) Tàu không tuyên-bố đánh nhau với Nhật, vì làm như vậy là phải thua và mất luôn cả đất cát.

Ông Tinh-Vệ lại tuyên-ngôn tại lễ kỷ-niệm Tôn Văn rằng kết-cục ra thế nào mặc lòng, nước Trung-hoa cũng phải chống lại Nhật-bản. Ông lại nói nhân-dân chớ nên nghe những tin đồn nhảm về cái thái-độ của mấy toán lính kia trước mặt địch-quân. Ông lại nói các tỉnh tây-nam đã ưng cho quân đi Giang-tây để tảo-trừ quân cộng-sản.

Uông nói việc chống với Nhật cũng quan-hệ như việc tảo-trừ cộng-sản.

Uông Tinh-Vệ đã hội-ngị với Tổng Tử-Văn về việc trừ tiền chi vào việc chiến-tranh ở miền Bắc. Uông lại khuyên Tổng đi dự cuộc hội-ngị ở Washington.

Hội-đồng chính-trị trung-ương có điện cho Phùng Ngọc-Tường phải nên đến Nam-kinh mà gánh vác một phần trách-nhiệm về chính-trị.

Uông Tinh-Vệ phản-nản về việc mâu-thuẫn của Quảng-châu với Nam-kinh. Tại một buổi hội-đồng chính-trị trung-ương, ông có ta-thán về việc các quan binh Tứ-xuyên và các quan binh Quảng-châu không hiệp-tác với quân Nam-kinh trong việc tiêu Cộng. Vì cái tình-thế như vậy, nên Tưởng Giới-Thạch cần lên mặt Bắc, mà phải lưu lại Giang-tây. Uông lại nói Chính-phủ đương kê cứu việc tổ-chức lại binh quyền ở miền bắc và lại nói chắc rằng quân Nhật định tràn vào Bắc-kinh và Thiên-tân.

Hội-đồng trung-ương hành-chính có gởi một bức điện chu-tri, bày tỏ mọi lẽ cần chiêu-tập cuộc hội-ngị quốc-dân, các đại-biểu quốc-dân-đảng đến ngày 1er Juillet này sẽ họp, đề phẩn-đối mọi lời cở-dộng của các lĩnh-tu chính-đảng ở Quảng-châu, có ý ngăn-cản không ưng chiêu-tập hội-đồng ấy.

Các tướng của Quảng-tây là Lý Tôn-Nhân và Bạch Sùng-Hi đáp lại lời hô-hào của các hội-đồng quốc-dân-đảng ở miền bắc, và miền trung-ương, có nói các tướng ấy biểu-dồng-tình về việc nay cần phải hiệp-lực đồng-tâm, đề chống với quân Nhật và quân Cộng-sản. Trần Tế-Hương là tỉnh-trưởng Quảng-dông thì chưa trả lời.

Ở Nam-kinh có tin rằng hội-đồng cai-trị miền bắc, thuộc quyền viện hành-chính do võ-tướng Hoàng Phụ, là phó trưởng tham-mưu của Tưởng

Giới-Thạch chủ-trương, sẽ có quyền kiểm-đốc các tỉnh Hồ-bắc, Sơn-dông, Tuy-viên và Sát-cáp-nhĩ cùng các thành phố Thiên-tân và Thanh-đảo.

Người ta nói hội-đồng mới ấy sẽ bãi hội-đồng chính-trị ở Bắc-bình, lập ra vào lúc cái quyền-lực của Trương-Học-Lương giảm đi.

Phùng Ngọc-Tường có gửi một bức thư cho Tưởng Giới-Thạch đại-ý bày tỏ 12 điều và ý-kiến kháng Nhật, xin Tưởng thực-hành và mong đem ngay 80 phần trăm quân-đội do Tưởng hoặc Lý Tế-Thâm thống-suất, còn Thái Đình-Khai, Tưởng Quang-Nại, Đái Kich, Tống Triết-Nguyên, Tôn Điện-Anh, Trương Phát-Khuê mỗi người giao chỉ-huy một đạo quân để đánh Nhật, tất là đặc-lực, và xin trích 80 phần trăm quân-phi để dùng về việc kháng Nhật.

Toàn bức thư như sau này :

« Tưởng Giới-Thạch nhân-đệ :

« Hôm trước, Trần Hi-Văn ở Bảo-định-phủ về có thuật rõ cuộc hội-kiến cùng nhân-đệ. Hôm nay đến Hoàng Thiệu-Hùng và Hạng-Bình đem thư của nhân-đệ đến cho tôi hỏi thiên-kiến tôi về cái họa Nhật. Tôi được dịp này xin ngợi khen nhân-đệ chẳng quản khó nhọc, luôn luôn nghĩ đến việc nước nhà. Theo ý-kiến tôi thì chúng ta phải kháng-cự cho đến chết, và phải mau mau lấy lại cho kỳ được những đất-cát mất về tay quân Nhật.

Hiện tôi nghĩ chỉ có cách ấy mới cứu-vãn được quyền-lợi của nước nhà mà thôi.

Tuy vậy, « kháng cự » của tôi đây chẳng phải là cứ ngồi yên giữ thế thủ hay là trông vào quân địch đứng yên không tiến. Tôi nghĩ ý-kiến nên :

1) 80 phần trăm quân đội trong nước tức khắc phải động binh, cắt cử lên mặt trận, đóng các nơi hiểm-yếu.

2) Trích 80 phần trăm ngân-sách quân-vụ vào việc bài Nhật.

3) Việc chỉ-huy quân-dội muốn giữ được thống-nhất, nhân-dệ nên thân đứng cầm quân. Nếu vì lẽ gì, nhân-dệ không cầm quân được thì quân đội Trung-quốc nên giao cho Lý Tế-Thâm, Lý là một người yêu nước can-đảm, lương-tâm sáng tỏ như gương, người rất chân thật, lại đã lâu năm đứng đầu bộ Tham-mưu của nhân-dệ.

4.) Thái Đình-Khải, Trương Quang-Nại và Đái Kích là ba viên tướng đã từng đánh Nhật, có thể dễ dưới quyền Trần Minh-Khu hay Lý Tế-Thâm được. Mà Thái và Trương có thể mỗi người chỉ-huy được 5 vạn quân, còn Đái có thể lĩnh được 3 vạn quân.

5.) Tống Triết-Nguyên sẵn lòng chết cho nước, mà Tôn Điện-Anh chẳng sợ gì chết, vậy có thể giao cho mỗi tướng 5 vạn quân.

6) Trương Phát-Khuê là một người nhiệt-tâm ái-quốc đã lập biết bao công-trạng với cách-mệnh. Nay là lúc lo việc cứu nước, tướng nên quên những việc cũ mà giao cho Trương 4 vạn quân.

7.) Hà Trụ-Quốc là một vị anh-hùng đất Mãn. Nay giao cho Hà 4 vạn quân, tất Hà sẽ được việc lắm.

8.) Tướng Bách-Lý và Hoàng Tồ rất thạo chiến-lược, nay hợp lực đánh Nhật, hai người ấy tất có mưu kế hay.

9.) Những tướng Ma Hsiang-peh, Chu Ching-Lan, Sah Cheng-Ping, Wang Hu, Huan-yên-pel và Chang-chang-Jen toàn là những người nhiệt-tâm ái-quốc cả. Nếu nhân-dệ vời họ đến, họ sẽ hiến nhiều mưu-kế diệt Nhật.

10.) Tất cả các chính-trị-phạm nên tha ngay ra. Chính-phủ phải đề ngay dân được tự-do ngôn-luận, tự-do hội-hợp, đề dân tự-do hội-hợp đề dân được tỏ lòng căm tức. Nhân-dệ nên cử một người mỗi ngày phải gửi cho nhân-dệ 10 tờ báo về phái phản-đối. Nhân-dệ đọc báo ấy sẽ có ích lắm vậy.

11) Hồ Hán-Dân, Uông Tinh-Vê, Tôn Khoa, Vu Hữu-Nhiệm, Chu Cheng, Li Lieh-Chun đều là bạn đồng-chí, học-vấn uyên-bác, rất yêu nước, được lòng dân. Nhân-dệ cần phải hỏi ý-kiến từng người, như thế sẽ có sự hay trong việc trị dân.

12) Vì công việc nước mà chúng ta nhiều khi lầm-lỗi, ngày nay ai nấy nên thực tình nhận lỗi ấy đi, để ở cho quốc-dân ta có cái can-đảm làm người.

Mười hai khoảng trên này tôi do theo lương-tâm mà thảo ra. Từ trước đến nay thấy đã biết bao lời tuyên-cáo, nhưng ta vẫn thiếu một thứ: hành-động. Nghĩ rằng giống Tàu ta có lẽ sẽ bị tiêu-diệt mà tôi rùng mình, vậy đối với việc cứu quốc nghĩ sao cứ nói thẳng thẽ, Nhân-dệ nên thẽ lòng cho ».

Phùng Ngọc-Trường

Vì thấy quân bộ Tống Triết-Nguyên vừa rồi chống-cự quân Nhật được một cách hăng-báï đều là nhờ sức lợi-hại của đội đại-đao, nên bây giờ nhà dương-cước quân-sự Tàu chú-ý về thứ quân này lắm, và cũng vì vậy nên Phùng vừa tỏ ý xin chịu trách-nhiệm việc huấn-luyện quân đại-đao thì Tướng đã biểu-dồng-tình.

Tướng lại xin với chánh-phủ Nam-kinh, mỗi tháng phát ra cho Phùng 10 vạn đồng, để dùng vào việc huấn-luyện đội quân này. Về cách huấn-luyện thì Phùng tính tháng đầu huấn-luyện cho 6 bao, mỗi bao 1500 người. Cuối tháng thì thành-thực, thì liền đem phân phát cho các quâ 1-đội kháng Nhật thâu dùng. Qua kỳ thứ nhì mỗi tháng huấn-luyện cho được 9000 người. Cứ vậy tiếp-tục luyện hoài cho đến khi nào đầy đủ thứ quân này đề đánh đuổi quân Nhật cho được mới thôi. Lại nói có lẽ số 10 vạn ấy không đủ kinh-phí, cho nên nghe đầu Diêm Tien-Sơn sẽ cấp thêm 2 vạn.

Tình-hình miền Hoa-bắc. — Sau khi Thừa-đức thất-hãm, cuộc-diện Bắc-bình, Thiên-tân nguy-ngập, các tướng Tôn Điện-Anh, Tống Triết-Nguyên hết sức đề-kháng quân Nhật đã nhiều trận kinh hồn, tình-hình Bình, Tân mới tạm đổi nguy làm an. Thế mà Tướng Giới-Thạch chỉ ngồi nhìn thời-cuộc, chẳng nói chi đến chuyện kháng Nhật; chỉ là mượn cớ đi tiêu Cọng, để tránh cái câu chuyện bại Nhật mà thôi.

Tướng Giới-Thạch lên mặt bắc chuyển mới rồi, chỉ cốt là bức-bách ngằm Trương Học-Lương phải từ-chức, đề cướp lại quân-quyền mặt Hoa-bắc. Tướng làm đã thành-công, Trương đã phải từ-chức, song từ đây tuyệt-nhiên không hề thấy Tướng bày mưu định kế lấy lại Thừa-đức, chỉ núp ở Bảo-định để lo toan sao cướp lại được hết quân-quyền và hòa-hoãn được thời-cuộc

Nước Tàu mà mất miền bắc, cái tội Trương Học-Lương đã cố-nhiên, mà cái tội Tướng Giới-Thạch cũng không thể chối được.

Các yếu-nhân miền tây-nam cho rằng Tướng định làm theo việc ký hiệp-ước với Nhật ở Thượng-hải năm trước, bí mật giảng-hòa với Nhật, định cắt đứt từ Vạn-lý-trường-thành trở ra ngoài cho Nhật. Bởi vậy mới có cái tin « Tướng Nhật thỏa-hiệp » nghe đồn đã lâu, chưa biết có quả thật không, nay Hoa-liên-xã có đăng cái tin rằng Tướng Nhật thỏa-hiệp đã cụ-thể hóa, nội-dung có bốn điều :

1) Trung-quốc đình-chỉ sự làm nhiều loạn nước Mãn-châu và thừa-nhận độc-lập, biểu-thị Trung Nhật Mãn không cứu-thị nhau ; vạch giới-hạn phương bắc sông Hoàng-hà làm khu-vực Trung-lập ;

2) Chính-phủ Tàu phải bảo-chứng từ sau không bại Nhật và tây-chạy hàng Nhật.

3) Nhật chính-phủ đối với Trung-quốc bao nhiêu điều-ước bất-bình-dẳng như trị-ngoại pháp-quyền, hội-hà-hàng hành-quyền đều thủ-tiêu cả, mà cùng đình điều ước mới, lấy tự-do bình-dẳng làm nguyên-tắc ; và tới một bước nữa, lấy chủ-nghĩa Môn-la ở Á-châu làm mục-đích ngoại-giao ;

4) Nhật đối với Tướng về chính-sách đối nội chịu viện-trợ về mặt kinh-tế tài-chính và quân-sự. Điều này lại có nói Nhật không nhiều miền Hoa-bắc mà nhiều miền Nam để khiên-chế thế-lực phái phản Tướng.

Trên mấy điều đó, nghe Tướng đã cùng lục-quân Nhật thương-thỏa. Có lẽ cuộc Trung Nhật rồi ra thế chăng ?

Lại có tin nói sau khi Tướng lên mặt bắc rồi, một mặt giao hết trách-nhiệm tiêu Cọng cho các yếu-nhân mặt tây-nam, một mặt ngằm phái đảng « Áo lam » là thủ-túc của Tướng ra Quảng-dông, định phá-hoại thời-cuộc, khiến cho dân-chúng miền tây-nam phải quay về với Tướng.

Biết rõ cách hành-động của Tướng, các yếu-nhân mặt tây-nam phải lập tức hội-nghị bất-thường để bàn phương-pháp đối-phó, nhất định nghiêm-phòng không cho quân « áo lam » của Tướng lên đến Quảng-dông khuấy rối.

Còn việc Tướng định giảng-hòa với Nhật, sau khi ủy cho các yếu-nhân ở Bắc-bình mật-tra, quả đúng sự thật thì sẽ dùng ba cách chống lại là :

a) Gửi thông-diện đi khắp nước kể tội Tướng ra mà trừng-giới.

b) Không nhận việc Tướng điều-đình với Nhật và bày tỏ cho các nước biết rằng việc Tướng làm không phải là ý chung của dân-chúng.

c) Đánb diện cho các tướng-lãnh khắp nước và các cơ-quan quân-sự troy-nã Tướng đề nghiêm-trị.

Vậy Tướng Giới-Thạch có âm-mưu điều-đinh với Nhật chăng? Cứ lời một vị yếu-nhân nọ trong chính-giới nói thì Tướng lên mặt bắc chuyển này chính đã bị tiếng tu-thông với Nhật, nên các tướng-lĩnh mặt Hoa-bắc đều lấy làm căm-giận họ Tướng lắm.

Nếu vậy thì cuộc-diện Hoa-bắc rồi đây không biết sẽ biến đổi ra thế nào?

Hiện nay miền Hoa-Bắc thì quân Nhật càng ngày càng xâm lấn.

Tin Đường-sơn nói: Toàn-quyền đại-sứ Nhật là Võ-dăng vàng mệnh-lệnh của chính-phủ Đông-kinh, mở rộng việc chiến-tranh ở miền Hoa-bắc, do quân Nhật đánh các cửa ải Trường-thành. Phía đông Loan-hà cũng đổi thế thủ làm thế công, do quân Mãn-châu chịu trách-nhiệm.

Người Nhật chỉ quen cái kế: « Dùng người Tàu giết người Tàu » đó là cái diệu-kế hành quân của người Nhật. Bất cứ là đánh chỗ nào, người Nhật cũng cho người Tàu đi tiên phong. Như trong lúc này Nhật tiến binh đánh Đaluân, thì dùng bọn Trương Hải-Băng, Lưu Quế-Đường làm tiên-phong.

Vì thế mà mỗi khi giáp trận rồi số người Nhật bị tổn thương rất ít.

Các yếu-nhân nước Mãn-châu sau khi lập cuộc hội-ng nghị ở Bắc-đái-hà, quyết trước thành-lập cơ-quan tổ-chức lâm-thời ở phía Loan-hà, cử Lý Tế-Xuân làm trưởng-quan, thống hạt năm huyện Du, Phủ, Thiên, Lư, Xương. Người Nhật định sau khi thành-lập cơ-quan tổ-chức ấy, dùng làm căn-cứ quấy rối miền Hoa-bắc, hết sức mua chuộc bọn Hán-gian và bọn quan-liên quân-phiệt thất ý; thực-hành cái kế dùng người Tàu đánh nước Tàu, để đạt cái mục-đích dựng nên một nước Mãn-châu thứ hai.

Toàn quyền đại-sứ Nhật là Võ-dăng cùng Hoàng-Mộc diện bàn kế-

hoạch việc quân, trừ do Cờ-bắc-khẩu tiến đánh Mật-vân, áp-bách Bắc-bình, về mặt Loan-châu cũng đang dự-bị tiến đánh. Mục-đích không những chỉ ở Bắc-bình và Thiên-tân mà cốt định lấy cả miền Hoa-bắc.

Nay nhắc lại từ sau khi thành Thừa-đức thất-hãm, quân Tàu liền lui về biên - cảnh hai tỉnh Sát-cáp-nhĩ và Nhiệt-hà cùng quân Nhật chống đánh. Quân Nhật liền tiến đánh các cửa ải Trường-thành, vì quân Vạn Phúc-Lân không đánh mà lui, nên quân Nhật liền đem đại-bộ chiếm Lãnh-khẩu.

Quân đội của Nhật và Mãn-châu lại hội-hợp kéo lên lấy Tân - hoàng-dào. Hiện một vùng ở phía Nam Vạn-lý trường-thành rộng có mấy trăm cây số vuông cũng đã lọt vào tay quân Nhật. Thế là quân Nhật đã vượt qua Vạn-lý trường-thành mà tràn vào nội-địa nước Tàu, Thiên-tân và Bắc bình có khác nào như trùng đề dầu dẳng. Song, mới đây thỉnh-linh người Nhật lại rút binh đi. Thấy Nhật rút binh như vậy, người ta đồn vì hai lẽ này, mà chưa biết lẽ nào phải.

1^o — Một là vì trên Bắc-Mãn xem ra tình-hình giao-thiếp ở giữa Nhật Nga càng ngày càng khó, không khỏi đánh nhau, nên chi Nhật đành bỏ mặt trận dưới này mà lên Bắc-Mãn để dự-bị đánh Nga.

2^o — Báo Anh đăng tin nói Chánh-phủ Tàu cậy các nước Âu-Mĩ điều-đinh giùm cho Nhật rút binh đi, để rồi Tàu cùng Nhật mở cuộc giảng-hòa và Tàu sẽ nhận Mãn-châu-quốc độc-lập v. v.

Song bộ Ngoại-giao Tàu cải-chỉnh rằng tin ấy tà tin đồn bậy.

Vì quân Nhật chột rút lui như thế, nên về khoảng trung-tuần tháng này, quân Tàu cũng có thắng được quân Nhật mấy trận. Như là quân cứu-quốc Nhiệt-hà là bộ-hạ Hoàng Thủ-Trung đánh lấy lại được Long-hoa,

Vi-trường; quân Ông Chiêu-Viên thì lấy lại được Lưu-long, và chiếm được Yên-hà-doanh; quân Thương Chấn, Hà-Trụ-Quốc thì thu-phục được Hải-dương-trấn; Tôn Điện-Anh lấy lại được Phong-ninh; quân Nhật có trận bị hại về địa-lôi-phục, có trận bị giết về đội đại-đạo, chết hại cũng nhiều. Nhưng đến hạ tuần tháng này thì quân Tàu lại đại-bại khắp các nơi. Quân Nhật đã vượt qua Vạn-lý trường-thành mà chiếm một cái đồn trong nội-địa. Hải-cảng Tần-hoàng và Bắc-đái-hà cũng đều lọt vào tay quân Nhật cả rồi.

Bộ tham-mưu Nhật-bản tuyên-bố rằng ngày 29 Avril quân Nhật lại chiếm lại tất cả các nơi về khu tam-giác trên bờ sông Loan-luân của quân

Nhật đã bỏ mấy bữa trước đây, đã đuổi hết quân Trung-hoa ở miền ấy.

Kế-hoạch tác-chiến của quân Nhật, một lần đánh úp Loan-đông, một lần mưu lấy tỉnh Sát-cáp-nhĩ. Hiện nay Loan-đông đã mất, biên-cảnh tỉnh Sát-cáp-nhĩ ngày càng nghiêm - trọng. Quân Tàu đóng ở Sát-cáp-nhĩ có các bộ quân Tôn Điện-Anh, Phùng Chiếm-Hải, Triệu Thừa-Thụ, ước bốn vạn người, việc phòng giữ rất là bền-vững. Nhưng nghe đâu ở miền Sát-cáp-nhĩ kỵ-binh Nhật-bản, và Mãn-châu đã vượt qua Dã-luân và đã tiến vào miền đông đất Sát-cáp-nhĩ, hiện đương tiến đến Cồ-nguyên.

Xem thế thì việc chiến-tranh ở miền Hoa-bắc càng ngày càng lan rộng ra, chưa biết bao giờ kết-liệu được.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 30 tháng 4 năm 1933)

Lễ trao chức Giám-đốc tư-pháp Đông-dương và chức Chương-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội. — Sáng mồng 1 tháng 4 này, tòa Thượng-thẩm Hà-nội làm lễ phát-thệ trọng-thể để trao cho quan Chương-lý GAISELIN lên thực-thụ chức Giám-đốc tư-pháp Đông-dương, và trao cho quan phó Chương-lý LE BEL lên thực - thụ chức Chương - lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội. Quan Chánh-án MORCHÉ làm chủ-tọa. Đến dự có quan Toàn-quyền PASQUIER, quan Thống-sứ PAGÈS, quan Thống-soái, các quan thủ-hiến các công-sở Đông-dương cùng các quan-chức thân-hào Tây Nam ở Hà-nội và các tỉnh đông lăm. Làm lễ trao chức và phát-thệ xong thì các quan giải tán hồi 10 giờ.

Mấy cái hải-đảo nữa của xứ Đông-dương. Đầu tháng 4 này, chính-phủ cử một phái-bộ khởi-hành từ Sài-gòn bằng hai chiếc luân-dương-hạm để

chính-thức nhận mấy chiếc hải-đảo ở gần đảo Prathy và ở phía đông thành-phố Sài-gòn cách chừng 200 hải-lý, từ trước vẫn là thuộc-địa của Pháp, nhưng chưa rành mà trông-nom, nay xét ra địa-thế rất quan-trọng đến việc hàng-hải, nên mới nhìn-nhận đến.

Lễ Thanh-minh ở Huế. — Mồng 4, (mồng 10 tháng ba ta) là ngày lễ Thanh minh, vua Bảo-đại ngự-giá đến làm lễ lĩnh-tảo tại Ứng-lăng (châu Ê), còn các tôn-lăng thì đã cử các quan tôn-tước đi làm lễ lĩnh-tảo.

Khánh thành con đường Sơn-la — Lai-châu. — Sáng thứ ba mồng 4 tháng 4 năm 1933, quan Toàn-quyền PASQUIER, quan Thống-sứ PAGÈS và các quan khách ở Hà nội đi một đoàn 10 chiếc ô-tô lên khánh-thành con đường mới làm xong từ Sơn-la tới Lai-châu. Con đường này khởi-nghị làm từ năm 1923, khởi-công làm từ năm 1928, đến nay mới xong, từ Sơn-la đến Lai-châu là 190 cây số.

(Kể từ Hà-nội lên Lai-châu là 500 cây số.) Làm đường này chi tiêu tới 20 vạn đồng bạc. Quan Toàn-quyền đặt tên con đường này là đường Saint Poulouff, để kỷ-niệm tên quan Công-sứ Sơn-la có công đốc-thúc làm con đường này được chóng xong.

Mấy cuộc kinh-lý của quan Thống-sứ Bắc-kỳ. — Ngày 12 tháng 4, quan Thống-sứ PAGÈS đi kinh-lý ở Nam-màu (thuộc tỉnh Quảng-yên).

Ngày 13, Ngài lại đi kinh-lý miền tỉnh Nam-định, Ngài đi thăm bãi biển và con đê Mê-lâm, Ngài đặt tên con đê Mê-lâm là đê Chapoulart để kỷ-niệm tên quan Công-sứ lĩnh này có công mẫn-cán đắp con đê này để dân Mê-lâm lại khai-khẩn thêm được 2 700 mẫu tây nữa, lợi cho 14.000 người dân ở đấy. Ngài lại đi khánh-thành mấy cái cầu Tân-liêu và Cát-hà nữa. Đoạn Ngài đến thăm nhà thương và trại lính khổ xanh Ngài có đến thị-lễ khánh-thành một cái nhà « xéc » (câu-lạc bộ) mới của người Nam ta mới lập ra.

Ngày 20, quan Thống-sứ ngài đi kinh-lý tỉnh Hòa-bình, thăm mấy nơi ở tỉnh-lý rồi vào thăm đại-lý Vụ-bản.

Ngày 29, Ngài đi kinh-lý tỉnh Ninh-bình, đi thăm các công-sở và xứ Phát-diệm

Ngày 30, Ngài đi kinh-lý tỉnh Lạng-son, chủ lễ khánh-thành đồn khổ xanh mới sửa lại ở Phan-môi, có đi thăm khắp các nơi trong đồn này.

Cuộc hội-thương về đê-chính. — Hồi 9 giờ sáng ngày 18, các quan Công-sứ các tỉnh và các quan có chân hội-đồng Cố-vấn đều đến họp tại phòng hội-đồng phủ Thống-sứ để bàn về đê-chính ở Bắc-kỳ. Hội-đồng này có quan Thống-sứ chủ-tọa.

Lễ thánh-thọ ở Huế — Ngày 21 (âm-lich 27 tháng 3), trong Đại-nội có làm lễ sinh-nhật đức bà Xương-minh Thái-hoàng thái-hậu. Nghi-chú đại-lược như sau này :

Sáng ngày ấy, trước khi làm lễ, tại Kỳ-đài đốt 7 tiếng ống-lệnh, Hoàng-thượng cùng văn võ bá-quan đều đến cung Diên-thọ chúc - mừng đức bà Xương - minh. Hoàng - thượng chúc xong, đến các công-chúa, mệnh-phụ... Làm lễ xong, tại kỳ-đài lại đốt ba tiếng ống-lệnh. Buổi trưa có ban yến cho đình-thần. Nhà duyệt-thị hát xướng hai hôm.

Khánh-thành vườn hoa Bary và bia kỷ-niệm Bary ở Thái-bình. — Ngày chủ-nhật 23 tháng 4, ở Thái-bình làm lễ khánh-thành vườn hoa Bary và bia Bary để kỷ niệm công-đức quan nguy^{ên}-công-sứ BARY, hiện nay làm Đồng-lý phủ Thống-sứ. Quan BARY cùng phu-nhân ở Hà-nội xuống làm chủ-tọa, quan công-sứ COLAS và quan Tổng-đốc Vi Văn-Định nghênh-tiếp.

Quan Toàn - quyền đi Đáp-cầu. — Sáng ngày 25, quan Toàn - quyền PASQUIER sang Đáp cầu xem cái kho mới lập nên để chứa thuốc súng và khí-giới của các đạo quân Bắc-kỳ.

Chức Đồng-lý phủ Thống-sứ. — Quan BARY Đồng-lý phủ Thống-sứ Bắc-kỳ vì đau mắt phải về Pháp nghỉ. Quan LOTZER Công-sứ tỉnh Vĩnh-yên thay làm Đồng-lý phủ Thống-sứ.

Quan Toàn-quyền vào Huế. — Ngày 28, quan PASQUIER Toàn-quyền Đông-dương cùng quan MARTY Chánh-ti chính-trị phủ Toàn-quyền đã đi chuyến xe lửa tốc-hành vào Huế để xếp-đặt những việc ở Triều-đình Huế.

Nhà thương Phủ-doãn không dời đi Cống-vọng. — Năm trước có dự bàn

dời nhà thương Bảo-hộ ở Phủ-doãn xuống Cổng-vọng. Nay có hội-đồng họp tại phủ Thống-sứ đã quyết-định khu nhà thương Phủ-doãn cứ để nguyên như cũ, chứ không dời xuống Cổng-vọng nữa.

Nguyên-soái Trung-Bắc-kỳ. — Quan Nguyên - soái PHILIPPOT coi đạo binh thuộc-địa ở xứ Sénégal, nay được cử sang coi đạo binh Trung-Bắc-kỳ thay quan Nguyên-soái THIERRY.

Vấn-đề đê-chính ở Bắc-kỳ. — Quan Poullet Osier Giám-đốc các việc Chính-trị và Hành-chính tại Bắc-kỳ, nay cử sung việc trông-nom về hành-chính các đê-điều, việc thu-lập và kiểm-đốc mọi vấn-đề thuộc về đê-điều theo như các thể-lệ đã dự-định trong nghị-định ngày 25 tháng 3 năm 1927.

Giúp việc quan Giám-đốc có hội-đồng Cố-vấn lập thành Hội-đồng thường-trực về đường hành-chính trông nom các đê-điều cùng là những vật thiết-lập để giữ thủy-lạo.

Vấn đề tiền trình mới. — Quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã thông tư rằng hội-đồng bàn việc đúc tiền trình mới, đã định đúc một trăm triệu đồng trình, « Bảo-đại thông-bảo 保大通寶 » khuôn rộng 18 ly tây, dày bảy phần mười (7/10) của ly, cứ 6 đồng trình ngang giá một xu và 600 đồng trình ngang giá bằng một đồng bạc. Bắt đầu từ tháng 6 năm nay, mỗi tháng sẽ phát hành mười triệu đồng trình, các sở công tư và suốt nhân dân xứ Bắc-kỳ đều thông dụng thứ tiền ấy.

Đoàn máy bay Đông-dương đi kinh-lý. — Ngày 25, một đoàn máy bay 21 chiếc khởi-hành từ Hà-nội bay vào Nam-kỳ. Ngày 27, đoàn máy bay Hà-nội và đoàn máy bay Biên-hòa bay từ Biên-hòa sang Pnom-Penh là kinh-thành Cao-miên, có quan DE CHICOURT Công-

sứ Kamdal và quan DOUCET đại-diện quan Khâm-sứ Cao-miên, cùng Cao-miên quốc-vương nghênh-tiếp. Quốc-vương có gấn đệ-tứ-hạng Cao-miên bội-tinh vào lá cờ hiệu của đoàn máy bay. Buổi chiều đoàn máy bay lại bay về Biên-hòa. Ngày 29 đoàn máy bay bay tới Huế, có đức Bảo-đại, quan Toàn-quyền PASQUIER, quan Khâm-sứ THIBAUDEAU cùng đồng các quan chức Tây Nam ra xem. Đức Bảo-đại có gấn long-bội-tinh vào lá cờ của đoàn máy bay. Buổi trưa đoàn máy bay lại từ Huế bay ra Hà-nội.

Thi-sinh bằng Sơ-học Pháp-Việt từ nay phải nộp tiền lệ-phi. — Mới đây Hội-đồng Bảo-hộ đã định từ nay các học trò thi bằng Sơ-học Pháp Việt (C. E. P. F. I.) phải nộp tiền lệ-phi là 0 \$ 50.

Lại định tăng tiền lệ-phi các kỳ thi khác nữa:

Thi bằng Cao-đẳng tiểu-học Pháp Việt (D. E. P. S. F. I.) trước nộp 2 \$ 00 nay phải nộp 3 \$ 00.

Thi bằng tiểu-học (B. E.) và bằng Cao-đẳng tiểu-học Pháp (B. E. P. S.) trước nộp 2 \$ 00, nay phải nộp 2 \$ 50.

Thi bằng Cao-đẳng (B. S.) trước nộp 4 \$ 00, nay phải nộp 5 \$ 00.

Ông Phan Văn-Trường tạ-thế. — Ông Phan Văn Trường, luật-khoa bác-sĩ, luật-sư ở Sài-gòn, mới rồi tạ-thế tại nhà bào-huynh ông là ông Phan Cao-Lũy ở phố Gambetta Hà-nội. Hồi 8 giờ sáng chủ nhật 23 Avril, làm lễ cất đám khởi hành từ nhà số 25 đường Gambetta, đưa về làng Sét.

Tang-gia không có giấy cáo-phó mà các bà con quen biết ông Trường cùng là những người hám-mộ cái đức-tinh ông, di đưa đông lắm, một phần lớn không quản đường xa cũng theo xe linh-cữu đi về đến tận làng Sét

Khi hạ-huyệt, không có bài ai-diếu gì cả.

Ông Trường, quán làng Đông-ngọc, tỉnh Hà-đông vốn xuất thân làm thông-ngôn phủ Thống-sứ. Hồi ông làm thông-ngôn đã nổi tiếng là người học rộng. Chính ông thảo lá đơn đầu-tiên xin tăng lương cho các viên chức buổi ban đầu, được nhiều người phục tãi lắm. Sau ông được làm trợ-giáo trường Thuộc Hà-nội. Năm 1907 khi ở Đồn-thủy Hà-nội dựng ra trường Cao-đẳng thứ nhất, ông đã có tiếng là có biệt-tài.

Năm 1909 ông được cử sang Pháp làm trợ-giáo trường dạy tiếng Đông-phương. Ông theo học luật, sau thi đỗ luật-khoa tiến-sĩ, bài luận-thuyết của ông về kỳ thi tiến-sĩ nhan đề là « Trung-quốc chi cựu hình luật » (Le droit pénal à travers l'ancienne législation chinoise) được hội-đồng chấm thi rất ngợi khen. Ông Trường đã từng làm luật-sư ở Paris. Hồi Âu-chiến ông bị bắt giam mấy tháng tại đê-lao Cherche Midi cùng với ông Phan Chu-Trình, sau xét ra vô-cán được tha. Âu-chiến xong, ông lên Mayence làm luật-sư được ít lâu rồi trở về Đông-dương, mở phòng luật-sư ở Sài-gòn.

Cái đời ông Trường thực là gian-truân. Ông không hề có lo nghĩ đến việc tiền tài, thế-tử, thực có thể gọi là một người hi-sinh với cái chủ-nghĩa mà ông vẫn theo đuổi. Năm nay ông hưởng thọ 58 tuổi.

Các bậc cổ-lão, bấy lâu đã lác-đắc thần-linh, đoái cảnh non sông, ra chiều vắng vẻ; nay ông lại vội lánh xa cõi tục, chạnh niềm nước cũ, nhớ đức người xưa, ai là chẳng ngậm-ngùi than tiếc!

Bản-chí xin có lời viếng ông và chia buồn cùng tang-gia.

Việc buôn bán bên ngoài của Đông-dương trong ba tháng đầu năm 1933. — Theo báo Trung bắc đăng việc buôn bán bên ngoài của Đông dương trong ba tháng đầu năm 1933 như sau này:

Nhập-cảng

Nam-kỳ	55.571 tấn,	giá 152.975.000 quan
Bắc-kỳ	28.078	— 77.904.000 —
Trung-kỳ	3.981	— 10.140.000 —
Cao-miên	1.772	— 8.848.000 —
Ai-lao	442	— 748.000 —
Tổng-cộng:	89.844 tấn,	giá 250.615.000 quan.

Xuất-cảng

Nam-kỳ	421.038 tấn,	giá 208.431.000 quan
Bắc-kỳ	426.760	— 42.206.000 —
Trung-kỳ	2.728	— 2.593.000 —
Cao-miên	1.446	— 2.217.000 —
Ai-lao	79	— 217.000 —
Tổng-cộng:	852.051 tấn,	giá 255.664.000 quan.

Số nhập-cảng năm nay như vậy so với ba tháng đầu năm ngoái kém về trọng-lượng 1.763 tấn và về tiền 1.875.000 quan.

Số xuất cảng thặng hơn về trọng-lượng 64.657 tấn và về tiền thì kém 43.516.000 quan; tỏ rõ sự sụt vật-giá vậy.

Tuy thế, việc buôn bán vẫn được khá hơn, sự xuất-cảng còn thặng hơn 5.049 000 quan.

Sự nhập-cảng về vật gì thì cũng kém đi. Sự kém ấy là 4.460 tấn giá 11.603.000 quan về hàng-hóa Pháp, và 403 tấn giá 4.924.000 quan về hàng-hóa thuộc địa Pháp.

Sự nhập-cảng hàng-hóa của ngoại-quốc thặng lên 3.100 tấn giá 14.702.000 quan, ấy là về việc mua dầu hỏa và dầu xăng của Hoa-kỳ (— 3.144 tấn) và của Indes Néerlandaises (— 1.992 tấn); và lại kém đi về việc mua thực-phẩm của

Hồng-kong (— 4.728 tấn giá 11.966.000 quan).

Về gạo thì đã xuất-cảng 3.785.018 tạ thặng hơn trước 550.444 tạ hay là 14,5% mà tiền thì lại kém đi 35 triệu quan, vì giá hạ mất 30%.

Những vật sản xuất-cảng tăng lên hơn hết là :

Ngô (— 63.985 tạ), nghĩa là 25,6%
 Chè (— 443 tạ), — 25%
 Hồ-tiêu (— 1.390 tạ), — 22%
 Cao-xu (— 3.299 tạ), — 8,2%
 Than đá (— 378.337 tạ), — 10,7%
 mà giá tiền thì hạ đi 7.407.000 quan.

Những vật sản xuất-cảng hạ đi hơn hết là :

Cá khô, muối, hay ướp khói (— 3.637 tạ)
 Cà-phê (— 689 tạ)
 Sơn (— 905 tạ).

Giới-thiệu sách mới

Ấu-học Pháp-tự tân-thư. — Đặng Đình-Hương giáo-viên trường Yên-phụ Hà-nội soạn. Sách này dùng chữ quốc-ngữ dạy đọc văn tây chữ tây và dịch nghĩa. Người biết quốc-ngữ dùng sách này học một mình đọc được chữ tây. Có 26 hình vẽ In chữ lớn, học trò dễ

đọc. Khổ sách 22×15 phân tây, 28 trang, in tại nhà in Mạc Đình-Tích, giá 0 \$ 12, bán tại nhà người làm sách và các hiệu sách Tây Nam Hà-nội.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tuồng Lối-xích. giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

- | | |
|-------------------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh-luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp : | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp. | |
| Quyển thứ I | 4 hào. |
| Quyển thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiểu-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE | 4 hào. |
| 10. — Phật-giáo đại-quan. | |
| (In lần thứ hai). | 5 hào. |
| 11. — La Poésie annamite. | 4 hào. |
| 12. — Tục-ngữ ca-đạo. | 4 hào. |
| Sắp xuất-bản : | |
| 13. — Tuồng Hòu-lạc. | |



QUỐC-NGŨ ĐÌNH-NGOÀ (1)

IV

Vậy	Vậy bùn nhảm, làm chi vậy, vậy mà...	Dẹp	Lúa dẹp, con mắt dẹp, dọn dẹp.
Vấy	Vùng-vấy.	Vét	Vơ vét, vét bùn lên, con vét (loài sâu bọ)
37^c		Vẹt	Con vẹt (tức con keo).
De	Cây gõ de.	38^c	
Ve	Cái ve, (rót rượu), cái ve, (đồ thợ mộc), ve gái, vuốt-ve, vo-ve, con ve-ve.	Dê	Con dê, trâu dê.
Dê	Dê-dặt, (cách ăn nói cần-thận).	Dề	Dầm dề.
Giê	Giê giữ, không giê đầu...	Giề	Giề miệng ra, giề môi ra.
Vê	Cắm vê, vê lấy nhau, chuyện vê	Về	Đi về, từ rày về sau.
Vé	Bỏ vé.	Vế	Trái vế, (tức cổ vả, vai vế, chia làm hai vế).
Dê	Cây dê.	Vệ	Bình vệ, cơ vệ, phòng vệ, hộ vệ, vệ sinh.
Giẻ	Tắm giẻ rách.	Dề	Khinh dề, dề người.
Vẻ	Vỏ-vẻ, vẻ-vang.	Dễ	Khó dễ, dễ dàng.
Giê	Đất giê xuống (là nín xuống).	Dểch	Dểch chân lên.
Vê	Vẽ-vòi, bày vẽ, tô vẽ.	Vểch	Vểch mặt lên, vểch mày lên.
Gièm	Gièm chê, gièm pha.	Dên	Dên lúa, dên sậy, dên dóc.
Dém	Dặt dèm.	Giền	Cây rau giền.
Vẹm	Cái vẹm (cái vỏ của con vẹm là con loài ốc).	Vện	Con chó vện.
Ven	Ven bờ, von-ven.	Vênh	Vênh vang, vênh vào, vênh mặt lên.
Vèn	Vòn-vèn (cách gần đúng in).	Vénh	Vénh vàng (lời nói không thiết thực).
Vén	Vén quần, vun vén.	Dệnh	Dệnh lên (như là đỡ lên).
Vện	Trợn vện, nguyên vện.	Dệt	Dệt lụa, thêu dệt.
Vên	Vễn vang.	Vết	Dấu vết.
Deo	Deo lại một chút (nhỏ lại).	Vêu	Chêu vêu (cách vờ trợn).
Gieo	Gieo giống xuống đất.	Vều	Vều môi ra, trề vều.
Veo	Trong veo, cheo veo, tiếng kêu veo vóc.	39^c	
Gièo	Lừa gièo.	Di	Man di, di dịch, thiên di, di trú, di dịch, lưỡng di chi tử.
Véo	Chắt véo, điệu hát véo von.	Vi	Chu vi, phạm vi, hành vi (sự làm), vi-hành (đi lên như người thường dân), vi-lệnh, cái vi con cá.
Vẹo	Cong vẹo đi.	Di	(Chị em mẹ), di giượng.
Dẻo	Dẻo dai.	Vi	Vi nề, yêu vi, bởi vi.
Vẻo	Vắt va vẻo, chim chèo vẻo.		
Giếp	Giầy giếp.		

(1) Xem Nam-Phong từ số 180.

Ví	Cái ví (dụng thuốc điếu), ví dụ, ví khiến, ví sánh, chuyện ví.	Diếp	Bữa diếp (trước bữa qua), cây cải diếp.
Vị	Tì vị, thiên vị, ý vị, vô vị, chức vị, vị thứ, vị đồ ăn.	Diệp	(là lá), hoa diệp (hoa và lá), vàng diệp.
Dĩ	Sở dĩ, dĩ tri... (cho đến nỗi), bất đắc dĩ.	Giết	Chém giết.
Vĩ	Cái vĩ (dụng tiền đề đếm).	Viết	Viết chữ.
Vĩ	Hùng vĩ (mạnh mẽ), vĩ-nhân (người giỏi).	Việt	Nam Việt, Pháp-Việt, việt đảng, (nhảy quá bậc), việt khống.
Vía	Hơi vía, bóng vía, hồn vía.	Điều	Tôn điều (dòng dõi), tiêu điều (xènh xang).
Dĩa	Cái đĩa đựng đồ ăn.	Điều	Dập điều, con chim điều, cái điều (của loài chim).
Diệp	Con chim diệp.	Diệu	Thần diệu, xảo diệu.
Việc	Công việc, làm việc	Vịm	Cái vịm (dụng đồ ăn).
Diêm	Bao diêm, diêm-thuế (là thuế muối), vua Diêm-vương.	Vin	Vin vói.
Viêm	Viêm nhiệt (nóng nực), viêm thiên (tiết nóng).	Gìn	Gìn giữ.
Diêm	Bức diêm treo.	Vin	Vin mà trèo lên.
Diễm	Diễm-dạ (nết-na), diễm-lệ (xinh đẹp).	Vịn	Vịn vai.
Diên	Diên-trì, khiên-diên.	Dinh	Dinh lũy, dinh dư, dinh dật.
Viên	Quan viên, điền-viên, đoàn-viên (trộn-ven), viên hoạt (lạnh lợi), một viên đạn, viên cho tròn.	Vinh	Vinh hoa, vinh hiển, vinh hạnh.
Viễn	Đường viên (nơi cài áo).	Vĩnh	Cái vĩnh bề, ngâm vĩnh.
Diện	(là mặt), diện mạo, nhan diện, đối diện, phương diện, diện-tích.	Dĩnh	Dĩnh ngô, thông dĩnh.
Viện	Cung viện, cơ-mật-viện, cứu-viện (cứu vớt), viện-lệ, viện dẫn, viện binh.	Vĩnh	Vĩnh viễn (lâu dài).
Diễn	Diễn thuyết, diễn đàn (đàn diễn thuyết), diễn trường (trường hát bội), diễn nghĩa.	Dít	Dấu vít, tì vít, vắn vít.
Viễn	Huyền viễn, viễn cách, viễn phương.	Vịt	Gà vịt, cái vịt (dụng dầu), cái vịt đựng cá.
Giêng	Tháng giêng.	Điu	Dắt diu, diu dặt.
Diềng	Láng diềng.	Do	Căn do, tự do, do dự (cách không quyết đoán), cái do đơm chim.
Giếng	Cái giếng để uống nước.	40°	
Viếng	Thăm viếng.	Gio	Gio ra phía ngoài, gio miệng ra, gio vô gio ra, mun gio (mun tro).
		Vo	Vo tròn lại, vo ve.
		Dò	Dò xét, dò la, dò thám.
		Giò	Cái giò gà.
		Vò	Cái vò (dụng rượu), con vò vò, xoi vò, vày vò.

Dó	Cây dó (làm ra giấy), giấy dó.	Vòn	Vòn-vèn (ý nói gần đủ).
Gió	Mưa gió.	Vọn	Dọn díp.
Vó	Vó ngựa (là chân con ngựa), khăn vó.	Dong	Dong túng, dong thứ (tức dung tha).
Vọ	Con chim vọ, con vọ vọ (loài có vỏ ở dưới nước).	Giông	Bộ chân giông, (đặt dưới ghế ngựa).
Giỏ	Cái giỏ (để đựng đồ như lá giầu).	Vong	Vong ân, vong gia, vong-linh, vong-hồn.
Vỏ	Cái vỏ ngoài, lột vỏ.	Vòng	Dòng họ, dòng dõi, đạo dòng, dòng nước chảy.
Vỗ	Văn võ, võ-vàng, một mình vò vổ.	Giông	Giông-giã (cách dự-định trong ý).
Doãn	Du doãn (bằng lòng), bình doãn (công bình), lệnh doãn (quan huyện).	Vòng	Vòng tròn, vòng quanh, vòng đeo cổ, lộn vòng.
Doanh	Kinh doanh (tức là kinh dinh), doanh nghiệp (làm ăn).	Giống	Đôi giống (để gánh nước), giống phương hướng.
Gióc	Gióc tóc lại, gióc miệng lên mà nói.	Vóng	Cao vong vóng.
Vóc	Mình vóc, vóc giạc, gấm vóc, veo vóc.	Giọng	Giọng nói, giọng hát.
Dọc	Phía dọc, dọc ngang.	Dống	Tráng đống (mạnh bạo), vổ đống.
Vọc	Vọc vạch, vọc tay vào (hồng ngâm cho chuột vọc).	Giống	Lống giống (dáng người cao).
Doi	Doi đất, cồn doi.	Vống	Trông vong vống, vống cần câu nước chảy vống ra.
Voi	Con voi.	Vống	Vống lỏng.
Vói	Vin vói.	Dọp	Dọp dẹp (phía trong không chắc).
Giọi	Soi giọi, ánh sáng giọi ra.	Vót	Chót vót, ngón tay vót, vót sợi mây.
Vọi	Trông chông vọi vọi.	41°	
Đôi	Dòng-dối, theo dõi, đi dõi theo sau.	Vô	Vô ra, vô ích, vô-ý, vô-vị, vô-lẽ, hư-vô.
Giỏi	Học giỏi.	Giờ	Sóng giờ lên.
Dòm	Dòm ngó, dòm dõi.	Vồ	Vồ trán, cái dùi vỗ.
Vòm	Cái vòm (như cái chòi).	Vổ	Người roi, voi vỗ.
Vòm	Cong vom vom.	Giờ	Giờ ky, ống giờ, giờ nước miếng.
Gion	Tiếng cười gion.	Vỗ	Vỗ vai, vỗ tay, vỗ về (yên ủi.)
Von	Móng tay von, cao chon von, von ven, giọng hát véo von.	Đôi	Đôi ra một đoạn, đôi dai.
Giòn	Giòn-giã (cách ăn nói lanh bặt), giòn bở (hay gãy).	Vôi	Cái tường vôi.

Dồi	Dồi lên dồi xuống (theo ngọn sóng), dồi dào.	Giời	Giời đất, mặt giời.
Giồi	Cái giồi lợn.	Vời	Giữa vời (giữa biển), chỉ vua vời.
Dối	Dối trá, nói dối.	Giới	Khi-giới, giới-hạn (tức giải hạn), thế-giới, nam-giới, nữ-giới, học giới, nông-giới, chánh-giới, giới-thiệu (là đem chuyện người này tỏ với người kia), sáng giáp-giới.
Giội	Sóng giội lên.	Với	Với nhau, chới với (cách lội nước gần chết đuối).
Vội	Vội vàng, vội quà, cây lá vội.	Giỡm	Nói giỡm (nói phỉnh lừa cho người ta được mừng).
Giời	Cây giời.	Giỡn	Chơi giỡn, giỡn khốt.
Dồn	Dồn lên (ở phía trên).	Vớt	Cứu vớt.
Vốn	Vốn liếng, vốn lời, vốn là...	Vợt	Cái vợt (để bắt cá).
Dông	Dông dài, dông tố.	43^c	
Vông	Đi vòng (đi dài), cây vòng.	Du	Du dãng, du di, du lịch, du ngoạn, du-dương (đem sự tốt người khác mà nói khắp nơi).
Vồng	Vồng khoai, đắp từng vồng.	Vu	Nói vu, vu vạ, phao vu, vu oan, vu vơ.
Giống	Nòi giống, giống nhau, giống như...	Dù	Cái dù (tức cái ô), dù mà...
Dộng	Dộng vào cho nhiều.	Vù	Vù tai, vù vù (cách gió thổi).
Dốt	Dốt nát, ngu dốt.	Vú	Hai cái vú của đàn bà, người vú (cho con trẻ bú).
Dột	Dại dột, nhà bị dột.	Dụ	Dụ-chỉ, chỉ-dụ, hòa-dụ, ví dụ như...
42^c		Vụ	Thời-vụ (việc đời), nghĩa-vụ (việc phải), cái vụ (đồ trẻ chơi), một năm hai vụ.
Dơ	Dơ tay lên, dơ hẳn.	Dũ	Dũ dũ (thưa thãi).
Vơ	Vu vơ, vơ quào, vơ quét, vơ vét, vơ vẩn.	Vũ	Vân-vũ (mây mưa), ca vũ (hát múa), vũ-trụ (là bờ cõi), miếu vũ, vũ đài, vũ trụng hoang viên (múa gậy vườn hoang).
Giờ	Giờ khắc, bây giờ, bấy giờ (như nói hồi đó).	Dua	A dua.
Vờ	Cắm vờ (ở giữa sông hay giữa đồng), vù vờ.	Vua	Ông vua (Hoàng-đế).
Vớ	Vớ quàng, tay vớ nhằm, cái vớ (là cái tất).	Giũa	Cái dao giũa (của thợ cưa), cạo giũa.
Vợ	Vợ chồng.	Vũa	Vũa cặm.
Dở	Dở nhà dây, dở sách ra.		
Giở	Văn-chương giở lăm, con người ương giở.		
Vở	Sách vở, vở tan, vở việc ra.		
Dợc	Dợc nắp lên (như là lọc nhà lên).		
Dơi	Con dơi dơi.		
Voi	Đầy voi, chơi voi.		
Dời	Dời đi (chỗ khác) dời chân, dời rộng.		

Dục	Dục-nguyên (lòng muốn), nhân-dục, dâm-dục, giáo-dục, đức dục, tri-dục, thể-dục.	Dự	Dự tiệc, can-dự, không dự chi đến.
Giục	Xui giục, giục-giã.	Dữ	Hung-dữ, độc-dữ, dữ-tợn, làm chi dữ quá.
Dui	Gió đã dui, dui lòng (không hăng-hái nữa).	Dưa	Quả dưa.
Vui	Vui mừng, vui buồn.	Dừa	Quả dừa, cái sọ dừa.
Dùi	Năng dùi.	Vừa	Vừa đủ, vừa đúng, vừa khi.
Vùi	Vùi đất lại, vùi vạp.	Dựa	Dựa kê, nương dựa.
Dụi	Dụi lên (là lời lên chỗ cao).	Vựa	Vựa tan, cái thúng vựa.
Vun	Vun vén, vun xới, đầy vun.	Giữa	Chính giữa, khúc giữa.
Vùn	Vùn trồng.	Vực	Bệnh vực, cái vực sâu.
Vụn	Đồ nát thành vụn.	Dược	Dược - phẩm (dồ làm thuốc), đông-dược (nhảy-nhót), bông thược-dược.
Dung	Dung-túng, thung-dung, dung-quân (vua hèn), dung-nhân (người tầm thường).	Vược	Con cá vược.
Vung	Vung-văng, vung té ra, cái vung (dây nôi).	Dưới	Trên dưới
Dùng	Dùng người làm việc, dùng-dăng (không quyết).	Vươn	Vươn mình (cho dài ra), vươn vai.
Vùng	Chạy vùng đây, một vùng cây cỏ.	Vườn	Vườn ruộng, vườn mình (cho cao lên).
Dúng	Dúng-dăng (không quyết).	Vượn	Con vượn (như con khỉ).
Dụng	(là dùng), Dụng-nhân, dụng-mưu, dụng-tâm, dụng-lực.	Dương	Khi âm khi dương, thái-dương (mặt trời), dương-lich, biểu-dương (khen ngợi chuyện người nào tốt), hiền dương (làm cho rạng danh cha mẹ).
Vũng	Một vũng nước, vũng-về, ăn làm vũng.	Vương	Đế-vương, văn-vương, vương-mang.
Duỗi	Duỗi chân ra (cho thẳng).	Dường	Dường ruộng, đường nào? đường như...
Duộm	Thợ duộm, duộm áo.	Giường	Cái giường nằm.
Vuông	Vuông tròn.	Vương	Sợi chỉ vương.
Duồng	Đi duồng theo.	Giương	Ông giương (tức ông trương) cô giương.
Duy	Duy-trì, duy-tân, chỉ duy...	Vượng	Thịnh-vượng.
Dụ	Dụ-nặc (dạ với từ).	Dưỡng	(là nuôi), Dưỡng-khi, (khi nuôi người), dưỡng-dục.
Duyên	Duyên phận, duyên nợ, duyên-cổ, tình-duyên, nhân-duyên.	Vượt	Vượt qua, băng vời vượt bề.
Duyệt	Lịch-duyet, duyệt-phục, kiểm-duyet, duyệt-giã.		
44^c			
Dư	Dư-tinh, dư-luận, dư thừa, dư-dật, dư-hạ (buổi thông-thả).		

TIẾNG SAI XỨ HUẾ (VỀ TIẾNG VÔ-ÂM)

V.— Gi. Nh.

45°		Nhai	Nhai xương, sinh-nhai (làm ăn), nói lai-nhai, nhân dục vô nhai.
Gia	Gia thêm, gia giám, gia quyển, gia-nghiêm (cha tôi), gia-từ (mẹ tôi), gia-huynh (anh tôi), gia-trưởng.	Giái	Khuyên giải (tức khuyên giải), huấn giải (tức huấn-giới).
Nha	Nha-bài (bài ngà), nha xỉ (răng và nanh), trảo-nha (nanh vút), nha-môn.	Nhái	Ếch nhái, nhái giọng nói.
Già	Già cả, già-giậu, già non.	Giãi	Phơi giãi, giãi nắng, giãi dầu.
Nhà	Nhà cửa.	Giải	Treo giải, giải-nguyên, giải-ngạch, phân giải, giải-quyết, giải thoát, giải phiền.
Giá	Danh-giá, phẩm-giá, giá-trị, giá sắc, giá-thú, giá-họa (xô tai họa dở cho người khác), cái giá (gác đồ), giá phỏng mà...	Giam	Cầm giam, giam cầm.
Nhà	Nhai nhà, bá-nhà, anh ôi! tôi đi nhà!	Nham	Cái nham (là một vị đồ ăn lấy da trâu da bò làm ra), nham hiềm.
Giạ	Chiếc giạ.	Nhâm	Làm nhâm, nói nhâm miệng.
Giả	Giả-dối, giả-trá, giả-mạo, giả gạo, độc-giả, tác-giả, duyệt giả.	Giám	Giám định, quốc tử giám, giám sinh.
Nhả	Nhả ra khỏi miệng.	Nhám	(là không tron), Con cá nhám.
Giã	Giã ơn, giã-giã, giã độc ra, giã cho lạt bột di.	Giảm	Giảm bớt, giảm phần.
Nhã	Trang nhã, tao-nhã, nho-nhã, phong-nhã.	Nhảm	Ăn nói nhiều chuyện quá nhảm, lắm nhảm.
Giác	Cảm-giác, tri-giác, giác-quan (cái phần việc tri-giác trong thân-thể), bát-giác, đồng bạc giác, giác-khẩu.	Gian	Gian tế, gian tham, gian dâm, thời gian (cuộc gian-nan trong đời), khoảng buổi gian-nan, gian-truân.
Nhác	Nhác nhớn, nhắc làm việc, nhớn-nhác.	Nhan	Nhan sắc, nhan diện, hồng nhan, nhiều nhan-nhân.
Giạc	Vóc giạc, giạc chừng, giạc hai ra.	Giàn	Cái giàn hoa, giàn bầu, giàn bí.
Nhạc	Âm-nhạc, ca-nhạc, sơn-nhạc (núi non), nhạc-phụ.	Nhàn	Yên nhàn, nhàn hạ, phòng nhàn (ngăn ngựa), bức thư nhàn.
Giai	Giai-nhân (người đàn bà tốt), giai-tế (rể tốt), giai-ngẫu (đôi lứa tốt), giai-tác (bài văn hay).	Gián	Gián cách, gián đoạn, can gián.
		Nhạ	Chim nhạ, đưa thư nhạ.
		Giản	Giản-dị, giản-tiện, giản-ước, đơn giản, lưu giản (để bài thư lại khi ra đi).
		Nhản	Cẩn nhản (cách lời mặt gian dối ra), nhiều nhan-nhản.

Nhãn	(là con mắt) Nhãn-lực, nhãn-quang, nhãn-giới, cái nhãn-kính.	Nhạo	Nhạo cợt, nhạo báng, cười nhạo, nhộn-nhạo.
Giang	Giang sơn, giang hà, giang giải (đóng gông mà giải), giang năng, một cây giang.	Giảo	Gian-giảo, giảo - trá, giảo-tử (chết thối cổ).
Nhang	Nhang khói (tức là hương khói), nhang đăng (tức hương-đăng, nghĩa là làng mạc).	Nhảo	Cơm cháo nhảo-nhoét.
Giàng	Cái giàng (để mà bán).	Giáp	Giáp-giới, giáp-công (hai bên đánh lại), giáp mặt, năm giáp-tí, giáp-ất, giáp-lich.
Nhàng	Nhộn hàng	Nháp	Bản nháp (tức là bản thảo).
Giáng	Cách giáng, giáng-hạ, giáng-trần (xuống trần-thế), cây hương-giáng.	Nhập	Lạp-nhập (không được tinh-tường).
Nháng	Chớp nháng, nháng sáng ra.	Nhát	Nhát gan, nhút-nhát, nhát cho người ta sợ.
Nhạng	Bạng nhạng (là thứ văng mỏng bọc ngoài thịt).	Nhau	Nhau lại (không được thẳng), bau-nhau, thương nhau, cùng nhau, cái nhau (khi đàn bà để thì có nó ra).
Giảng	Giảng giải, giảng thuyết, giảng nghĩa.	Giàu	Giàu sang.
Nhãng	Nhãng công việc, nhãng ra một lúc.	Nhàu	Nhàu-nhò (không được thẳng), bầu nhàu.
Gianh	Con sông Gianh.	Giậu	Cái giậu hoa.
Nhanh	(tức là lạnh) chày nhanh.	Nhay	Nhay vào miệng, đâm nhay vào.
Giành	Tranh giành, cây giành (cây sử-quân-tử).	Giày	Giày giép, giày bừa, giày đập.
Nhánh	Nhánh cây (tức cành cây).	Nháy	Nhấp-nháy, nháy mắt, bấm nháy.
Giảnh	Giống-giảnh (là cách làm bộ).	Nhạy	Nhạy-nhàng, lanh nhạy.
Nhảnh	Nhông nhảnh (cách làm bộ cho ra xinh tốt).	Nhảy	Nhảy nhót.
Giao	Giao-ước, giao-ngôn, giao-kết, giao-thông, giao-thiếp, giao-hòa, giao-chiến, giao dã (ngoài nội), xứ Giao-chỉ, đất Giao-châu, con giao-long (loài rồng).	46°	
Nhao	Lao-nhao, nhao-nhác.	Nhắc	Đi nhắc (bởi chân què), nhúc-nhắc, nhắc lên (cho cao), nhắc chuyện xưa lại.
Giào	Cao lớn giòn giào.	Giặc	Giặc nguy, giặc-giã.
Nhào	Té nhào, chúc nhào, xô nhào đi, kiện nhào đi.	Giảm	Cái giảm giảm (là một cái mụn tre hay gỗ rất nhỏ).
Giáo	Giáo-dục, giáo mác, giáo lá (cách sửa-soạn trước).	Nhằm	Đá mọc nhăm-nhăm, bị dẫu nhăm-nhăm, lăm-nhăm.
Nháo	Nhếu nháo (cách không được bền chặt).	Nhằm	Nhằm nghĩa-lý, nhằm lễ, bắn trúng nhằm.
		Giảm	Giảm lại (cho khỏi hở ra), cây giảm.

Nhắm	Nhắm mắt, nhắm nhía, nhắm cho trúng.	Nhằm	(cũng là lằm) nhằm lỗi, sai nhằm.
Giặm	Nói giặm vào, xen giặm, giặm pha.	Giấm	Giấm thanh, chanh giấm.
Nhặm	Nhặm mắt, (vi đau), nhặm nhọt.	Nhấm	Nhấm đồ ăn, nhấm rượu.
Nhấn	Nhấn da (không thủng), nhấn nanh ra, nhấn mặt lại, nhấn-nhó không tươi.	Nhậm	(tức là chữ nhiệm), trách-nhậm, đảm-nhậm, trọng-nhậm, đáo-nhậm.
Giần	Giần xuống đất, giần vật, đánh giần.	Giẫm	Giẫm chân, giẫm đạp, giẫm xuống đất.
Nhấn	Cẩn-nhấn (cách la mắng luôn miệng).	Nhân	Nhân-dân, nhân-đức, nhân-tử, nhân-quả, nhân-duyên, tạo-nhân, nhân-nghị (nghĩa thông-gia).
Nhấn	Nhấn-nhe, nhấn với bạn.	Giần	Giần cho nhục xương đi, cái giần (để giần gạo).
Giăng	Giăng tay ra, mặt giăng (tức mặt trắng).	Nhần	Cần-nhần (cách cười không hợp lễ).
Nhăng	Nhăng-nhiu, nhăng dây ra, bắt nhăng ra (cho thủng), nhăng-nhăng (cách người cao và nhỏ).	Nhấn	Tay nhấn dây đàn.
Giăng	Giăng buộc, giăng nhau	Giận	Giận hờn.
Nhăng	Nhùng-nhăng, bắt nhăng ra (cho dài).	Nhận	Công-nhận, nhận lời, nhận thư, nhận đồ gửi tới, nhận vào trong lỗ, nhận xuống nước.
Nhặng	Lặng-nặng, căng nặng (cách nói dài), công việc nặng.	Nhẫn	Nhẫn-tâm (nợ lòng), bất-nhẫn, cái nhẫn (đeo tay).
Nhặng	Nặng nhieu, (cách ốm yếu).	Giấp	Sáng giấp-giời.
Nhấp	Lưỡi câu nhấp trên mặt nước.	Nhấp	Nhấp mắt lại, nhấp nhá (cách ăn uống luôn miệng).
Giắt	Giắt vào (trong kẹt), giắt vào lưng.	Giập	Đập giập ra (cho nhỏ cho mỏng).
Nhắt	Lắt-nhắt (cách làm mỗi khi một chút, không liên-tiếp nhau).	Nhập	(là vào) nhập hội, nhập giáo, nhập chung vào, xuất-nhập, nhập-cảng.
Giặt	Giặt áo, tắm giặt.	Nhất	(là một), Nhất-định, nhất-thiết.
Nhặt	Nghiêm-nhặt, nhạt thừa, nhạt nhọng.	Nhật	(là ngày), bất-nhật (chưa biết ngày nào), nhật-trình.
47°		Giâu	Cây giâu (cho tắm ăn), cuộc bề giâu.
Giấc	Giấc mộng, giấc hoàng-lương (cũng là giấc mộng), giấc tỉnh, giấc say, đương giấc ngủ.	Nhâu	Bầu-nhâu (không được thủng), nhâu mặt lại.
Giâm	Cái xương giâm.	Giàu	Bà giàu (người làm mai, mụ trùm dĩ), giàu cau.
Nhâm	Bóng nhâm, âm-nhâm, phép nhâm độn.		

Nhầu	Con chó cắn nhau người nào.	49°	
Nhậu	(Tiếng một đôi xứ về tỉnh Bình-thuận, Khánh-hòa gọi như là ă).	Nhế	Khóc bẽ nhế miệng.
Nhây	Bây-nhây, lầy-nhây, cù-nhây.	Giề	Giề miệng ra, giề môi ra.
Giấy	Tờ giấy.	Nhếch	Nhếch miệng lên.
Nhầy	Đầy nhầy.	Giền	Cây rau giền.
48°		Nhện	Con nhện (hay vắng tơ).
Nhe	Lúa nhe, nắn nhe.	Nhếp	Bếp-nhếp (cách vật gì trít dính với nhau).
Giề	Giề giữ không giề đầu...	Nhều	Nhều cột, nhều nước miếng ra.
Nhè	Khóc bè-nhè.	50°	
Nhé	(Tiếng dặn), anh đem cho tôi nhé !	Nhi	Nam - nhi, (con trai), nữ-nhi, (con gái), gia-nhi (con trai tôi).
Nhẹ	Nặng-nhẹ, nhẹ-nhàng.	Gi	Làm gì vậy ?
Giẻ	Tắm giẻ rách.	Nhi	Hạng nhi, thứ nhi, nhất nhi.
Giề	Đất giề xuống, (là nin xuống)	Nhí	Cái nhí, (một đầu cây nhiều).
Nhẽ	(Cũng là lễ), nhẽ thường, không có nhẽ.	Nhị	Nhất nhị.
Gièm	Gièm ché, gièm pha.	Nhĩ	Làm chi thế nhĩ...
Nhem	Lem-nhem, (không được rõ-ràng) nhem nhuộm.	Nhĩ	Nhĩ mục (tai mắt).
Nhèm	Lèm-nhèm, (chưa được tinh-thông).	Nhĩa	Nhắm nhĩa.
Nhệm	Thu giấu không nhệm.	Nhích	Nhúc-nhích.
Nhen	Nhỏ-nhen, nhen lửa cho đỏ.	Nhiễm	Nhiễm bệnh, cảm-nhiễm, tập-nhiễm.
Nhễn	Ken-nhễn, (cách lời mặt gian-dối), ben nhễn.	Nhiệm	Trách-nhiệm, đảm-nhiệm, chủ-nhiệm, trọng-nhiệm.
Gieo	Gieo giống xuống đất, gieo lại (là trun nhỏ lại).	Nhiếp	Quyền nhiếp, nhiếp vị, (lên ngôi tạm).
Nheo	Nheo lại một con mắt.	Giếng	Tháng giếng.
Gièo	Lừa gièo.	Giếng	Cái giếng uống nước.
Nhéo	Cắn nhéo (cách kiến cắn).	Giết	Chém giết.
Nhẹo	Chọc nhẹo.	Nhiết	Nhiết nắng.
Giép	Giày giép.	Nhiệt	(Là nóng), hàn-nhiệt, nào-nhiệt, ohiệt thiên, (tiết nóng), nhiệt-đới, nhiệt-thành, (lòng thành sốt-sắng).
Nhép	Lép-nhép, (cách miệng nhai hay miệng nói), miệng nói nhóp-nhép.	Nhiều	(Là béo), phì nhiều, nhiều thân, nhiều ăm, bao nhiêu, bấy nhiêu.
Nhét	Nhét lỗ lại cho kín, con cá nhét.	Nhiều	Nhiều ft.
		Nhiều	Phiền nhiều, sách nhiều, hà nhiều, vóc nhiều.

- 51°**
- Gio** Gio ra phía ngoài, gio miệng ra, gio vô gio ra, mun gio, (mun tro).
- Nho** Đạo-nho, chữ nho, nhà nho, nho nhã, rượu nho.
- Giò** Cái giò gà, giò lỗ miệng ra.
- Gió** Mưa gió.
- Nhọ** Mặt nhỏ (mặt lộ).
- Giỏ** Cái giỏ (đựng đồ như lá giầu v. v.)
- Nhỏ** Lớn nhỏ, nhỏ nhen.
- Nhóa** Nhóa nhem (cách không minh-bạch).
- Nhọa** Hãm nhọa, nhọa nạt.
- Nhoàm** Râu bám nhoàm.
- Nhoáng** Nhoáng qua một chút, loáng-nhoáng (không được rõ).
- Gióc** Gióc tóc lại, gióc lòng ăn học, gióc miệng lên mà nói.
- Nhóc** Nhóc đầu lên, nhóc đờm lên, nhóc-nhách miệng.
- Nhọc** Mệt-nhọc.
- Nhòe** Bè-nhòe (cách vầy vá không được gọn gàng).
- Nhòem** Bèm nhòem (không được sạch sẽ).
- Nhoét** Lỗ miệng hét nhoét.
- Nhoi** Nhoi cổ lên.
- Giọi** Soi giọi, ánh sáng giọi vào.
- Giỏi** Học giỏi.
- Nhom** Ốm nom.
- Nhóm** Nhóm họp, nhóm hội.
- Nhóm** Nhóm dây, lóm nhóm.
- Giòn** Giòn giã (cách ăn nói lanh bặt), giòn bở (hay gãy).
- Nhòn** Công việc đã nhòn (là đã gần hết).
- Nhón** Đùng nhón dây, nhón nhen.
- Nhọn** Mũi dao nhọn.
- Giông** Bộ chân giông (đặt dưới ghế ngựa).
- Nhong** Cao nhong-nhông. Nhạc ngựa kêu nhong nhong.
- Giồng** Giồng giả (cách dự-định trong ý).
- Giống** Đồi giống (để gánh nước), giống phương-hương.
- Nhóng** Lóng nhóng (cách trông đợi).
- Giọng** Giọng nói, giọng hát.
- Giống** Lông-giống (dáng người cao).
- Nhông** Nhông-nhánh (cách làm bộ).
- Nhóp** Miệng nhóp-nhép (hay nói)
- Nhót** Nhót lại (là thu nhỏ lại).
- 52°**
- Nhò** Sóng nhỏ, nhỏ lên, nhấp-nhò
- Nhờ** Con chó sữa nhờ ra.
- Giở** Kỵ giở, ống giở, giở nước miếng.
- Nhở** Nhở lên (cho khỏi đất).
- Giốc** Mái nhà giốc.
- Giời** Cái giời lộn.
- Nhời** Nhời lại (cho mịn-màng), nhời nhả.
- Nhời** Đau nhức-nhời.
- Giọi** Sóng giọi lên.
- Giời** Cây giời.
- Nhóm** Ngồi nhóm dây, lóm nhóm (cách ngồi nằm không yên).
- Nhòn** Cao nhòn.
- Nhộn** Nhộn nhạo, nhộn nhàng.
- Nhông** (Tiếng tục gọi chông bằng nhông).
- Giống** Nòi giống, giống nhau, giống như...
- Nhộng** Con nhộng (con tằm hóa ra).
- Nhớp** Lớp nhớp (cách sâu bò), nhớp nhớp.

Nhốt	Nhốt lại (vào trong buồng).	Nhù	Lù nhù, (cách non yếu như đàn bà).
Nbột	Ngừa nhột trong mình.	Nhủ	Nhủ bảo.
53°		Nhũ	Nhũ-phụ (mụ vú).
Nhơ	Nhờn nhơ.	Nhúa	Nhờp nhúa.
Giờ	Giờ khắc, bảy giờ, bảy giờ, (hồi đó).	Giũa	Cái dao giũa (của thợ cưa), cạo giũa.
Nhờ	Nhờ cây, nướng nhờ.	Nhuần	Thống nhuần, nhuần nhã.
Nhớ	Nhớ thương.	Nhuận	Tháng nhuận, nhuận sức, (là trau dồi lại).
Giờ	Vấn chương giờ ảm, con người ương giờ.	Nhúc	Nhúc động, nhúc nhắc, nhúc nhích, con sấu bỏ lúc-nhúc.
Nhở	Nhở việc ra (tức là lỡ việc ra).	Giục	Xúc giục, hối giục, giục giã.
Nhơi	Con bò nhơi cỏ.	Nhục	Cốt nhục, (xương với thịt), sỉ nhục, (thẹn hổ), nhẫn nhục.
Giời	Giời đất, mặt giời.	Nhuệ	Tình nhuệ (sắc xảo).
Nhời	Con nhời (có ánh sáng).	Giui	Cái giui nhọn, (để đóng sách vở).
Giới	Giới hạn (tức giải hạn), thế giới, nam-giới, nữ giới, học giới, chánh-giới, nông giới, giới-thiệu (là đem chuyện lạ người này tỏ với người kia), sáng giáp giới.	Nhui	Nhui vào (cho sâu).
Nhỡ	Chơi nhỡ.	Nhùi	Bỏ nhùi xuống.
Nhờm	Lỗ miệng muốn nhờm, (là muốn ầu ra)	Nhủi	Đâm nhủi vào, cái nhủi, (dùng bắt cá).
Nhóm	Ngồi nhóm đây.	Nhúm	Nhúm lửa, (cho khỏi tắt), một nhúm lúa.
Giồm	Nói giồm (nói phỉnh lừa cho người ta được mừng).	Giun	Con giun, (loài trùng ở dưới đất).
Nhởm	Nói nhởm, (để nói nhạo người ta).	Nhun	Nhun mình, nói nhun, (là nói khiêm).
Nhớn	Nhớn-nhác, to nhớn, (tiếng Bắc-kỳ gọi nhớn cũng như lớn).	Nhún	Nhún nhẩy.
Nhợn	Đầy nhợn lên.	Nhung	Lộc-nhung, áo nhung, nhung nhăng.
Giỡn	Chơi giỡn, giỡn khợt	Nhúng	Nhúng tay vào nước.
Nhớn	Nhớn nhơ, quả long nhớn.	Những	Những lại, (ông quan tham lam), những lại, (không được thẳng), phiền những, công những, việc quan nhiều, tham những, những tẻ.
Nhớp	Dơ nhớp, nhớp-nhua.	Nhuốc	Xấu nhuộm, dơ nhuộm.
Nhớt	Nước nhớt, đổ nhớt ra.	Nhút	Nhút nhát.
54°		Nhụt	Nhụt chi, (không phấn chấn lên được).
Nhu	(Là mềm), nhu-nhuộc, nhu nhuyễn, nhu ác, (độc ác ngầm-ngầm).		

Nhụy	Cái nhụy hoa.	Nhung	Nhung từ, nhân nhưng, thế nhưng mà.
Nhuỷn	Nhu nhuyển (mềm mại), đồ tế nhuyển.	Những	Chỉ những, những vật gì đó.
Nhuyễn	Nhồi bột cho nhuyễn.	Nhuộc	Nhu nhuộm, liệt nhuộm, nhuộm bằng ..
55^e		Nhương	Nhương trừ, nhường tai.
Như	Hình như, giống như... như thế, như vậy.	Giường	Cái giường nằm.
Nhừ	Đau như, nấu cho như.	Nhường	Kính nhường.
Nhử	Nhử cho con trùng ra.	Giượng	Ông giượng. (tức ông trọng), cô giượng.
Nhựa	Nhựa cây, nhựa thông, dây nhựa.	Nhượng	Khiêm nhượng, lễ nhượng.
Giữa	Chính giữa, phía giữa.	Nhứt	(Tiếng Trung-kỳ gọi chữ nhất « là một » bằng chữ « nhứt »).
Nhức	Nhức đầu, nhức nhối.		

TIẾNG SAI XỨ NAM-KỶ VÀ PHÍA NAM XỨ TRUNG-KỶ (VỀ TIẾNG VÔ-ÂM VÀ PHÁT-ÂM)

VI. — Ha. A.

56^e		Ách	Tai ách, ách vận, cái ách (deo cổ bò).
Ha	Ha ha (tiếng trẻ con khóc).	Hạch	Thi hạch, khảo hạch, hạch truật, hạch-sách, mụn hạch, bệnh dịch hạch.
A	A-dua, a-nịnh, châu A-phi-ly-gia.	Ạch	Thở ành ạch.
Hà	Giang-hà (sông và rào), hà-hải, hăng-hà sa-sổ.	Hai	Hai ba.
Há	Há phải, há có lẽ.	Ai	Ai căng (thương xót), ai bi (là thảm thương), con ai đó? ai tử (con mồ côi mẹ).
Á	Á khanh, (chức quan khanh thứ hai), á-nguyên (cử-nhân thứ hai), châu Á-tế-á.	Hài	Hài cốt, hài đồng (là thơ trẻ), hài hòa (là hòa-thuận).
Hả	Hả miệng, hả hơi, cười ha-hả.	Hái	Gặt hái, hái bông.
Ả	(Nhà quê gọi như tiếng chi).	Ái	Ái-tình, nhân ái, tình ái, luyện ái, lệnh-ái (gọi con gái người ta).
Hác	Câu hác (ngồi rãnh), hếch hác (cách lác lác).	Hải	Hà hải.
Ác	Thiện ác, tội ác, ốc ác, ác nghiệt, con chim ác.	Ái	Ái quan, quan ái, ái tử (chết thất cổ), ái hiệp (chặt hẹp), đeo ái, đồn ái.
Hạc	Khó hạc, con chim hạc.	Hãi	Hãi còn, hãi còn bé.
Hách	Húng hách (hăm nhọ) hiền-hách, hách dịch (oai thế rực rỡ).		

(Còn nữa)